

MEGABOOK



30 ĐỀ ÔN LUYỆN

THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

môn

NGỮ VĂN

ĐỀ SỐ 01

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản:

RỘNG LÒNG

Ngày còn bé, tôi và cậu bạn thân hay chơi trò thổi nước. Nhỏ một giọt nước lên bậu cửa sổ, rồi nhỏ một giọt nữa cách xa giọt nước kia một xú, và hai đứa chúm môi ra sức thổi hai giọt nước về phía nhau, thật hoan hỉ làm sao cái cảm giác được nhìn thấy hai giọt nước nhập vào làm một. Tôi đã nghĩ nếu chúng tôi cứ chăm chỉ chơi thổi nước, để hàng ngàn hàng vạn giọt nước đón nhận nhau, thì rồi sẽ có cả một cái biển lớn.

Ông tôi sống trong một làng ngoại thành chưa có đèn đường. Đêm đêm, lũ trẻ bán bánh mỳ, khoai nướng ở làng khác đến, phóng xe bon bon theo những ngõ xóm hiu hắt ánh đèn. Khi người ta tới, đào đường để đặt hệ thống thoát nước, ông nội tôi mỗi đêm lại hì hụi nối điện nhà, thấp lên trong ngõ một ngọn đèn, để lũ trẻ làng bên nhìn thấy những chỗ đường mới đào mà tránh. Ông tôi yêu tôi, yêu cả những đứa trẻ xa lạ ấy mà rộng lòng bao bọc!

Một người cha dẫn cô con gái nhỏ đi mua giày, và cô bé trở về nhà với đôi chân tung tăng trong một đôi giày mỗi chiếc một màu, với em, những chiếc giày trong một đôi giày cùng có “quyền được khác nhau”. Người cha ấy tùm tùm cười, rộng lòng đón nhận những suy nghĩ khác thường của con trẻ.

(*Rộng lòng*, Ngô Thị Phú Bình, dẫn theo <https://homnayvangaymai.wordpress.com>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

Câu 2. Anh/ Chị hiểu thế nào về khái niệm “rộng lòng” được tác giả dùng trong văn bản?

I. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Viết đoạn văn 200 chữ bàn luận về lòng vị tha.

Câu 2. (5 điểm)

Bàn về kết cấu truyện, tác phẩm *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao và tác phẩm *Rừng xà nu* của nhà văn Nguyễn Trung Thành đều xây dựng kiểu kết cấu vòng tròn: Hình ảnh mở đầu cũng là hình ảnh kết thúc tác phẩm. Tuy nhiên, với *Rừng xà nu* đó là kết cấu mở, còn *Chí Phèo* là kết cấu đóng. Qua việc phân tích cách mở đầu và kết thúc hai tác phẩm, hãy bình luận về ý nghĩa của hai kết cấu truyện này.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2. “Rộng lòng” được hiểu là tấm lòng rộng lượng, vị tha, biết đặt hoàn cảnh, tâm trạng, tình cảm của người khác vào mình.

Câu 3.

Phẩm chất của người ông: nhân hậu, vị tha

Phẩm chất của người cha: tôn trọng, yêu thương

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.
- Về nội dung: bàn luận về điều mình tâm đắc qua câu chuyện: lòng nhân hậu, sự bao dung, vị tha, tấm lòng yêu thương trân trọng sở thích suy nghĩ cá nhân,...

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Lòng vị tha + Vị tha nghĩa là vì người khác,
		suy rộng ra đó là tấm lòng bao dung, độ lượng, không suy xét lỗi lầm của người khác.
Luận bàn	+ Nguồn gốc của lòng vị tha cho sai lầm? + Biểu hiện lòng vị tha + Ý nghĩa	+ Nguồn gốc: lòng vị tha xuất phát từ tấm lòng nhân hậu, luôn cho người khác cơ hội để làm điều đúng đắn, thiện lương. + Biểu hiện của lòng vị tha cũng rất đa dạng: • Nhường nhịn người yếu hơn mình • Giúp đỡ những người khó khăn • Tha thứ cho những lỗi lầm =>Lòng vị tha là một phẩm chất đáng quý, giúp con người nâng cao giá trị bản thân, cuộc sống dịu dàng, xã hội tốt đẹp hơn.
Phản biện	Có phải lúc nào cũng vị tha cho sai lầm?	Có những lỗi lầm không thể tha thứ, không thể chuộc lại được.
Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Biết nghĩ và làm cho người khác, tập đứng ở hoàn cảnh của người khác, đó chính là vị tha. + Vị tha cho người ta sức mạnh. Đó không chỉ là cho người khác cơ hội, mà là cho chính mình cơ hội được nhẹ lòng, để không còn phải so đo với những thiệt tha hơn.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Nhường nhịn, yêu thương tha thứ cho chính những người thân quanh mình. Đó là bài học đầu tiên về lòng vị tha.

Câu 2. (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: Rừng xà nu, Chí Phèo
- Dạng bài: Phân tích, so sánh
- Yêu cầu: *Làm rõ ý nghĩa cách xây dựng kết cấu truyện cũng như chỉ ra được điểm khác biệt thể hiện trong ý nghĩa và tư tưởng của việc xây dựng kết cấu.*

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Là nhà văn quân đội, cây bút của mảnh đất Tây Nguyên, nhà văn Nguyễn Trung Thành đã ghi dấu trong làng văn với những tác phẩm tiêu biểu, đậm chất sử thi về thời hào hùng bom lửa, những con người, những số phận anh hùng. Và một trong các tác phẩm không thể không kể tới là <i>Rừng xà nu</i> – bản lịch thời đánh Mỹ. - Nếu văn học dân tộc là dãy núi non trùng điệp, thì chắc chắn Nam Cao chính là một đỉnh cao của miền non tản đó. Ông là cây bút hiện thực xuất sắc, cùng những tác phẩm xứng đáng liệt vào hàng kiệt tác. <i>Chí Phèo</i> chính là một tác phẩm như thế. - Cả hai nhà văn tuy khác nhau về thế hệ, lại càng khác về thời đại sống, nhưng cả <i>Rừng xà nu</i> và <i>Chí Phèo</i> xứng danh là những tác phẩm lớn. Mà điều làm nên sự thành công đó là cách xây dựng kết cấu truyện theo lối vòng tròn.
TRỌNG TÂM	Rừng xà nu	- Mở đầu tác phẩm là bức tranh miêu tả cánh <i>Rừng xà nu</i> giữa mưa bom bão đạn vẫn có sức sống kiên cường mạnh mẽ “<i>Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời</i>”. Khép lại tác phẩm, nhà văn không dùng hình ảnh người anh hùng Tnú giết chết tên giặc trong đồn địch hay ánh lửa đỏ rực trong đêm đồng khởi. Nguyễn Trung Thành kết lại câu chuyện bằng hình ảnh của những cánh <i>Rừng xà nu</i> bạt ngàn bất tận như một khúc vĩ thanh cứ ngân vang trong lòng Tin người đọc. - Với lối kết cấu này, nhà văn đã tạo nên tính xuyên suốt của hình tin chi tiết tượng cây xà nu. Mở đầu, trong thiên truyện, kết thúc là hình ảnh cây xà nu. Cây xà nu trở thành linh hồn, trở thành biểu tượng, làm nên không gian Tây Nguyên. - Mở đầu bằng hình ảnh hàng vạn cây xà nu không cây nào không, bị thương, ứa máu, đổ ào như trận bão và kết thúc là những <i>Rừng xà nu</i> chạy tít tắp đến tận chân trời, hay nói cách khác mở đầu là đau thương, mất mát, và kết thúc là sức sống quật cường, bất diệt đã cho thấy vừa là hình ảnh tả thực về sức mạnh của loài cây Tây Nguyên vừa cho thấy ý nghĩa biểu tượng của sức sống, sức mạnh của buôn làng Xô Man, của đồng bào Tây Nguyên, không thể bị quật ngã bởi sự tàn ác của kẻ thù. - Và đọc kỹ, ta còn thấy sự lan mạnh, trỗi dậy, vươn lên, chạy dài mãi của những cánh <i>Rừng xà nu</i>. Nếu mở đầu chỉ gói gọn trong không gian làng Xô man, thì kết thúc, sự sống, sức mạnh của xà nu đã lan ra rộng hơn xa hơn, vượt qua ranh giới của buôn làng nhỏ bé. Đó chính là không gian mới, sức sống, tinh thần vươn ra, là tiếng gọi, khúc vĩ thanh dành cho cả miền Nam anh dũng. - Có thể nói hình ảnh cây xà nu ấy đã mang lại nét đặc trưng riêng cho mảnh đất Tây Nguyên anh hùng. Nói đến mỗi vùng đất, ta thường nghĩ ngay đến những nét riêng. Với người dân Tây Nguyên, bên cạnh cây Konia, người ta còn nhắc đến những cánh <i>Rừng xà nu</i> xanh tốt. Cây xà nu mang đậm phong vị Tây Nguyên nó cứ hiện lên trên trang khi văn của Nguyễn Trung Thành ngày càng rõ nét, chân thực như mang chính hơi thở của mảnh đất này.

Chí Phèo	- Mở đầu cuộc đời Chí Phèo là hình ảnh cái lò gạch cũ. Một cái lò gạch vắng người lại qua, bị bỏ hoang, vì nó không còn được sử dụng. Và vì nó không được sử dụng nên thành ra lạnh lẽo, chơ vơ ở bãi đất trống. Chí Phèo đã ra đời trên sự ghẻ lạnh của xã hội, và của cha mẹ như thế. Hắn sinh ra như là một sản phẩm không mong muốn bị chối từ. Thậm chí đáng thương cho hắn, khi anh đi thả ống lương gặp hắn, hắn đã xám ngắt, chứng tỏ ngày hôm ấy thời tiết lạnh lẽo biết bao. May hoặc cũng là bất hạnh của hắn khi hắn được những đôi bàn tay người lao động nuôi dưỡng. Để từ đó, hắn nhận thêm những bi kịch lớn trong cuộc đời. - Và bi kịch mạnh mẽ nhất, đánh bại Chí Phèo đó là bi kịch bị cự tuyệt. Chí Phèo
----------	---

		đã tìm đến cái chết, nhưng là một cái chết đầy đau đớn, và vẫn tiếp tục trong sự ghê lạnh của dân làng, xã hội. Hắn sinh thì ra và chết đi đâu trong sự ghê lạnh. - Kết thúc tác phẩm <i>Chí Phèo</i> của Nam Cao đầy ám ảnh không chỉ tạo nên một kiểu kết thúc khép kín, đầu cuối tương ứng mà còn để lại ta: "Tôi tin lại một nỗi day dứt và bị thương trong lòng độc giả. Bởi cái lò gạch cũ vẫn tiếp tục là địa điểm lý tưởng của những sản phẩm bị chối bỏ. Hay nói cách khác, khi xã hội chưa thay đổi, lò gạch cũ vẫn tiếp tục cho ra đời những bi kịch Chí Phèo dù cho đã tiếp nối về thế hệ: Cha - con thậm chí là cháu, chắt. Hay, đời cha, đời con... vẫn sẽ chỉ là cục bột bị nhào nặn bởi bàn tay xã hội, chẳng thể làm chủ được phân đời mình, lại tiếp tục bị xô đẩy vào vết bùn của tha hoá, cự tuyệt.
SO SÁNH	So sánh	- Tượng đồng: Hai tác phẩm đều gây được dấu ấn mạnh mẽ, tạo nên những hình tượng độc đáo, gây ám ảnh, gây những chấn động trong lòng độc giả. Hơn thế nữa, đó không chỉ là hình tượng thông thường, <i>Rừng xà nu</i> và cái lò gạch cũ đã trở thành các hình tượng nghệ thuật. Điều đó chứng tỏ sự tài năng của những ngôi bút lớn. - Khác biệt: Lãng kính, cảm quan thời đại đã làm nên sự khác nhau trong cách xây dựng kết cấu của hai tác phẩm. Với <i>Chí Phèo</i>, đặt trong bối cảnh xã hội dưới gầm trời thực dân nửa phong kiến, Nam Cao không thể có cái nhìn lạc quan và tươi sáng hơn cho nhân vật của mình. Nhưng với Nguyễn Trung Thành, ông viết tác phẩm để gọi dậy sức mạnh của đồng bào Tây Nguyên, mở rộng ra là miền Nam thành động tổ quốc, do đó, kết truyện cần có sức lan toả, thể hiện sức sống, sức mạnh bất diệt, phù hợp với không khí thời đại, do đó phải sử dụng kết cấu mở, theo lối vĩ thanh. - Đánh giá: Kết cấu vòng tròn là kết cấu phổ biến, nhưng xây dựng cho hay, cho độc đáo, ấn tượng, quen mà không trùng lặp, thực sự là điều không hề dễ dàng. Cả hai nhà văn Nam Cao và Nguyễn Trung Thành đều đã "vượt khó" thành công, điều đó góp phần không nhỏ làm nên sức sống lâu bền của tác phẩm trước sự khắc nghiệt của thời gian.

MẪU TRÌNH BÀY BÀI Bài làm

I. Đọc -

Hiểu Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2.

"*Rộng lòng*" trong văn bản được hiểu là tấm lòng rộng lượng, vị tha, biết đặt hoàn cảnh, tâm trạng, tình cảm của người khác vào mình.

Câu 3.

- Phẩm chất của người ông nhân hậu, vị tha
- Phẩm chất của người cha tôn trọng, yêu thương

Câu 4.

Đọc văn bản, điều tôi thấy tâm đắc hơn hết chính là tấm lòng nhân hậu của người ông. Bằng cách thấp đèn cho những người đi lại muộn ngoài đường tránh được những hố sâu, người ông cho chúng ta bài học về sự tử tế, biết quan tâm đến những người không hề quen biết. Chính những hành động nhỏ như thế sẽ nhen nhóm lên những vầng sáng về nhân cách, về thái độ sống tích cực trong xã hội.

II. Làm

văn Câu 1.

Hầu như ai cũng có trong mình bản năng vị kỉ, và ngược lại, chất chứa trong trái tim mỗi người là lòng vị tha. Vị tha là vì người khác, suy rộng ra đó là tấm lòng bao dung, độ lượng, không suy xét lỗi lầm của người khác. Lòng vị tha xuất phát từ tấm lòng nhân hậu, luôn cho người khác cơ hội để làm điều đúng

đần, thiện lương. Đó có thể là nhường nhịn người yếu hơn mình, giúp đỡ người gặp khó khăn, tha thứ cho

những lỗi lầm. Dù qua hành động nào, lòng vị tha vẫn là một phẩm chất đáng quý, giúp con người nâng cao giá trị bản thân, cuộc sống trở nên dịu dàng, xã hội tốt đẹp hơn. Đành rằng có những lỗi lầm không thể tha thứ, nhưng nếu bạn hiểu rằng, vị tha cũng là một cách để mình được nhẹ lòng, để chính ta mở rộng trái tim mình, không còn phải so đo tính toán, biết đứng ở vị trí của người khác để nhìn nhận. Chẳng phải là điều gì quá cao xa, hãy bắt đầu từ nhường nhịn, yêu thương, bao dung chính những người thân quanh mình - đó chính là bài học đầu tiên về lòng vị tha.

Câu 2. Trên đại lộ văn chương, mỗi nhà văn đều tìm cho mình một hướng đi riêng, trong đề tài, lời văn, trong cách sắp xếp, bố cục tác phẩm. Thế nhưng, vẫn có những giao điểm bất ngờ. Và Chí Phèo của Nam Cao, Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành là điểm gặp gỡ đó. Có ý kiến cho rằng: kết cấu truyện, tác phẩm Chí Phèo của nhà văn Nam Cao và tác phẩm Rừng xà nu của nhà văn Nguyễn Trung Thành đều xây dựng kiểu kết cấu vòng tròn: Hình ảnh mở đầu cũng là hình ảnh kết thúc tác phẩm. Đây là loại hình kết cấu đặc biệt và hết sức độc đáo.

Là nhà văn quân đội, cây bút của mảnh đất Tây Nguyên, nhà văn Nguyễn Trung Thành đã ghi dấu trong làng văn với những tác phẩm tiêu biểu, đậm chất sử thi về thời hào hùng bom lửa, những con người, những số phận anh hùng. Và một trong các tác phẩm không thể không kể tới là “Rừng xà nu” – bản lịch thời đánh Mỹ.

Nếu văn học dân tộc là dãy núi non trùng điệp, thì chắc chắn Nam Cao chính là một đỉnh cao của miền non tản đó. Ông là cây bút hiện thực xuất sắc, cùng những tác phẩm xứng đáng liệt vào hàng kiệt tác. Chí Phèo chính là một tác phẩm như thế. Cả hai nhà văn tuy khác nhau về thế hệ, lại càng khác về thời đại sống, nhưng cả Rừng xà nu và Chí Phèo xứng danh là những tác phẩm lớn. Mà điều làm nên sự thành công đó là cách xây dựng kết cấu truyện theo lối vòng tròn. Tuy nhiên, với Rừng xà nu đó là kết cấu mở, còn Chí Phèo là kết cấu đóng.

Mở đầu tác phẩm Rừng xà nu là bức tranh miêu tả cảnh rừng giữa mưa bom bão đạn vẫn có sức sống kiên cường mạnh mẽ “*Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời*”. Khép lại tác phẩm, nhà văn không dùng hình ảnh người anh hùng Tnú giết giết chết tên giặc trong đồn địch hay ánh lửa đỏ rực trong đêm đồng khởi. Nguyễn Trung Thành kết lại câu chuyện bằng hình ảnh của những cánh Rừng xà nu bạt ngàn bất tận như một khúc vĩ thanh cứ ngân vang trong lòng người đọc. Với lối kết cấu này, nhà văn đã tạo nên tính xuyên suốt của hình tượng cây xà nu. Mở đầu, trong thiên truyện, kết thúc là hình ảnh cây xà nu. Cây xà nu trở thành linh hồn, trở thành biểu tượng, làm nên không gian Tây Nguyên,

Mở đầu bằng hình ảnh hàng vạn cây xà nu không cây nào không bị thương, ứa máu, đổ ào như trận bão và kết thúc là những *Rừng xà nu* chạy tít tắp đến tận chân trời, hay nói cách khác mở đầu là đau thương, mất mát, và kết thúc là sức sống quật cường, bất diệt đã cho thấy vừa là hình ảnh tả thực về sức mạnh của loài cây Tây Nguyên vừa cho thấy ý nghĩa biểu tượng của sức sống, sức mạnh của buôn làng Xô Man, của đồng bào Tây Nguyên, không thể bị quật ngã bởi sự tàn ác của kẻ thù.

Và đọc kỹ, ta còn thấy sự lan mạnh, trỗi dậy, vươn lên, chạy dài mãi của những cánh Rừng xà nu. Nếu mở đầu chỉ gói gọn trong không gian làng Xô man, thì kết thúc, sự sống, sức mạnh của xà nu đã lan ra rộng hơn xa hơn, vượt qua ranh giới của buôn làng nhỏ bé. Đó chính là không gian mới, sức sống, tinh thần vươn ra, là tiếng gọi, khúc vĩ thanh dành cho cả miền Nam anh dũng. Có thể nói hình ảnh cây xà nu ấy đã mang lại nét đặc trưng riêng cho mảnh đất Tây Nguyên anh hùng. Nói đến mỗi vùng đất, ta thường nghĩ ngay đến những nét riêng. Với người dân Tây Nguyên, bên cạnh cây Konia, người ta còn nhắc đến những cánh Rừng xà nu xanh tốt. Cây xà nu mang đậm phong vị Tây Nguyên nó cứ hiện lên trên trang văn của Nguyễn Trung Thành ngày càng rõ nét, chân thực như mang chính hơi thở của mảnh đất này.

Hai tác phẩm đều gây được dấu ấn mạnh mẽ, tạo nên những hình tượng độc đáo, gây ám ảnh, gây những trăn trở trong lòng độc giả. Hơn thế nữa, đó không chỉ là hình tượng thông thường, *Rừng xà nu* và cái lò gạch cũ đã trở thành các hình tượng nghệ thuật. Điều đó chứng tỏ sự tài năng của những ngòi bút lớn. Tuy nhiên, lăng kính, cảm quan thời đại đã làm nên sự khác nhau trong cách xây dựng kết cấu của hai tác phẩm. Với Chí Phèo, đặt trong bối cảnh xã hội dưới gầm trời thực dân nửa phong kiến, Nam Cao không thể có cái nhìn lạc quan và tươi sáng hơn cho nhân vật của mình. Nhưng với Nguyễn Trung Thành, ông viết tác phẩm để gọi dậy sức mạnh của đồng bào Nguyên, mở rộng ra là miền Nam thành đồng tổ quốc, do đó, kết truyện cần có sức lan toả, thể hiện sức sống, sức mạnh bất diệt, phù hợp với không khí thời đại, do đó phải sử dụng kết cấu mở, theo lối vĩ thanh.

Kết cấu vòng tròn là kết cấu phổ biến, nhưng xây dựng cho hay, cho độc đáo, ấn tượng, quen mà không trùng lặp, thực sự là điều không hề dễ dàng. Cả hai nhà văn Nam Cao và Nguyễn Trung Thành đều đã “*vượt khó*” thành công, điều đó góp phần không nhỏ làm nên sức sống lâu bền của tác phẩm trước sự khắc nghiệt của thời gian.

DÒNG THỜI GIAN

I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm) Đọc đoạn trích:

[...] Người phương Tây nói rằng mỗi người già là một thư viện. Khi người già mất đi, cái thư viện biến mất. Tôi vẫn còn một cái thư viện – mẹ tôi ở quê nhà, cách gần một nửa chiều dài non nước. Tôi vẫn thường xuyên “tra cứu” mỗi lần gặp trực trác trên đường đời. Những lúc buồn nhất tôi chỉ cần về ôm cái thư viện vài giây là lòng lại được an ủi, thanh thoi. Tôi vẫn thường xuyên lo sợ về một ngày cái “thư viện” ấy không còn nữa, để lại một khoảng trống không gì bù đắp nổi, như cảm giác của tôi mỗi lần tôi về lại quê nhà thấp hương cho bà ngoại, giữa bạt ngàn hoang mộ.

Nếu em đang được sống với ông bà, em nhờ là em đang rất giàu có đấy nhé. Những cái thư viện rất đặc biệt có thể cho em cả sự thông tuệ, tâm hồn và tình yêu thương. Nhưng tin buồn là cuộc sống vô thường, những “thư viện” mang ánh nắng cuối ngày không còn dài lâu. Bà ngoại của Nôbita đã về trời. Bà ngoại của tôi cũng như đám mây trắng bay về bên kia núi. Bà của Hồng Nhung không biết có còn? Bà ngoại của Vĩnh Tiến cũng chỉ còn trong nỗi nhớ. Nhờ bà tôi một trăm năm rồi ngọn cỏ hoá mây trời. Hàng triệu thư viện quý giá như vậy đang bay về trời. Vậy thì em hãy “đọc” đi, “đọc” nhanh nhanh lên nhé! Nào, lao vào lòng “thư viện” đi nào!

(Trích *Hàng triệu thư viện đang bay về trời*, Đoàn Công Lê Huy, dẫn theo <http://santruyen.com>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nêu những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2. Tại sao lại có quan điểm cho rằng mỗi người già là một thư viện”?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

“Hàng triệu thư viện đang bay về trời” – Lời tựa ấy có gợi cho anh chị những ưu tư, trăn trở về thời gian và sự hữu hạn? Từ văn bản đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn 200 chữ với nhan đề: Dòng thời gian.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp hào hùng của hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ dưới đây:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến
trường đi chẳng tiếc đời xanh Áo bào
thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Từ đó liên hệ với những hình tượng người lính đã xuất hiện trong chương trình THPT để làm rõ nét riêng độc đáo của người lính Tây Tiến.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Làm bài theo đúng trình tự câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên: Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

Câu 2. *Mỗi người già là một thư viện* bởi vì họ - những người già – tích lũy, trau dồi bao kiến thức, kinh nghiệm suốt chiều dài thời gian. Kho tri thức, kinh nghiệm ấy ngày một dày và cao lên theo độ tuổi. Và với mỗi người già, kho tri thức lại phong phú, đa dạng khác nhau. Kho tri thức, kinh nghiệm ấy chính là những thư viện vô giá.

Câu 3. “*Thư viện*” (chỉ những người già) và thư viện sách mà ta vẫn hay biết có điểm tương đồng và khác biệt.

+ Điểm chung: Khi đã gọi là thư viện thì đều chỉ nơi lưu trữ tri thức nhân loại, là nơi mọi người đều có thể đến và tra cứu.

+ Điểm riêng:

Nếu như thư viện sách chỉ có thể giúp ta hiểu biết và trau dồi tri thức, ta chỉ tìm đến khi ta cần, thì

“thư viện” (chỉ người già) không chỉ là nơi ta có thể tra cứu, mà là nơi ta được che chở, được yêu thương và dạy bảo,

Nếu như thư việc sách có thể tồn tại rất lâu, qua biết bao thế hệ, thì “thư viện”. (chỉ người già) lại bị giới hạn bởi dòng chảy thời gian.

Câu 4. -Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nếu thông điệp

+ Bàn luận làm sáng tỏ. Sau

đây là một ví dụ:

Thông điệp mà câu kết của đoạn trích gửi gắm thật sâu sắc và ý nghĩa. “Thư viện” (chỉ người già) có thể mất đi bất cứ lúc nào, nghĩa là nếu ta không nhanh “đọc”, không nhanh đến và lao vào lòng “thư viện”, đến một lúc nào đó, ta vĩnh viễn không bao giờ còn được “đọc”, được đến và ôm “thư viện” ấy vào lòng nữa. Qua từng câu chữ của Đoàn Công Lê Huy ta nhận ra rằng mỗi người già là một kho trữ thức vô giá, và tác giả còn nhắc nhở ta hãy trân quý, nâng niu từng phút giây khi còn được bên ông bà – những thư viện độc nhất trong mỗi cuộc đời ta, còn ông bà, ta còn giàu có và may mắn biết bao.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lối văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Dòng thời gian. + Cuộc đời con người là hữu hạn, sẽ trôi chảy theo dòng thời gian.
Mở rộng	Làm gì với dòng thời gian của mình?	+ Không ai nắm bắt thay đổi được thời gian. + Ta có quyền lựa chọn sử dụng quỹ thời gian của mình sao cho hợp lí.
Phản biện	Có phải ai cũng biết cách sử dụng thời gian.	+ Có những người sử dụng thời gian chưa hợp lí, cắm cúi vào những điều vô nghĩa Thời gian trôi chảy một cách vô nghĩa.
Giải pháp	Làm sao để dòng thời gian của cuộc đời mình ý nghĩa? + Nhận thức + Hành động	+ Biết trân quý thời gian. + Lập kế hoạch, thời gian biểu cho bản thân.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Dành thời gian để học tập, nâng tầm bản thân. Dành thời gian cho gia đình, cho những điều yêu thương.

Bài làm mẫu:

Dòng thời gian

(Đặt vấn đề) “Hàng triệu thư viện đang bay về trời” – nhan đề ấy đã nói lên sự thật khốc liệt rằng: Cuộc đời mỗi người rồi sẽ như ánh nắng, huy hoàng lúc bình minh nhưng cũng đến lúc xế tà và vụt tắt vào màn đêm.

(Luận bàn) Vâng! Có lẽ thời gian chính là sức mạnh đầy quyền năng đối với mỗi con người. Thời gian ta không thể thấy, nắm, bắt hay điều khiển, ta chỉ có thể cảm nhận thôi. Đời người ngắn ngủi lắm, tất cả rồi cũng sẽ về với cát bụi. Bởi vậy, hãy chọn cách sống cho ý nghĩa với quỹ thời gian mà một con người được phân phát. Có những người một ngày với họ 24 giờ là chưa đủ, họ trân trọng từng khoảnh khắc phút giây để lao động, học tập, bên cạnh người yêu thương... đó gọi là thời gian ý nghĩa.

(Phản biện) Nhưng cũng có những người luôn cảm thấy một ngày sao thật tẻ nhạt, họ cắm đầu vào những thứ vô bổ để giết thời gian, đó là thời gian vô nghĩa.

(Giải pháp, Liên hệ) Hãy biết trân quý thời gian của mình, hãy sử dụng nó cho hiệu quả, bởi vì sau đó, ta sẽ không phải ngậm ngùi với hai chữ tiếc nuối. Muốn vậy, hãy lập thời gian biểu, kế hoạch cho cuộc đời ngay hôm nay, và hãy nhớ, trong quỹ thời gian đó, đừng bao giờ quên dành thời gian để yêu thương những người ta thương và yêu.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Tây Tiến</i> - Đối tượng liên hệ: <i>Tổ lòng, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Việt Bắc</i> - Dạng bài: phân tích, liên hệ - Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về vẻ đẹp lãng mạn, bi tráng của người lính Tây Tiến. Phân liên hệ, học sinh chỉ cần điểm qua các hình tượng người lính để làm rõ yêu cầu tìm ra được đặc trưng của lính Tây Tiến.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả tác phẩm	Nhắc đến Quang Dũng là nhắc đến một trong những thế hệ nhà thơ được tôi luyện và trưởng thành trong bom lửa thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ông tên thật là Bùi Đình Diệm (1921 - 1988), quê ở Hà Tây, nay thuộc về Hà Nội. Là một người đa tài, có thể vẽ tranh, phẩm sáng tác nhạc, nhưng vẫn nổi tiếng và được nhiều người biết đến với tư cách một nhà thơ. Phong cách thơ Quang Dũng nổi bật lên chất phóng khoáng, hào hoa đầy lãng mạn. Bài thơ <i>Tây Tiến</i> là một bài thơ đem lại dấu ấn đậm nét, khắc ghi Quang Dũng vào sâu tâm trí độc giả. Nhà thơ viết nên thi phẩm này bằng xuất phát điểm của nỗi nhớ: Nhớ về đồng đội, những miền đất và binh đoàn xưa, nơi mà tác giả từng vào sinh ra tử.
TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Giải thích khái niệm	- Vẻ đẹp hào hùng là vẻ đẹp hào hoa và anh hùng. Hay nói cách khác đó là vẻ đẹp lãng mạn và bi tráng.. + Vẻ đẹp lãng mạn là vẻ đẹp từ hiện thực trần trụi khốc liệt mà vượt lên trên hiện thực, xây nên những hình tượng lớn lao, đẹp đẽ, Vẻ đẹp và lãng mạn của những người lính nằm ở vẻ đẹp ngoại hình và vẻ đẹp tâm hồn. + Bi tráng là nhắc đến cái đau thương, nhưng không bị lụy. Có thể hiểu rằng đó là vẻ đẹp của sự hùng tráng, bất tử hóa cái chết.

	Phân tích	- Vẻ đẹp lãng mạn: <i>“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm Mắt trừng giri mộng qua biên giới”</i> + Chân dung người lính <i>Tây Tiến</i> đến lúc này mới trực tiếp hiện lên qua những nét chạm khắc rạch ròi, gân guốc, Đoàn Minh không mọc tóc với quân xanh màu lá không giống kiểu ví von “văn chương” thường thấy. Chúng là sự thật được nói ra một cách thẳng băng bằng ngôn ngữ “lính” nên hoá bất ngờ, và vì bất ngờ nên vẻ trụi trần của sự miêu tả cũng được cảm thụ khác đi. Câu thơ không gợi ý nghĩ bị đất mặc dù ai cũng hiểu sự không mọc tóc và làn da xanh màu lá ở đây vài chính là hậu quả của bệnh sốt rét. Thế nhưng ta lại cảm tưởng trong giọng thơ là lời đầy tự hào, vẻ bức chân dung lạ đến khác biệt, hoá Ai đi và thành đặc trưng mà chỉ lính <i>Tây Tiến</i> mới có. + Đến câu tiếp, chất hào hoa của lính <i>Tây Tiến</i> bật lên rõ rệt: <i>“Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”</i> Dáng Kiều thơm ấy chính là vàng sáng lung linh trong kí ức, “tổ cáo” nét đa tình và đời sống tình cảm dạt dào của người lính, vốn thường bị che phủ. Mơ dáng kiều, ta nhận ra những người lính ấy tâm hồn còn rất trẻ, còn chứa trái tim yêu đương nãy liệt. Dáng kiều để chỉ người con gái xinh đẹp, đó có thể là người thương, người yêu của những chàng lính trẻ, nhớ về họ, đó là điểm tựa tinh thần vững vàng để người lính chắc tay súng. - Vẻ đẹp bi tráng + Khi miêu tả những người lính <i>Tây Tiến</i>, ngòi bút của Quang Dũng không hề
		nhấn chìm người đọc vào cái bị thương, bị lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chạm vào cái bị thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những năm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính <i>Tây Tiến</i>. Cái sự thật bi thảm những người lính <i>Tây Tiến</i> gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu che thân, qua cái nhìn của nhà thơ, lại được bọc trong những tấm áo bào sang trọng. Và rồi, cái bị thương ấy bị át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của dòng sông Mã. + Cái chết, sự hi sinh của những người lính <i>Tây Tiến</i> được nhà thơ miêu tả thật trang trọng. Cái chết ấy đã tạo được sự cảm thương sâu sắc ở thiên nhiên. Và dòng sông Mã đã trân trọng đưa tiễn linh hồn người lính bằng cách tấu lên khúc nhạc trầm hùng.
LIÊN HỆ 0,75 điểm	Những hình tượng người lính trong văn học	- Hình tượng người lính là đề tài lớn, xuyên suốt lịch sử của một đất hình tượng nước nhiều những đau thương và mất mát. - Ta bắt gặp một người lính mang hào khí Đông A và cái tráng chí nam nhi mạnh mẽ với khao khát lập công danh trong <i>Tổ lòng</i> của học Phạm Ngũ Lão - Người lính nông dân chân chất nhưng đầy hào hùng, bất khuất, dùng những vũ khí thô sơ mà đối trọi lại với tàu đồng súng nổ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu. - Hình tượng tập thể đoàn quân ra trận mạnh mẽ, khí thế rợp trời, dòng người như thác lũ khiến đất rung trời chuyển trong Việt Bắc của Tố Hữu. - Có thể nói hình tượng người lính đều hiện lên trong sức mạnh, đó là sức mạnh của ý chí phi thường, sức mạnh của niềm tin tưởng. Những người chiến sĩ đều bật lên vẻ đẹp của lí tưởng, về sự ý thức và trách nhiệm. Họ là những con người gánh vác đại nghiệp, là người tiên phong, là sức mạnh mũi nhọn chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược.
Nhận	Điểm riêng	- Nếu trong các sáng tác về người lính, chủ yếu nhấn mạnh đến sự mạnh mẽ,

xét, bàn luận 0,25 điểm	không trộn lẫn của lính Tây Tiến	tâm vóc, sự anh hùng, bất khuất, thì Quang Dũng tạo một nét vẽ trần trụi hơn khi miêu tả về lính Tây Tiến. Đó là những người Điểm riêng lính da dẻ xanh xao, sốt rét, trụi cả tóc. Nhưng qua ngòi bút lãng mạn của ông đã biến họ thành những bức chân dung lẫm liệt, oai hùng. Cái nhìn nhiều chiều của Quang Dũng đã giúp ông nhìn thấy xuyên qua cái vẻ oai hùng, dữ dằn bề ngoài của những người lính <i>Tây Tiến</i> là những tâm hồn còn rất trẻ, những trái tim rạo rực, khao khát yêu đương (Đêm mơ Hà Nội đáng kiều thơm). Một thế giới tâm hồn đầy mộng mơ điểm của đội thi là nét đặc trưng, biến thành huy hiệu riêng của lính <i>Tây Tiến</i>. Và nét cuối cùng khiến lính <i>Tây Tiến</i> trở nên đặc biệt, đó là khi Quang Dũng cho họ hiện lên qua sự hi sinh mất mát. Thậm chí, ta còn thấy cái tàn khốc của chiến tranh qua những vần thơ. Đây là điều các tác giả cố tránh đi khi nói về người lính và chiến tranh.
----------------------------------	--	---

HƯỚNG DẪN GIẢI

Làm bài không theo trình tự câu hỏi trong đề

II. Làm văn -Câu 2.

Nhắc đến Quang Dũng là nhắc đến một trong những thế hệ nhà thơ được tôi luyện và trưởng thành trong bom lửa thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ông tên thật là Bùi Đình Diệm (1921-1988), quê ở Hà Tây, nay thuộc về Hà Nội. Là một người đa tài, có thể vẽ tranh, sáng tác nhạc, nhưng vẫn nổi tiếng và được nhiều người biết đến với tư cách một nhà thơ. Phong cách thơ Quang Dũng nổi bật lên chất phóng khoáng, hào hoa đầy lãng mạn. Bài thơ *Tây Tiến* (1948) in trong tập *Mây đầu ô* là một bài thơ đem lại dấu

ấn đậm nét, khắc ghi Quang Dũng vào sâu tâm trí độc giả. Nhà thơ viết nên thi phẩm này bằng xuất phát điểm của nỗi nhớ: Nhớ về đồng đội, những miền đất và binh đoàn xưa, nơi mà tác giả từng vào sinh ra tử.

Đề tài người lính là một đề tài vốn đã quen thuộc trong thi ca. Bởi người lính chính là trung tâm, là linh hồn, là sức mạnh mũi nhọn của dân tộc. Cuộc trường chinh của dân tộc băng qua hai kẻ thù khổng lồ là Pháp và Mỹ, những kẻ thù mạnh mẽ nhất thế giới. Chính vì vậy, hình tượng người lính, những chàng Thạch Sanh của thế kỷ XX càng in đậm trong các sáng tác thơ văn. Ta bắt gặp một người lính chân chất thôn quê, mộc mạc, hiền lành nhưng lòng căm thù ngút ngàn trong Đồng chí của Chính Hữu; người chiến sĩ nặng ân tình, dù trở về với nắng vàng Ba Đình hoa lệ nhưng vẫn thầm nhắc nhở mình, tự dặn mình phải luôn nhớ nghĩa tình của một Việt Bắc đã hi sinh quá nhiều suốt 15 năm gắn bó trong Việt Bắc của Tố Hữu...

Đoàn Minh không mọc tóc với quân xanh màu lá không giống kiểu ví von “văn chương” thường thấy. Câu thơ không gợi ý nghĩ bị dát mặt dù ai cũng hiểu sự không mọc tóc và làn da xanh màu lá ở đây chính là hậu quả của bệnh sốt rét. Thế nhưng ta lại cảm tưởng trong giọng thơ là lời đầy tự hào, về bức chân dung lạ đến khác biệt, hoá thành đặc trưng mà chỉ lính *Tây Tiến* mới có. Thực tế gian khổ thiếu thốn đã làm cho người lính da dẻ xanh xao, Sốt rét làm họ rụng cả tóc. Quang Dũng không hề che giấu. Song, cái nhìn lãng mạn của ông đã thấy họ ốm mà không yếu, đã nhìn thấy bên trong cái hình hài tiêu tụy của họ chứa đựng một sức mạnh phi thường. Đặc biệt hơn, với câu thơ: “*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*” không những gợi cho ta những gương mặt răn rỏi, gân guốc, những dáng hình làm chúa sơn lâm cũng phải run hơi, mà hai chữ đoàn binh, như kết đọng lại trong một khối vững chắc, lại sử dụng từ Hán Việt, vì lẽ đó, đọc câu thơ, mà ngỡ binh đoàn dũng sĩ xưa, với sức mạnh của ngàn năm lịch sử, đang hùng dũng ủa vào trong tâm trí độc giả. Mạnh mẽ, oai phong biết bao.

Nhưng dáng hình chưa đủ, phải khắc hoạ thêm ánh mắt trùng, để tô đậm thêm khí chất dũng tướng, mãnh liệt. Mắt trùng đó là đôi mắt đang quắc sáng, phóng tia nhìn giận dữ về phía địch thủ. Ánh mắt ấy hướng về biên giới, nơi kẻ thù, nơi tử địa, cũng là lãnh thổ quốc gia, vừa chứa trong đó lòng căm thù sâu sắc, chứa trong đó dạ sắt gan vàng bảo vệ biên cương, lại ánh lên cả khao khát lập chiến công hiển hách. Ta chợt nhớ lại hình ảnh đội quân từ hổ trong thơ Phạm Ngũ Lão: “Tam quân tì hổ khí thôn ngưu”, hay như trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi: “*Sĩ tốt kén tay từ hổ, bề tôi chọn kẻ vuốt nanh*”. Những người lính, những anh bộ đội cụ Hồ của thế kỷ XX vẫn mang trong mình dáng dấp, hào khí, sức mạnh của thời sát phạt chảy trong huyết quản.

Đến câu tiếp, chất hào hoa của lính *Tây Tiến* bật lên rõ rệt: “*Đêm mơ Hà Nội đang điều thom*”. Dáng Kiều thom ấy chính là vàng sáng lung linh trong kí ức, “*tổ cáo*” nét đa tình và đời sống tình cảm dạt dào của người lính, vốn thường bị che phủ. Mơ dáng kiều, ta nhận ra những người lính ấy tâm hồn còn rất trẻ, còn chứa trái tim yêu đương mãnh liệt. dáng kiều để chỉ người con gái xinh đẹp, đó có thể là người thường, người yêu của những chàng lính trẻ, nhớ về họ, đó là điểm tựa tinh thần vững vàng để người lính chắc tay súng. Hoá ra, sau vẻ thô ráp bề ngoài, bên trong người lính *Tây Tiến* lại âm nóng một trái tim đa tình, hào hoa. Lính *Tây Tiến* vốn là những chàng trai còn là học sinh, sinh viên, “*xếp bút nghiên theo việc đao cung*”, cho nên, những tâm hồn ấy vẫn đầy lãng mạn và bay bổng.

Nét đẹp tâm hồn của những người lính còn được thể hiện qua lý tưởng hết sức thiêng liêng, cao đẹp: “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”. Chiến trường là nơi chết chóc, là khu tử địa, đi dễ khó về. Đời xanh là chỉ cuộc đời đang độ đẹp tươi nhất, căng tràn nhất. Những người lính đường cái độ tươi đẹp nhất của cuộc đời đó, vậy mà sẵn sàng lao vào chốn tử địa, mà chẳng tiếc. Bởi họ đi vì lý tưởng thật cao đẹp: chiến đấu cho quê hương, chết cho quê hương, quyết tử cho tổ quốc quyết sinh.

Vâng! Và chiến tranh, có bao giờ thiếu đi sự mất mát. Quang Dũng, có lẽ là nhà thơ dám bước vào thế giới tang thương đó để làm bật lên chất hào hùng:

“*Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến
trường đi chẳng tiếc đời xanh Áo bào
thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*”.

Khi miêu tả những người lính *Tây Tiến*, ngòi bút của Quang Dũng không hề nhấn chìm người đọc vào cái bị thương, bị lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào cái bị thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng

hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính *Tây Tiến*. Cái sự thật bị thấm những người lính *Tây Tiến* gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu che thân, qua cái nhìn của nhà thơ, lại được bọc trong những tấm áo bào sang trọng. Và rồi, cái bị thương ấy bị át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của dòng sông Mã.

Cái chết, sự hi sinh của những người lính *Tây Tiến* được nhà thơ miêu tả thật trang trọng. Cái chết ấy đã tạo được sự cảm thương sâu sắc ở thiên nhiên. Và dòng sông Mã đã trân trọng đưa tiễn linh hồn người lính bằng cách tấu lên khúc nhạc trầm hùng. Họ ra đi, nhưng tráng chí thì còn sống mãi, đó là tinh thần của những bậc trượng phu, ra đi vì nghĩa lớn, như vị đại tướng quân Trần Quốc Tuấn từng viết: “*Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gọi trong da ngựa, ta cũng vui lòng*”.

Tây Tiến là bức tượng đài bổ sung thêm cho hình tượng người lính, xuyên suốt chiều dài lịch sử của một đất nước nhiều những đau thương và mất mát. Nếu đi sâu lại, ta sẽ thấy những người con của đất Việt anh hùng: người lính mang hào khí Đông A và cái trang chí nam nhi mạnh mẽ với khao khát lập công danh trong Tổ lòng của Phạm Ngũ Lão. Người lính nông dân chân chất nhưng đầy hào hùng, bất khuất, dùng những vũ khí thô sơ mà đối trọi lại với tàu đồng súng nổ trong Văn tế nghĩa sĩ *Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu. Hình tượng tập thể đoàn quân ra trận mạnh mẽ, khi thê rớt trời, dòng người như thác lũ khiến đất rung trời chuyển trong Việt Bắc của Tố Hữu...

Có thể nói hình tượng người lính đều hiện lên trong sức mạnh, đó là sức mạnh của ý chí phi thường, sức mạnh của niềm tin tưởng. Những người chiến sĩ đều bật lên vẻ đẹp của lý tưởng, và sự ý thức và trách nhiệm. Họ là những con người gánh vác đại nghiệp, là người tiên phong, là sức mạnh mũi nhọn chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược,

Nếu trong các sáng tác về người lính, chủ yếu nhấn mạnh đến sự mạnh mẽ, tầm vóc, sự anh hùng, bất khuất, thì Quang Dũng tạo một nét vẽ trần trụi hơn khi miêu tả về lính *Tây Tiến*. Đó là những người lính da dẻ xanh xao, sốt rét, trụi cả tóc. Nhưng qua ngòi bút lãng mạn của ông đã biến họ thành những bức chân dung lâm liệt, oai hùng. Cái nhìn nhiều chiều của Quang Dũng đã giúp ông nhìn thấy xuyên qua cái vẻ oai hùng, dữ dằn bề ngoài của những người lính *Tây Tiến* là những tâm hồn còn rất trẻ, những trái tim rạo rực, khao khát yêu đương (*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*). Một thế giới tâm hồn đầy mộng mơ là nét đặc trưng, biến thành huy hiệu riêng của lính *Tây Tiến*.

Và nét cuối cùng khiến lính *Tây Tiến* trở nên đặc biệt, đó là khi Quang Dũng cho họ hiện lên qua sự hi sinh mất mát. Thậm chí, ta còn thấy cái tàn khốc của chiến tranh qua những vần thơ. Đây là điều các tác giả cố tránh đi khi nói về người lính và chiến tranh.

Từ nỗi nhớ về một đoàn binh, về những con người cụ thể đã hóa thân thành nỗi nhớ về một mảnh đất, một quê hương, *Tây Tiến* đã trở thành nỗi nhớ, niềm yêu tha thiết của Quang Dũng. Chạm khắc vào trái tim độc giả những vẻ đẹp riêng lạ, *Tây Tiến* hoá bất tử trong lòng bao thế hệ, bởi chính những vẻ đẹp hào hoa, hào hùng bị trắng.

I. Đọc hiểu Câu 1.

Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên: Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

Câu 2.

Theo tác giả, mỗi người già là một thư viện bởi vì họ – những người già – tích lũy, trau dồi bao kiến thức, kinh nghiệm suốt chiều dài thời gian. Kho tri thức, kinh nghiệm ấy ngày một dày và cao lên theo độ tuổi. Và với mỗi người già, kho tri thức lại phong phú, đa dạng khác nhau. Kho tri thức, kinh nghiệm ấy chính là những thư viện vô giá.

Câu 3.

“Thư viện” (chỉ những người già và thư viện sách mà ta vẫn hay biết có điểm tương đồng và khác biệt.

+ Điểm chung:

Khi đã gọi là thư viện thì đều chỉ nơi lưu trữ tri thức nhân loại, là nơi mọi người đều có thể đến và tra cứu.

+ Điểm riêng:

Nếu như thư viện sách chỉ có thể giúp ta hiểu biết và trau dồi tri thức, ta chỉ tìm đến khi ta cần, thì “thư viện” (chỉ người già) không chỉ là nơi ta có thể tra cứu, mà là nơi ta được che chở, được yêu thương và dạy bảo.

Nếu như thư viện sách có thể tồn tại rất lâu, qua biết bao thế hệ, thì “thư viện” (chỉ người già) lại bị giới hạn bởi dòng chảy thời gian.

“Hàng triệu thư viện đang bay về trời” – nhan đề ấy đã nói lên sự thật khốc liệt rằng: Cuộc đời mỗi người rồi sẽ như ánh nắng, huy hoàng lúc bình minh nhưng cũng đến lúc xế tà và vụt tắt vào màn đêm. Vâng! Có lẽ thời gian chính là sức mạnh đầy quyền năng đối với mỗi con người. Thời gian ta không thể thấy, nắm, bắt hay điều khiển, ta chỉ có thể cảm nhận thôi. Đời người ngắn ngủi lắm, tất cả rồi cũng sẽ về với cát bụi. Bởi vậy, hãy chọn cách sống cho ý nghĩa với quỹ thời gian mà một con người được phân phát. Có những người một ngày với họ 24 giờ là chưa đủ, họ trân trọng từng khoảnh khắc phút giây để lao động, học tập, bên cạnh người yêu thương... đó gọi là thời gian ý nghĩa. Nhưng cũng có những người luôn cảm thấy một ngày sao thật tẻ nhạt, họ cắm đầu vào những thứ vô bổ để giết thời gian, đó là thời gian vô nghĩa. Hãy biết trân quý thời gian của mình, hãy sử dụng nó cho hiệu quả, bởi vì sau đó, ta sẽ không phải ngậm ngùi với hai chữ tiếc nuối. Muốn vậy, hãy lập thời gian biểu, kế hoạch cho cuộc đời ngay hôm nay, và hãy nhớ, trong quỹ thời gian đó, đừng bao giờ quên dành thời gian để yêu thương những người ta thương và yêu.

NĂNG THỜI ĐẠI

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Trẻ em cần nắng để lớn lên nhanh. Nắng giúp tổng hợp canxi, nắng làm trong đôi mắt nhìn đời.

Người ở những đô thị có nhiều cao ốc chọc trời như Hongkong thiếu nắng nên trắng xanh xao. Điều này đã trở thành một đề tài nghiên cứu y tế cách đây không lâu,

Người xứ tuyết mùa Đông giá buốt thường tìm về phương Nam để đón nắng trời. Có người tranh thủ những ngày nghỉ ít ỏi ở vùng nhiệt đới để nằm suốt ngày bên bờ biển, đến khi cả cơ thể đỏ lên như tôm luộc vẫn nằm.

Người quê xứ lạc hậu khôn ngoan phải tìm đến ngọn nắng ấm thời đại, tỏa từ trang sách, tỏa từ đường link, tỏa từ những kho tàng tri thức trên mạng toàn cầu. Internet cũng như những hạt nắng trời, nếu chỉ nghĩ đến nỗi sợ tia cực tím, sợ ung thư da, ta sẽ dần trở nên xanh xao, cóm nắng thời đại.

Em muốn lớn lên nhanh. Em muốn đi thật xa để đón tri thức, đón điều hay lẽ phải. Em không muốn trở thành một người cóm nắng thời đại, xanh bủng đi giữa đường đời.

(Trong nắng tháng Ba, Hà Nhân, <https://kenhtrasua.blogspot.com>)

Câu 1. Văn bản sử dụng phương thức lập luận nào?

- A. Móc xích B. Diễn dịch C. Song hành D. Tổng- Phân – Hợp

Câu 2. Tác giả nhắc đến những đối tượng nào trong mối quan hệ với “nắng”?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bình luận về ý kiến: “Internet cũng như những hạt nắng trời, nếu chỉ nghĩ đến nỗi sợ tia cực tím, SỢ ung thư da, ta sẽ dần trở nên xanh xao, cóm nắng thời đại”.

Câu 2 (5 điểm)

Nhận xét về *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng “*Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá”. Ý kiến khác lại khẳng định “*Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn chính luận mẫu mực”. Từ việc cảm nhận về giá trị của bản *Tuyên ngôn Độc lập*, anh chị hãy bình luận những ý kiến trên?

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

C. Song hành

(Các đoạn triển khai nội dung song song, tương ứng, cùng đề cập tới một chủ đề được ẩn đi: Mọi người và nắng (nắng trời và nắng thời đại)).

Câu 2.

Tác giả nhắc đến trẻ em, người đô thị, người xứ tuyết, người quê lạc hậu và nhân vật trữ tình.

+ Trẻ em: cần nắng để lớn nhanh, để hấp thụ canxi và làm trong đôi mắt nhìn đời.

+ Người đô thị thiếu nắng nên xanh xao.

+ Người xứ tuyết tranh thủ tắm nắng những khi ở xứ nhiệt đới.

+ Người xứ quê tìm đến nắng thời đại.

+ “Em”: lớn nhanh, để không cóm nắng thời đại.

Câu 3.

Cụm từ “*nắng ấm thời đại*” sử dụng biện pháp ẩn dụ.

Tác dụng:

Giúp lời văn trở nên hình ảnh, giàu sức gợi.

Dùng “nắng” để nói về những thứ chứa năng lượng, tạo nên sức sống, cần thiết cho con người thời hiện đại.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 -7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nêu “ngọn nấp ả” cho mình nhiều năng lượng nhất: những trang sách, những đường link/ kho tàng tri thức trên mạng toàn cầu.

+ Bàn luận ngắn gọn làm rõ cho ý kiến cá nhân.

II. LÀM VĂN

Câu 1. (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều chương trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Internet trong thời hiện đại có mặt tích cực và hạn chế. + Hạt nấp trời: chứa năng lượng, mang đến sự sống cho nhân loại. Internet mang đến tri thức cho con người hiện đại để thích nghi hơn với sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật. Nên sử dụng internet.
Luận bàn	Nên tiếp thu internet vì những lợi ích của inter-net	Lợi ích của internet: + Kho tàng tri thức đồ sộ và luôn luôn cập nhật. + Thế giới phẳng, sự kết nối không giới hạn. + Nhanh chóng, tiện lợi, tra cứu nhanh.
Phản biện	Vậy còn những hạn chế?	+ Khiến con người thiếu kiên nhẫn. + Dễ bị nhiễu kiến thức nếu không thận trọng.
Giải pháp	+ Cộng đồng + Cá nhân	+ Quản lý chặt chẽ bởi nhà nước + Tự chủ của người dùng, cần khôn ngoan khi ngồi trước màn hình
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Hài hòa giữa các ngọn nấp ả tỏa ra từ sách, từ mạng internet, từ cộng đồng,...

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.

- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ.		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> - Dạng bài: Bình luận hai ý kiến - Yêu cầu: Đề bài nêu hai ý kiến, tuy khác nhau nhưng cùng nói về những giá trị lớn của Tuyên ngôn Độc lập, và không hề mâu thuẫn. Đó là giá trị về lịch sử và văn học.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta liên tưởng ngay tới một chân dung giản dị mà vĩ đại, một lãnh tụ kiệt xuất mà gần gũi. Những Người còn được nhắc đến với tư cách một nhà văn, một nhà thơ. - Như Hồ Chí Minh từng nói: “<i>Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi</i>”, cuộc đời bảy mươi chín xuân của Người từ khi là anh thanh niên Nguyễn Tất Thành bước đi trên bến Nhà Rồng (05/06/1911) cho đến khi xuôi tay nhắm mắt (02/09/1969), không lúc nào trái tim vĩ đại ấy dừng nghĩ cho đất nước,
		- dân tộc. - Người để lại cho kho tàng văn học dân tộc nhiều tác phẩm giá trị, phong phú về thể loại. Trong đó, đặc sắc phải kể đến là những áng văn chính luận. Phong cách sáng tác trong văn chính luận: Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ lí lẽ đanh thép. - Là một văn kiện lịch sử quan trọng, Tuyên ngôn Độc lập đã tổng kết khi đưai: ht: một thời kỳ đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam mới. - <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> đã khẳng định được vị thế của dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé nhưng có lòng yêu nước, ý chí tự cường và tinh thần chiến đấu chống ngoại cường trước toàn thế giới.

TRỌNG TÂM 3,5 điểm	Giải thích và phân tích - Ý kiến 1: Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá + Bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử, dân tộc: kỉ nguyên của độc lập, tự do, đánh đổ chế độ phong kiến hàng và phân bộ mấy mươi thế kỉ, đánh đổ ách đô hộ của thực dân Pháp hơn tám mươi năm, khai sinh ra Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. + Bản Tuyên ngôn đã thể hiện một cách hùng hồn khát vọng, ý chí và sức mạnh Việt Nam. + Bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Hồ Chí Minh còn là sự khẳng định tuyên bố với thế giới rằng nước Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, không ai có quyền xâm phạm được. + So với bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> lần thứ nhất (Nam quốc sơn hà - Lý Thường Kiệt) và bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ hai (Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi) thì bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh đã vươn lên một tầm cao mới, vượt hơn ở tầm vóc hướng ra thế giới trên tinh thần dân chủ, tự do có kết hợp với truyền thống yêu nước và tư tưởng nhân đạo của dân tộc. – Ý kiến 2: Tuyên ngôn Độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực +Bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh rất ngắn gọn, chưa tới một ngàn chữ nhưng vô cùng chặt chẽ và cô đọng. + Bản Tuyên ngôn chia làm ba phần rõ rệt, mỗi phần một ý, liên hệ chặt chẽ với nhau. + Trong phần một, Hồ Chí Minh đã nêu lên những chân lí về nhân quyền và dân quyền để làm cơ sở pháp lý cho bản Tuyên ngôn. Việc dẫn hai bản tuyên ngôn này, Bác đã đặt bản Tuyên ngôn Độc lập của ta ngang hàng với các bản Tuyên ngôn của các nước lớn như Pháp và Mỹ. Từ đó khẳng định quyền thiêng liêng của mỗi con người. Không những thế, Bác đã nâng lên thành quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc: “<i>suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do</i>”. Bằng phép so sánh tương đồng, hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ đã là cơ sở pháp lý vô cùng chắc chắn để dân tộc Việt Nam nêu cao quyền độc lập. + Phần thứ nhất đã làm nền cho phần thứ hai của bản Tuyên ngôn. Nếu trong phần thứ nhất Bác khẳng định quyền thiêng liêng của mỗi con người, của mỗi dân tộc là quyền được sống, được tự do, được độc lập và mưu cầu hạnh phúc thì trong phần thứ hai của bản Tuyên ngôn, Bác đã vạch rõ tội ác của thực dân Pháp đã gây ra cho đất nước ta, nhân dân ta. Hành động của chúng thật dã man, vô nhân đạo, đi ngược lại tinh thần của bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp, vạch rõ bản chất gian xảo của bọn thực dân Pháp. Trong phần này Bác lại nêu rõ tinh thần
--	--

		nhân đạo, yêu độc lập tự do và tinh thần quyết tâm giành và bảo vệ độc lập của dân tộc ta. Đến phần thứ ba (phần cuối) Bác lại nói về kết quả của tinh thần yêu nước, yêu độc lập tự do của dân tộc ta và tuyên bố trịnh trọng với thế giới rằng “<i>Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và thực sự đã trở thành một ước tự do độc lập</i>”. - Như vậy, ta thấy bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh có một kết cấu, bố cục khá chặt chẽ. Hơn nữa, lời lẽ của bản Tuyên ngôn hùng hồn, nhịp điệu câu văn khá dồn dập, sắc cạnh. Có những câu văn thật ngắn gọn nhưng lại diễn đạt một ý nghĩa vô cùng phong phú như câu “<i>Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị</i>”. Câu văn chỉ có chín từ thôi nhưng lại diễn đạt được bao biến động của thời điểm lịch sử lúc bấy giờ. - Trong bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> này Bác đã sử dụng rất thành công các biện pháp tu từ: điệp từ, điệp ngữ, phép liệt kê để nhấn mạnh, vạch rõ tội ác của kẻ thù đã gieo rắc cho nhân dân ta, đất nước ta trên nhiều lĩnh vực từ chính trị đến văn hóa, kinh tế... - Trong bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>, Bác còn dùng phép tăng cấp: “<i>...tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam</i>”. Với phép tăng cấp này, Bác đã thể hiện cao độ tinh thần độc lập tự chủ của cả dân tộc. - Qua những điều trình bày trên, ta thấy rõ Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh có một giá trị văn chương lớn.
0,5 điểm	Bàn luận	- Cả hai ý kiến đều đúng, tuy có nội dung khác nhau tưởng như đối lập, mâu thuẫn nhưng thực chất là bổ sung cho nhau cùng khẳng định giá trị to lớn của bản tuyên ngôn. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa lịch sử Chính trị và văn chương nghệ thuật. - Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá, là áng văn chính luận mẫu mực; là văn bản pháp lý, văn hoá của muôn đời; là hội tụ về đẹp tư tưởng và tình cảm của Hồ Chí Minh cũng như của toàn dân tộc - Bản Tuyên ngôn xứng đáng là “<i>áng thiên cổ hùng văn</i>”.

HOA CỎ MAY

I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu

hỏi:

Mỗi bông cỏ may như mùi kim nhỏ dệt đan tấm vải ký ức, nhắc một việc nhân hậu trong quá khứ, nhắc một cái quãng vai ấm áp, nhắc một lời động viên đúng lúc đúng người... Nên người cho dẫu đi xa nhưng vẫn như sống cùng ngày mới, cùng vui buồn đang tới, cùng những mạnh mẽ vụng lại của người đang sống.

Khi ai đó gieo những hạt mầm tốt đẹp, nhất định nó sẽ có ngày nảy nở thành vụ mùa bội thu, khiến cho dù chủ nhân có không còn trên cõi đời, thì hương hoa thơm, vị quả ngọt vẫn nhắc khôn nguôi về họ. Khi ta gieo một hạt mầm tốt đẹp ta làm cho cuộc sống của mình tỏa hương.

Khi không gian thông tin càng mở rộng, con người có xu hướng cảm thấy ngạt thở trước dòng thác cuộn cuộn rác rến, tin tức tiêu cực. Những điều đó cộng hưởng thành chất xúc tác góp vào quá trình xây đắp những định kiến, những nghi kỵ, những mất lòng tin. Tất thảy cuối cùng làm xói mòn tất cả. (1) *Khiến người làm lùi đi qua nhau. Khiến bố lăm li tránh khi giữa đường gặp chuyện bất hăng. Khiến mẹ tự biết “bé cái mồm” khi khựng lại trước những gì chướng tai gai mắt. Khiến em nghĩ và tin rằng không còn ai tin vào nước mắt. Khiến anh biết sai quấy mà vẫn cho qua. Khiến thị vô cảm đi về mỗi ngày, chừng nào những đau đớn chưa chạm đến người thân ruột thịt cận kề.*

Không còn tin có điều tốt trên đời là trạng thái còn đáng sợ hơn cái chết. Không còn tin có người tốt trên đời là cảm xúc của trước ngày tận thế, Trạng thái thiếu vắng niềm tin sẽ xói mòn, sẽ 1 mòn tâm hồn con người mỗi ngày còn hơn cả những bệnh tật thể chất, còn hơn cả những axit nạnh nhất. Nhất là đến một ngày không còn ai nghĩ đến gieo hạt nữa, bởi trong tâm đã thiếu vắng niềm tin về mùa màng đơm hoa kết trái.

(Chỉ là những bông cỏ may, Hà Nhân, dẫn theo <https://kenhtrasua.blogspot.com>)

Câu 1. Nêu ngắn gọn chủ đề của văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, điều gì ăn mòn tâm hồn con người. Hậu quả của điều đó?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bàn luận về ý kiến: “Khi ta gieo một hạt mầm tốt đẹp ta làm cho cuộc sống của mình tỏa sáng”.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận bức tranh thiên nhiên trong hai đoạn thơ sau:

Gió theo lối gió, mây đường mây

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

(Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử)

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

(Tây Tiến - Quang Dũng).

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm) Câu 1.

Chủ đề của văn bản trên là: Hãy luôn vững tin và uơm gieo những hạt mầm tốt đẹp trong cuộc sống.

Câu 2.

Theo tác giả, điều ăn mòn tâm hồn con người chính là trạng thái thiếu vắng niềm tin, không còn tin tưởng vào điều tốt đẹp trong cuộc sống. Điều đó dẫn đến hậu quả là không còn ai muốn gieo hạt mầm, tức là không ai làm những việc tốt đẹp nữa, người ta sẽ trở nên thờ ơ, lãnh đạm.

Câu 3.

Đoạn văn dùng phép lặp từ ngữ và lặp cấu trúc ngữ pháp.

Tác dụng:

- + Giúp lời văn có sự liên kết, lô gic và mạch lạc.
- + Làm nổi bật ý tác giả muốn nhấn mạnh: hậu quả của sự nghi kỵ, mất lòng tin chính là những hành động vô cảm, dè chừng của mọi người với nhau.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.
- Về nội dung:
 - + Nêu quan điểm bản thân: đồng ý, không đồng ý,...
 - + Bàn luận ngắn gọn, thuyết phục làm rõ cho ý kiến cá nhân.

Sau đây là một ví dụ:

Niềm tin là vàng. Không còn tin có điều tốt trên đời quả thực là trạng thái còn đáng sợ hơn cả cái chết. Thật vậy, chết là tất cả đều sẽ đến hồi kết thúc, còn mất lòng tin là tâm hồn chết trong một cơ thể vẫn đang còn sống, khiến người ta không còn thấy ý nghĩa của cuộc sống. Cùng là căn bệnh ung thư,

người có niềm tin vui sống và chiến đấu với bệnh tật, người mất niềm tin quay lưng với mọi người, chờ đợi cái chết trong đau đớn. Hãy mở lòng và đón nhận mọi âm vang của cuộc đời đi thôi!

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Khi ta gieo một hạt mầm tốt đẹp ta làm cho cuộc sống của mình tỏa hương. + Gieo hạt mầm; sự cho đi, trao gửi khơi ý nghĩ đẹp, nói lời hay hoặc làm việc tốt. + Tỏa hương: cuộc sống trở nên tươi đẹp, hạnh phúc, Chủ động tạo ra điều tốt đẹp sẽ khiến cuộc sống chính chúng ta ý nghĩa hơn.
Luận bàn	Những việc gieo hạt mầm em gặp trong cuộc sống	+ Giúp đỡ người khó khăn. + Những bác sĩ WHO tình nguyện đến các vùng bị thiên tai/ chiến tranh. + Nụ cười thân thiện với người khác,...
Phản biện	Có nhiều người tốt vẫn bất hạnh thì sao?	+ Tỏa hương có khi chính là có một ý nghĩa, một giá trị tinh thần đối với xã hội, chứ không chỉ là vì bản thân mình. + Bất hạnh hay hạnh phúc chỉ có thể được cảm nhận bởi chính người trong cuộc.
Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Trân trọng những con người biết cho đi, biết sẻ chia. + Chủ động gieo trồng điều tốt đẹp trong cuộc sống.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Hãy biết mở lòng, bởi mỗi nụ cười, mỗi lời nói của mình có thể là hạt mầm tốt đẹp ta gieo trong lòng mọi người, để cuộc sống này thêm phần đẹp đẽ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

ỀỘC HIỂU ỀU CẦU ỀỀ

- Ềôi tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Tây Tiến, Ềây thôn Vp Dạ*

- Dạng bài: So sánh.
- Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về nội dung, nghệ thuật của từng đoạn thơ, so sánh và lý giải sự tương đồng, khác biệt.

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG G Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả tác phẩm	- Quang Dũng tên thật Bùi Đình Diệm, là một người đa tài, có thể vẽ tranh, sáng tác nhạc, nhưng vẫn nổi tiếng và được nhiều người biết đến với tư cách một nhà thơ. Thơ Quang Dũng phóng khoáng, hào đầy lãng mạn, tha thiết tình cảm dành cho bạn bè, cho quê hương xứ sở. - Bài thơ <i>Tây Tiến</i> chính là đưa con tinh thần tráng kiện, hào hoa của cuộc đời thi sĩ, thi phẩm ra đời trong một nỗi nhớ cụ thể: Nhớ về đồng đội, những miền đất và binh đoàn xưa, nơi mà tác giả từng vào Khái quát sinh ra tử. Đặc biệt là nhớ về thiên nhiên miền Tây với những nét đặc vài nét về trung, dữ dội nhưng cũng đầy thơ mộng. - Hàn Mặc Tử là một cây bút tiêu biểu, đỉnh cao của phong trào Thơ mới, là một hiện tượng thơ kì lạ vào bậc nhất của phong trào Thơ mới. Đọc thơ Hàn thi sĩ ta bắt gặp một tâm hồn thiết tha yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, một khát vọng sống mãnh liệt đến đau đớn tột cùng. - Thi phẩm <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> là nốt nhạc trong trẻo trong bản đàn xô loạn đau thương. Được sáng tác trong một hoàn cảnh đặc biệt, khi thi nhân ở trong trại phong, nhận được tấm bưu thiếp của Hoàng Cúc gửi vào. Thi hứng đã đưa nhà thơ trở về với xứ Huế, với Vĩ Dạ mộng mơ, với cảnh và người dịu dàng, chan chứa tình. - Cả <i>Tây Tiến</i> và <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> đều đã vẽ nên những bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, mang dáng nét, mang cái hồn xứ sở.

TRỌNG G TÂM 3.0 điểm	Phân tích đoạn thơ Tây tiến	<i>Người đi Châu Mộc chiều sương ấy Có thấy hồn lau nẻo bến bờ Có nhớ dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa</i> - Hình ảnh “người đi” trong “chiều sương ấy” là một ý thơ độc đáo vô cùng. Độc đáo bởi chiều sương ấy cho ta hiểu là khung cảnh của quá khứ. Cùng cảnh sông nước, tưởng như, người đi ấy đang chèo thuyền ngược dòng ký ức để trở về bờ Châu Mộc hoài niệm. - Buổi chiều thu đầy sương ấy in đậm hồn người khiến cho hoài niệm thêm menh mang. Khi sương nhòa vào dòng nước khiến sương thêm bông bênh, khiến dòng nước càng băng lạnh. Với tâm hồn thi sĩ tài hoa, Quang Dũng đã cảm nhận vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên Châu Mộc qua cảnh sắc “<i>chiều sương</i>” và “<i>hồn lau nẻo bến bờ</i>”. - Điệp ngữ “<i>có thấy</i>”, “<i>có nhớ</i>” khắc vào ấn tượng về miền Tây Bắc. Trước hết là thấy lau ở nẻo bến bờ. Hồn lau là hồn mùa thu, hoa lau nở trắng, lá lau xào xạc trong gió thu nơi bờ sông bờ suối. Nơi ấy cảnh vật vô tri đã hoá tâm hồn trong những người lính. - Trong chia phôi còn có nhớ, nhớ cảnh rồi nhớ đến người. “<i>Có nhớ</i>” con thuyền độc mộc và dáng người chèo thuyền độc mộc? “<i>Có nhớ hình ảnh “hoa đong đưa”</i> trên dòng nước lũ? “<i>Hoa đong đưa</i>” là hoa rừng đong đưa làm duyên trên dòng nước hay là hình ảnh ẩn dụ gợi tả các cô gái miền Tây Bắc xinh đẹp lái thuyền duyên dáng, uyển chuyển như những bông hoa rừng đang đong đưa trên dòng suối? Có lẽ là cả hai, cả thiên nhiên và con người đều là những bông hoa kỷ niệm tuyệt đẹp, luôn bung nở hương sắc trong trí nhớ người lính ấy. + Qua những nét vẽ của nỗi nhớ, thiên nhiên <i>Tây Tiến</i> bỗng chốc mềm mại, thơ mộng và quá đỗi trữ tình, khác hẳn với hình ảnh thiên nhiên dữ dội ở khổ 1.
---	--	--

	Phân tích đoạn thơ Đây thôn Vĩ Dạ	<i>Gió theo lối gió, mây đường mây</i> <i>Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay</i> <i>Thuyền ai đậu bến sông trăng đó.</i> <i>Có chở trăng về kịp tối nay?</i> - Bức tranh thiên nhiên: - Bức tranh tâm trạng: + “Gió theo lối gió, mây đường mây”: Ý thơ đã làm rõ sự chia ly, Mây và gió vốn hai thực thể song hành, gắn bó. Gió thổi mây bay, nhưng giờ đây gió khép kín theo đường của gió, mây rẽ lối theo lối của mây. Đó là một ẩn dụ cho sự chia lìa cách biệt. Có lẽ với một người mắc bệnh nan y, trong tâm tưởng luôn khó tránh những mặc cảm chia lìa đau. Cho nên từ “kịp” nghe sao hối thúc, vội vã, gọi bao niềm tiếc xót trong tâm khảm thi nhân. - Có thể nói, cảnh Huế mộng mơ, lung linh nhưng đượm nỗi buồn.
SO SÁNH 1.0 điểm	Tương đồng và khác biệt	- Nét tương đồng: + Cả hai bài thơ đều mang đậm dấu ấn của ký ức, đều được vẽ bằng n) x đồng và niềm mến yêu tha thiết của tác giả dành cho cảnh và người. + Cả hai đoạn thơ đều vẽ nên những bức tranh thiên nhiên, cảnh sông nước tuyệt đẹp, với bút pháp lãng mạn, và bằng ngòi bút thật tài hoa. + Trong cảnh luôn chứa tâm trạng, nỗi niềm - Nét khác biệt: + <i>Tây Tiến</i> khắc họa vùng thiên nhiên miền Tây thật đặc trưng với thi cảnh vật hoang sơ, hùng vĩ. Còn <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> vẽ nên cái đặc trưng của hồn xứ Huế, nhẹ nhàng, trầm tư, lung linh mà thơ mộng. . + Đoạn thơ trong bài thơ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> mang màu sắc tâm trạng chia ly, mong nhớ khắc khoải, mang âm hưởng của hồn thơ mới. Đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> mang nỗi nhớ da diết về thiên nhiên miền Tây, về kỷ niệm kháng chiến, mang âm hưởng hào hùng của thời kỳ kháng chiến.
	Lý giải	- Quang Dũng và Hàn Mặc Tử đều là những hồn thơ lãng mạn, tài hoa. Tuy nhiên, hai nhà thơ sáng tác trong những hoàn cảnh khác nhau, ở đây chúng ta cũng cần chú ý đến yếu tố thời đại tác động đến nội dung của bài thơ. - Thứ hai là cảnh ngộ riêng của mỗi tác giả đã để lại niềm riêng, xúc cảm chủ đạo cũng như dấu ấn khác nhau trong hình ảnh thơ.

KHOẢNG TRỐNG**I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc văn bản và trả lời các câu

hỏi:

Hắn em cũng biết thừa rằng, nhiều khi *khoảng trống chẳng phải là vô nghĩa*. [...] Khoảng trống cũng góp cho đời những giá trị, nếu em chịu khó “trò chuyện” cùng nó.

Khoảng trống của hàng cây cho em biết nâng niu bóng mát.

Khoảng trống của nắm đất nhắc nhở sự hữu hạn của phận người.

Khoảng trống trong thành quách, đền đài cho em ký ức quá khứ.

Khoảng trống trên chiếc ngai vàng cho em cảm phục ý chí của bước chân người, mãi miết và mãi miết đi đi, cho đến tận cùng ánh sáng dân chủ, cộng hoà.

Khoảng trống trong nồi cơm gọi nỗi ám ảnh về ngày giáp hạt.

Khoảng trống trong không gian cho người ta nhìn thấu lên tận các vì sao.

Khoảng trống trên trận địa được viết lên mỗi mét vuông đất hai chữ quý và giá. Quý là hương hỏa, Giá là máu xương.

Khoảng trống trong mắt bạn cảnh báo em đã làm điều gì dại dột.

Khoảng trống một chỗ ngồi trong lớp học cho em thương cảm về một giọt mực đã lặng lẽ rơi bên ngoài cửa lớp.

Khoảng trống của chiếc răng cửa trên “hàng tiền đạo” nhắc em ngày em đi qua thời mẫu giáo và trở thành nàng “sinh viên” lớp một.

Khoảng trống sinh học nhắc nhủ em về một giá trị thiêng liêng chẳng dễ gì bù đắp nổi.

Và hôm nay khoảng trống sân trường có cho em tiếc nuối năm học đã qua cùng bao dự định, khi những chiếc lá vàng ngồi cô đơn trên ghế đá mơ về một ngày trời đất sang thu?

(Giá trị của khoảng trống, Đoàn Công Lê Huy, dẫn theo <https://gacsach.com>)

Câu 1. Văn bản sử dụng phương thức lập luận nào? Nêu câu chủ đề của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép liên kết hình thức được tác giả sử dụng nhiều nhất trong văn bản?

II. LÀM VĂN (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm)**

Những khoảng trống ý nghĩa trong em.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận về đẹp thi trung hữu hoa trong đoạn thơ dưới đây:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài khao sương lập đoàn quân mới
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thăm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

(Tây Tiến - Quang Dũng)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1.

Phương pháp lập luận diễn dịch được tác giả sử dụng để làm nổi bật cho câu chủ đề được đặt ở đầu văn bản: “*Hắn em cũng biết thừa rằng, nhiều khi khoảng trống chẳng phải là vô nghĩa*”.

Câu 2.

Phép liên kết chính của văn bản là phép lặp. Tác giả lặp lại từ “*khoảng trống*” 14 lần để nhấn mạnh cho đề tài đang bàn tới. Từ “*khoảng trống*” trở thành điểm nhấn, hiện đi hiện lại trước mắt cũng như tâm trí người đọc, cho chúng ta những cảm nhận rất đặc biệt về những điều có thể quen thuộc mà bình thường ta không để ý.

Câu 3.

Tác giả cho rằng “*khoảng trống chẳng phải là vô nghĩa*” bởi lẽ “*khoảng trống cũng góp cho đời những giá trị*”, chỉ là chúng ta có đủ tính ý để nhận ra những giá trị ấy hay không mà thôi. Và tác giả đã lấy một loạt dẫn chứng, giúp ta hiểu rõ hơn giá trị của những khoảng trống. - Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

Câu 4.

- Về nội dung:

+ Nêu ý hiểu của bản thân.

+ Bàn luận ngắn gọn, thuyết phục làm rõ cho cách hiểu đó.

Sau đây là một cách hiểu:

“*Khoảng trống một chỗ ngồi trong lớp học cho em thương cảm về một giọt mực đã lặng lẽ rơi bên ngoài cửa lớp*”. Hình ảnh ẩn dụ “*giọt mực đã lặng lẽ rơi bên ngoài cửa lớp*” cho ta hai liên tưởng móc xích với nhau. Đó là hoàn cảnh của những học sinh đã phải dừng việc học tập sớm hơn các bạn, giọt mực thom không còn vương trên trang vở, trong lớp học. Điều đó cũng khiến ta nghĩ đến những giọt nước mắt

đã rơi lặng lẽ khi bạn đó phải xa lớp, xa trường, xa các bạn. Khoảng trống ấy khiến cho ta không khỏi xót xa, và cũng để lại cho ta những khoảng trống...

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Với em, khoảng trống cũng có những ý nghĩa của riêng nó. + Khoảng trống ở đây không hẳn là chỉ không gian vật chất; đó cũng là khái niệm để chỉ sự không nối tiếp, không liên tục của thời gian, của lời nói, của suy nghĩ, của cảm xúc, là khoảng trống tinh thần,...
Luận bàn	Những khoảng trống có ý nghĩa trong em	Ví dụ: + Khoảng trống của bên đường cho em nhớ một bóng cây trong quen thuộc. + Khoảng trống trên màn hình điện thoại khiến em nhớ những tin nhắn ấm áp, thân quen của cô bạn. + Khoảng trống giữa những lời nói làm em cảm nhận được nỗi ngượng ngịu của cậu bạn đang ngổ lời.
Phản biện	Khoảng trống ấy có thực sự là khoảng trống? Vì sao nó có giá trị?	+ Khoảng trống không hẳn là khoảng trống vô nghĩa, mà nó là sự khác biệt, sự thay đổi. + Khoảng trống ấy chứa đựng những điều khác, nó có sức khơi gợi những suy nghĩ, những cảm xúc cho riêng em. Bởi vậy, với em, nó có ý nghĩa.
Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Trân trọng những khoảng trống ý nghĩa. + Nếu làm được gì để vơi bớt nỗi buồn và tăng thêm niềm vui từ những khoảng trống, hãy thử!
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Khoảng trống sẽ không là sự trống rỗng, bằng cả con tim và khối óc.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

Biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ. Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỆU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Tây Tiến*
- Dạng bài: phân tích

- Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về bút pháp thi trung hữu hoa, phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ

thuật của đoạn thơ để làm bật lên nét thi trung hữu hoạ.

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Quang Dũng nhà thơ của xứ Đoài mây trắng, nhà thơ của những vần vài nét về thơ lãng mạn, bay bổng, đậm nét hào hoa. Là gương mặt tiêu biểu tác giả tác trong thơ ca kháng chiến chống Pháp. - <i>Tây Tiến</i> vừa chỉ hướng hành quân, vừa là tên một đơn vị quân đội được thành lập đầu năm 1947. <i>Tây Tiến</i> có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt - Lào, đồng thời đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam. Địa bàn đóng quân và hoạt động của đoàn quân khá rộng nhưng chủ yếu là ở biên giới Việt - Lào. Chiến sĩ <i>Tây Tiến</i> phần đông là thanh niên, học sinh, trí thức Hà Nội, chiến đấu trong những Fantinh chất hoàn cảnh gian khổ thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, họ sống rất lạc quan và chiến đấu rất dũng cảm. Quang Dũng là đại đội trưởng ở đơn vị Tây Tiến từ đầu năm 1947, rồi chuyển sang đơn vị khác. Rồi đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh Quang Dũng viết bài thơ <i>Nhớ Tây Tiến</i>. Khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là <i>Tây Tiến</i>. - <i>Tây Tiến</i> là một bài thơ xuất sắc, có thể xem là một kiệt tác của Quang Dũng, xuất hiện ngay trong thời gian đầu của cuộc kháng chống thực dân Pháp.
TRỌNG TÂM 3.5 điểm	Giải thích cụm từ Thi trung hữu hoạ	- Thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm. Thi trung hữu hoạ: Trong thơ có hoạ (có tranh, có cảnh). Tức là nói đến đặc trưng của thơ trữ tình là giàu hình ảnh, giàu tính I là chất tạo hình, đọc thơ mà tưởng thấy cả khung cảnh hiện ra ở trước mắt.

Phân tích chứng minh	- Tình hoa được tạo nên trong nỗi nhớ chơi vơi, nỗi nhớ chông chênh chứng giữa hai bờ thực ảo: <i>Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi</i> <i>Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi</i> + Mở đầu bài thơ là lời gọi tha thiết, ngọt ngào. Tác giả gọi tên đơn vị Tây Tiến, gọi tên con sông vùng Tây Bắc: sông Mã mà thân thiết, dạt dào cảm tình như gọi tên những người thân thương trong cuộc đời mình. Phải chăng trung đoàn Tây Tiến, núi rừng Tây Bắc gần gũi, thân thương với tác giả và khi xa thị Tây Bắc, Tây Tiến trở thành một “mảnh tâm hồn” của tác giả. + Nhớ chơi vơi gọi lên dài rộng về không gian, gọi nên cái xa cách về thời gian. Tất cả đã lùi về quá khứ. Quang Dũng cất lên tiếng gọi, tin như sự níu kéo mọi ký ức quay trở lại. Và trong xúc cảm đó, bao kỷ niệm, bao hình ảnh đã hiện về. - Tình hoạ được gọi lên qua những địa danh và thời tiết khắc nghiệt xứ sở miền Tây: <i>Sài khao sương lập đoàn quân</i> <i>Mường Lát hoa về trong đêm hơi</i> + Sài Khao, Mường Lát là hai địa danh tiếp theo được nhắc đến, Những cái tên như có sức tạo hình, nó gọi những nơi chốn hoang sơ, thưa vắng, heo hút. Những cái tên như những địa chỉ in hằn dấu chân người lính. Và cùng chính nơi hoang vu đó, ký ức đập về màn sương
------------------------------------	---

		về lạnh trắng phủ kín lối đi, che lấp cả đoàn quân mỗi một. Sương bông bệnh, giá buốt làm trơn ướt những con đường, làm tê lạnh da người. - Một hình ảnh rất gợi là: “<i>Mường Lát hoa về trong đêm hơi</i>”. Đêm hơi là đêm ẩm hơi sương, là đêm lạnh. Tiếp tục gợi sự khắc nghiệt của khí hậu. Nhưng từ hoa về, lại đem đến nhiều cách hiểu. Có thể hiểu hoa theo nghĩa thực, những bông hoa rừng nở, mùi hương quyến trong đêm hơi. Nhưng cũng có thể hiểu, khi chiến sĩ hành quân đêm, những bó đuốc họ mang, giống như những bông hoa lửa, phá đi giá lạnh và đêm tối. - Tính hoạ được thể hiện đặc sắc qua hình ảnh những con dốc Tây Tiến: <i>Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm</i> <i>Heo hút cồn mây súng ngửi trời</i> <i>Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống</i> <i>Nhà ai Pha Luông mira xa khơi.</i> + Đất nước ta với đặc điểm địa hình 3/4 là núi đồi, nhưng qua những lời thơ đậm chất tạo hình của Quang Dũng, tưởng chừng như bao dãy đồi, ngọn núi đều đã “đổ bộ” hết lên vùng miền Tây này, phủ đặc trên những cung đường của binh đoàn Tây Tiến. Điệp từ dốc vừa gợi sự liên tiếp, chồng chất của những con dốc, dốc này chưa qua dốc khác đã phủ hiện trước mặt. + Hơn thế nữa những từ lấy đi kèm còn gợi cả cái khốc liệt của những con dốc, “<i>Khúc khuỷu</i>”, “<i>thăm thẳm</i>”, “<i>heo hút</i>” về cho ta một hình dung về sự hoang sơ, kHù vĩ, xa xôi, trực trặc, mấp mô, hun hút rợn người. + Nhưng đặc biệt hơn, bằng thủ pháp đối lập, sự kinh hoàng, hiểm trở của những con dốc nơi đây mới hiện lên đầy đủ: “<i>Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống</i>”. Đó là một sự gập gập đột ngột, bất ngờ. Không hề thoải thoải dễ đi như những vùng miền khác, dốc nơi này dựng cao chót vót, nổi lên, vươn lên thẳng đứng chạm cả mây trời. Nhưng khi chạm đỉnh dốc rồi, sa chân bước hụt có thể rơi ngay xuống chân dốc sâu thăm thẳm. + Nếu câu thơ “dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm” tới 5 thanh trắc trong 1 câu thơ đã tạo nên được những liên tưởng thật kHù thú, rợn ngợp, kích thích, thì câu thơ: <i>Nhà ai Pha Luông mira xa khơi</i> lại lập lại thể cân bình, câu thơ được dệt bởi những thanh bằng liên tiếp, lại, can bình, câu thơ được gợi tả sự êm dịu, tươi mát của tâm hồn những người lính trẻ, trong gian khô vẫn lạc quan yêu đời. Nhịp thơ cũng chậm lại, âm điệu nhẹ nhàng như phút nghỉ chân hiếm hoi của người lính. Trong màn mưa rừng, tất cả nhạt nhòa, bao mệt nhọc cũng tan biến, chỉ còn lại cảnh bông bèo, thi vị.
--	--	--

BÌNH LUẬN 0,5 điểm	Bình luận đánh giá	- Quang Dũng không chỉ được biết đến với tư cách là một nhà thơ: đánh giá, ông là một nghệ sĩ đa tài, có thể vẽ tranh và sáng tác nhạc. Cho nên, chính tài năng nhiều mặt đó đã bổ trợ tương hỗ nhau, để Quang Dũng dựng tạo nên những nét vẽ thật ấn tượng về thiên nhiên miền Tây. - Có nhà phê bình đã từng cho rằng, những vần thơ viết về dốc <i>Tây Tiến</i> là những vần thơ tuyệt bút, có lẽ bởi tính hoạ đậm nét đã làm tối nên điểm sáng cho cả bài thơ, làm nên ấn tượng lâu bên trong lòng người đọc bao thế hệ.
---	-------------------------------	---

ĐỐI DIỆN NGHỊCH CẢNH**I. ĐỌC - HIỂU (3****điểm) Đọc đoạn trích:**

Người con gái than phiền với cha về cuộc sống, rằng mọi thứ thật là khó khăn với cô ấy. Cô không biết làm sao để tạo dựng sự nghiệp và rồi cô muốn từ bỏ. Cô đã mệt mỏi vì phải vật lộn với cuộc sống. Đường như ngay sau khi một vấn đề được giải quyết xong thì một vấn đề mới lại nảy sinh...

Cha cô ấy là một đầu bếp trưởng. Ông dắt cô vào bếp, đổ đầy ba ấm nước và đặt chúng vào ba bếp lửa đang cháy. Không lâu sau đó, những ấm nước bắt đầu sôi. Ông bỏ những củ cà rốt vào một ấm, vài quả trứng vào ấm thứ hai và một nhúm bột cà phê vào ấm còn lại. Ông để cho chúng tiếp tục sôi mà không nói một lời nào.

Người con gái cắn răng và chờ đợi một cách thiếu kiên nhẫn. Cô đang tự hỏi không biết cha mình đang làm gì? Khoảng 20 phút sau, ông tắt các bếp lửa. Ông lấy những củ cà rốt ra và đặt chúng vào một cái bát. Rồi ông vớt những quả trứng ra và đặt chúng vào một cái bát khác. Cuối cùng ông rót cà phê ra một cái bát khác nữa. Thế rồi ông quay sang cô con gái và hỏi:

- Con đã thấy những gì?

Cô con gái đáp:

- Thừa cha, đó là những củ cà rốt, mấy quả trứng và bột cà phê.

Ông kéo con gái lại gần hơn và bảo cô chạm vào những củ cà rốt. Cô sờ vào những củ cà rốt và nhận thấy rằng nó mềm. Rồi ông bảo cô ấy cầm một quả trứng và đập vỡ nó. Sau khi lột sạch lớp vỏ, cô thấy quả trứng chín và cứng.

Cuối cùng, người cha yêu cầu cô con gái ném nước cà phê. Cô ấy đã mỉm cười khi ném cà phê đậm đà hương vị.

Thế rồi cô hỏi:

- Cha muốn nói với con điều gì đây?

Người cha chậm rãi giải thích. Mỗi một vật trên đều đã tiếp xúc với cùng một hoàn cảnh bất lợi là nước sôi, nhưng chúng đã phản ứng theo những cách khác nhau. Cà rốt vốn cứng chắc, nhưng sau khi bỏ vào trong nước sôi thì nó mềm hẵn đi. Quả trứng vốn dễ vỡ, chỉ có lớp vỏ mỏng manh bên ngoài để bảo vệ cho chất lỏng bên trong của nó, Nhưng sau khi bỏ vào nước sôi, phần bên trong lại trở nên cứng hơn. Bột cà phê thật kỳ diệu, sau khi cho vào nước sôi đã làm cho nước thay đổi hẳn,

Người cha hỏi con gái:

- Con là thế nào trong số đó? Khi nghịch cảnh gõ cửa, con sẽ phản ứng thế nào? Con trở nên mềm yếu như cà rốt, trở nên cứng rắn ở bên trong như quả trứng, hay con làm thay đổi những hoàn cảnh ấy, như bột cà phê?"

(Cà rốt, trứng, cà phê và câu chuyện vượt qua nghịch cảnh để thành công, Phương- Thảo, dẫn theo <http://cafebiz.vn>)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

Câu 2. Người cha đã cho những gì vào trong ba nồi nước sôi. Vì sao ông lại chọn những thứ đó?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Khi nhìn cảnh gỗ cửa, bạn sẽ phản ứng thế nào?

NLVH:

Người lính là đề tài quen thuộc, thế nhưng mỗi nhà thơ lại có cách khám phá và thể hiện riêng. Trong bài *Tây Tiến*, Quang Dũng viết:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều
thơm”.*

Trong thi phẩm *Việt Bắc*, Tố Hữu viết:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.*

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của hình tượng người lính được khắc họa qua hai đoạn thơ trên.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là tự sự.

Câu 2.

Người cha cho ba thứ vào nước sôi: cà rốt, trứng và bột cà phê.

Ông chọn ba thứ này vì biểu hiện của chúng sau khi bị cho vào nước sôi rất khác nhau. Qua đó, người cha muốn gửi gắm tới con gái mình bài học khi đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc đời.

Câu 3.

Qua cách giải thích của người cha:

+ Củ cà rốt là ẩn dụ cho con người yếu đuối, dễ bỏ cuộc.

+ Quả trứng ẩn dụ cho con người nội tâm mềm dẻo, thích nghi tốt, trở nên mạnh mẽ, vững vàng sau thử thách.

Câu 4.

+ Bột cà phê là ẩn dụ cho người dám thử thách, thay đổi hoàn cảnh, xuất sắc ngay trong hoàn cảnh khó khăn nhất.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: có nhiều cách nói, chỉ cần nêu được nội dung chính: thông điệp người cha muốn gửi gắm tới con gái là con chính là người quyết định cách đối diện trước hoàn cảnh và hãy mạnh mẽ, kiên cường, bản lĩnh trước nghịch cảnh.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Cuộc đời không thể không có những nghịch cảnh. Chỉ là chúng ta sẽ ứng xử ra sao trước những nghịch cảnh. + Nghịch cảnh là những điều kiện hoàn cảnh éo le trong cuộc sống.
Luận bàn	Có nhiều cách đối diện với nghịch cảnh	+ Có người sợ hãi, run rẩy và bỏ cuộc, người đó đã chịu thua và càng ngày càng xa sự thành công. + Có người sẵn sàng đối diện bị hoàn cảnh éo le xô đẩy, nhưng vẫn vững vàng và trở nên mạnh mẽ, dạn dày sau bão tố. + Có người lại bằng bản lĩnh và trí tuệ, dần dần thay đổi hoàn cảnh để vươn lên. Ta không thể quyết định nghịch cảnh, nhưng ta được lựa chọn cách ta đối diện với nó.
Phản biện	Nghịch cảnh không san bằng cho mọi người	+ Có những người may mắn trọn đời, lại có người quá nhiều nghịch cảnh. Hãy nhìn nhận đó là thử thách.

Giải pháp	Làm gì để vươn lên nghịch cảnh?	+ Xã hội có thể chung tay giúp đỡ những người gặp nhiều khó khăn.
-----------	---------------------------------	---

	+ Cộng đồng + Cá nhân	+ Mỗi người cần mạnh mẽ hơn, sẵn sàng đối diện với những khó khăn, thử thách.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Bản thân cũng từng cảm thấy thất bại, nhưng giờ, mọi thứ lại thân đang mở ra những điểm khởi đầu quý giá khác...

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Tây Tiến, Việt Bắc</i> - Dạng bài: So sánh hai đoạn thơ - Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về nội dung, nghệ thuật của từng đoạn trích, so sánh được những tương đồng và khác biệt, lý giải được những thương đồng và khác biệt đó.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM.		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Quang Dũng không chỉ được biết tới với tư cách là một nhà thơ, ông là người nghệ sĩ đa tài. Gắn mình với cuộc kháng chiến chống vài nét về Pháp và tự bản thân lớn lên trong cuộc chiến tranh vệ quốc khốc liệt tác giả đó, Quang Dũng đã cho ra đời những tác phẩm hay nhất đời mình. Quang Dũng mang hồn thơ bay bổng, phóng khoáng, hào hoa đầy lãng mạn, tha thiết tình cảm dành cho bạn bè, cho quê hương xứ sở. Thơ Quang Dũng nằm giữa biên giới của thật và mơ, như khói như mây mờ mờ ảo ảo, như tiếng vọng từ chân trời nào xa vắng... - <i>Tây Tiến</i> - một bài thơ nói về vùng đất phía tây tổ quốc hùng vĩ tuyệt vời thơ mộng, cùng một đoàn binh có lắm nét khác thường từ thành phần tham gia đến nhiệm vụ được giao và những nếm trải suốt dọc hành trình. Viết <i>Tây Tiến</i> chính là viết về một đoạn đời của thi nhân. Hay nói cách khác, mảnh ký ức, kỉ niệm của Quang Dũng cùng là của đất nước, lịch sử - một giai đoạn gian khó hào hùng không thể nào quên. - Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc, là cánh chim đầu đàn của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Về phong cách nghệ thuật: Tô Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị thể hiện nồng nhiệt tự hào lý tưởng cách mạng, đời sống cách mạng của Nhân dân ta. Thơ Tố Hữu chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, màu sắc lịch sử được diễn tả bằng bút pháp lãng mạn, hình tượng thơ kì vĩ, tráng lệ. Nét đặc sắc trong thơ Tố Hữu là có giọng điệu riêng. Thơ liền mạch, nhất khí tự nhiên, giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết. - Thi phẩm <i>Việt Bắc</i> được viết nhân một sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử, Tháng 10 - 1954 Trung ương Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc (thủ đô kháng chiến) về thủ đô Hà Nội. Sau bao nhiêu năm chung sống ở mảnh đất Việt Bắc, sống trong tình quân dân chan hòa nồng thắm ấy thế mà nay những người chiến sĩ đành phải cất bước ra đi, Cảm xúc cũng như những ưu tư chính là xuất phát điểm để bài thơ
--	---	--

		được ra đời.
TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Tây Tiến	<i>Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc</i> <i>Quân xanh màu lá dữ oai hùm</i> - Hai câu thơ trần trụi như hiện thực chiến tranh những năm tháng kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh đoàn quân “không mọc tóc” vừa gợi nét bi hài vừa phản ánh cái khốc liệt của chiến tranh. - Cái hình hài không lấy gì làm đẹp “<i>không mọc tóc</i>”, “<i>xanh màu lá</i>” tương phản với nét “<i>dữ oai hùm</i>”. Bằng bút pháp tài hoa, Quang Dũng làm bật chi khí hiên ngang, tinh thần quả cảm xung trận của các chiến binh <i>Tây Tiến</i> từng làm quân giặc khiếp sợ. - “<i>Dữ oai hùm</i>” là hình ảnh ẩn dụ nói lên chí khí của người lính <i>Tây Tiến</i>, tuy các chiến sĩ cỏ gầy, xanh nhưng không hề yếu, chí khí của người lính vẫn như con hổ nơi rừng xanh. Cái tài của Quang Dũng 4 là khắc họa chân dung bên ngoài của chiến sĩ <i>Tây Tiến</i> tuy gầy, xanh nhưng vẫn toát lên được cái oai phong, khí phách. <i>Mắt trông gửi mộng qua biên giới</i> <i>Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm</i> - Các chiến sĩ <i>Tây Tiến</i> mộng và mơ gửi về hai phía chân trời: biên giới và Hà Nội, biên giới là nơi còn đầy bóng giặc, Hà Nội là nơi còn đó những kỉ niệm, những người thân thương,... - Chiến sĩ <i>Tây Tiến</i> vốn là những thanh niên Hà Nội “Xếp bút nghiên theo việc đao, cung”, họ là những chàng thanh niên trẻ hào hoa, lãng mạn và đa tình. Khi xa Hà Nội, tiến về Tây Bắc để thực hiện nhiệm vụ thì các chiến sĩ luôn “Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long”. Sống giữa chiến trường ác liệt nhưng tâm hồn các anh luôn hướng về Hà Nội, mơ về Hà Nội. Hình ảnh “<i>dáng kiều thơm</i>” của Quang Dũng đem đến cho người đọc nhiều điều thú vị, đặc tả được chất lính trẻ trung, hào hoa, lãng mạn của binh đoàn <i>Tây Tiến</i> trong trận mạc.

Việt Bắc	<i>Những đường Việt Bắc của ta</i> <i>Đêm đêm rầm rập như là đất</i> <i>rung Quân đi điệp điệp trùng</i> <i>trùng</i> <i>Anh sao đầu súng bạn cùng thì nan</i> - Chỉ vài nét phát hoạ khung cảnh hùng tráng của cuộc kháng chiến ở Việt Bắc, Tố Hữu đã cho người đọc cảm nhận được khí thế hào hùng, mạnh mẽ của khối đoàn kết toàn dân toàn diện, sự hoà quyện gắn bó giữa thiên nhiên với con người - tất cả tạo thành hình ảnh đất nước đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do, vì hạnh phúc, tương lai của dân tộc. - Đêm đêm, những bước chân hành quân “rầm rập”, làm rung chuyển cả đất trời, bước chân của những người không lồ đội trời đạp đất, làm nên những kì tích anh hùng. - Khí thế bừng bừng của quân ta được miêu tả hết sức sinh động. Các từ láy có giá trị tượng thanh, tượng hình: “<i>rầm rập</i>”, “<i>điệp điệp</i>”, “<i>trùng trùng</i>”, biện pháp so sánh như là đất rung” diễn tả được không khí hờ hởi, sôi sục trong những ngày hành quân ra mặt trận làm nổi bật được sức mạnh cuộn như thác lũ của quân ta. Tưởng chừng như nơi đây đang diễn ra một cơn địa chấn làm long trời lở đất báo hiệu những đòn sấm sét sắp giáng xuống đầu thù. - Ý thơ phô trương sức mạnh hùng hậu của quân đội ta: <i>“Quân đi điệp điệp trùng trùng</i>
------------------------	--

		- Chỉ hai câu mà tạo nên bức phù điêu điệp trùng, hùng vĩ của Việt Bắc kháng chiến. Không khí kháng chiến, không khí lịch sử được tái hiện qua màu sắc thần kì sử thi. Đoàn quân ra trận đông đảo, người người lớp lớp, như sóng cuộn “điệp điệp trùng trùng”. Có “ảnh sao đầu súng” soi chiếu lý tưởng, đó là đội quân bất khả chiến bại.
SO SÁNH	Tương đồng – khác biệt	- Tương đồng: Họ đều hiện lên trong sức mạnh, đó là sức mạnh của ý chí phi thường, sức mạnh của niềm tin tưởng. Những người chiến sĩ đều bật lên vẻ đẹp của lý tưởng, về sự ý thức và trách nhiệm. Họ là những con người gánh vác đại nghiệp, là người tiên phong, là sức mạnh mũi nhọn chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược. - Khác biệt: Linh Tây Tiến được hiện lên trong cái nhìn cận cảnh, cụ thể, được hiện lên qua sự trần trụi đến tàn khốc của chiến tranh, nhưng ẩn sau vẻ bề ngoài thô ráp là tâm hồn lãng mạn và hết sức hào hoa. Còn trong Việt Bắc, nhà thơ không tả cận mà tả ở cấp độ khái quát, cho nên, hình ảnh đoàn quân hiện lên trùng điệp như núi non, thác lũ. Sức mạnh nơi họ là sức mạnh của khối đoàn kết to lớn, của lý tưởng mạnh mẽ, tầm vóc vũ trụ.
	Lý giải	- Quang Dũng khắc họa người lính qua bút pháp lãng mạn, đầy bay bổng, tạo nên chất riêng của người lính trẻ Hà thành. - Với Tố Hữu, ông sử dụng bút pháp của sử thi, tạc dựng nên bức tượng đài khải vũ, sức mạnh lớn lao, trong không gian rộng lớn của núi rừng. Nó phù hợp với không khí ra trận những ngày tháng hào hùng, chói lọi.

TỰ RÈN LUYỆN

**I. ĐỌC – HIỂU (3
điểm)**

Đọc đoạn trích:

Chuyện xưa kể rằng, có một anh tiều phu đến gặp ông chủ xưởng gỗ để xin làm việc. Thấy anh khỏe mạnh, chăm chỉ, lại thật thà, ông chủ xưởng nhận ngay.

Để đáp lại lòng tốt của người chủ, anh tiều phu tự nhủ sẽ làm việc thật cố gắng. Các chiếc rìu của mình lên vai, anh chàng đi vào rừng và chăm chỉ đốn gỗ.

Sau một ngày dài làm việc, người tiều phu mang về 18 cây gỗ. Ông chủ hài lòng, vỗ vai anh và khích lệ: “Tốt lắm chàng trai, hãy cứ tiếp tục phát huy.

Ngày tiếp theo, anh chặt tới 20 cây gỗ, rồi 25 cây, 30 cây. Số tiền kiếm được ngày càng nhiều, sự tin tưởng của người chủ càng lớn.

Ngày thứ 5, sau khi làm việc hăng say từ sáng đến tối, anh tiều phu chắc mẫm mình đã chặt được nhiều hơn số gỗ ngày trước đó. Nhưng khi đêm lại, anh giật mình phát hiện ra số gỗ mình chặt được chỉ được 15 cây.

Tự nhủ không thể để chuyện này lặp lại, sang ngày thứ 6, anh chàng thậm chí làm việc quần quật hơn hôm qua, không nghỉ lấy một phút. Thế nhưng, kết quả cuối ngày khiến anh rất buồn lòng khi số gỗ đốn được chỉ là 15 cây.

Anh chàng tìm đến ông chủ, buồn rầu than minh: “Có lẽ tôi đã mất đi sức mạnh của mình rồi thưa ngài. Tôi không thể hiểu chuyện gì đã xảy ra”.

Ông chủ xưởng gỗ nhìn người tiều phu và chiếc rìu sứt mẻ của anh ta một lúc lâu, rồi thông thả hỏi: “Lần cuối cùng cậu mài chiếc rìu của mình là khi nào?”.

“Mài rìu ư? Tôi đã dành hết thời gian của mình để đốn cây, chẳng có giây phút nào ngơi nghỉ để mài rìu cả”, anh tiều phu thật thà đáp. “Vậy đó chính là lý do đấy chàng trai”, ông chủ đáp lại.

(Câu chuyện mài chiếc rìu cùn... Lam Thiên (kể), dẫn theo <http://cafebiz.vn>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

Câu 2. Bốn ngày lao động đầu tiên, người tiều phu trong truyện đã dựa vào điều gì để có được hiệu quả công việc cao?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Với câu chuyện này, Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln đúc kết lại bằng một câu nói nổi tiếng: “Nếu cho tôi 6 giờ để chặt một cái cây, tôi sẽ dành 4 tiếng để mài rìu”. Hãy bàn luận.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp tình quân dân của Việt Bắc trong đoạn thơ: .

Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn
Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

Qua đó, cùng nhìn lại hình ảnh người chiến sĩ buổi đầu giác ngộ, biết gắn bó với quân chúng, trọng *Từ ấy* để cảm nhận sự vận động, trưởng thành của cái Tôi trữ tình Tố Hữu.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1

Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là tự sự.

Câu 2

Bốn ngày lao động đầu tiên, người tiều phu đã dùng sức khỏe và sự nỗ lực, siêng năng để có được hiệu suất lao động cao, từ việc đốn được 18 cây, đến 20, 25 rồi 30 cây mỗi ngày.

Câu 3

Việc mài rìu của người tiều phu là một hình ảnh mang tính chất ẩn dụ cho quá trình mài giũa, trau dồi bản thân của mỗi người trong cuộc sống.

Nếu số cây đốn được như những thành tựu ta đạt được, ta hăng say đề ra những mục tiêu mới mà quên mất việc phải bồi dưỡng, trau dồi thêm cho chính mình.

Câu 4

– Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nếu thông điệp ý nghĩa với bản thân:

- Sức khỏe là vốn quý
- Sự nỗ lực, đam mê tạo nên sức mạnh
- Không ngừng trau dồi, phát triển năng lực, vượt qua giới hạn bản thân.

+ Bàn luận, thuyết phục cho ý kiến của mình.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Trau dồi bản thân giúp bạn chinh phục thế giới và có được thành công trọn vẹn. “Nếu cho tôi 6 giờ để chặt một cái cây, tôi sẽ dành 4 tiếng để mài rìu”. + Chặt cây: nhiệm vụ phải hoàn thành, + Mài rìu: chuẩn bị, trang bị,... Cần có sự chuẩn bị chu đáo trước khi hành động.
Luận bàn	Vì sao cần chuẩn bị	+ Để đạt được kết quả cao nhất: chuẩn bị tốt luôn báo trước một nửa sự thành công. + Hạn chế được những rủi ro, thất bại hoặc tổn thất không đáng có: hao tổn sức khỏe, chi phí,....
Phản biện	Đôi khi ta không có không cần thời gian chuẩn bị	+ Mài rìu theo nghĩa rộng chính là sự trau dồi tri thức, sức khỏe, tinh thần để bắt tay vào nhiệm vụ. Đây là quá trình học tập, rèn luyện lâu dài chứ không phải ngày một ngày hai. + Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng đón nhận mọi bất ngờ, luôn chủ động trong mọi hoàn cảnh.
Giải pháp	Mài rìu thế nào cho sắc bén? + Nhận thức + Hành động	+ Xã hội nâng cao vai trò của việc đào tạo kĩ năng cho con người (thay vì dạy kiến thức suông). + Học tập, tự rèn luyện để bản thân bắt kịp xu thế thời đại.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Ôn thi THPT, học Đại học, học nghề cũng là mưa dầm thấm sâu, cần biết trau dồi không ngừng nghỉ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ẸC HIỂU YÊU CẦU ẸẸ

- Ẹối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Việt Bắc*
- Ẹối tượng liên hệ: Từ ấy
- Dạng bài: phân tích, liên hệ
- Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về nội dung trọng tâm: tình quân dân, nghệ thuật, của đoạn thơ. Từ đó liên hệ với Tây Tiến để thấy rõ sự trưởng thành trong cách nghĩ, trong mối quan hệ với quần chúng, sự vận động phát triển của cái Tôi trữ tình.

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả tác phẩm	- Nhắc đến Tố Hữu là nhắc đến cánh chim đầu đàn, lá cờ đầu của nền CHUNG Khái quát thơ ca cách mạng. Là nhắc tới người thư ký trung thành của những chặng đường lịch sử dân tộc. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, trong thời kỳ đất nước bị đô hộ, nhân dân lầm than. sớm được giác ngộ cách mạng và từ đó xem lý tưởng Đảng là lẽ sống cả cuộc đời mình. Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam từ những năm 1940 cho đến sau này. - Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị thể hiện nồng nhiệt tự hào lý tưởng cách mạng đời sống cách mạng của Nhân dân ta. Thơ Tố Hữu chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, màu sắc lịch sử được diễn tả bằng bút pháp lãng mạn, hình tượng thơ kì vĩ, tráng lệ. Nét đặc sắc trong thơ Tố Hữu là có giọng điệu riêng. Thơ liền mạch, nhất khí tự nhiên, giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết, đậm đà tính dân tộc. - Bài thơ <i>Việt Bắc</i> được sáng tác vào tháng 10 năm 1954. Đây là thời điểm các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về thủ đô Hà Nội, sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc vẻ vang với chiến thắng Điện Biên Phủ và hòa bình lập lại ở miền Bắc. Nhân sự kiện có ý nghĩa lịch sử này, Tố Hữu viết bài để ôn lại một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, thể hiện nghĩa tình sâu nặng của những người con kháng chiến đối với nhân dân Việt Bắc, với quê hương cách mạng.

TRỌNG TÂM 3. điểm	Phân tích - Lời người ở lại <i>“Mình về mình có nhớ ta Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng Mình về mình có nhớ không Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn”</i> + Có đến bốn chữ “nhớ” trong một đoạn thơ tâm dòng chắc hẳn nỗi nhớ ấy phải thật da diết và sâu nặng của kẻ ở dành cho người đi, Sử dụng cách xưng hô mình - ta, Tố Hữu đã dịch chuyển cách gọi thân thương của cá nhân trong quan hệ tình yêu đôi lứa thành tình cảm mang tính chất tập thể: cán bộ chiến sĩ về xuôi và đồng bào Việt Bắc. + Lời mở đầu, Việt Bắc đã hỏi người cán bộ về xuôi có còn nhớ mình không? Lời hỏi nhưng đồng thời cũng khơi gợi lại miền kỷ ức nơi người chiến sĩ. Có thể nói, chỉ qua lời gợi nhắc thật ngắn gọn: về thời gian (15 năm), và không gian (núi, nguồn) mà đã vẽ nên bao kỷ niệm quá khứ, đã gói trọn cả một vùng kỷ niệm đậm sâu. + Nhưng không chỉ là câu hỏi, khơi lại kỷ niệm, đó còn là lời nhắc nhở của Việt Bắc dành cho người chiến sĩ. Người chiến sĩ về xuôi, xa Việt Bắc thì chớ quên đi tình nghĩa, quên đi mảnh đất đã từng đồng cam cộng khổ, cùng vào sinh ra tử, mảnh đất nguồn cội của cách mạng, nơi có những người trân trọng nghĩa tình với cách mạng, với cán bộ chiến sĩ. - Sự im lặng đầy ý nghĩa của người đi <i>“Tiếng ai tha thiết bên cồn Âng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi Áo chàm đưa buổi phân li Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”</i> . + Người ra đi thì lại không hề có lời đáp lại, mà tình cảm của họ được biểu thị bằng hành động. Họ đã quá thấu hiểu được tình cảm, tấm lòng của người ở lại, nghịch lý là tình cảm thì âng khuâng day dứt, không muốn rời xa, những bước chân thì vẫn phải tiếp tục lên đường.
---	---

		+ “<i>Bâng khuâng</i>”, “<i>bồn chồn</i>” là hai từ láy gợi cảm, diễn tả trạng thái tâm lí tình cảm buồn vui, luyến tiếc, nhớ thương, chờ mong... lẫn lộn cùng một lúc. Ba từ láy “<i>tha thiết</i>”, “<i>bâng khuâng</i>”, “<i>bồn chồn</i>” đã tạo ra hiệu quả nghệ thuật đặc biệt: sự hô ứng đồng vọng của cảm xúc đã được biểu thị bằng bước chân ngập ngừng, dừng dằng níu kéo. Mười lăm năm Việt Bắc cuồn mang người cán bộ chiến sĩ, mười lăm năm gian khổ có nhau. + Trong buổi chia li, nỗi nhớ khắc ghi sâu đậm nhất với người chiến sĩ là hình ảnh áo chàm và hành động cầm tay. Áo chàm là màu áo đặc trưng của đồng bào Tây Bắc, màu áo bình dị, đơn sơ, mộc mạc mà thấm đượm bao nghĩa tình. Và đặc biệt là hành động cầm tay, hành động như trao gửi niềm yêu thương, như truyền gửi đến kẻ ở một thông điệp của tấm lòng: Trái tim người chiến sĩ dù trở về thủ đô, vẫn luôn son sắt, nghĩa tình với mảnh đất cách mạng, với những con người đã một thời ném mìn mật nếm gai, trải bao buồn vui, cay đắng.
LIÊN HỆ 0,5 điểm	Từ ấy	- <i>Từ ấy</i> là một tâm hồn trong trẻo của tuổi mười tám đôi mươi, đi theo lí tưởng cao đẹp dám sống, dám đấu tranh. Toàn bộ bài thơ là niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của nhà thơ Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cuộc sống và tác dụng kì diệu của lý tưởng cách mạng đối với quá trình nhận thức cũng như đối với đời thơ Tố Hữu. Bài thơ còn thể hiện quá trình vận động của tâm trạng cũng như nhận thức của người thanh niên trí thức tiểu tư sản sang người trí thức cách mạng giàu lòng yêu nước. - <i>Từ ấy</i> đã thể hiện được bước ngoặt trong nhận thức khi tác giả đã biệt gần mình với quần chúng, biết san sẻ, gần gũi, để làm nên khối đời mạnh mẽ.
0,5 điểm	Sự vận động phát triển của cái Tôi trữ tình	- Từ một thanh niên say mê lý tưởng, biết tự ý thức và trách nhiệm phải hoà vào đời sống quần chúng, giờ đây, người lính đã thực sự là một phần của nhân dân. Là nghĩa tình, là yêu thương, là ruột thịt với nhân dân. - Từ người thanh niên với lý tưởng căng tràn, giờ đây, người thanh niên ấy đã trở thành người chiến sĩ trải nghiệm những đau thương, những gian khổ, bước quân hành trong những trận đánh lớn để giành về độc lập cho nước nhà. Đó thực sự là người chiến sĩ của hành động, từ bước đệm thấm nhuần lý tưởng Đảng.

THƯ VIỆN

**I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm)** Đọc văn bản sau:

[...] Tôi thấy không biết bao nhiêu người trẻ quanh mình chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của sách, cũng như không biết đọc sách thế nào cho đúng cách.

Có hai loại phản ứng tiêu cực tiêu biểu từ người ít đọc khi được khuyên đọc sách nhiều hơn: “*Đọc sách đầu bảo đảm thành công.*” - Một câu ngụy biện kinh điển của những người lười đọc.

“*Sách chỉ khiến người ta mơ mộng hão huyền phi thực tế.*” - Phát biểu từ một người thiếu hiểu biết về sách. Đối với họ chắc sách chỉ có mỗi thể loại tiểu thuyết điếm tình huyền hoặc. Tôi không biết lần cuối cùng họ cần một quyển sách tử tế trong tay là khi nào.

Rõ ràng là không phải ai đọc sách cũng thành công. Nhưng lại có một sự thực rõ ràng khác là những người thành công đọc rất nhiều sách, Một nghiên cứu được tiến hành trên 1.200 người giàu có nhất thế giới cho thấy: Điểm chung giữa những người này là họ tự giáo dục bản thân thông qua việc đọc sách. Bill Gates, Steve Jobs, Warren Buffet đều là những người đọc sách rất chuyên cần. Đọc sách không chắc sẽ giúp ta thành đạt trên đường đời, nhưng không có nó hầu như ta không thể thành người.

Warren Buffet từng trả lời trong một bài phỏng vấn rằng ông dành 80% thời gian trong ngày để đọc sách và tiếp thu kiến thức mới. Không chỉ riêng ông, nghiên cứu tiêu sử của những con người xuất chúng khác, ta sẽ thấy điểm chung là họ vui vẻ và say mê đọc sách, ngay cả sau những giờ lao động mệt nhọc. Vì đối với họ, đọc sách là một cách tự học. Và sự học là sự nghiệp cả đời.”

(Trích “*Tôi đã học như thế nào*”, Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, dẫn theo sachvui.com)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Tác giả sử dụng thao tác lập luận chính nào?

Câu 2. Tác giả đã đưa ra những lí lẽ nào để bàn về quan điểm: “*Đọc sách đầu bảo đảm thành công*”?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

“*Tôi luôn mơ tưởng rằng Thiên đường cũng tựa tựa như một thư viện vậy.*” (Jorge Luis Borges). Bạn có nghĩ thế không?

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp bức tranh tứ bình *Việt Bắc - Tố Hữu*. Từ đó, liên hệ với bức tranh thiên nhiên trong Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi, để làm rõ những tương đồng, khác biệt trong cách cảm nhận, trong nét vẽ của hai nhà thơ.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản sử dụng thao tác bác bỏ.

(Tác giả đưa ra hai quan điểm tiêu cực của người ít đọc và lập luận để bác bỏ hai quan điểm đó).

Câu 2.

Tác giả đưa ra hai lí lẽ để bác bỏ ý kiến cho rằng “*đọc sách đầu bảo đảm cho thành công*”:

+ Người thành công thường là những người có thói quen đọc sách.

+ Đọc sách như một cách tự học, tự giáo dục cả đời.

Câu 3.

- Nêu quan điểm của bản thân, đồng tình phản đối/ ...

- Bàn luận cho ý kiến của bản thân.

Sau đây là một ví dụ:

Đọc sách chính là một cách tự học. Mặc dù ta gián tiếp có người thầy, đó chính là tác giả của cuốn sách, nhưng xét cho cùng, đọc sách, ta trau dồi tri thức, bồi đắp tâm hồn như một quá trình học tập, nhưng có thể chủ động tiến trình, thời gian, nội dung, cách thức học. Đó cũng chính là căn bản của tự học.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 -7 dòng, diễn đạt mạch lạc,
- Về nội dung:
- + Nêu quan điểm cá nhân: Giống nhau/ Không giống nhau
- + Bàn luận làm sáng tỏ cho quan điểm của mình. Sau đây là một ví dụ:

Đọc sách khiến con người ngày một mở mang. Nhưng mỗi người có một mục đích khác nhau khi tìm đến với sách. Người tìm kiếm thành công và người đã thành công sẽ có định hướng, sự lựa chọn sách khác nhau. Nhưng xét cho cùng, có những mục đích chung khi chúng ta đọc sách, đó là mong muốn khám phá tri thức nhân loại, bồi đắp trí, tâm và tâm cho bản thân.

II. LÀM VĂN

Câu 1. (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Sách là người dẫn đường đến hạnh phúc. + Thiên đường là cảnh giới cao nhất, là nơi con người hướng đến như một cõi hạnh phúc bất tận. Thư viện cũng vậy, là nơi cất giữ trí tuệ nhân loại, là nơi cho con người những ước mơ và những điều quý giá.
Luận bàn	Thư viện có thật sự giống Thiên đường?	+ Thư viện chứa những cuốn sách, cho con người khám phá những thế giới nhiệm màu. đường? + Thư viện tĩnh lặng và giúp con người tránh xa những thị phi tính toán, hướng tới điều chân thiện mỹ qua những cuốn sách giá trị.
Phản biện	Thư viện vẫn khác Thiên đường	Thư viện vẫn chứa những điều không toàn mỹ, thư viện vẫn có thể có những cuốn sách chưa được kiểm định về giá trị.
Giải pháp	Làm sao để biến thư viện thành một Thiên đường nơi trần thế? + Cộng đồng + Cá nhân	+ Một xã hội chịu đọc là một xã hội cầu tiến. + Mỗi con người chịu đọc là một con người ngày một tiến đến gần cảnh giới toàn mỹ. Vì vậy, cần có kế hoạch đọc sách hàng tháng, hàng năm: chọn lọc sách, sắp xếp thời gian đọc sách hàng ngày.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Rèn luyện năng lực đọc sách.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4,5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức Việt Bắc Ninh Chi Tĩnh
- Đối tượng liên hệ: Cảnh ngày hè Lai, con tri tong hình
- Dạng bài: phân tích, liên hệ
- Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về vẻ đẹp cảnh và người Việt Bắc qua bốn mùa. Từ đó, liên hệ với bức tranh trong cảnh ngày hè để thấy được cách cảm, cách miêu tả cùng như tình cảm, cảm xúc của mỗi nhà thơ.

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tố Hữu được xem là “lá cờ đầu” trong phong trào thơ Cách mạng Việt Nam với những tác phẩm lưu mãi với thời gian. Thơ ông viết về chính trị nhưng không khô khan, mà ngược lại, dễ đi sâu vào lòng người bởi tình cảm và giọng văn trữ tình truyền cảm. - <i>Việt Bắc</i> được sáng tác trong hoàn cảnh chia ly tiễn biệt giữa quân và dân tại căn cứ địa Việt Bắc sau kháng chiến chống Pháp. Bài thơ được xem như lời tâm tình chan chứa nỗi niềm của Tố Hữu đối với mảnh đất anh hùng này. Đặc biệt người đọc chắc hẳn sẽ không quên bức tranh tứ bình bằng thơ tuyệt đẹp trong <i>Việt Bắc</i>.

TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Phân tích vẻ đẹp bức tranh tứ bình	- Bức tranh mùa đông vẽ đẹp bức <i>Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi</i> <i>Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng</i> Người đọc ngỡ ngàng trước mùa đông nơi vùng cao Tây Bắc với vẻ đẹp đặc trưng của nó. Phải nói rằng tuy là mùa đông nhưng qua thơ Tố Hữu, cảnh sắc không buồn, không trầm lắng, mà người lại rất sáng, rất ấm áp qua hình ảnh “hoa chuối đỏ tươi”. Màu đỏ của hoa chuối chính là nét điểm xuyết, là ánh sáng làm bừng lên khung cảnh rừng núi mùa đông Việt Bắc. Đây được xem là nghệ thuật chấm phá, rất đặc hiệu của Tố Hữu giúp người đọc thấy ấm lòng khi nhớ về Việt Bắc. Ánh nắng hiếm hoi của mùa đông hắt vào con dao mang theo bên người của người dân nơi đây bắt chột giúp người đọc thấu được đời sống sinh hoạt và lao động của họ. Màu đỏ của hoa chuối quện với màu vàng của nắng trên đèo cao đã tạo thành một bức tranh mùa đông rạng rỡ, đầy hi vọng. - Bức tranh mùa xuân <i>Ngày xuân mơ nở trắng rừng</i> <i>Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang</i> Đọc hai câu thơ này, người đọc dường như mừng tượng ra khung cảnh mùa xuân nơi núi rừng thật hiền hòa, dịu êm, ấm áp. Màu trắng của mơ gợi lên một bức tranh nên thơ trên cái nền dịu nhẹ của màu sắc. Hoa mơ được xem là loài hoa báo hiệu mùa xuân ở Tây Bắc, cứ vào độ xuân thì, chúng ta sẽ bắt gặp trên những con đường màu sắc ấy. Mùa xuân Tây Bắc, Tố Hữu nhớ đến hình ảnh “người đan nón” với động tác “chuốt từng sợi giang” thật gần gũi. Động từ “chuốt” được dùng rất khéo và tinh tế khi diễn tả về hành động chuốt giang mềm mại, tỉ mỉ của người đan nón. Phải thật sâu sắc và am hiểu thì Tố Hữu mới nhận ra được điều này. Chữ “chuốt” như thổi hồn vào bức tranh ra mùa xuân ở Việt Bắc, tạo nên sự hòa hợp thiên nhiên và con người. - Bức tranh mùa hè <i>Ve kêu rừng phách đổ vàng</i> <i>Nhớ cô em gái hái măng một mình</i> Tiếng ve kêu vàng giữa “rừng phách” đã làm nên cái động giữa muôn vàn cái tĩnh. Màu vàng của rừng phách là đặc trưng báo hiệu mùa hè về trên xứ sở vùng cao. Tiếng ve như xé tan sự yên tĩnh của hiện núi rừng, đánh thức sự bình yên nơi đây. Từ “đổ” dùng rất đặc hiệu, là động từ mạnh, diễn tả sự chuyển biến quyết liệt, lôi cuốn của màu sắc. Bức tranh mùa hè chột bừng sáng, đầy sức sống với màu vàng rực của rừng phách. Ở mỗi bức tranh thiên nhiên, người đọc đều thấy thấp thoáng bóng dáng con người. Có thể nói đây chính là sự tài tình của Tố Hữu khi gắn kết mối tâm giao giữa thiên nhiên và con người. Giữa núi bao la, thấp thoáng bóng dáng “cô gái hái măng” tuyệt đẹp đã khiến cho thiên nhiên có sức sống hơn. - Và cuối cùng chính là bức tranh mùa thu <i>Rừng thu trắng rọi hòa bình</i>
--	--	---

		<i>Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung</i> Mùa thu về trên Tây Bắc với hình ảnh ánh trăng dịu, mát lành. Thiên nhiên dường như rất ưu ái cho mùa thu xứ bắc với sự tròn đầy, viên mãn của ánh trăng. Không phải là ánh trăng bình thường, mà trăng nơi đây là trăng của hòa bình, ánh trăng tri kỉ rọi chiếu những năm tháng chiến tranh gian khổ. Chính ánh trăng ấy đã mang đến vẻ đẹp riêng của mùa thu Việt Bắc. Tố Hữu nhìn trăng, nhớ người, nhớ tiếng hát gọi nhắc ân tình và thủy chung.
LIÊN HỆ 0,5 điểm	Bức tranh thiên nhiên trong Cảnh ngày hè	<i>“Hoè lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ Hồng liên trì đã tiễn mùi hương Lao xao chợ cá làng ngư phủ Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương”</i> Bức tranh thiên nhiên qua vài nét vẽ, đã hiện lên ngọn ngọn sức sống. Các sự vật xuất hiện: hoè, thạch lựu, hồng liên. Những thực vật tiêu biểu cho cảnh sắc làng quê đất Bắc. Tất cả đang phô nở những nguồn sống mạnh mẽ dù cho đã cuối mùa, cuối ngày. Từ màu sắc cho đến chuyển động, tất cả đều hiện lên mạnh mẽ, quẫy cựa, căng trào. Dù cho cảnh đã vào cuối mùa và thời điểm là cuối ngày. Xen lẫn là tiếng và làm lao xao cả chốn quê yên ả.
0,5 điểm	Nét tương đồng khác biệt	- Tương đồng: Mỗi tác giả đều dành tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, với con người. Đều thể hiện tài năng quan sát và miêu khác biệt tả, tìm được cái hồn cốt, nét đặc trưng, vẻ đẹp của thiên nhiên nơi họ gắn bó. - Khác biệt + Với Tố Hữu, qua cái nhìn khái quát theo chiều dài thời gian, được thu tóm qua những nét đặc trưng nhất của thiên nhiên Việt Bắc thông qua bức tranh bốn mùa. Thứ hai bức tranh đó được vẽ trong nỗi nhớ và sự hồi tưởng. Bằng cảm xúc mến thương, gắn bó, tự hào của một người chiến sĩ đã từng sống và chiến đấu. + Với Nguyễn Trãi, bức tranh cảnh ngày hè là thi hứng trực tiếp, được viết tỏng một ngày dài rảnh rỗi. Cho nên các sự vật hiện lên sống Phan Thiết kể nhà động, màu sắc. Bức tranh được vẽ trong xúc cảm của một bậc đại nhân nay lui về ở ẩn còn bao nặng lòng với nhân dân, đất nước, mang trong mình bao đau đáu, niềm u hoài. Thế nhưng vẫn thấy một sự gắng, một sự vận động vượt lên nỗi buồn khi thi nhân chìm trong cảnh, tìm thấy niềm vui nơi thiên nhiên quê nhà.

CÁN CÂN VUI VẺ

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Niềm vui là lương thực chúng ta sống dựa vào

Ngay từ thời Trung Cổ, nhà y học nổi tiếng người Iran là Ibn Sina, người được mệnh danh là “cha đẻ của y học” đã từng làm một thí nghiệm.

Ông tìm hai con dê đực to khỏe như nhau, lần lượt thả chúng vào hai chỗ khác nhau. Một con được thả trên bãi cỏ yên tĩnh, an toàn, không có bất kỳ nguy hiểm nào; con còn lại được thả trong vườn bách thú bên cạnh chuồng sói..

Hai con dê này đều được ăn ngon ngủ kỹ, sống trong môi trường thoải mái. Con dê đầu tiên sống tự do tự tại, còn con thứ hai do thường xuyên cảm thấy bầy sói bên cạnh đang nhìn mình, đang có ý đồ xấu với mình, suốt ngày lo lắng sợ hãi, tinh thần luôn ở trong trạng thái căng thẳng cao độ, nên không lâu sau thì chết.

Qua thí nghiệm này chúng ta phát hiện, dê muốn sinh tồn, không những cần có đồ ăn thức uống, mà còn cần sự bình yên về tinh thần. Khi con dê ở vào trạng thái sợ hãi, lo lắng trong thời gian dài, cho dù bày bao nhiêu đồ ăn ngon trước mặt nó, cũng khó có thể duy trì sự sống của nó.

Đối với con người chúng ta mà nói, nếu không thể duy trì trạng thái tinh thần vui vẻ, e rằng chúng ta cũng sẽ có kết cục giống với con dê thứ hai kia, Sự suy sụp trong tinh thần và sự rệu rã của hệ thống sinh lý đều có tính tàn phá như nhau. Tác dụng của cán cân vui vẻ chính là giúp chúng ta không ngừng hấp thu “chất dinh dưỡng từ niềm vui trong cuộc sống hiện thực, bảo vệ chúng ta trong trạng thái sinh tồn trong vui vẻ.

Hãy quay về hiện thực cuộc sống, thử xem cán cân vui vẻ không ngừng giành lấy niềm vui trong hiện thực để duy trì sinh mệnh của chúng ta như thế nào.

(Tìm lại cái tôi đã mất – Trình Chí Lương, dẫn theo <https://www.downloadsachmienphi.com>)

Câu 1. Tác giả sử dụng thao tác lập luận chính nào trong văn bản trên?

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của con dê thứ hai trong thí nghiệm trên là gì?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Quan niệm của anh/ chị về một cuộc sống đầy đủ?

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ dưới đây:

“Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương Nhớ
từng bản khói cùng sương
Sớm hôm bếp lửa người thương đi về”.

(Việt Bắc – Tố Hữu)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản sử dụng thao tác lập luận chính là thao tác quy nạp. Từ dẫn chứng cụ thể để rút ra kết luận về sự cân bằng trong cuộc sống.

Câu 2.

Nguyên nhân cái chết của con dê thứ hai kia là: do thường xuyên cảm thấy bầy sói bên cạnh đang nhìn mình, đang có ý đồ xấu với mình, suốt ngày lo lắng sợ hãi, tinh thần luôn ở trong trạng thái căng thẳng cao độ.

Câu 3.

Để duy trì cảm giác vui vẻ, những chất dinh dưỡng” con người cần chính là:

- + môi trường sống thoải mái, đảm bảo các nhu cầu của hệ thống sinh học
- + cảm giác về sự an toàn
- + niềm vui trong cuộc sống hiện thực.

Câu 4.

- + Trình bày ngắn gọn trong 5-7 câu.
- + Nêu giải pháp: bù đắp những dưỡng chất bị thiếu hụt: chăm lo sức khỏe, trau dồi tri thức, gia tăng quan hệ cộng đồng, tìm kiếm niềm vui tinh thần,...
- + Thuyết phục bằng lí lẽ, dẫn chứng.

II. LÀM VĂN

Câu 1. (2 điểm) Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Những điều kiện cho một cuộc sống đầy đủ. + Cuộc sống đầy đủ là khi người ta được đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, để tự cảm nhận được một cuộc sống hạnh phúc và thoải mái.
Luận bàn	Những yếu tố tạo nên một cuộc sống đầy đủ	+ Mỗi con người có những nhu cầu khác nhau, một cuộc sống đầy đủ + Nhưng có những nhu cầu là chung cho cả nhân loại: • Nhu cầu sinh học: ăn, uống, ngủ, nghỉ,... • Nhu cầu cảm giác an toàn • Nhu cầu giao lưu tình cảm xã hội • Nhu cầu nhận thức: trí tuệ, thẩm mỹ,... • Nhu cầu được tôn trọng • Nhu cầu thể hiện bản thân Tất cả các yếu tố trên sẽ đảm bảo cho một cảm giác đầy đủ trong cuộc sống.
Phản biện	Làm sao có thể đảm bảo hết tất cả các nhu cầu của con người	Tùy từng hoàn cảnh, các nhu cầu sẽ tự cân bằng cho nhau, nên nhiều khi, sự thiếu hụt một hoặc một vài yếu tố của con người. tổ vẫn khiến cho người ta có được cảm giác đủ đầy. Ví dụ: một sinh viên nghèo vẫn cảm thấy hạnh phúc khi được học tập và nghiên cứu đúng lĩnh vực đam mê.
Giải pháp	+ Cộng đồng + Cá nhân	+ Tôn trọng các nhu cầu cá nhân, và đảm bảo sự công bằng nhu cầu xã hội. Như vậy là tiến tới một xã hội nhân văn. + Mỗi con người cần biết đủ. Hạnh phúc là khi biết đủ.

Liên hệ	Bài học cho bản thân	Biết cân bằng và lựa chọn những nhu cầu thiết yếu cho mình cảm nhận một cuộc sống hạnh phúc.
---------	----------------------	--

Câu 2: (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính trọng tâm kiến thức: Việt Bắc
- Dạng bài phân tích
- Yêu cầu học sinh chỉ ra tình dân tộc qua việc phân tích đoạn thơ

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Là nhà thơ trữ tình chính trị, nhà thơ của lí tưởng Cộng sản, hồn thơ Tố Hữu thường rất nhạy cảm trước những vấn đề thời sự của đất và nước, của dân tộc. <i>Việt Bắc</i> được Tố Hữu sáng tác vào tháng 10/1954, khi Trung ương Đảng, Chính phủ, Bác Hồ rời chiến khu Việt Bắc, từ biệt nhân dân Việt Bắc sau gần 15 năm gắn bó, về Hà Nội tiếp tục lãnh đạo đất nước. Bài thơ ra đời nhận một sự kiện có ý nghĩa thời And in là sự, chính trị, cho thấy với Tố Hữu, mọi sự kiện thời sự chính trị đều có thể trở thành nguồn cảm hứng thực sự. Ý nghĩa thời sự của bài thơ có thể sẽ qua mau nhưng tình cảm thủy chung với cách mạng, gắn bó với nhân dân và chiến khu Việt Bắc, tình cảm ân tình ân nghĩa với quá 10. Sịa iemiling linh và khừ thì sẽ còn mãi muôn đời.
TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Giải thích tính dân tộc	- Tính dân tộc của tác phẩm văn học bao giờ cũng được bộc lộ trước hết ở việc tác phẩm ấy đề cập tới và thể hiện rõ tính cách của dân tộc, đặc điểm linh hồn, cốt cách của dân tộc. Thứ hai là qua ngôn ngữ, giọng điệu thể hiện được tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc.
	Phân tích	- Tính dân tộc thể hiện qua nội dung: <i>"Nhờ gì như nhớ người yêu Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương Nhớ từng bản khói cùng sương Sớm hôm bếp lửa người thương đi về".</i> + Phép so sánh độc đáo: “Nhờ gì như nhớ người yêu”. Nỗi nhớ người yêu luôn là nỗi nhớ mãnh liệt, da diết, trong ca dao: “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/ Như đang đồng lửa như ngồi đồng than”. Nghĩa là bao thôn thức, bao băng khuâng, bồn chồn khi phải xa cách, đã khiến kẻ yêu ngày đêm không ngủ được, trào dâng trong dạ bao nỗi niềm. Chỉ mong “trời sáng ra đường gặp anh”. Vì nỗi nhớ Việt Bắc với nỗi nhớ người yêu, người chiến sĩ đồng thời khẳng định tình cảm thủy chung, con người tình nghĩa, truyền thống uống nước nhớ nguồn, không bao giờ quên đi Việt Bắc ân tình. + Nỗi nhớ đã lan toả theo không gian: Trước hết là nhớ những không gian của thiên nhiên cao rộng, hùng vĩ: Núi, nương đến không gian sinh hoạt gần gũi: bản, bếp lửa. Nhắc đến những không gian này, trong lòng người đọc trỗi dậy hình ảnh thân thuộc của dân tộc, những không gian của đất nước, với bao yêu dấu. Và dù ở không gian nào, chiến sĩ và Việt Bắc luôn bên nhau, từ lao động cho đến sinh hoạt, chiến đấu. + Nỗi nhớ lan toả theo thời gian: Những từ gợi lên thời gian như nắng chiều, trăng lên, sớm hôm, đã gợi lên cho chip của thời gian, thời gian trong ngày, nhưng gợi ra bao năm tháng chiến sĩ Việt Bắc đã cùng trải qua. Như vậy, tình cảm đã xây đắp vững bền qua một thời gian dài, trở thành thói quen, trở thành một phần cuộc sống.

		Nay chia xa, hẳn phải thấy hụt hẫng, nhớ nhung vô cùng. + Nổi nhớ về những hình ảnh quen thuộc mà đầy thi vị: Đó là trăng, có 1 bản khói cùng sương, hình ảnh người thương gợi lên bao vẻ đẹp của cảnh và người nơi Việt Bắc. Cảnh nên thơ, người nghĩa tình. Nên, người chiến sĩ sao không yêu, không nhỏ cho được. - Tính dân tộc thể hiện qua hình thức: + Kế thừa xuất sắc truyền thống thơ ca dân tộc, đặc biệt là thơ ca dân gian và thơ ca cổ điển khi sử dụng đặc biệt nhuần nhuyễn thể thơ lục bát thuần túy dân tộc. Thể thơ này vốn có truyền thống trong ca dao, dân ca của người Việt.
--	--	--

		+ Tố Hữu sử dụng phổ biến và thành công những lối so sánh, các phép chuyển nghĩa và cách diễn đạt trong thơ ca dân gian đã trở nên quen thuộc với tâm hồn người Việt.
LIÊN HỆ 0,75 điểm	Bàn luận, đánh giá	- Qua những dòng thơ tình tế, hồn thơ Tố Hữu đã tập trung thể hiện nhiều vẻ đẹp đặc trưng cho tâm hồn, cốt cách của dân tộc, của người Việt. - Được sáng tác nhân một sự kiện có ý nghĩa thời sự chính trị, nhưng Việt Bắc vẫn là một bài thơ đậm đà tính dân tộc trong cả nội dung điếm và hình thức, đồng thời là một đỉnh cao nghệ thuật của thơ ca thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

NGHỆ KHÁC, LÀM KHÁC

I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm) Đọc đoạn trích:

...(1) “Khi còn trẻ, hãy ra ngoài nhiều hơn ở nhà. Hãy nhào vô xin người khác “bóc hết, lột sạch” khả năng của mình. Chỉ sợ bất tài nộp hồ sơ xin việc”, mà chả ai thèm cho, chả ai thèm bóc lột. Khi đã được bóc và lột hết, dù sau này đi đâu, làm gì, bạn đều cực kỳ thành công. Vì năng lực được trui rèn trong quá trình làm cho người khác. Sự chăm chỉ, tính kỷ luật, quen tay quen chân, quen ngáp, quen lười...cùng từ công việc mà ra. Mọi ông chủ vĩ đại đều từng là những người làm công vị trí thấp nhất. Họ đều rẽ trái trong khi mọi người rẽ phải. Họ có những quyết định không theo đám đông, không cam chịu sống một cuộc đời tầm thường, nhạt nhòa... rồi chết.

(2) Còn những bạn thu nhập 6 triệu cũng túng thiếu, 20 triệu cũng đi vay mượn để tiêu dùng, thì thôi, cuộc đời họ chấm dứt giấc mơ lớn. Tiền nong cá nhân quản lý không được, thì làm sao mà quản trị tài chính một cơ nghiệp lớn? Tư duy thế nào thì nó ra số phận thế đó.” .

(Trích *Trên đường băng*, Tony Buổi Sáng, NXB Trẻ, 2015)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích? Chỉ ra cơ sở giúp anh/ chị xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích?

Câu 2. Nêu ngắn gọn nội dung và mục đích của đoạn trích?

Câu 3. Chỉ ra hai phép liên kết hình thức được sử dụng trong phần (1) của đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, hãy bàn luận về cách hành xử “*rẽ trái khi mọi người đều rẽ phải*”.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp tâm hồn, những khát vọng của hai thi sĩ Xuân QuHnh, Xuân Diệu trong những đoạn thơ dưới đây:

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*
(Sóng - Xuân QuHnh)

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn
Ta muốn tiết mây đưa và gió lượn
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và mây, và cỏ rặng
Cho chói choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi
Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi.*
(Vội vàng - Xuân Diệu)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận.

Cơ sở xác định:

- + Văn bản nêu quan điểm của tác giả về vấn đề thái độ với công việc và thành công của mỗi người.
- + Có hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng.
- + Cách lập luận logic, chặt chẽ.

Câu 2.

Nội dung: Đoạn trích trình bày quan điểm của tác giả về thái độ làm việc để có thể thành công trong sự nghiệp và cách quản lý tài chính cá nhân của mỗi người.

- Mục đích: Khích lệ mọi người can đảm dấn thân trong công việc để trau dồi năng lực, kinh nghiệm, thói quen để đi đến thành công, tránh cuộc sống bình lặng, nhàm chán, tẻ nhạt. Bắt đầu bằng cách học cách quản lý tài chính của bản thân.

Câu 3.

HS chọn 2 trong các phép liên kết hình thức sau để trình bày vào bài.

Phép liên kết:

- + Phép nối “Về” nối câu thứ ba và câu thứ 4 của đoạn.
- + Phép lặp từ “bóc”, “lột”, “hộ”.
- + Phép thế: “hộ” thay thế cho “ông chủ”
- + Phép liên tưởng: trường từ vựng về “lao động”: khả năng, xin việc, thành công, năng lực, chăm chỉ, tinh kỷ luật, ông chủ, làm công,...

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí. • Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Nghĩ khác làm khác, biết sáng tạo. + Mọi người rẽ phải: lối suy nghĩ phổ biến của cộng đồng. Rẽ trái: biết nhìn nhận và quyết định khác biệt, đột phá.
Luận bàn	Có nên khác biệt?	+ Biết nghĩ khác và làm khác đi là tố chất đầu tiên của người có tư duy sáng tạo, có ý chí vươn lên. + Những người thành công thường cầu thị và sẵn sàng đổi mới: Steven Jobs với công nghệ đột phá là một ví dụ.
Phản biện	Có phải lúc nào khác biệt cũng thành công?	+ Khác biệt mà không có cơ sở dễ dẫn đến sự cố chấp, bảo thủ quan điểm chưa hợp lí của cá nhân. + Có những người sợ thất bại, không dám mạo hiểm, không dám thử thách.
Giải pháp	+ Hành động + Nhận thức	+ Tôn trọng sự khác biệt và sáng tạo. + Sáng tạo và khác biệt cần những cơ sở khoa học và nhìn nhận toàn diện, tránh sự bảo thủ, cố hữu.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Mạnh dạn dấn thân, bộc lộ năng lực cá nhân.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.

- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: Sóng, vội vàng - Dạng bài: So sánh - Yêu cầu: Học sinh phân tích nội dung, nghệ thuật, làm sáng rõ về những khát vọng của Xuân Quỳnh và Xuân Diệu, qua đó chỉ được, nét tương đồng và điểm riêng trong vẻ đẹp tâm hồn của từng nhà thơ.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ trẻ xuất sắc trưởng thành từ kháng chiến chống Mỹ và là một trong số ít những nhà thơ nữ viết rất nhiều và rất thành công về đề tài tình yêu. - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của tâm hồn người phụ nữ nhiều trắc ẩn, vẩn thơ của bà vừa chân thành đằm thắm, vừa nồng nàn mãnh liệt và hơn hết luôn bật lên khát vọng da diết về hạnh phúc bình dị đời Gia thường. Bài thơ Sóng ra đời năm 1967 trong chuyến đi thực tế của nhà thơ về vùng biển Diêm Điền tỉnh Thái Bình và lúc này thì bạn thân nhà thơ cũng vừa trải qua một sự đổ vỡ trong tình yêu. Bài thơ được in trong tập <i>Hoa dọc chiến hào</i> năm 1968. - Xuân Diệu (1916-1985)- một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn của dân tộc, đã để lại cho đời một sự nghiệp sáng tác thật lớn lao và rất có giá trị. Ông được mệnh danh; Ông hoàng của thơ tình, là chàng hoàng tử của thi ca, nhà thơ của tình yêu và tuổi trẻ... Xuân Diệu đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo, với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết. - Trước cách mạng, với hai tập Thơ Thơ và Gigi hương cho gió, Xuân Diệu đã chính thức trở thành “nhà Thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới”. Bài thơ <i>vội vàng</i> được sáng tác năm 1938, in trong tập Thơ Thơ là bài thơ rất tiêu biểu cho phong cách thơ tình yêu của Xuân Diệu viết về mùa xuân, tuổi trẻ, tình yêu.

TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Đối sánh	Điểm tương đồng: + Xét về vị trí của đoạn thơ, hai trích đoạn đều thuộc khổ cuối của bài, với nhiệm vụ rất quan trọng: Khép lại cả bài thơ, đồng thời đó là gửi gắm những thông điệp lớn mà tác giả muốn nhắn gửi cùng độc giả. + Xét về nội dung: Điểm tương đồng có thể thấy rất rõ ở cả hai khổ đó là giải pháp chống lại thời gian trôi chảy. Bởi trước đó, trong dấu ấn toàn bài, ta thấy được cả hai thi sĩ cùng đã chỉ ra sức mạnh vô cùng 1 của thời gian trôi. Với Xuân Diệu là: <i>Xuân đường tới nghĩa là xuân đương qua Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già..</i>, còn Xuân QuHnh, chị cũng đầy những ưu tư, niềm lo nghĩ trước những giới hạn của đời người: <i>Cuộc đời tay dài thế Năm tháng vẫn đi qua Như biển kia dẫu rộng/ Mây vẫn bay về xa.</i> + Đọc và suy ngẫm kỹ, ta đều thấy rằng vẻ đẹp của hai tâm hồn được thể hiện trong đoạn trích đều là những tâm hồn biết yêu hết mình, đều là những tâm hồn đầy khao khát, muốn sống trọn vẹn nhất với cuộc đời này, muốn tận hưởng và dâng hiến trong từng khoảnh khắc. Điểm khác biệt: Với thi sĩ Xuân Diệu: Đó là một cái Tôi tham lam, vội vàng, muốn sống và tận hưởng trọn vẹn từng khoảnh khắc của cuộc sống. + Mở đầu khúc thơ cuối là câu thơ ba chữ được tách riêng ra đặt gian chính giữa khổ thơ: “Ta muốn ôm”. Câu thơ làm nổi bật lên hình ảnh một cái tôi ham
---	-----------------	---

	hổ đang dang rộng cánh tay ôm hết, ôm khắp, ôm trọn tất cả sự sống mơn mơn non tơ đang bày ra trước mắt. Điệp Điệp ngữ "ta muốn" còn lặp đi lặp lại với mật độ dày đặc ở những câu tiếp theo. Đại từ nhân xưng "tôi" bất ngờ chuyển hóa thành "ta". Có lẽ thi sĩ đang nói lên khát vọng của bao người, hồi thúc, lay tỉnh bao người, hãy sống mãnh liệt, hãy sống tận độ trong từng giây phút. Nhịp thơ ký trước là gấp, giọng điệu cuồng nhiệt, hồi hả, hồi thúc... đó cũng chính là cách và là mà Xuân Diệu đã đưa: sống vội, sống gấp để tận hưởng cuộc đời. + Tận hưởng bằng mọi giác quan, căng mọi giác quan để tận hưởng cây của một n cuộc sống, đặc biệt là đặc tả qua cách cảm nhận bằng xúc giác: ôm, hi sinh riết, thấu, cắn mạnh mẽ. Như vậy, với Xuân Diệu, cách cảm nhận nó cuộc sống không thể hời hợt, nông nông, mà phải mãnh liệt, phải dạt dào, dâng trào đến đỉnh cùng của cảm giác. + Tận hưởng đến từng phút giây, trọn vẹn trong từng khoảnh khắc: Các động từ mạnh được Xuân Diệu sử dụng tăng tiến dần theo cấp: ôm, say, riết, thấu, cắn. Đó là cách ông tận hưởng đã đầy nhất, một cách trọn vẹn đến tận cùng nhất trong khoảnh khắc, bởi vì khi đã no nê, chénh choáng, đã đầy, cũng có nghĩa là thỏa mãn nỗi khát thèm tận hưởng cuộc đời, những vẻ đẹp quá đỗi quyến rũ ngoài kia... bề thì cũng có nghĩa là phút giây đó trôi qua, ông sẽ không lãng phí, sẽ thừa chút không nuối tiếc, sẽ không u buồn bởi chẳng thể có sức mạnh siêu nhiên mà níu giữ. Ta thấy được vẻ đẹp trong tâm hồn thi sĩ. Đó là một tâm hồn khao khát sống, một tâm hồn khao khát gắn bó với đời, đặc biệt hơn, tâm hồn đó làm đẹp và tô điểm thêm cho hương sắc cuộc đời này với nữ sĩ Xuân Quỳnh: + Khác với Xuân Diệu, muốn sống vội, sống gấp, tận hưởng trọn cùng từng khoảnh khắc. Nữ sĩ đã đưa ra giải pháp để chống lại thời gian trôi: "<i>Làm sao được tan ra/ Thành trăm con sóng nhỏ</i>". Câu thơ mở ra một khao khát của nhân vật trữ tình. Đó là ước vọng được hóa thành những con sóng. Những con sóng với bao phẩm chất tốt đẹp, với bao cá tính mạnh mẽ, với bao ôn ào dữ dội, phức tạp, nhưng luôn hết mình trong tình yêu với bờ, luôn đầy dẫy cảm và quyết tâm trong cuộc hành trình bao gian nan thử thách. Vậy, có thể nói ước ao được hóa những con sóng đã thể hiện một ước muốn của thi sĩ trong tình yêu: Hãy biết đi tìm tình yêu đích thực như sóng, hãy yêu và mãnh liệt không ngừng như những con sóng. Chỉ có như vậy, ta mới có được tình yêu, mới có được hạnh phúc trọn vẹn. Có như như vậy, hạnh phúc mới bền lâu trước thời gian. + Nhưng dù tình yêu đã tìm được bến, hạnh phúc đã trọn vẹn, thế nhưng kiếp người tuy dài cũng thật ngắn ngủi trước sự vô thủy vô chung của đất trời. Đời người chỉ như một cái chớp mắt của vũ trụ. Sẽ đến lúc đèn phải chạm đến những giới hạn, và lúc đó tình yêu cũng chấm hết. Giải pháp mà Xuân Quỳnh đưa ra thật khiến ta cảm Á, động, cảm động trước một tâm hồn đẹp, vị tha: "<i>Làm sao được tan ra?</i>". Tan là sự tan hòa, nghĩa là sự hi sinh và dâng hiến. Tình yêu của tôi là tình yêu vị kỉ, nhưng nếu tình yêu đó biết hòa nhịp, biết tính sẻ chia, tình yêu đó sẽ được nhập vào biển lớn tình yêu. Nơi đó, bao con người cùng khao khát, cùng sống hết mình trong tình yêu. Và nơi đó, cũng như biển lớn, mãi hát khúc ca tình yêu, khúc ca đó mãi rào rạt đến muôn đời.
--	---

	Lý giải sự tương đồng và khác biệt	- Tương đồng: Trước hết cả hai thi sĩ đều là những cái Tôi đầy nhạy cảm, đều là những tâm hồn dễ xao động. Chính vì vậy, trước sự chảy trôi và sự tàn phá qua mỗi bước thời gian, cả hai tâm hồn ấy không biết tránh khỏi sự suy tư, lo âu và rất nhiều trăn trở. Thứ hai, ta có thể nhận thấy, họ đều là những con người của hành động, họ không để cho sự lo âu cắn xé, làm hao mòn tâm trí, họ cùng đi tìm và đã tìm ra những giải pháp cho riêng mình. Đó là những giải pháp đầy tích cực, thể hiện những tâm hồn yêu sống, trân trọng cuộc đời và tình yêu.
--	---	---

- Sự khác biệt:

Xuân Diệu là thi sĩ với cái Tôi đầy mạnh mẽ. Tình yêu trong thơ ông không bao giờ nửa vời, nhợt nhạt. Luôn chạm đến. Gọi tới cùng cảm xúc, cháy hết mình cho tình yêu. Những câu thơ như có men say khiến người đọc ngây ngất, thể hiện sự mãnh liệt, nồng nàn. Xuân Quỳnh thì lại khác, thơ nữ sĩ, đặc biệt là Sóng, đó là một cái tôi hết sức trữ tình, đắm thắm, không thiếu những diết da, rung cảm, nhưng vẫn là dịu dàng, sâu sắc của một trái tim nữ giới.

Megabook

ĐỀ SỐ 11

ĐỀ THI THỬ THPT QG - NĂM 2018 – 2019

Tên môn: Ngữ Văn 12

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

.... "20.6.70

LỬA TRONG TRANG SÁCH

- Đến hôm nay vẫn không thấy ai qua. Đã gần mười ngày kể từ hôm bị bom lần thứ hai. Mọi người ra đi hẹn sẽ trở về gấp để đón bọn mình ra khỏi khu vực nguy hiểm mà mọi người nghĩ là gián điệp đã chỉ điểm này. Từ lúc ấy, những người ở lại đếm từng giây, từng phút. Sau giờ sáng mong cho đến trưa, trưa mong đến chiều... Một ngày, hai ngày... rồi chín ngày đã trôi đi mọi người vẫn không trở lại! Những câu hỏi cứ xoáy trong đầu óc mình và những người ở lại. Vì sao? Lý do vì sao mà không ai trở lại? Có khó khăn gì? Không lẽ nào mọi người lại đành đoạn bỏ bọn mình trong cảnh này sao? Không ai trả lời bọn mình cả, mấy chị em hỏi nhau, bực bội, giận hờn rồi lại bật cười, nụ cười qua hai hàng nước mắt long lanh, chực tràn ra trên mí mắt. Hôm nay gạo chỉ còn ăn một bữa chiều nữa là hết. Không thể ngồi nhìn thương binh đói được. Mà nếu đi, một người đi thì không đảm bảo. Đường đi trăm nghìn nguy hiểm. Còn nếu đi hai người thì bỏ lại một người, nếu có tình huống gì xảy ra thì sao? Và không nói gì xa xôi, trước mắt trời sẽ ập nước xuống, một mình loay hoay làm sao cho kịp. Chẳng níu lòng trước thì sợ máy bay? Cuối cùng cũng phải hai người đi. Chị Lãnh và Xăng ra đi, mình đứng nhìn hai chị quần xắn tròn trên vế, lặn lội qua dòng suối nước chảy rần rần, tự nhiên nước mắt mình rung rung... Bất giác mình đọc khẽ câu thơ:

Bây giờ trời biển mênh mông

Bác ơi có thấu tấm lòng trẻ thơ...

Không, mình không còn thơ dại nữa, mình đã lớn, đã dày dặn trong gian khổ nhưng lúc này đây sao mình cảm thấy thèm khát đến vô cùng bàn tay chăm sóc của một người mẹ mà thật ra là một bàn tay của một người thân hay tệ hơn chỉ là một người quen cùng được. Hãy đến với mình, nắm chặt bàn tay mình trong lúc cô đơn, truyền cho mình tình thương, sức mạnh để vượt qua những chặng đường gian khổ trước mắt". Đó là những dòng chữ cuối cùng của chị Thùy Trâm, Hai ngày sau, ngày 22-6-1970 chị hi sinh...

(Trích Nhật kí Đặng Thùy Trâm, Những trang nhật kí cuối cùng, dẫn theo vietbao.vn)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Nhận xét về cuốn nhật kí này, người lính ngự độc nó đã thốt lên với người lính Mỹ rằng: “*Đừng đốt, trong đó đã có lửa rồi*”. Qua đoạn trích trên, anh/ chị hãy cho biết ngọn lửa trong cuốn sách ấy là gì? Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, hãy viết những suy nghĩ của anh chị về vai trò ngọn lửa ấy trong cuộc sống hôm nay?

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích nét đẹp truyền thống và hiện đại của hình tượng Em trong đoạn thơ dưới đây:

*Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể.
Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.*

(Sóng-Xuân QuHnh)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

(Vì đây là đoạn trích trong cuốn nhật kí, ghi chép những sự việc và tâm trạng riêng tư của người viết.)

Câu 2.

Nội dung chính của đoạn trích: Tâm trạng mong ngóng, băn khoăn và quyết định của những người chiến sĩ ở lại cứ điểm đã nghi ngờ bị chỉ điểm, trong đó có bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

Câu 3.

Câu nói thể hiện tâm sự chân thực về niềm cô đơn, lo lắng của người chiến sĩ, sự khao khát một tình thương giản dị và được tiếp thêm động lực chiến đấu. Và hơn thế là sự nhận thức về sự trưởng thành của bản thân và về những vất vả, gian lao mà cô trải qua.

mình yếu đuối, họ vẫn luôn mạnh mẽ và dũng cảm chiến đấu và vững vàng lí tưởng cách mạng. Tinh thần ấy thật đáng quý, đáng trân trọng biết bao.

II. LÀM VĂN

(2 điểm) Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Lửa trong trang sách. + Ngọn lửa trong cuốn nhật kí chính là ngọn lửa tỏa sáng từ trái tim người chiến sĩ - ngọn lửa tình thần.

Luận bàn	Ngọn lửa tinh thần ấy biểu hiện như thế nào? Và có vai trò gì trong cuộc sống?	+ Đó là ngọn lửa yêu thương, ngọn lửa khao khát hòa bình, niềm tin chiến thắng, ngọn lửa trách nhiệm, bầu nhiệt huyết, ngọn lửa của lòng vị tha, của lòng căm thù, lòng yêu nước, là ngọn lửa cháy bất tử. Ngọn lửa đủ sức cảm hóa những con người bên kia. chiến tuyến. + Ngọn lửa ấy rất quan trọng trong cuộc sống bởi: • Ngọn lửa tinh thần mang lại sức mạnh cho con người, cùng ngọn lửa trí tuệ, ngọn lửa sức mạnh thể lực trở thành ba ngọn lửa đỏ khiến con người tỏa sáng. • Giúp ta định hướng đúng đắn con đường mà ta cần đi Phản biện • Khiến con người phần chần ngay cả khi ta gặp khó khăn.
Phản biện	Ngọn lửa tinh thần có là vạn năng?	Ngọn lửa tinh thần là quan trọng nhưng để thành công, chúng ta cần nhiều hơn cả tâm – trí – lực thì

		mọi sự mới tất thành.
Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Nhận thức được sức mạnh của tinh thần trong cuộc sống. + Hành động: sống lạc quan, xây dựng một tinh thần tươi sáng, tạo động lực cho cuộc sống.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Tạo động lực, mục đích cho riêng mình.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4,5 điểm .

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Sóng</i> - Dạng bài: phân tích, cảm nhận - Yêu cầu: Làm rõ vẻ đẹp truyền thống và hiện đại trong khổ 1,2 qua việc phân tích, cảm nhận nội dung và nghệ thuật		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Xuân QuHnh (1942 - 1988) là thơ nữ hiện đại hiếm hoi xuất hiện nổi bật trên thị đàn văn học thời kHh kháng chiến chống Mỹ, Xuân QuHnh được xem là nữ thi sĩ nổi tiếng với nhiều bài thơ tình được nhiều người biết đến như <i>Thuyền và Biển</i> , <i>Sóng</i> , <i>Thơ tình cuối mùa thu</i> , <i>Tiếng gà trưa</i> ... Thơ chị luôn ăm ắp những cảm xúc, những cung bậc tình cảm, nhiều lo âu và luôn da diết cho những khát vọng đời thường như chính tính cách con người chị vậy. Và <i>Sóng</i> , có lẽ cũng được viết ra trong những ăm ắp của cung bậc cảm xúc như thế. Thi phẩm được sáng tác tại của biển Diêm Điền, khi nhà thơ đã từng trải qua những đau đớn, đổ vỡ trong tình yêu. Bài thơ là một trong những thi phẩm tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của nữ sĩ, được in trong tập thơ <i>Hoa dọc chiến hào</i> .
TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Giải thích	- Vẻ đẹp hiện đại ở trong bài thơ <i>Sóng</i> là sự chủ động táo bạo của người con gái đang yêu với khát khao được sống, được yêu một cách tha thiết. Đó là những rung động rạo rực cùng một trái tim yêu luôn luôn có niềm tin vào sức mạnh của tình yêu. - Vẻ đẹp truyền thống là vẻ đẹp mang tính kế thừa gắn liền với người phụ nữ Việt Nam từ ngàn xưa. Đó là sự giải bày kín đáo ý nhị cùng với lòng thủy chung, son sắt nhưng cũng không giấu nổi những lo âu trăn trở về tình yêu và đời người.

Phân tích cảm nhận	Vẻ đẹp hiện đại: Cuộc hành trình kHô công đi tìm tình yêu đích cảm nhận thức: <i>“Sông không hiểu nổi mình Sông tìm ra tận bể”</i> + Sông trong tương quan với biển là một không gian nhỏ hẹp, chật chội, đầy tù túng. Người con gái Xuân QuHành đã khéo léo mượn hình ảnh sông từ bỏ lòng sông chật hẹp để đến với đại dương mênh mông để nói lên cái khát vọng được hướng tới tình yêu tuyệt đích vô biên. Đó là thứ tình yêu chân chính đầy sự bao
-------------------------------	---

		dung, vị tha thấu hiểu sẻ chia. + Có thể thấy, ngay trong khổ thơ đầu tiên này một nét mới mẻ trong quan niệm về tình yêu. Người con gái khao khát yêu đương nhưng không còn nhẫn nhục, cam chịu nữa. Nếu “Sóng không hiểu nổi mình” thì sóng sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp đó “tìm ra tận bể”, đến với cái cao rộng, cái lớn lao để tìm câu trả lời. Đặc biệt cụm từ “tìm ra tận” là tìm đến tận cùng, là quyết tâm thật mạnh mẽ, quyết liệt, sẽ đi đến cùng, để tìm đến nơi được vẫy vùng, được sống là mình, được thấu hiểu. - Vẻ đẹp hiện đại: khát vọng tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng <i>“Ôi con sóng ngày xưa Và ngày sau vẫn thế Nỗi khát vọng tình yêu Bồi hồi trong ngực trẻ”.</i> + Từ cảm thán “ôi”: Như tiếng lòng, như lời thốt lên đầy da diết, thổn thức. Đó là tiếng lòng của người con gái đang khao khát về tình yêu. Tình yêu cũng như những con sóng, chẳng bao giờ yên bình, êm ả mà đầy những thăng trầm. Chính vì điều đó mà tình yêu còn tồn tại mãi mãi tonia Tri Phi 90 mãi, bất tử cùng thời gian. + Tuổi trẻ sinh ra là để yêu, và tình yêu có vị trí đặc biệt cho riêng tuổi trẻ. Tình yêu đến bên ta như những con sóng nhỏ vỗ vào hồn để tìm ta bồi hồi trong lòng ngực, để tâm hồn ta trào dâng bao “khát vọng” cồn cào. - Vẻ đẹp truyền thống được biểu hiện ở những trạng thái cảm xúc đối lập mà thống nhất trong trái tim người con gái đáng yêu. . <i>“Dữ dội và dịu êm Ồn ào và lặng lẽ”</i> + Hình ảnh sóng hiện ra với nhiều đối cực khác nhau. Đây là những biểu hiện thường thấy ở những con sóng gợi lên những nét tương đồng với người con gái khi yêu lúc thì dịu dàng đắm thắm, lúc thì mạnh mẽ dữ dội. Dù cho người phụ nữ có mang bao nhiêu nét đẹp hiện đại thì dường như cũng có những nét trạng thái không bao giờ đổi thay trong trái tim yêu. + Tính khí của người con gái khi yêu là vậy, nó vốn mang trong mình nhiều đối cực mâu thuẫn nhưng đó lại là những mâu thuẫn trong thống nhất bởi tất cả đều là biểu hiện của một trái tim chân thành mãnh liệt.
	Bàn luận, đánh giá	- Sóng luôn vận động như tình yêu gắn liền với những khát khao, trăn đánh giá trở không yên, như người phụ nữ khi yêu luôn da diết nhớ nhung, cồn cào ước vọng về một tình yêu vững bền chung thủy. - Qua hình tượng sóng, tác giả phác họa được những nét đẹp truyền thống của người phụ nữ trong tình yêu: đắm thắm, dịu dàng, hồn hậu, chung thủy. Mặt khác, hình tượng sóng cũng thể hiện được nét đẹp hiện đại của người phụ nữ trong tình yêu: táo bạo, mãnh liệt, dám vượt mọi trở ngại để giữ gìn hạnh phúc; dù có pháp phòng trước cái vô tận của thời gian, nhưng vẫn tin vào sức mạnh của tình yêu,

THỜI NẮNG XANH

I. ĐỌC- HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản sau:

*“Nắng trong mắt những ngày thơ bé
Cùng xanh mơn như thể lá trà
Bà bỏ cau thành tâm chiếc thuyền cau
Chở sớm chiều tòm tem
Hoàng hôn đọng trên mỗi bà quạnh thắm
Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài
Bóng bà đổ xuống đất đai
Rủ châu châu, cào cào về châu bắt
Rủ rau má, rau sam
Vào bát canh ngọt mát
Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình.”*

(Trích *Thời nắng xanh*, Trương Nam Hương, dẫn theo vannghequandoi.com.vn)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Trong văn bản, tác giả đã nhớ lại những gì trong thời thơ bé?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Đọc bài thơ, có người so sánh, lũ trẻ hôm nay không còn có những kỉ niệm về buổi chiều bắt cào cào châu chấu nữa, thay vào đó là những ngày tháng ngày học tập và làm bạn cùng máy tính, điện thoại thông minh. Bàn luận về sự khác biệt đó (viết đoạn văn 200 chữ).

Câu 2 (5 điểm)

Hình tượng Sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh là lời giải bày rất chân thực về khát vọng tình yêu của tác giả. Qua việc phân tích hai khổ thơ 5 và 6 của tác phẩm, hãy bình luận.

*“Con sóng dưới lòng sâu,
Con sóng trên mặt nước,
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được.
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.”*

*Dầu xuôi về phương Bắc
Dầu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hương về anh một phương”.*

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1.

Tác phẩm viết theo thể thơ tự do

Câu 2.

Tác giả đã nhớ lại những hình ảnh thời thơ bé:

- + Người bà bồng cháu, nhai trầu
- + Nắng xiên khoai qua vách liếp
- + Đi bắt châu chấu, cào cào
- + Bát canh rau má, rau sam ngọt mát.

Câu 3.

Biện pháp tu từ:

- + so sánh nắng - lá trầu,
- + ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: nắng- xanh mơn

Tác dụng:

- + Về hình thức: giúp câu thơ giàu hình ảnh, sinh động và mang đậm cá tính sáng tạo của nhà thơ.
- + Về nội dung: thể hiện cảm xúc và cách nhìn đặc biệt của người cháu về màu nắng trong kỉ niệm, gắn liền với hình ảnh người bà, với những kỉ ức thời thơ bé không thể nào quên.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.
- Về nội dung: Nêu cảm nhận về tâm hồn nhà thơ và những cảm xúc của bản thân khi đọc văn bản. Sau đây là một ví dụ:

Qua văn bản, ta cảm nhận được tâm hồn **tinh tế, nhạy cảm**, thái độ trân trọng mọi kỉ niệm tuổi thơ của tác giả. Tình cảm đó khơi gợi trong tâm hồn mỗi người tình yêu với quê hương, những kỉ ức quý giá thời thơ ấu bên những người thân thương. Đó là những tình cảm chân thành, hồn hậu, vốn sẵn có trong tâm hồn mỗi người, chỉ cần một tín hiệu đã đủ khơi dậy cả một miền kỉ niệm không quên. .

II. LÀM VĂN

Câu 1. (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Sự khác biệt của tuổi thơ giữa hai thế hệ xưa và nay. + Xưa: tuổi thơ gắn liền với những tháng ngày rong chơi, với thiên nhiên đồng nội. Nay: tuổi thơ gắn với hoạt động học tập, với các thiết bị công nghệ hiện đại.
Luận bàn	+ Lí do của sự thay đổi. + Ưu, nhược điểm của mỗi thời đại.	+ Sự phát triển của công nghệ và những yêu cầu mới của thời đại là nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt đó. + Xưa trẻ con được hòa mình với thiên nhiên, bồi dưỡng tâm hồn và cảm xúc, nhưng ít điều kiện tiếp thu khoa học. + Nay trẻ con lại được tiếp cận với khoa học, được tiếp thu những thành tựu công nghệ, nhưng bị hạn chế thời gian vui chơi, ít hòa mình vào thiên nhiên.
Phản biện	Vậy xã hội ngày nay nên để cho trẻ em tuổi thơ thế nào?	Trong xã hội hiện đại, không thể bắt trẻ con chỉ mãi chơi với cào cào châu chấu như xưa.
Giải pháp	Làm sao để tốt nhất cho trẻ em? + Nhận thức + Hành động	+ Quan tâm toàn diện đến trẻ em: vừa trí tuệ, vừa nuôi dưỡng tâm hồn. + Cân bằng việc tiếp cận công nghệ và việc cho trẻ những trải nghiệm gắn với thiên nhiên như: đi tham quan, du lịch, làm tình nguyện,...
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Cảm thấy may mắn bởi đã có những kỉ niệm đẹp đáng trân quý của tuổi thơ.

Câu 2. (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ỂC HIỂU ẦU CẦ Ể

- Ểội tượng chính, trọng tâm kiến thức: Sóng
- Dạng bài: Bàn luận về kiến
- Ầu cầu: Giải thích ý kiến, phân tích để làm sáng tỏ ý kiến.

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Xuân QuHnh (1942 - 1988) là nữ thi sĩ xuất hiện nổi bật trên thị đàn văn học những năm tháng chống Mỹ. Chị cũng để lại dấu ấn đậm vài nói về nét trong dòng thơ tình Việt Nam. Thơ chị là tiếng lòng của một tâm tác giả tác hôn phụ nữ chứa chan tình cảm. Chị dành nhiều tâm huyết cho đề tài phẩm tình yêu và là một trong những người viết thơ tình hay nhất ở thời đại chúng ta. Đọc thơ Xuân QuHnh ta luôn thấy một trái tim phụ nữ đôn hậu, chân thành, giàu đức hy sinh và lòng vị tha, một hồn thơ nhạy cảm, nhiều những lo âu, bất an, cũng lắm tha thiết với những khát vọng, day dứt, chấp chới trước cõi đời vốn lắm đắng cay và nhiều những xáo động. - Thi phẩm đóng được viết vào năm 1967. Đó là những năm tháng dân tộc đang bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ và tay sai. <i>Sóng</i> được sáng tác tại của biên Diêm Diêm, khi nhà thơ đã từng trải qua những đau đớn, đổ vỡ trong tình yêu. Bài thơ là một trong những thi phẩm tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của nữ sĩ, được in trong tập thơ Hoa dọc chiến hào.
TRỌNG TÂM 4.0 điểm 0,5 điểm	Giải thích	- Tình yêu luôn là đề tài muôn thua của nhân loại. Tình yêu trong <i>Sóng</i> của Xuân QuHnh là một tình yêu đầy bản khoăn, day dứt. Trước <i>Sóng</i>, ta ít thấy trong thơ tình Việt Nam diễn tả trạng thái phức tạp như chị. Xuân QuHnh là một trong số những người ít ỏi đã mạnh dạn nói lên điều sâu kín của cõi lòng mình. - Bài thơ được viết khi Xuân QuHnh đã trải qua những đổ vỡ, nhưng nhịp tim ấy vẫn khao khát, vẫn rung động thốn thức. Điều đó được thể hiện sâu sắc, mãnh liệt qua hai khổ 5 và 6.
	Phân tích, chứng minh	<i>"Con sóng dưới lòng sâu Con sóng trên mặt nước"</i> - Đó là không gian của sóng. Và đó cũng là nỗi nhớ, khi mãnh liệt ập ào trào dâng lên mặt với bao cơn cào cháy bỏng, khi lại sâu lắng, lặn vào trong với bao tha thiết, lắng đọng. Đó là nỗi nhớ bờ lan tỏa cả Tin bài viết vì không gian. <i>"Ôi con sóng nhớ bờ Ngày đêm không ngủ được"</i> - Sóng nhớ bờ, nỗi nhớ được đo bằng ngày, đêm. Dù là ngày hay đêm, nỗi nhớ đó vẫn luôn dào dạt, luôn thường trực, mạnh mẽ. Đó là nỗi nhớ đã phủ chiếm cả thời gian, <i>"Lòng em nhớ đến anh Cả trong mơ còn thức"</i> - Trong bài thơ <i>Sóng</i>, đây là khổ thơ đặc biệt nhất xét về mặt dung lượng. Nếu các khổ khác chỉ với 4 dòng, thì khổ thơ này có tới 6 dòng thơ, Và hai dòng thơ này, như muốn nhấn mạnh thêm, làm đủ đầy hơn nỗi nhớ trong em. Nếu sóng chỉ dừng lại trong nỗi nhớ không gian và thời gian, thì nỗi nhớ của em còn xuất hiện trong một thế giới nữa: thế giới của tâm hồn. Dù là thức hay mơ, nỗi nhớ vẫn hiện hữu. Hay nói cách khác nỗi nhớ đã chiếm trọn cả tâm hồn, ý nghĩ... - Nếu trên mặt nước hay dưới lòng sâu là không gian của sóng, ngày và đêm là giới hạn thời gian của sóng, thức và mơ là giới hạn của suy nghĩ. Thì nỗi nhớ, có lẽ, đã phá vỡ mọi giới hạn đó. Và trong tình yêu, nỗi nhớ chính là xúc cảm mạnh nhất. Đó là yếu tố để tình yêu dâng nhịp đập, khi tình yêu đã không còn nỗi nhớ, tình yêu đồng thời đã chết.

		<i>“Dầu xuôi về phương Bắc</i>
--	--	--------------------------------

		<i>Dẫu ngược về phương Nam</i> <i>Nơi nào em cũng nghĩ</i> <i>Hướng về anh một phương”.</i> - Phương Bắc – Phương Nam: hai phương trái ngược như kéo dài thêm khoảng cách, như mở rộng hơn không gian cách trở. Các động từ: xuôi – ngược làm gia tăng thêm những gian truân trong cuộc hành ra trong hội trình. - Có thể nói, trong tình yêu, trở ngại lớn nhất là khoảng cách. Dân gian có câu “xa mặt cách lòng”, nếu tình yêu không đủ vững vàng, khoảng cách sẽ là kẻ thù giết chết tình yêu." - Y thơ cũng đã gọi lên nhịp thơ của thời đại lúc bây giờ, khi mà những cuộc chia li màu đỏ diễn ra, khi mà cả nước đang tiếp sức, tiếp lửa cho tiền tuyến, là khi những đôi lứa phải yêu nhau trong xa cách: kẻ bắc người nam. Nếu khoảng cách là trở ngại, thì khi vượt qua được trở ngại đó, tình yêu sẽ càng bền vững. Chỉ khi bản lĩnh trước thách thức tình yêu mới vững bền. - Và sự vững bền trong tình yêu, để tình yêu đi được đến đích, cần phải có sự thủy chung son sắt, “Nơi nào em cũng nghĩ/ Hướng về anh một phương” chính là lời khẳng định sự thủy chung, kiên định vững vàng của em với anh. Dành cho anh.
	Bàn luận, đánh giá	- Có thể nói, đoạn thơ trên đây là một âm vang của tiếng sóng, là một đánh giá, 1 khúc tâm tình của thiếu nữ trần trở, khát khao được yêu thương gần là bố. Trái tim của thiếu nữ nông hậu và đắm thắm biết bao! Sóng nhớ bờ, em nhớ anh là quy luật muôn đời của tự nhiên, của sự sống và tình yêu. Xuân QuHnh đã viết nên những vần thơ ngũ ngôn có nhạc điệu ngân vang tha thiết. - <i>Sóng</i> của Xuân QuHnh là một bài thơ tình rất đẹp. Về đẹp của một: tâm hồn khao khát yêu thương. Về đẹp của nhạc, nhạc của lòng cũng là nhạc của thơ, nhạc của sóng reo, sóng vỗ.

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm) Đọc văn bản sau:

*“Những lá thom hải lúc về già
Hải những lá có hương tư tưởng
Khi cây đã hóa trầm trong ruột
Lá đủ rồi, phải đợi gì hoa?”.*

(Nội dung và hình thức, Chế Lan Viên, dẫn theo <https://www.thivien.net>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ và thể thơ của văn bản?

Câu 2. Tìm và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, hãy bàn luận về vai trò của hình thức bên ngoài trong xã hội ngày nay.

Câu 2 (5 điểm)

Hãy phân tích những phát hiện sâu sắc mới mẻ trong quan niệm về Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm được thể hiện qua đoạn thơ:

... "Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc.
Tóc mẹ thì bới sau đầu
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó..."

(Đất Nước - Trích Mặt đường khát vọng- Nguyễn Khoa Điềm)

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1.

+ Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. (Bởi vì trong văn bản sử dụng hình ảnh truyền cảm, cách nói ẩn dụ và hình thức thơ ca)

+ Thể thơ bảy tiếng/ thất ngôn.

Câu 2.

- Biện pháp tu từ:

+ Ẩn dụ phẩm chất là thơm, trầm, họa

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác hương tư tưởng

+ Câu hỏi tu từ: Lá đủ rồi, phải đợi gì hoa?

+ Đối: lá - hoa (câu thơ cuối)

- Tác dụng:

+ Về hình thức: giúp lời thơ hình ảnh hơn, hàm súc và giàu sức gợi hơn, triết lí được thuyết phục hơn.

+ Về nội dung: góp phần thể hiện quan điểm của nhà thơ về tầm quan trọng của nội dung, của bản chất bên trong của mỗi sự vật, sự việc hay con người (trầm, hương tư tưởng) thay vì hình thức bên ngoài (hoa).

Câu 1.

Tư tưởng nhà thơ gửi gắm qua văn bản: cần biết nhìn nhận và trân quý giá trị thực sự, đó là những vẻ đẹp ẩn giấu bên trong, đừng bị vẻ đẹp của hình thức bên ngoài thu hút mà xao nhãng ý nghĩa quý giá nhất của mỗi sự vật, con người. Lối sống giản dị, thanh cao, tránh sự hào nhoáng, phô trương.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: Có thể chọn một trong những hình ảnh:
- + “*Những lá thom hâi húc về già*” => Hình thức không phải độ xanh tươi nhất nhưng lại là thời điểm tỏa hương thơm.

- + “Hai chiếc lá có hương tư tưởng” => Trân trọng những vẻ đẹp của trí tuệ, tinh thần.
- + “Cây hóa trăm trong ruột” => Trân trọng vẻ đẹp bên trong.
- + “Là đủ rồi, phải đợi gì hoa?”=> Khẳng định nội dung bên trong quan trọng hơn hình thức bên ngoài.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ,
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Vai trò của hình thức bề ngoài trong xã hội ngày nay. + Hình thức chỉ những vẻ đẹp bên ngoài như nhan sắc, vóc dáng, trang phục, tác phong của mỗi người.
Luận bàn	Vai trò của hình thức	+ Lúc nào hình thức cũng quan trọng, khiến cho cuộc sống thuận lợi hơn. + Trong xã hội hiện đại, khi tiêu chuẩn của cuộc sống ngày càng cao, nhu cầu về hình thức cũng tăng lên. + Vẻ đẹp bên ngoài được coi như một năng lực, bởi vậy, nó cũng cần được trau chuốt, quan tâm.
Phản biện	Hình thức không phải là tất cả	“Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. Nhưng nếu tất cả gỗ và nước phải là tất cả sơn thì chắc chắn giá trị sẽ tăng lên.
Giải pháp	+ Hành động + Nhận thức	+ Quan tâm đúng mực đến hình thức, tránh xuề xòa. + Không quá đề cao vẻ bề ngoài, cho đó là giá trị tuyệt đối. Hình thức chỉ có giá trị khi nó gắn liền với trí tuệ, tâm hồn.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Trau dồi cả vẻ đẹp bên ngoài và bên trong.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0,5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4,5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Đất Nước*
- Dạng bài: Phân tích
- Yêu cầu: Phân tích, chứng minh 9 câu thơ đầu để làm rõ đó là những ý thơ thể hiện sự khám phá, phát hiện mới mẻ về hình tượng Đất Nước

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM		
KIỆN	HỆ	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

THỨC	THÔNG Ý	
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, ở huyện Phong Điền, xứ Huế cổ độ. Ông sinh trưởng trong một gia đình trí thức cách mạng. Nguyễn Khoa Điềm là một trong những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ những năm chống Mĩ. Phong cách thơ: giàu chất suy tư, xúc cảm dồn nén, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân. - Trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> viết năm 1971, tại chiến khu Tri - Thiên, giữa không khí sục sôi chống Mĩ của cả dân tộc. Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản <i>Đất Nước</i> được trích ở phần đầu chương V của trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i>. - Văn bản <i>Đất Nước</i> thể hiện những cảm nhận, phát hiện của nhà thơ về đất nước trên nhiều bình diện (chiều dài của lịch sử, chiều rộng của địa lý, bề dày của văn hoá, phong tục...). Qua đó, nhà thơ khẳng định tư tưởng lớn: Đất Nước là của Nhân dân, và Nhân dân chính là người đã làm ra Đất Nước. Trong đó, 9 câu thơ đầu là những ý thơ thể hiện sự khám phá, phát hiện mới mẻ về hình tượng Đất Nước.

TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Phân tích	- Những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc về thời điểm ra đời của Đất Nước: <i>Khi ta lớn lên, Đất Nước đã có rồi</i> <i>Đất Nước có trong những cái “ngày xưa, ngày xưa” mẹ thường hay kể</i> - Đó là một Đất Nước có từ ngàn xưa, từ rất lâu đời và còn đến hôm nay. Đất Nước rất xa từ “<i>ngày xưa ngày xưa</i>”, lại rất gần từ “<i>bây giờ</i>”. Đất Nước là một quá trình dài hình thành và phát triển, là một khái niệm tự nhiên ngay khi ra sinh ra và lớn lên. - Đất Nước đã có từ lâu là cách nói ước chừng, bởi chẳng thể ai có thể nói rõ thời điểm ra đời Đất Nước, chỉ biết Đất Nước đã có từ xa xưa, chỉ biết Đất Nước ra đời trước tất cả chúng ta, khi ta sinh ra, ta đã sống trong cái nôi của Đất Nước. - Với Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước thật gần gũi, hiện diện trong những câu chuyện cổ tích thường mở đầu bằng “<i>ngày xưa ngày xưa</i>”. Câu thơ khiến ta nhớ đến hình ảnh của người bà thường hay kể chuyện cho con cháu nghe, là hình ảnh cô Tấm bị mẹ con Cám bắt nạt, là hình là nàng tiên bước ra từ quả thị... Cụm từ “<i>ngày xưa ngày xưa</i>” thật quen thuộc và gần gũi với con người Việt Nam. Bởi, mỗi câu chuyện là mỗi bài học đạo lí dạy ta biết “<i>ở hiền gặp lành</i>”, biết thiện thắng ác, biết sống thủy chung,... Tác giả không dùng từ ngữ, hình ảnh hoa mỹ tráng lệ mang tính biểu tượng để thể hiện Đất Nước mà dùng cách nói giản dị, tự nhiên, dễ hiểu, dễ thấm vào lòng người. - Những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc về bắt nguồn và sự trưởng thành của Đất Nước: <i>“Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn</i> <i>Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”</i> + “<i>Miếng trầu bà ăn</i>” là miếng trầu tình nghĩa trong Sự tích trầu cau khiến ta rung rung nước mắt về tình cảm vợ chồng, về tình nghĩa anh em gắn bó. Từ đó, hình ảnh “<i>trầu cau</i>” trở thành văn hoá, phong tục, trở thành thứ không thể thiếu được trong lễ cưới, tượng trưng cho tình, nghĩa đậm thắm, thủy chung. Nhưng Đất Nước lại bắt nguồn từ miếng trầu, đó phải chăng là một khám phá khiến ta hiểu rằng, Đất Nước chỉ hình thành khi văn hoá xuất hiện, chỉ khi có văn hoá, Đất Nước mới có thể định nghĩa. + Hình ảnh cây tre là biểu tượng của người Việt Nam, gắn với đời sống thường ngày và có lúc trở thành vũ khí xông pha ra chiến trường đánh giặc, Thánh Gióng từng nhổ tre đánh giặc Ân. Như vậy, Đất Nước lớn lên trong đấu tranh, trong dựng nước và giữ nước. Và phải qua gian lao, qua bão tố, Đất Nước mới trưởng thành.
--	-------------------------	--

		- Những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc về văn hóa truyền thống của Đất Nước: <i>“Tóc mẹ thì bới sau đầu Cha mẹ thương nhanh bằng gừng cay muối mặn Cái kèo, cái cột thành tên Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng Đất Nước có từ ngày đó...”</i> + Đất Nước hiện diện ngay trong đời sống mỗi gia đình, từ những thói quen: bới tóc sau đầu của mẹ, đều là văn hóa, được truyền lại, được chỉ bảo từ xưa, đến đạo lý nghĩa tình thủy chung gừng cay muối mặn trong ca dao: Tay nâng chén muối đĩa gừng Giang cay muối mặn xin đừng quên nhau. + <i>“Cái kèo cái cột thành tên”</i>: Ghi dấu sự hình thành và phát triển ngôn ngữ của dân tộc, do đó mà mỗi cái cột, kèo được đặt tên, nó thể hiện cả văn hóa và tâm hồn Việt ở trong đó. + Đất Nước còn là hạt gạo phải vất vả một nắng hai sương, gọi lên đặc điểm của nền văn minh lúa nước. Thành ngữ <i>“Một nắng hai sương”</i> gọi nên sự cần cù chăm chỉ của cha ông ta những ngày long đong, lận đận trong đời sống nông nghiệp lạc hậu. Đó là truyền thống lao động cần cù, chịu thương chịu khó. Để làm ra hạt gạo ta ăn hằng ngày, người nông dân phải trải qua bao nắng sương vất vả gieo cấy, xay giã, giần sàng. Thêm vào trong hạt gạo bé nhỏ ấy là mồ hôi vị mặn nhọc nhằn. + <i>“Đất Nước có từ ngày đó”</i>, câu thơ như lời tổng kết: Đất Nước là những gì bé nhỏ bình dị ta thấy, ta ăn hàng ngày, nuôi ta lớn lên, dạy ta học, che chở ta. Đất Nước được tạo ra từ những nhọc nhằn của thế hệ đi trước. Đất Nước không phải là cái gì xa vời, cao quý và khó tiếp nhận, Đất Nước hiện hữu thật gần, thật giản dị mà rất đổi thiêng liêng.
	Bàn luận, đánh giá	- Thành công của đoạn thơ trên là nhờ vào việc vận dụng khéo léo đánh giá chất liệu văn hóa dân gian như phong tục ăn trâu, tục búi tóc, truyền thống đánh giặc, truyền thống nông nghiệp. Nhà thơ sáng tạo thành ngữ dân gian, ca dao tục ngữ, thành ngữ... Điệp ngữ Đất Nước được nhắc lại nhiều lần. Nhà thơ luôn viết họa họa từ Đất Nước tạo nên sự thành kính, thiêng liêng... Tất cả làm nên một đoạn thơ đậm đà không gian văn hóa người Việt. Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, lời thơ nhẹ nhàng đúng giọng thủ thi tâm tình nhưng vẫn mang đậm hồn thơ Tin lành vì triết lí. - Chín câu thơ ngắn gọn nhưng cho ta những cảm nhận mới mẻ về hình tượng Đất Nước, giản dị vô cùng mà thấm thía vô cùng, một Đất Nước có từ ngày xưa ngày xưa, và cho đến hôm nay, vẫn luôn hiện diện, song hành cùng mỗi người dân Đất Việt. Đất nước, đã từ lâu, là điểm hẹn tâm hồn của biết bao văn nghệ sĩ. Được khơi nguồn từ đề tài quen thuộc ấy, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có cho mình một lối đi riêng

BỨC TRANH MÀU XANH

I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản sau:

Tường nhà tôi thường treo nhiều tranh
Đẹp nhất vẫn là bức tranh màu xanh
Cửa sổ
Khói trắng dăng dăng ngang tầm thành phố
Dãy núi lam sương, cánh đồng biếc mạ...
Và rung rinh vài nhành cây, chùm quả
Cùng với những gì gọi là cuộc đời
Tất cả dẫm trên nền vĩnh cửu: bầu trời
Bức tranh màu xanh tôi thường say ngắm nhất
Mỗi tia sáng làm đổi thay màu sắc
Mỗi hạt mưa, làn sương, cánh chim
Đã khảm vào tôi từ thuở biết nhìn
Và phác trong tôi bao đường nét bình yên
Rồi một sáng tôi nghe lời bức tranh đắm thắm:
“Anh không thể chỉ đắm say đứng ngắm
Anh phải là một nét vẽ dấu đơn sơ”.

(Bức tranh của tôi, Nguyễn Duy, <https://www.thivien.net>)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

Câu 2. Với nhà thơ, bức tranh nào là đẹp nhất? Bức tranh ấy được vẽ lên bởi những màu sắc và hình ảnh nào?

Câu 3. Theo anh/ chị, vì sao tác giả chọn bức tranh đó là bức tranh đẹp nhất?

Câu 4. Nêu ý nghĩa của bức tranh màu xanh ấy đối với anh/ chị?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bàn luận về ý kiến: “Anh không thể chỉ đắm say đứng ngắm/ Anh phải là một nét vẽ dấu đơn sơ”.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của hai đoạn thơ dưới đây:

“Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.

(Tây Tiến - Quang Dũng)

“Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.

(Đất Nước - trích trường ca Mặt đường khát vọng - Nguyễn Khoa Điềm)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm) Câu 1.

Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2.

Theo nhà thơ, bức tranh đẹp nhất chính là bức tranh màu xanh - cửa sổ. Bức tranh ấy được vẽ lên bởi màu

Có khi nào bạn dành một phút giây ngẩng nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ - bức tranh sinh động và chân thực nhất? Khi ấy, bạn sẽ thấy những điều diệu kì của một bức tranh cổ tích. Một bức tranh giàu sắc màu và đường nét, có sức mạnh thay đổi tâm trạng của mỗi người. Với riêng tôi, bức tranh ấy thú vị ở những điều thú vị nho nhỏ mang đậm hương vị của cuộc sống: một con mèo nhảy hót khỏi mái nhà bó nhào, một bông hoa đang độ rực rỡ,...

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	“Anh không thể chỉ đắm say đang ngắm/ Anh phải là một nét vẽ dấu đơn sơ”.

		+ Khi anh đứng ngắm, anh chỉ là khán giả bên ngoài, là kẻ thụ hưởng. + Anh hãy là một nét vẽ, hãy tham gia làm nên vẻ đẹp của bức tranh ấy.
Luận bàn	Vì sao cần tham gia vào bức tranh bức tranh ấy?	+ Bức tranh của Sở ấy về những điều chân thực, đó chính là thiên nhiên chân thực, bức tranh cuộc sống đa sắc màu. + Mỗi người góp một nét vẽ, mỗi người biết cống hiến. Bức tranh mới đa dạng và sinh động. + Tác giả nhắc nhở mọi người cần nhìn nhận lại bản thân, để tham gia tích cực, đóng góp sức mình - dù bé nhỏ - cho tập thể. <i>“Một nét trăm xao xuyến/ Tan biến trong hòa ca”</i> . Khi đó, họ sẽ cảm nhận được giá trị của bản thân, tự hào và lạc quan hơn trong cuộc sống. + Phê phán những người chỉ biết đứng ngoài, bàng quan với cuộc sống, tách mình khỏi thiên nhiên.
Phản biện	Sao không phấn đấu là một nét vẽ đậm màu?	Nhưng vì sao lại chỉ là một nét vẽ đơn sơ. Cần nỗ lực hết sức mình để nét vẽ chính mình là nét vẽ sắc màu rực rỡ hơn.
Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Giữ thái độ tích cực hòa mình vào dòng chảy của xã hội. + Coi mình là một sợi tơ của cái tổ thiên nhiên kì vĩ, hòa mình vào thiên nhiên, trân trọng từng phút giây cuộc sống.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Là thanh niên, chúng ta càng cần có tinh thần hòa nhập, cống hiến.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cải thiện.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Đất Nước, Tây Tiến*
- Dạng bài: So sánh
- Yêu cầu: Phân tích những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng đoạn thơ, nêu được nét tương đồng và khác biệt của hai bài thơ cùng như quan niệm của tác giả.

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG	Khái quát	- Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong

0,5 điểm	vài nét về tác giả - tác phẩm	cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Thơ ông hiện niềm say mê lý tưởng, ý thức cao về vai trò và trách nhiệm Bài, của tuổi trẻ về đất nước. Thơ Nguyễn Khoa Điềm thấm đẫm chất triết luận xuất phát từ vốn tri thức uyên bác và bề sâu văn hoá trong mối liên tưởng vừa sắc sảo triết lý lại vừa huyền ảo thấp thoáng bóng dáng văn hoá cổ xưa của hân dân tộc. - Đất Nước được trích từ phần đầu chương V của bản trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> của Nguyễn Khoa Điềm - bản trường ca được sáng tác tại chiến khu Trị - Thiên năm 1971 và gửi ra Bắc in lần đầu năm 1974. - Quang Dũng (1921-1988) người làng Phượng Trì, Đan Phượng, Hà Tây nhưng chủ yếu sống ở Hà Nội, Ông là một nghệ sĩ đa tài: thơ ca, nhạc, họa nhưng thành công hơn cả vẫn là thơ ca. Ông là một trong số những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. - Bài thơ <i>Tây Tiến</i> được đánh giá là một kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Quang Dũng nói riêng và trong thơ ca thời kì chống pháp nói chung.
TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Đất nước	- Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã gợi nhắc về cả bề dày lịch sử bốn nghìn năm. Cha ông ta đã làm nên lịch sử oanh liệt bằng sự tiếp nối không ngừng nghỉ. Họ là biết bao người con gái con trai cần cù làm lụng chăm lo cho cuộc sống, vun vén cho gia đình khi đất nước hòa bình, nhưng họ đã sẵn sàng dâng hiến tuổi xanh, hiến dâng thân mình và cha như: vệ khi tổ quốc kêu gọi. Họ đã làm một cuộc chạy tiếp sức đầy nhọc nhằn, gian khó để dựng xây và bảo vệ, vun đắp và gìn giữ Đất Nước cho chúng ta hôm nay. - Nhà thơ khéo léo nhấn mạnh vào vai trò, sức mạnh của lớp người trẻ tuổi (“<i>giống ta lứa tuổi</i>”) để thức tỉnh tuổi trẻ đất nước tự nguyện xả thân cứu nước, giữ nước. Đất Nước này được làm nên từ máu xương, từ sự hi sinh giản dị, bình tâm của những con người đã “<i>ra đi không tiếc đời mình</i>”. - Viết về lịch sử Đất Nước, tác giả không nhắc về những sự kiện lịch sử trọng đại, những người anh hùng nổi tiếng lưu danh sử sách mà ông viết về những người anh hùng vô danh mà vĩ đại vô cùng. Ngòi bút của ông thật tinh tế, khéo léo gợi những suy tư sâu xa trong lòng người đọc. Khi ông viết về công lao, vai trò to lớn của nhân dân với lịch sử Đất Nước thì câu thơ kéo ra rất dài. Nhưng khi viết sự hi sinh thì câu thơ có ngắn lại: “<i>Họ đã sống và chết/ Giản dị và bình tâm</i>”. Những từ ngữ “<i>giản dị</i>”, “<i>bình tâm</i>” và những từ đối lập “<i>sống - chết</i>” cho thấy nhân dân đã tự nguyện hi sinh cho sự sống bất tận của Đất Nước. Các thế hệ nhân dân đã hi sinh nhẹ nhàng, thanh thản. Họ thật cao cả, vĩ đại, phi thường - “<i>Không ai nhớ mặt đặt tên Nhưng họ đã làm ra Đất Nước</i>”. Nhà thơ đã đặt những cái vĩnh hằng bên cạnh cái giản dị, vô danh để khẳng định, ngợi ca nhân dân, vai trò của nhân dân đối với Đất Nước. Qua đó, nhà thơ đã thể hiện niềm kính trọng, biết ơn đối với Nhân Dân.

Tây Tiến	- Khi viết về những người lính Tây Tiến, Quang Dũng đã nói tới cái chết: "<i>Rải rác biên cương mồ viễn xứ</i>", "<i>Áo bào thay chiếu anh về đất</i>" Đó là những hình ảnh để nói lên sự thật khốc liệt của chiến tranh. Những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi, là những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu che thân. - Thế nhưng hình ảnh những nấm mồ đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính Tây Tiến: "<i>Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh</i>". Chiến trường là chốn tử địa, đi dễ khó về, đời xanh là cuộc đời đang độ tươi đẹp nhất, vậy mà đi chẳng tiếc, đó chính là vẻ đẹp sáng ngời của lý tưởng, xua tan đi cái buồn thương, biến bị thành sự hùng tráng. Và hình ảnh anh lính gục ngã, chẳng có manh chiếu liệm, thì nay, họ hoá những anh hùng, được bọc trong tấm áo <i>Tây Tiến</i> bào sang trọng mà về với đất. - Có thể nói những người lính <i>Tây Tiến</i> trong đoạn thơ này mang dáng vẻ của
-----------------	--

		những anh hùng chinh phu thuở xưa một đi không trở lại. Họ chết vì lý tưởng lớn, là cái chết đầy vinh quang, cái chết của vị chiến tướng xưa, khoác lên mình tấm chiến bào hiên hách, rạng ngời công trạng, chết vì thanh xuân của dân tộc, cái chết ấy là cái chết lớn, cái chết đáng được cả đất nước ngợi ca. - Cái chết, sự hi sinh của những người lính <i>Tây Tiến</i> được nhà thơ miêu tả thật trang trọng. Cái chết ấy đã tạo được sự cảm thương sâu sắc ở thiên nhiên. Và dòng sông Mã đã trân trọng đưa tiễn linh hồn người lính bằng cách tấu lên khúc nhạc trầm hùng. Họ ra đi, nhưng trang chí thì còn sống mãi, đó là tinh thần của những bậc trượng phu, ra đi vì nghĩa lớn, như vị đại tướng quân Trần Quốc Tuấn từng viết: “<i>Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng</i>”.
	Tương đồng và khác biệt	- Tương đồng: Hai đoạn thơ đều nói tới sự hi sinh thầm lặng của những người anh tin hùng vô danh để “<i>làm nên Đất Nước muôn đời</i>”. - Hai đoạn thơ đều được viết ra bởi sự yêu thương, trân trọng, biết của các tác giả - những người đang sống trong những giai đoạn lịch sử gian khổ mà hào hùng. - Khác biệt: - Đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> được viết trong những năm đầu của đề thời kì kháng chiến chống Pháp với nỗi nhớ của nhà thơ về đồng đội, bằng kí ức về một thời oanh liệt của người trong cuộc. Đoạn thơ được viết bằng cảm xúc mãnh liệt chân thành, sự kết hợp bút pháp tả thực và lãng mạn. - Đoạn thơ trong bài <i>Đất Nước</i> được viết trong năm cuối của thời kì kháng chiến chống Mỹ. Trong cuộc kháng chiến, chúng ta có nhiều thắng lợi vẻ vang nhưng vận nước vẫn rất mong manh. Lúc này cần sự đóng góp của tất cả mọi lực lượng. Bài thơ, đoạn thơ này nhằm thức tỉnh tuổi trẻ về trách nhiệm đối với <i>Đất Nước</i> - cũng là một cách kêu gọi tinh thần đấu tranh của tuổi trẻ. - Đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> được viết bằng thể thơ thất ngôn, có sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng với giọng điệu thơ dứt khoát, mạnh mẽ, âm hưởng hào hùng để tô đậm hiện thực khốc liệt của chiến tranh và khẳng định sự bất tử của người chiến sĩ vô danh. - Đoạn thơ trong <i>Đất Nước</i> được viết bằng thể thơ tự do, giọng điệu tâm tình trò chuyện, từ ngữ giản dị, gần gũi nhằm khẳng định vai trò to lớn của nhân dân vô danh.

TIA BÌNH MINH TỪ CỬA ĐẤT

I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)
Đọc văn bản sau:

Con tôi chào đời trong lòng đất
Vách hầm nung rưng - nước mắt
Nước mắt đất.
Nhỏ trên khuôn mặt như trái hồng tươ
Nhỏ vào tiếng khóc mềm như chồi non
[...]
Bàn chân đi... rồi con sẽ học
Câu thơ của cha, rồi con sẽ đọc
Tất cả phần con những mùa quả chín đầy
Rễ cây hút màu từ thờ đất hôm nay
Tới tận vành nội hút từng hơi con thở
Cha biết con đang thềm ngọn gió
Khát tia bình minh từ cửa đất rọi vào
Nụ cười vẫn hồng hào
Trên vòm gối thêu bát ngát trắng sao
Không vui nào bằng niềm vui lặng lẽ
Khi đất và cha cùng nghe con gọi “Mẹ!”
Soi mắt con cười, cho thấy đỏ, trời xanh.

(Bài thơ tặng con, trích từ tập thơ “Cát trắng”, Nguyễn Duy, NXB Quân đội Nhân dân, 1973)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Văn bản được viết theo thể thơ gì?

Câu 2. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ: “Cha biết con đang thềm ngọn gió/ Khát tia bình minh từ cha đất rọi vào”?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Trong chiến tranh, người ta khát khao hòa bình. Khi hòa bình, ta nghĩ gì về hòa bình?

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng nhân vật Mị trong truyện *Vợ chồng A Phủ* là một thành công của nhà văn Tô Hoài khi xây dựng con người thức tỉnh. Phân tích đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* để làm sáng tỏ nhận định trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản được viết theo thể thơ tự do.

Câu 2.

- Biện pháp tu từ:

+ Ẩn dụ phẩm chất: ngọn gió, tia bình minh ẩn dụ cho hòa bình

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: thềm - ngọn gió, khát – tia bình minh

- Tác dụng:

+ Về hình thức: giúp lời thơ hình ảnh hơn, hàm súc và giàu sức gợi hơn.

+ Về nội dung: diễn tả niềm khát vọng hòa bình của người cha để đứa con bé bỏng sinh ra trong hầm đất được hưởng không khí hòa bình an lành trên mặt đất.

Câu 3.

Người cha trong bài thơ có cảm nhận: “*Khi đất và cha cùng nghe con gọi “Mẹ!”/ Soi mắt con cười, cho thấy đó, trời xanh*”. Đó là cảm nhận rất chân thành của một người cha yêu con và một người dân yêu nước. Trong hoàn cảnh em bé sinh ra trong hầm trú ẩn, khát vọng hòa bình, độc lập đan cài vào khát vọng cho con có được cuộc sống bình yên, tự do, được hạnh phúc khi hít thở bầu không khí không có mùi thuốc súng. Mắt cười và khuôn miệng gọi “Mẹ” của đứa trẻ là sức mạnh, là niềm tin, là hi vọng ngày mai tươi sáng.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: nhà thơ muốn nói với con về khát vọng hòa bình, về tình yêu tha thiết dành cho con và niềm ao ước một tương lai tươi đẹp. Đồng thời, nhà thơ cũng tự nhắc nhở mình về niềm lạc quan, niềm tin yêu, hi vọng vào chiến thắng.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Khi hòa bình, ta nghĩ gì về hòa bình? + Hòa bình là trạng thái tự do, không có chiến tranh, khi con người không phải sống trong lo sợ đạn bom và hỗn loạn.
Luận bàn	Bàn luận về hòa bình	+ Khi hòa bình, con người không cảm nhận rõ được giá trị của hai tiếng đó. Có những ứng xử chưa phù hợp, chưa thể hiện sự quý trọng hòa bình, mặc dù họ vẫn là những người yêu nước. + Hòa bình ở đất nước ta được xây lên từ xương máu của cha ông. Thái độ biết ơn.
Phản biện	Quý trọng hòa bình là ghi nhớ mối hận thù chiến tranh?	Quý trọng hòa bình nên đến nay, rất nhiều người vẫn ghi là ghi nhớ mối hận thù và nhắc mãi mối hận thù chiến tranh, khi hôm nay, những nạn nhân của chiến tranh vẫn từng giây phút chịu đau khổ bởi những hậu quả không dễ xóa mờ?
Giải pháp	Điều gì giúp bảo vệ hòa bình của đất nước + Nhận thức + Hành động	+ Thái độ quý trọng hòa bình, xoa dịu nỗi đau quá khứ và hướng tới tương lai. + Tinh thần hòa hữu, ứng xử nội bộ và quốc tế khéo léo.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Rèn luyện năng lực đọc sách. Liên hệ Bài học cho bản Hòa bình cần được vun đắp từ từng suy nghĩ, lời nói và hành động nhỏ, luôn thể hiện quan điểm hòa hữu.

Câu 2 (5 điểm)**Yêu cầu chung: 0.5 điểm**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm**ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ**

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Vợ chồng A Phủ*
- Dạng bài: Phân tích, bàn luận ý kiến
- Yêu cầu: Giải thích ý kiến, làm sáng tỏ qua phân tích hình tượng nhân vật Mị.

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM		
KIỆN	HỆ	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

THỨC	THÔNG Ý	
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh năm 1920 trong một gia đình thợ dệt thủ công ở làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (quê C vài nét về ngoại), nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Quê nội của tác giả tác ông ở Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (cũ). - Năm 1943, Tô Hoài tham gia Hội Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông viết báo và hoạt động văn nghệ ở Việt Bắc. Do có trình độ hiểu biết sâu rộng và vốn sống phong phú về phong tục, tập quán của nhiều dân tộc ở nhiều vùng miền khác nhau trên đất nước nên sáng tác của Tô Hoài thiên về diễn tả những tình cảnh của đời thường. Tác phẩm của Tô Hoài luôn hấp dẫn người đọc bởi lối kể chuyện hóm hỉnh, sinh động, bởi vốn từ vựng giàu có lạ thường. - <i>Vợ chồng A Phủ</i> là truyện ngắn thành công nhất trong ba truyện ngắn viết về đề tài Tây Bắc của ông. Tác phẩm có một giá trị hiện thực và nhân đạo đáng kể. Vợ chồng A Phủ in trong tập truyện Tây Tào An Giang Bắc (1954). Tác phẩm ra đời là kết quả của chuyến đi thực tế của nhà văn cùng với bộ đội giải phóng Tây Bắc. Tác phẩm thể hiện chân thực, xúc động về cuộc sống cơ cực, tủi nhục của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến cũng quá trình giác ngộ cách mạng, tự vùng lên giải phóng cuộc đời.
TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Giải thích	“<i>Con người thức tỉnh</i>” chỉ một dạng nhân vật văn học vốn có số phận bất hạnh nhưng biết vươn lên đấu tranh để thay đổi cuộc đời, giành lại cho mình những niềm hạnh phúc đáng được có. - <i>Mị</i> là nhân vật từng nếm trải nhiều cay đắng, tủi nhục và đau khổ trải qua những năm dài bị áp bức bóc lột bị chà đạp, giày xéo mà trở thành con người gần như vô cảm vô hồn, sống trong trạng thái nhẫn nhục, cam chịu cho thân phận mình. Cuối cùng, con người thức tỉnh dần dần “hồi sinh”, tự ý thức về quyền sống và quyền làm người của mình, phản kháng áp bức, bất công giành lấy tự do và hạnh phúc, xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa. Cùng với nhân vật A Phủ, ta thấy rõ Bà Bầu này có anh oil 1 nhân vật <i>Mị</i> là “<i>con người thức tỉnh</i>” giàu ý nghĩa nhân văn.

Phân tích	- Từ cuộc đời đầy bi kịch: + Mị là một cô con dâu gạt nợ sống ở nhà thống lí Pá Tra để trả món nợ truyền đời – truyền kiếp. Quãng đời của Mị ở Hồng Ngài thật sự là một chuỗi ngày đen tối nhất của một người đàn bà ở giữa chốn địa ngục trần gian.. + Tuy là mang tiếng con dâu của vua xứ Mèo mà lại phải làm việc quần quật như “<i>con trâu, con ngựa</i>”. Sống vô cảm vô hồn, không có ý thức về thời gian, tuổi trẻ, tình yêu, cam chịu, nhẫn nhục... - Đến thức tỉnh trong đêm tình mùa xuân + Từ sự tác động của ngoại cảnh, đặc biệt là tiếng sáo, men rượu, khiến Mị hồi sinh, Mị nhận ra Mị còn trẻ (sự ý thức được về bản thân, về ngoại hình, nhan sắc), Mị muốn đi chơi (Sự ý thức được nhu cầu đòi hỏi về mặt tinh thần). + Mị so sánh mình với bao người phụ nữ khác: Bao nhiêu người có chồng vẫn đi chơi ngày tết. Và cô gái ấy trở lại cái đau đớn khi nhận ra cuộc hôn nhân phi lí của mình. Nhắc lại điều đó, ý muốn tự tử của Mị lại trở lại. Hay nói cách khác, nghĩ đến nắm lá ngón, đến cái chết lại là dấu hiệu cô Mị đã hồi sinh, nhận ra mình muốn chết là ý thức được về những nỗi thống khổ, là sự phản ứng lại trước số phận nghiệt ngã, là khao khát muốn được tự do. + Và Mị, đã có những hành động, không phải vô tri, thói quen, mà là hành động của thức tỉnh. Trước tiên, Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ vào đĩa cho đèn thêm sáng. Sau đó, Mị quấn lại tóc, lấy cái váy hoa chuẩn bị đi
------------------	--

		chơi, Mị đã bước đi theo tiếng gọi của tiếng sáo, của nhu cầu bản thân, Mị đang vượt qua những ràng buộc, để sống thật với con người mình, khao khát của mình. + Nhưng A Sử về, A Sử ở đó như đại diện cho cường quyền, thần quyền, chặn đứng khát khao, nhu cầu của Mị, A Sử trói đứng Mị vào cột, thế nhưng A Sử không thể trói được tâm hồn Mị, Mị bị trói nhưng Mị vẫn vùng bước đi. - Hành động quyết liệt trong đêm mùa đông cứu A Phủ + Sau đêm tình mùa xuân, Mị trở lại với kiếp sống chai sạn, Mị không cần biết, không đoái hoài, không quan tâm. Vô cảm với chính mình, Mị cũng chẳng còn thiết tha đến mọi thứ xung quanh. + Thế nhưng, dòng nước mắt của A Phủ đã đánh thức và làm hồi sinh lòng thương mình rồi đến thương người trong Mị. Mị đã cảm nhận nỗi đau của A Phủ bằng chính nỗi đau của mình. Và từ sự đồng cảm đó, lòng Mị dấy lên sự căm phẫn: <i>“Trời ơi, nó bắt trói đúng người ta đến chết, nó bắt mình chết cùng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cùng ở cái nhà này”</i>. Mị nhận ra giá trị của con người, giá trị được sống nhưng lại bị bắt chết. Để đi đến hành động cắt dây trói cứu A Phủ, Mị đã phải trải qua một quá trình diễn biến tâm lý đầy phức tạp. Nhưng tình thương A Phủ, sự đồng cảm với kiếp người cùng khổ đầy khốn nạn, thêm cả lòng căm phẫn, và sự thúc bách về mặt thời gian, cô gái đó đã có một hành động hết sức táo bạo, liều lĩnh: cắt dây trói để cứu A Phủ. + Hành động cắt dây trói là cắt đi cả cường quyền và thần quyền đè nén bấy lâu. Khi A Phủ chạy đi, Mị đứng lặng trong bóng tối, khoảnh khắc ấy, trong Mị trào lên niềm khao khát sống, lúc này, cùng với nỗi sợ và lòng ham sống mãnh liệt, Mị vụt chạy theo A Phủ. Bước chân Mị như đạp đổ thần quyền của bọn lãnh chúa phong kiến bao năm qua đè nặng lên Mị. Bình luận,
	Bình luận, đánh giá	- Ý kiến hoàn toàn chính xác và thuyết phục: Mị là con người thức. đánh giá tỉnh, thức tỉnh từ nhận thức đến hành động, và điều đó mang lại cho Mị một cuộc đời mới, có ý nghĩa và được làm một con người thật sự. - Bằng tài năng và một vốn từ phong phú, Tô Hoài đã phân tích tinh tế, sâu sắc mọi diễn biến về tâm lý và hành động Mị trong quá trình thức tỉnh với tất cả sự thương xót và đồng cảm sâu sắc. Mị là nhân vật thức tỉnh có sức mạnh phản kháng và sức sống tiềm tàng. Nhân vật Mị đã góp phần thể hiện giá trị nhân văn của truyện Vợ chồng A Phủ.

MẸ VÀ LỜI RU

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm) Đọc đoạn trích:

[...]

Bao giờ cho tới mùa thu trái hồng
trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm
mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao

Ngân hà chảy ngược lên cao
quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thẳng Bờm...
bờ ao đom đóm chập chờn
trong leo lẻo những vui buồn xa xôi
Mẹ ru cái lẽ ở đời
sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn
bà ru mẹ... mẹ ru con
liệu mai sau các con còn nhớ chăng?

Nhìn về quê mẹ xa xăm
lòng ta - chỗ ướt mẹ nằm đêm xưa
ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa.
miệng nhai cơm bưng hờn lừa cả xương...

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, trích từ tập thơ “Mẹ và Em”, Nguyễn Duy, NXB Thanh Hoá, 1987)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2. Nêu những yếu tố ca dao xuất hiện trong đoạn trích?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ “bờ ao đom đóm chập chờn trong leo lẻo những vui buồn xa xôi”?

Câu 4. Nhà thơ gửi gắm những cảm xúc nào khi nhớ về mẹ?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Lời hát ru trong tâm hồn mỗi người Việt Nam.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của anh chị về hai đoạn văn sau:

“Ngày Tết, Mị cùng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước.

Tại Mị vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng...” (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài)

“Phải uống thêm chai nữa. Và hần uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra, Tỉnh ra chao ôi, buồn! Hơi rượu không sắc súa, hần cứ thoang thoang thấy hơi cháo hành. Hần ôm mặt khóc rưng rức...” (Chí Phèo - Nam Cao)

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm) Câu 1.

Văn bản viết theo thể thơ lục bát.

Câu 2.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Những yếu tố ca dao xuất hiện trong đoạn trích:

- + Thể thơ: thể thơ lục bát rất phổ biến trong ca dao dân ca Việt Nam.
- + Hình ảnh: *trái hồng trái bưởi mùa thu, tháng năm trái chiếu đêm sao, sông Ngân hà, thuyền Bờm quạt mo, bờ ao đóm đóm, mẹ hát ru, chõ ướm mẹ nằm,...* là những hình ảnh xuất hiện nhiều trong ca dao.
- + Lời ca dao:

*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa
Miệng nhai cơm bưng lưỡi lừa cá xương.*

Câu 3.

Biện pháp tu từ:

- + Đảo ngữ: Vị ngữ được đảo lên trước Chủ ngữ: *Trong leo léo những vui buồn xa xăm.*
- + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: *Vui buồn* (cảm xúc) – *trong leo léo* (thị giác).

Tác dụng:

- + Về hình thức: Tạo nhịp điệu cho lời thơ, giúp lời thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi khi đảo tình từ *trong leo leo* lên đầu câu thơ, vừa tả làn nước ao, vừa diễn tả sự soi thấu tâm can tác giả với những xúc cảm về mẹ.
- + Về nội dung: Gợi lại và làm nổi bật những hình ảnh quen thuộc gắn với mẹ và tuổi thơ của tác giả, đan xen trong đó là những cảm xúc sâu lắng, vui buồn lẫn lộn, nỗi nhớ mẹ và kí ức tuổi thơ.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.
- Về nội dung: nỗi nhớ da diết, niềm kính trọng, biết ơn; tình yêu thương vô bờ,...

Sau đây là một ví dụ:

Nghĩ về mẹ, nhà thơ Nguyễn Duy như quay cuốn phim dọc thời thơ ấu. Ở đó, kí ức nào cũng gợi cho nhà thơ nỗi nhớ da diết về người mẹ tảo tần, chân chất, yêu con bằng tình yêu vô bờ. Những hình ảnh chân thực, giản dị về mẹ: *trái chiếu nằm đêm sao trong đêm tháng năm*, là *trái bóng trái bưởi Trung thu*, là *lời hát ru à ời ời à,...* Nỗi nhớ về mẹ đan xen với những kỉ niệm hạnh phúc ngọt ngào khiến cho bất kì người con nào cũng bất chợt nghĩ đến mẹ, đến những điều chẳng bao giờ có thể mờ phai.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lô cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Lời hát ru trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam. + Lời hát ru thường là những câu ca dao, dân ca được mẹ hoặc bà hát khi chúng ta còn bé.
Luận bàn	Vai trò của hát ru đối với mỗi người	+ Là tiếng hát êm ả giúp ta đi vào giấc ngủ. + Là tình yêu thương dành cho chúng ta. + Là những ước mong, hi vọng về tương lai tươi sáng, cuộc sống êm đềm được bà, mẹ gửi gắm qua câu hát. + Là lời tâm tình, bồi đắp cho tâm hồn mỗi người.
Phản biện	Sẽ ra sao nếu không có lời ru?	Ngày nay, nhiều cha mẹ ngại ru con, cho con nghe nhạc để ngủ ngon.
Giải pháp	Nhận thức	Tiếng ru không chỉ là lời hát để đi vào giấc ngủ, quan trọng hơn, nó là biểu hiện cho tình yêu thương, sự nâng niu.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Quý trọng và lưu giữ những bài hát ru thuở nhỏ. Mong tiếng hát ru còn mãi ngân vang trong những gia đình Việt.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0,5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ,
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4,5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trong tâm kiến thức: <i>Vợ chồng A Phủ, Chí Phèo</i> - Dạng bài So sánh - Yêu cầu: Phân tích, giá trị nội dung và nghệ thuật của hai trích đoạn chỉ ra được sự độc đáo, điểm chung của từng đoạn.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tô Hoài là nhà văn lớn, trong quá trình cầm bút, không ít những tác phẩm đã mang lại cho nhà văn những thành tựu lớn. Tô Hoài là nhà văn có sức viết khỏe, để đời nhiều tác phẩm mà có lẽ đến nay, hiếm có nhà văn nào đạt được cả về số lượng sáng tác lẫn thành tựu sáng tác như vậy. Đồng thời, ông cũng là nhà văn giỏi về phân tích diễn biến tâm lý nhân vật, về miêu tả thiên nhiên, các phong tục tập quán. - <i>Vợ chồng A Phủ</i> là truyện ngắn thành công nhất trong ba truyện ngắn viết về đề tài Tây Bắc của ông. Tác phẩm có một giá trị hiện thực và nhân đạo đáng kể. Vợ chồng A Phủ in trong tập truyện Tây Bắc (1954). Tác phẩm ra đời là kết quả của chuyến đi thực tế của nhà văn cùng với bộ đội giải phóng Tây Bắc. Nam Cao là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của trào lưu hiện thực phê
-------------------------------------	--	--

		phần thời kỳ 1940-1945, là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954. Sáng tác của Nam Cao trước cách mạng tập trung vào hai đề tài lớn: Người tiểu tư sản nghèo và người nông dân, khai thác trực tiếp từ cuộc sống bản thân tác giả và bà con nông dân làng quê... Miêu tả chân thực cuộc sống nghèo khổ, tủi nhục của người tiểu tư sản, Nam Cao đặc biệt đi sâu vào những đau đớn trong tâm hồn của họ và đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Về truyện ngắn <i>Chí Phèo</i>, nguyên có tên là Cái lò gạch cũ; khi in thành sách lần đầu năm 1941, Nhà xuất bản Đời mới - Hà Nội tự ý đổi tên là Đời hóa xù xì đôi. Chí Phèo không những là tác phẩm xuất sắc nhất trong văn nghiệp của nhà văn Nam Cao, nó còn xứng đáng là một kiệt tác của văn học giai đoạn đương thời. Một tác phẩm lớn về nhiều mặt dù chỉ chứa đựng trong dung lượng của một truyện ngắn.
TRỌNG		Điểm chung:

TÂM 4.0 điểm	Đối sánh + Đây đều là hai đoạn văn giàu bút lực, minh chứng cho tài năng khắc họa, đi sâu, chạm khắc nỗi tâm lý, trạng thái nhân vật tài tình của nhà văn. Có thể gọi hai đoạn này là tiêu biểu nhà văn tạo nên khoảng lặng đầy ý nghĩa để khơi sâu dòng suy nghĩ, phần bên trong của nhân vật. + Hai nhân vật chính đều tìm đến rượu như một chất xúc tác của tâm hồn. Men rượu khiến người ta mụ mị, chìm vào miên man, giúp xóa và thi nhòa thực tại, gạt đi nỗi đau đang dày vò. Thế nhưng, trong lúc này, rượu như bất lực trước một tâm hồn bị thương tổn, đang quá tỉnh táo. + Mị và Chí đều là những bi kịch lớn, những bi kịch mang tính chất điển hình trong xã hội. Mà đã là bi kịch, ắt hẳn tâm hồn phải hứng chịu những đau đớn, tổn thương. Cả hai nhân vật đang trải qua những tổn thương nhất, đau đớn nhất do hoàn cảnh tác động, gây ra. + Cuối cùng, trong cả hai đoạn trích, nhà văn đã chủ động đưa vào những chi tiết nghệ thuật hết sức độc đáo, giàu tính biểu tượng và ý nghĩa. Với Chí Phèo, đó là hơi cháo hành. Với Vợ chồng A Phi đó tiếng sáo gọi bạn. Điểm khác biệt: 1. Cách tìm đến rượu của hai nhân vật + Với Chí Phèo: Thăng Chí Phèo tìm đến rượu trong một sự phẫn nộ, một căm giận muôn đời lên được khi hắn bị chối từ. Khi hắn bị cự tuyệt. Và quan trọng hơn là tìm đến rượu để quên đi. Hắn muốn quên đi nỗi đau hiện tại đang phải trải qua. + Với Mị: Mị tìm đến rượu để nhớ về, như một thói quen khi mùa xuân đến. Rượu không khiến Mị quên, mà nó giúp khơi lại những ký ức tưởng đã héo khô, đã chết đi về Mị ngày xưa từng được đi chơi, được sống... như một con người. 2. Ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật xuất hiện + Với Chí Phèo: Hơi cháo hành là dư âm của bát cháo hành. Là tình yêu, là hơi ấm tình người mà cả đời hắn, mới một lần được cho. Bát cháo hành của một người đàn bà dở hơi, nhưng biết đâu, đã làm thức tỉnh con người trong con quỷ dữ, đã gạt tẩy bao ố bẩn, giúp hắn hồi tỉnh con người trong con quỷ dữ, đã gạt tẩy bao ố bẩn, giúp hắn hồi sinh. Ấy vậy mà giờ đây, hắn không thể thêm một lần nào nữa nếm hương vị cháo ấy. Có nghĩa là, mãi mãi, hắn không được trở lại làm người, mãi mãi không còn được nếm hương vị đã giúp hắn tỉnh, giúp hắn yêu và biết khao khát. Hơi cháo hành thoang thoảng lúc này hiện lên, chỉ tô đậm thêm đau đớn và bi kịch xót xa cho một kẻ mới chấp chơi hi vọng đã bị dập tắt ngay, và giờ, cùng đường tuyệt vọng. + Với Mị: tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân ngà ngà say ấy giống như là một âm thanh đánh thức tâm hồn vốn đã ngủ vùi từ lâu của Mị. Nó làm Mị nhớ về
--	---

	quá khứ tươi đẹp một thời, ngày ấy Mị xinh đẹp, trẻ trung, tràn đầy sức sống, Mị cũng biết thổi sáo và thổi rất hay, đã làm đắm say biết bao trai làng... Tiếng sáo làm Mị thức tỉnh và đã làm sức sống lại dạt dào trong lòng Mị. 3. Ý thức hai nhân vật + Với Chí Phèo: Ý thức được bị kịch một cách sâu sắc, ý thức được sự cô độc và bị chối từ. Và từ đó ý thức được cuộc sống giờ đây của hắn đã không còn ý nghĩa, đã bị đẩy vào bước đường cùng, không còn lối thoát. + Với Mị: Mị ý thức được nỗi khổ của mình, Mị nhận ra mình không còn vô tri, Mị nhận ra được trong mình có niềm khao khát, có một sức sống tiềm tàng vẫn chảy lặng lẽ trong huyết quản, đó cũng là điểm khởi đầu cho quá trình đấu tranh của nhân vật.
Nên vị trí đoạn trích	- <i>Vợ chồng A Phủ</i>: Mị là người con gái H'Mông đẹp người, đẹp nét và căng tràn sức sống nhưng số phận của Mị trở nên tăm tối khi Mị Và một trai trở thành con dâu gạt nợ nhà Pá Tra. Trong một đêm tình xuân khi mà muôn vật đang ở thì tươi đẹp, rộn ràng khắp nơi. Mị uống rượu và thả hồn theo giai điệu của tiếng sáo Mèo; Mị nhớ lại thời kỳ xuân xanh của mình; mùa xuân đến được đi chơi, đc đắm chìm trong giai điệu của tiếng sáo Mèo; được đi theo tiếng gọi của trái tim và tình yêu mãnh liệt. Đoạn trích là một trong những phân đoạn hay nhất thể hiện bút lực đi sâu miêu tả, khắc họa tâm lý của nhà văn Tô Hoài. <i>Chí Phèo</i>: Sau khi ra tù và trước khi gặp Thị Nở, Chí lúc nào cũng trong tình trạng say khướt. Thế nhưng từ khi gặp Thị và có tình yêu vồn vẹn trong 5 ngày, Chí Phèo đã giữ cho mình luôn tỉnh táo. Rồi sau 5 ngày, hắn bị Thị cự tuyệt. Chí Phèo trở về với rượu, men rượu là thứ để Chí Phèo giải khuây trong lòng. Trong lúc uống rượu hắn đau khổ khi nhận ra bị kịch của bản thân. Đoạn trích đã lột tả được trạng thái đau khổ của một kẻ bị cự tuyệt tình yêu, cự tuyệt quyền làm người.
Lý giải	- Góc nhìn và cách xây dựng nhân vật của nhà văn: + Cùng miêu tả những bị kịch điển hình, nhưng với Nam Cao, ông hướng tới những người nông dân bị bản cùng hóa, dẫn đến lưu manh hóa, tha hóa đến mức không thể còn trở lại làm người. Có nghĩa là với Chí Phèo, Nam Cao đặt góc nhìn nhân vật bị trượt dài trên những bị kịch, bị kịch nối tiếp bị kịch, để làm bật lên được giá trị tố cáo của in tác phẩm. + Với Vợ chồng A Phủ: Tô Hoài xây dựng nhân vật ngược lại, đó là quá trình đi lên của nhân vật. Xuất phát điểm là đau thương, là bị kịch, nhưng từ bị kịch mà nhận thức và đấu tranh, từ tăm tối mà rũ bùn đứng dậy sáng lòa. - Sự chi phối của giai đoạn lịch sử: + Với Nam Cao và những nhà văn cùng thời, giai đoạn 1930 – 1945: Những nhân vật chứa đầy bị kịch được gọi chung là: Không lối thoát. Điều đó cũng đơn giản khi lý giải vì sao nhà văn lại dùng góc nhìn và xây dựng nhân vật Chí Phèo như vậy. + Với Tô Hoài, ông viết truyện Tây Bắc khi ông theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, nghĩa là ông đã nhìn thấy phần tươi sáng của hiện tại, mà ngược dòng trở về quá khứ đau thương của họ để tạc dựng lại cả một quá trình.

YÊU MỘT NGƯỜI GIÀ

I. ĐỌC- HIỂU 3

điểm) Đọc đoạn trích

sau:

Tôi thường ngắm nhìn ông ngoại tôi khi ông đứng trước ban thờ, tóc bạc rung rung, vẻ mặt khiêm cung, dáng người nghiêm cẩn, và ông đang lầm rầm nói chuyện một cách thành kính với những tổ tiên xa khuất, những người dường như đang lắng lẽ quây quần về đây trong nắng trong gió lắng nghe những lời cầu xin cho non nước bình yên, gia đình hoà mục, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu...

Dường như ông đang nói tôi với hàng ngàn năm trước, với những người ở đất lập làng, những người đã cầm gươm ra trận, những người đã nhào nặn non nước này bằng chính đôi bàn tay của mình.

Tôi thường thích ngắm nhìn bàn tay của bà ngoại tôi những ngón tay xương xáp thô tháp nhưng mát lạnh, ram ráp khi xoa lưng tôi hồi thơ bé, Đường cong lưng bà như một đường lượn của chân trời, cách bà nói năng nhẹ nhàng nhưng ý tứ khôn ngoan, minh triết... bà yếu đuối và cần nương tựa, nhưng sao đôi khi trước bà, tôi lại cảm thấy như *mình mới chính là kẻ yếu đuối và cần nương dựa...*

... Yêu một người già. Đó là cảm giác đứng trước vẻ đẹp của một buổi hoàng hôn, rực rỡ và êm ả, có phần nào buồn lặng. Những phút giây quý giá mong manh của một cuộc sống đã trải qua những phút giây viên mãn nhất, đang dần tắt mà vẫn tuyệt đẹp. Đó là khi bạn đang chiêm ngưỡng cội rễ của thế hệ mà bạn đang là chiếc lá xanh tươi.

(Yêu một người già, Đoàn Công Lê Huy, dẫn theo <http://gacsach.com>)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Tác giả so sánh cảm giác “yêu một người già” với điều gì? Lí giải về cách so sánh ấy.

Câu 3. Vì sao tác giả lại “mình mới chính là kẻ yếu đuối và cần nương dựa” khi đứng trước người bà?

Câu 4. Theo anh/ chị, khi “yêu một người già”, ta có được điều đáng quý gì?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Từ đôi bàn tay của người bà với những ngón tay xương xáp thô tháp nhưng mát lạnh, ram ráp”, hãy viết đoạn văn 200 chữ với tựa đề: Đôi bàn tay yêu thương.

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Hình tượng tượng tiếng sáo trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo nhằm khám phá, thể hiện vẻ đẹp nhân vật và chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Ý kiến khác lại cho rằng: Tiếng sáo góp phần tô đậm thêm những giá trị nhân đạo của tác phẩm. Hãy bình luận.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của văn bản là biểu cảm,

Câu 2.

Tác giả so sánh cảm giác yêu một người già với cảm giác đứng trước vẻ đẹp của một buổi hoàng hôn, rực rỡ và êm ả, có phần nào buồn lặng. Sở dĩ người viết có cảm nhận như vậy bởi khi ta đứng trước một người già, ta cảm nhận được vẻ đẹp tuyệt vời của những giá trị tinh thần mà thế hệ đi trước để lại trong

trái tim và khối óc thể hệ sau. Người già như ánh sáng Mặt Trời đã trải qua những giây phút rực rỡ nhất, giờ đang dần tắt mà vẫn tuyệt đẹp.

Câu 3.

Tác giả thấy mình mới chính là kẻ yếu đuối và cần nương dựa khi đứng trước người bà bởi lẽ sự yếu đuối của người già là sự yếu đuối về thể xác, là mất mớ chân chậm, còn sự yếu đuối của người trẻ là sự non nớt về trải nghiệm, về khả năng chiêm nghiệm cuộc sống, về sự chất chứa và biểu thị cảm xúc yêu thương. Người già là nơi nương dựa tinh thần, nơi bồi đắp tâm hồn cho người trẻ.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: điểm tựa tinh thần, sự yêu thương, cảm giác bình yên,...

Sau đây là một ví dụ:

Yêu một người già chúng ta được nhiều thứ lắm. Nhưng với tôi, điều đáng quý nhất mà ta nhận được đó chính là điểm tựa tinh thần vững chãi. Khi bên một người già, bạn sẽ có được cảm giác bình yên đến lạ. Họ đã đi qua một hành trình dài, đã nếm trải đủ những thăng trầm của cuộc sống, nên họ vững vàng hơn trước mọi vang động của cuộc đời. Bởi vậy, dù bên ngoài kia sóng to gió lớn, đến bên một người già, được ngả đầu vào lòng vào ngực họ, bạn sẽ lấy lại được sự bình tâm, được lạc quan trong tâm hồn.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Đôi bàn tay yêu thương là một đề rất mở. Bàn tay yêu thương có thể chỉ bàn tay của bà, của mẹ, người phụ nữ tần tảo nuôi con. Bàn tay yêu thương có thể hiểu là bàn tay nhân hậu của người lạ những đã nắm lấy, giữ lấy những bàn tay yếu ớt.

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Bàn tay yêu thương, + Bàn tay yêu thương là hình tượng ẩn dụ cho những hành động quan tâm, chăm sóc, sẻ chia.
Luận bàn	Những biểu hiện cụ thể	+ Ai trong cuộc đời cũng có những bàn tay yêu

	của bàn tay yêu thương	thương. của bàn tay yêu thương Những bàn tay ấy giúp ta vững vàng hơn, trưởng thành hơn. +Yêu thương không chỉ biểu hiện bằng suy nghĩ, lời nói mà quan trọng hơn chính là những hành động thiết thực: • Bàn tay chăm sóc của bà của mẹ • Bàn tay dạy bảo của thầy cô • Bàn tay nhân hậu của nhiều người thiện nguyện...
Phản biện	Bàn tay yêu thương có là bàn tay thon đẹp?	Bàn tay yêu thương có là Bàn tay yêu thương có thể không thon thả, không mềm mại, nhưng đó là bàn tay đẹp và trân quý nhất.
Giải pháp	Nhận thức	Biết ơn những đôi bàn tay đã giúp ta cảm nhận được yêu thương, giúp ta mạnh mẽ,...
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Chia sẻ tình cảm, suy nghĩ về đôi bàn tay mình trân quý.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Vợ chồng A Phủ</i> - Dạng bài: bình luận hai ý kiến văn học - Yêu cầu: Làm nổi bật giá trị của chi tiết tiếng sáo xuất hiện trong tác phẩm. Thấy được hai ý kiến không đối lập mà bổ sung để làm đầy đủ thêm cho hình tượng đất giá này.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tô Hoài là bút danh, ông tên thật là Nguyễn Sen, sinh năm 1920 trong một gia đình làm nghề dệt lụa thủ công ở huyện Thanh Oai thuộc Hà Nội ngày nay, nhưng phần lớn thời gian trưởng thành của ông là ở làng Nghĩa Đô, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Thời trẻ, ông kiếm sống bằng nhiều nghề, từ gia sư, thư ký cho tới bán hàng, làm chân kẻ toán cho một hiệu buôn... Đây chính là quãng thời gian ông bắt đầu khởi mạch cho vốn sống ngồn ngộn của mình tuôn trào trên những trang văn. - Tô Hoài đi nhiều, trải nghiệm nhiều, với cảm quan hiện thực đầy tinh tế về cuộc sống đời thường cộng vốn hiểu biết giàu có về phong tục và đời viết không ngừng nghỉ đưa nhà văn Tô Hoài lên vị trí không thể nhầm lẫn, khó có thể thay thế - Vợ chồng A Phủ, một trong ba truyện in trong tập Truyện Tây Bắc, có thể nói là một tác phẩm xuất sắc bậc nhất của nhà văn Tô Hoài. Trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ Tô Hoài không chỉ thành công ở việc khắc họa chân dung các nhân vật mà nhà văn còn có biệt tài trong việc xây dựng các chi tiết truyện rất đặc sắc. Trong đó, chi tiết tiếng sáng trong đêm tình mùa xuân mang nhiều ý
-------------------------------------	--	--

		nghĩa.
TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Giải thích	- Hình tượng tiếng sáo – hình tượng nghệ thuật thể hiện sự khám phá độc đáo của nhà văn Tô Hoài: Trước hết tiếng sáo là một chi tiết hết sức đặc sắc, trở đi trở lại nhiều lần trong tác phẩm, có ý nghĩa như một hình tượng nghệ thuật, mang ý nghĩa, dùng nhiều giá trị mang sức nặng. Có thể nói, từ một hình tượng quen thuộc ngoài đời sống, thường xuất hiện trong các lễ hội mùa xuân, thì qua ngòi bút Tô Hoài đã biến thành một chi tiết, một hình tượng thật đắt giá. - Hình tượng tiếng sáo – hình tượng tột đỉnh giá trị nhân đạo của tác phẩm: Không chỉ có sự phát hiện, tái hiện hình tượng thành công, tiếng sáo còn cộng hưởng, làm gia tăng sức mạnh của tư tưởng nhân đạo trong tác phẩm. Đặc biệt khi nó nhấn mạnh vào những mộng tưởng, những thôi thúc của Mị trong đêm tình mùa xuân.
	Tiếng sáo: hình tượng nghệ thuật	- Tiếng sáo xuất hiện trong đêm tình mùa xuân – đây là âm thanh hình tượng quen thuộc, đặc trưng của người Mèo ở vùng cao mỗi khi tết đến, nghệ thuật xuân về. Đó là tiếng sáo gọi bạn yêu, là cầu nối cho các đôi lứa, giúp các chàng trai tỏ tình và giải bày yêu thương. Âm thanh ấy cũng chứa nhiều khát vọng yêu thương cháy bỏng trong các nhịp đập trái tim trY. - Tiếng sáo là một trong những chi tiết được Tô Hoài dụng công miêu tả. Nó xuất hiện nhiều lần, trở đi trở lại với các mức độ và sắc thái khác nhau. Lúc đầu là tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi, tiếp đến nó văng vẳng ở đầu làng, “lừng lơ bay ngoài đường”. Và rồi giữa Mị và tiếng sáo không còn khoảng cách. Âm thanh ấy len lỏi vào trong tâm trí của Mị. Không chỉ có tiếng sáo hiện tại cô nghe, mà Mị còn nhớ lại cả tiếng sáo trong quá khứ, về khoảng thời gian tươi đẹp, kiêu hãnh của mình. Cuối cùng, tiếng sáo trở thành động lực, dù tiếng sáo thực đã mất, nhưng tiếng sáo tâm tưởng - hay tiếng lòng khát khao của Mị đã bừng tỉnh. - Nghệ thuật miêu tả tiếng sáo và tâm trạng nhân vật của nhà văn Tô Hoài rất tài hoa. Tám lần ông nói tới tiếng sáo, kể về những cô gái, chàng trai thổi sáo, hát tình ca, nghe sáo, đi theo tiếng sáo. Ba lần ông giai đặc tả tiếng sáo: văng vẳng tiếng sáo..., tiếng sáo lừng lơ bay..., trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo... Những từ tượng thanh, kết hợp nghệ thuật đảo âm tiết (không viết lơ lửng mà viết lừng lơ), đảo từ (động từ văng vẳng trước danh từ tiếng sáo, tính từ lừng lơ trước động từ bay, động từ rập rờn trước danh từ tiếng sáo) khiến cho những âm thanh của thứ nhạc cụ dân dã ấy trở nên sống động, có hồn, ấn tượng xiết bao. Và nhờ đó, những cung bậc tâm trạng của nhân vật Mị trở nên phong phú, trầm lắng, xốn xang, rung nhịp cùng tiếng sáo. - Nhờ tiếng sáo đêm tình mùa xuân đó mà nhà văn mở được cánh cửa tâm hồn nhân vật Mị đã im ỉm khóa suốt bao nhiêu năm trời.

Tiếng sáo: hình tượng mang sức nặng giá trị nhân đạo	- Tiếng sáo đã gọi dậy một tâm hồn chai sạn. Hay nói cách khác, nhờ hình tượng, tiếng sáo, nhà văn đã đi sâu vào để phát hiện sức sống tiềm tàng của mang sức người con gái Mèo Ấy. Đó là một sức sống mạnh mẽ, đầy những khát nằng giá trị khao. Tiếng sáo làm Mị thức dậy những ký ức xưa cũ, tiếng sáo là đại diện cho miền ký ức tươi đẹp: Có biết bao người ngày đêm thổi sáo đi theo, cái thời Mị là một cô gái xinh đẹp, yêu tự do. Nhớ lại, Mị lại ứa nước mắt, mà tiếng sáo lại lừng lơ bay ngoài đường, lúc này tiếng sáo như động lực, như thôi thúc Mị, đẩy đưa Mị đến với những đêm tình mùa xuân. - Và tiếng sáo vẫn tiếp tục vang lên những giai điệu như tô đậm hơn những khát khao bung toả, khát khao tự do, khát khao hạnh phúc của Mị mặc cho
---	--

		những nút thắt của sợi dây đang xiết chặt tâm thân Mị.
	Bàn luận, đánh giá	- Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn, cả hai ý kiến đều đã bổ sung để đánh giá làm bật nên giá trị của chi tiết tiếng sáo trong đêm mùa xuân. - Đọc tác phẩm, suy ngẫm về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị, chúng ta không thể lướt qua hình tượng thẩm mỹ tiếng sáo. Bởi vì, đây là một điểm sáng nghệ thuật vừa hiện thực, vừa lãng mạn, đậm chất dân tộc và chất thơ. Bởi vì, đây cũng là một cung bậc tình tế trong cảm hứng nhân đạo, nhân văn rất đáng trân trọng của ngòi bút Tô Hoài.

THỬ THÁCH

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm) Độc văn bản sau:

Trong truyện *Nhà giả kim*, chàng trai đi tìm kho báu gặp và nói chuyện với một nhà luyện kim đan rằng:

“*Trái tim cháu sợ sẽ phải đau khổ*”, cậu nói với nhà luyện kim đan như thế vào một đêm hai người nhìn lên bầu trời không trăng.

“*Hãy bảo nó rằng sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ*, vì mỗi phút giây tìm kiếm là một khoảnh khắc gặp gỡ Thượng Đế và Vĩnh hằng. [...] Khi ta thành tâm đi tìm kho tàng thì mỗi một ngày đều chan hòa niềm vui, vì mỗi giờ qua đi đều sẽ đem ta gần lại kho tàng hơn. Khi thành tâm đi tìm kho tàng, ta phát hiện trên đường nhiều điều mà ta sẽ không bao giờ được thấy nếu ta không đủ can đảm thử làm những việc xem ra một kẻ chán cừ không thể làm nổi”. [...] Điều cậu cần biết nữa là thế này: trước khi cậu đạt được ước mơ thì Tâm linh vũ trụ sẽ thử thách mọi điều cậu học được trên đường đi. Tâm linh vũ trụ làm thế không phải vì ác ý mà vì muốn khi đạt được ước mơ, chúng ta đồng thời cũng nắm vững những bài học đã lĩnh hội khi đi theo ước mơ. Đó chính là thời điểm mà đa số người ta bỏ cuộc, nói theo ngôn ngữ sa mạc là “chết khát đúng vào lúc cây chà là xuất hiện ở chân trời”. Mọi cuộc tìm tòi đều khởi đầu như câu “thánh nhân đi kẻ khờ” và kết thúc với sự thử thách gay go kẻ chiến thắng.”

(Trích *Nhà giả kim*, Paulo Coelho, NXB Văn học, 2013, tr.174)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận nhà luyện kim đã sử dụng trong lời đáp lại cậu bé?

Câu 2. “*Kho tàng*” trong đoạn trích trên có thể được hiểu là gì?

Câu 3. Theo nhà luyện kim đan, vì sao “*chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ*”? Anh/ Chị có tán thành quan điểm đó không?

Câu 4. Nếu được lựa chọn, anh/ chị sẽ chọn con đường đi tìm kho báu đây thử thách hay cuộc sống bình yên? (trình bày trong 5 – 7 câu).

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn 200 chữ, hãy bàn về vai trò của chông gai trên đường đời.

Câu 2 (5 điểm).

Bàn về hình tượng sông Hương trong bài kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường có ý kiến cho rằng “*Sông Hương mang một vẻ đẹp đầy nữ tính và rất mực đa tình*”. Hãy bình luận ý kiến trên qua việc phân tích đoạn trích dưới đây:

...Phải nhiều thế kỷ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, Sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam - bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trín, nó chuyển sang hướng tây - bắc vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột về một hình cung thật tròn về phía đông- bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế, Từ Tuần. về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trán để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột khởi như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả, Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch, là niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “bốn bề núi phủ mây phong- mảnh trắng thiên cổ bóng tùng vạn niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông

Hương, như triết lý, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng bát ngát tiếng gà...

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3

điểm) Câu 1.

Phong cách ngôn ngữ chính là chính luận.

Câu 2.

“Kho tàng” có thể được hiểu là kho báu thực sự trong chuyến đi tìm kiếm của nhân vật. Theo nghĩa ẩn dụ, kho tàng là những thành công lớn trong cuộc đời mỗi người mà họ khát khao đạt được.

Câu 3.

Theo nhà luyện kim đan, “chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ” bởi lẽ: khi ta cố gắng thực hiện giấc mơ, mỗi một ngày đều chan hòa niềm vui, vì mỗi giờ qua đi đều sẽ đem ta gần lại kho tàng hơn; ta phát hiện trên đường nhiều điều mà ta sẽ không bao giờ được thấy nếu ta không đủ can đảm.

=> Khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão, khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai.

=> Đó là một quan điểm đúng đắn.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nêu quan điểm cá nhân

+ Bàn luận làm sáng rõ quan điểm (ví dụ: chọn cuộc sống nhiều thử thách vì mỗi người chỉ sống một lần, sống sao cho không hoài phí, nên cần nỗ lực hết mình,...; chọn cuộc sống bình yên vẫn có thể có những niềm vui giản dị nhưng vô cùng đáng quý, bởi nhiều người vì quá ham mê thành công lớn mà bỏ qua những hạnh phúc đơn sơ, những giá trị đáng quý của cuộc sống...).

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Vai trò của chông gai trên đường đời... + Chông gai chỉ những thử thách, khó khăn ta gặp phải.

		=> Ta không hề mong muốn những chông gai. Nhưng chính những chông gai lại có ý nghĩa lớn đối với cuộc đời mỗi người.
Luận bàn	Vai trò, ý nghĩa của chông gai	+ Những khó khăn, chông gai thử thách bản lĩnh của chúng ta, như lửa thử vàng. + Vượt qua được chông gai sẽ cho ta những thành công về vang, sự vững vàng, mạnh mẽ. + Thất bại trước chông gai cho ta kinh nghiệm quý báu. + Lùi bước trước chông gai khiến ta không có được bất kì thành tựu ý nghĩa nào. + Phân biệt chông gai với những hố sâu khi ta lạc lối.
Phản biện	Không có chông gai?	Khi không gặp chông gai, cuộc sống càng may mắn, hạnh phúc nhưng không có cơ hội trải nghiệm qua khó khăn. Sẽ không sao nếu ta vẫn nỗ lực.
Giải pháp	+Nhận thức +Hành động	+ Vững vàng trước gian khó, coi đó là cuộc thi bất buộc để nhận tấm bằng trưởng thành. + Luôn cố gắng, không từ bỏ. + Nhìn nhận lại bước đi của mình có thực sự đúng đắn khi gặp chông gai
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Nỗ lực hết mình để khẳng định bản lĩnh tuổi trẻ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0,5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4,5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i> - Dạng bài: bàn luận một ý kiến, phân tích - Yêu cầu: Phân tích những đặc sắc trong nội dung, nghệ thuật của đoạn trích, từ đó bàn luận đi đến nhận định về ý kiến.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT

CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	Hoàng Phủ Ngọc Tường là một tri thức yêu nước gắn bó sâu sắc với quê hương. Là nhà văn có sở trường về bút kí, tuHư bút. Tác phẩm của ông luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình; giữa nghị luận sắc bén với trình bày giàu chất thơ và sự vận dụng tổng là nhân hợp tri thức triết học, địa lí, lịch sử, văn hoá... Lối hành văn trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường hướng nội, súc tích, mê đắm và rất mực tài hoa. Bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết năm 1981 bằng tình yêu, sự gắn bó hơn nửa cuộc đời với mảnh đất, cảnh vật,
-------------------------------------	--	---

		con người xứ Huế. Tác phẩm được in trong tập bút kí lịch 511 cùng tên năm 1986. Ban đầu, tác giả đặt tên là: <i>Hương ơi, e phải mày chẳng?</i> Vị trí trích đoạn thuộc phần đầu của thiên tùy bút, khi nhà văn nhìn sông Hương trong vẻ đẹp tự nhiên, trong thủy trình của dòng sông từ nguồn ra biển. Đoạn trích là dòng chảy dòng sông khi ở ngoại vi thành phố.
TRỌNG TÂM 4.0 điểm	Giải thích	Sông Hương - người con gái hết mực nữ tính: Trong cảm quan của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sông Hương hiện lên đậm thiên tính nữ. Ngay từ phần mở đầu, nhà văn đã nhận hóa sông Hương với hình ảnh cô gái Digan đầy phóng khoáng và man dại, là hình ảnh người con gái của rừng già với sức mạnh bản năng, một tâm hồn tự do trong sáng. Và đến đoạn trích này, sông Hương tiếp tục được nhìn nhận như một người gái đẹp say ngủ giữa cánh đồng Châu Hóa. Như vậy, có thể nói, sông Hương đã hiện lên qua áng văn Hoàng Phủ là người con gái hết sức vẹn toàn, - Sông Hương - người con gái đa tình: Có thể hiểu ở đây đa tình nghĩa là giàu tình cảm. Hành trình sông Hương từ thượng nguồn ra biển là hành trình của một người con gái vượt qua bao gian nan để đến với người tình xứ Huế, do vậy, mà qua thiên tùy bút, sông Hương cũng hiện lên hết mực đa tình.
	Vẻ đẹp nữ tính	Vẻ đẹp của dòng sông Hương trong đoạn trích, ngay từ câu mở đầu đoạn, đã hiện lên đậm thiên tính nữ: “<i>Phải nhiều thế kỷ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại</i>”. Hình ảnh nhân hóa sông Hương như một người gái đẹp say ngủ đã nói sự dịu dàng, vẻ kín đáo, sự quyến rũ của nó, Hình ảnh người gái đẹp với giấc ngủ mơ màng qua hàng trăm năm ấy khiến ta liên tưởng tới hình ảnh nàng công chúa cùng giấc ngủ trăm năm trong câu chuyện cổ tích. Khi người tình xứ Huế đến đánh thức, sông Hương đã choàng tỉnh và bắt đầu cuộc hành trình của mình. Trong cuộc hành trình đó, sông Hương đã bộc lộ và tự trau dồi thêm cho vẻ đẹp, cho phẩm chất của mình, khiến cho vẻ đẹp của nó ngày càng toàn vẹn hơn: + Vẻ đẹp của sông Hương là vẻ đẹp được tô điểm qua thử thách. Khi chảy qua lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, giống như là một bể lọc lớn, để nước sông Hương trở nên xanh thắm, phải chăng giống như người con gái, sông Hương đang tự làm mới mình. + Khi trôi qua những dãy đồi sừng sững, sông Hương phải uốn dòng chảy, và qua hướng chảy lắt léo đó, sông Hương đã phô ra được những đường cong quyến rũ của nó. Tại nơi đây, sông Hương mềm đi như một dải lụa. + Đặc biệt hơn, khi uốn mình qua hai dãy đồi sừng sững như thành quách, những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố: “<i>sớm xanh, trưa vàng, chiều tím</i>”, hay nói cách khác, những ngọn đồi ấy đã tạo nên chiếc áo màu sắc để khoác lên mình người con gái Hương giang. Khiến cô gái ấy thêm phần lộng lẫy và xinh đẹp. + Nhưng Hương giang không chỉ có vẻ đẹp của nhan sắc, người con gái còn hiện lên trong vẻ đẹp của trí tuệ, của văn hóa và sự hiểu biết. Khi dòng sông chảy qua những đồi thông u tịch, nơi phong kín giấc ngủ ngàn năm của những vị vua chúa, dòng sông ấy mang vẻ đẹp trầm mặc như triết lý, như cổ thi. Sự nghiêm trang, lặng lẽ và khê khàng của Hương Giang giống như người con gái ý tứ, lịch thiệp, không muốn làm kinh động đến giấc ngủ ngàn năm của các vị vua chúa.

	Sông Hương – người con	Sông Hương ngoài vẻ đẹp nữ tính, còn hiện lên như một người con gái đa tình. Sự đa tình của Hương giang đã hiện lên qua cuộc hành Sông trình của nó tìm đến với người tình xứ Huế. Ngay từ mở đầu của tùy bút, tác giả đã viết về
--	---------------------------------------	---

gái đa tình	sự đặc biệt của Hương giang khi nó chỉ thuộc người con gái đa tình về một thành phố duy nhất. Là người con gái yêu Huế, trọn đời chỉ có người tình Huế. Cuộc hành trình của Hương Giang từ nguồn đến với kinh thành Huế như sau: "Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam - bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trín, nó chuyển sang hướng tây - bắc vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột về một hình cung thật tròn về phía đông - bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mỹ, xuôi dần về Huế". Có thể nói đó là cuộc hành trình dài, đầy những gian truân. Cuộc hành trình của sông Hương khiến ta liên tưởng tới câu ca dao: <i>"Yêu nhất tan từ núi cùng trèo Ngự lục sống cùng lội, thất bát đèo cùng qua"</i>. Hành trình sông Hương từ khi bắt đầu đã được nhà văn miêu tả: <i>"Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, Sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó"</i>. Như vậy, hướng chảy dòng sông, sự chuyển dòng của dòng sông, qua cảm quan nhà văn đó là muộc cuộc kiếm tìm rất rõ ràng, có ý thức và có mục đích. Hướng chảy ấy giống như bước chân của người con gái lần đầu, bỡ ngỡ, đến với tình yêu.
Bình luận đánh giá	Miêu tả sông Hương, Hoàng Phủ Ngọc Tường bộc lộ một vốn hiểu biết phong phú, một trí tưởng tượng bay bổng. Bằng giọng văn say đắm lòng người, nhà văn đã thổi hồn vào dòng chảy, thổi phẩm chất vào Hương giang bản tính của người con gái xứ Huế e lệ, dịu dàng, kín đáo nhưng cũng thật mãnh liệt. Với hơn nửa đời gắn bó cùng cố đô, nhà văn đã có một tình cảm sâu đậm với xứ sở này, và cũng như dòng sông, tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường với Huế cũng thật đậm đà, sâu nặng.

HÓA VÀ ĐẤT

I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản:

(1)) Khi con ra đời
Cha gọi con là nụ hoa
Cha gọi con là ngọn gió
Cha gọi con là mặt trời
Cha gọi con bằng tất cả
Những từ ngữ đẹp nhất trên đời.
[...]
(2)) Khi ấy phía sau vầng sáng
của con là bóng mẹ rất âm thầm
Mẹ không làm thơ không viết văn
nên chỉ gọi con bằng con của mẹ.
Đôi mắt mẹ thâm quầng thiếu ngủ
bao nhiêu đêm con khó nhọc trong người
mẹ gầy đi, mẹ nhỏ nhoi
đi đứng, vào ra như chiếc bóng
để dành cho cha niềm hạnh phúc
cho cha chạy nhảy trong nhà cho cha
đích thực được làm cha
mẹ tiêu hao quá nhiều sinh lực
cha chỉ thức vài hôm
Mẹ có mấy khi được ngủ
nằm xuống, ngời lên đêm hóa thành ngày
dòng sữa dành cho con
mẹ nổi gân tay
Đã có bài thơ nào cho mẹ của con đây
Cha không nhớ ra một điều đơn giản nhất
nụ hoa nào có thể ra đời
thiếu sự can mang của đất.

(Hoa và đất, Đỗ Trung Quân, dẫn theo <http://thivien.net>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Câu 2. Nhan đề của tác phẩm là “Hoa và đất”. Hãy giải thích hình tượng hoa và đất trong bài thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ trong khổ (1) của bài thơ?

Câu 4. Trong những thông điệp rút ra từ văn bản, anh/ chị ấn tượng nhất với thông điệp nào?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn 200 chữ nêu suy nghĩ về đức hi sinh của người phụ nữ vĩ đại – Mẹ.

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy, nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong các tác phẩm của mình”. Hãy làm sáng tỏ điều đó bằng cảm nhận của anh chị về những đoạn văn sau:

[..]Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ

lửa, đang phá tung rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng...

[...] Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân... Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về...

(Người lái đò Sông Đà – Nguyễn Tuân)

[...] Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng... [...] Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả...”

(Ai đã đặt tên cho dòng sông? – Hoàng Phủ Ngọc Tường)

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2.

Hoa là hình tượng ẩn dụ cho người con, Đứa trẻ sinh ra xinh xắn, đáng yêu như đóa hoa tươi tắn, thơm tho.

Đất là hình tượng ẩn dụ cho người mẹ. Mẹ sinh ra ta, vất vả, nhọc nhằn, nhận lấy phần thô ráp, xấu xí để cho con luôn mạnh khỏe, bụ bẫm, Mẹ như nguồn sông, nuôi dưỡng mỗi đứa trẻ cả về thể xác và tâm hồn như đất mẹ cần cù cung cấp chất mau cho cây trái ngọt, hoa tươi.

Câu 3.

Biện pháp tu từ:

+ Điệp ngữ: lặp lại cụm từ “Cha gọi con là”.

+ Điệp cấu trúc lặp lại cấu trúc câu “Cha gọi con là...”

+ Liệt kê: các từ ngữ tác giả dùng để gọi đứa trẻ: *nụ hoa, ngọn gió, mặt trời, tất cả từ ngữ đẹp đẽ trên đời*.

Tác dụng:

+ Về hình thức: Tạo nhịp điệu cho lời thơ, giúp lời thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi.

+ Về nội dung: Với cha, con như là mọi điều đẹp đẽ và quý giá nhất của tự nhiên.

Qua đó, diễn tả tình yêu tha thiết, niềm hạnh phúc vô bờ của người cha khi nói về con.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: tình yêu gia đình, cách yêu thương của cha và mẹ, đức hi sinh của mẹ, tình cha con, tình mẹ con (tình mẫu tử), chữ Hiếu,...

Sau đây là một ví dụ:

Mẹ yêu con bằng những cái ôm. Cha yêu con bằng bờ vai vững chắc. Cha nghiêm khắc. Mẹ dịu dàng. Chẳng khó để nhận ra cách yêu thương của cha mẹ dành cho con cái. Mỗi người có cách biểu hiện khác nhau những giống nhau ở tình yêu vẹn tròn, vô bờ và vô điều kiện, Con cái như đóa hoa thơm đầu

cảnh thì cha mẹ sẵn sàng là cội rễ thương yêu và chăm sóc. Bởi vậy, hãy nghĩ về gia đình, về cha mẹ với những ý nghĩ trân trọng và yêu thương nhất.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Đức hi sinh là sự quên mình vì người khác. => Là phẩm chất quý giá của con người, nâng cao giá trị con người. => Mẹ là hình tượng cao quý và chân thực nhất
Luận bàn	+ Nguồn gốc của đức hi sinh + Biểu hiện	+ Nguồn gốc: tình yêu thương tha thiết + Biểu hiện: Mẹ yêu thương con vô điều kiện: sinh thành, dưỡng dục,... mà chấp nhận hạn chế về thời gian cho bản thân, chấp nhận sự xấu xí về vóc dáng. => Con trưởng thành bằng chính sự hi sinh của Mẹ
Phản biện	+ Hi sinh vô điều kiện.	+ Hi sinh vô điều kiện có thể dẫn đến sự ỷ lại của con cái, thái độ vô ơn,...
Giải pháp	+ Hành động + Nhận thức	+ Mẹ thương con không có nghĩa là làm hộ con, mà là hướng dẫn để con có thể tự lập và vững vàng trong cuộc đời. + Con cái cần có thái độ tôn trọng, biết ơn Mẹ; chủ động trong cuộc sống, khiến cho Mẹ an tâm và tự hào về mình.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Kính trọng mẹ. Nỗ lực không ngừng.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: Ai đã đặt tên cho dòng sông, Người lái đò Sông Đà - Dạng bài: bàn luận một ý kiến, so sánh - Yêu cầu: So sánh phong cách nghệ thuật của hai nhà văn, đồng thời giải thích bình luận về ý kiến: văn chương là cái lĩnh vực của sự độc đáo.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 ở Huế, nhưng quê gốc ở Quảng Trị, là nhà văn có phong cách độc đáo và đặc biệt sở trường về thể loại bút kí, tùy bút. Tác phẩm của ông luôn có sự kết hợp nhuần và nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với trình bày giàu chất thơ và sự vận dụng tổng hợp tri thức triết học, địa lí, khai lịch sử, văn hoá... Lối hành văn trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường thường hướng nội, súc tích, mê đắm và rất mực tài hoa. Bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết năm 1981 bằng tình yêu, sự gắn bó hơn nửa cuộc đời với mảnh đất, cảnh vật, con người xứ Huế. Tác phẩm được in trong tập bút kí cùng tên năm 1986. Ban đầu, tác giả đặt tên là: <i>Hương ơi, e phải mày chăng?</i> Vị trí trích đoạn thuộc phần đầu của thiên tùy bút, gồm những trích đoạn hay nhất khi nhà văn miêu tả con sông Hương ở thượng nguồn và ở ngoại vi thành phố. Nguyễn Tuân là nhà văn lớn của nền văn học hiện đại, ông có nhiều những thành tựu nghệ thuật xuất sắc. Đặc biệt, ông tạo lập được cho - L , C mình được một phong cách nghệ thuật độc đáo: văn chương tài hoa, uyên bác. Nguyễn Tuân là nhà văn suốt đời đi tìm cái đẹp, luôn khám phá thế giới ở bình diện văn hóa, thẩm mỹ, luôn miêu tả con người trong vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ. <i>Người lái đò Sông Đà</i> - tùy bút xuất sắc được in trong tập <i>Sông Đà</i> 1960. Là thành quả của một chuyến đi gian khổ nhưng rất hứng thú của nhà văn vào những năm 1958 - 1960. Chuyến đi đã thỏa mãn niềm khát khao xê dịch, đi để tìm kiếm vẻ đẹp của thiên nhiên, miền đất Tây Bắc, tìm ra thử “vàng mười” đã qua thử lửa trong vẻ đẹp của con người miền Tây Bắc. Vị trí trích đoạn nằm ở hai phần của tác phẩm, trích đoạn một đã miêu tả hình ảnh con Sông Đà hung bạo, và trích đoạn hai miêu tả hình ảnh con Sông Đà trữ tình..
	Giải thích	- <i>Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo</i>: Nghệ thuật nói chung, văn kiến chương nói riêng là lĩnh vực của cái độc đáo, độc đáo trong việc đi tìm cái đẹp của cuộc sống để tạo nên tác phẩm, trong việc sáng tạo nên cái đẹp, cái riêng của tác giả ở tác phẩm. - <i>Nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong các tác phẩm của mình</i>: Tác phẩm nghệ thuật nói chung, tác phẩm văn chương nói riêng đòi hỏi sự sáng tạo, mới lạ, độc đáo, thể
		hiện tài năng, dấu ấn cá nhân của tác giả.

TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Ai đã đặt tên cho dòng sông	- Vẻ đẹp ở thượng nguồn: + Bản trường ca để nói về sự hùng vĩ, cái mệnh mang, cái âm vang của dòng sông của sông Hương trong không gian Trường Sơn. Bản trường ca ấy cất lên mãnh liệt giữa núi rừng đại ngàn, cuồng nhiệt và mạnh mẽ, say đắm và tha thiết. + Trong bản trường ca ấy, có hai nốt chủ âm để làm nên khúc trình tấu của sông Hương ở thượng nguồn. Trước hết đó là những nốt mạnh, với sự réo rắt, cao trào những cung bậc: rầm rộ, mãnh liệt, cuộn xoáy. Và những nốt lặng ngân nga: khi sông Hương dịu dàng say đắm chảy qua những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Tất cả đã tạo nên sự mê đắm, hoang dại đầy quyến rũ. - Vẻ đẹp ở ngoại vi thành phố: vẻ đẹp đa sắc màu: + Sông Hương ở ngoại vi thành phố miêu tả lại thủy trình của dòng sông khi chảy về với Huế, nhưng trong cảm quan nhà văn, đó là cuộc hành trình của người con gái Hương giang tìm đến với người tình xứ Huế. Vẻ đẹp của sông Hương là vẻ đẹp được tô điểm qua thử thách. Khi chảy qua lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trín, giống như là một bể lọc lớn, để nước sông Hương trở nên xanh thắm, phải chăng giống như người con gái, sông Hương đang tự làm mới mình. + Khi trôi qua những dãy đồi sừng sững, sông Hương phải uốn dòng chảy, và qua hướng chảy lắt léo đó, sông Hương đã phô ra được những đường cong quyến rũ của nó. Tại nơi đây, sông Hương nên đi như một dải lụa. + Đặc biệt hơn, khi uốn mình qua hai dãy đồi sừng sững như thành quách, những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố: “<i>sớm xanh, trưa vàng, chiều nài, tím</i>”, hay nói cách khác, những ngọn đồi ấy đã tạo nên chiếc áo màu sắc để khoác lên mình người con gái Hương giang. Khiến cô gái ấy thêm phần lộng lẫy và xinh đẹp.
	Người lái đò Sông Đà	- Sông Đà hung bạo: + Thác đá khi ở xa: được cảm nhận qua bốn tính từ: van xin, khiêu khích, gấn, chế nhạo. Có thể nói, không như cách miêu tả âm thanh thông thường, với những từ chỉ âm thanh để miêu tả tiếng nước thác như ầm ầm, rào rào... mà nhà văn lại sử dụng những từ chỉ trạng thái, thái độ của con người để gán lên âm thanh tiếng nước thác. Với cách dịch chuyển này, nhà văn đã đem lại cho người đọc cảm giác, ở xa kia, không còn là thác nước nữa, chờ đón con thuyền chính là con quái vật hung hăng, đầy hiểm ác. + Thác đá khi lại gần: Nó đã biến thành một tổ hợp trường đoạn âm thanh khủng khiếp, chưa từng thấy. Nó đem đến sự giật thột, cái bàng hoàng trước luồng âm thanh va đập, phóng thẳng vào 'màng nhĩ. Đi bóc tách các luồng âm thanh này, ta sẽ thấy lần lượt hiện lên: Là tiếng lái vè, rộng của hàng ngàn con trâu mộng đang hoảng sợ: Tiếng rống là âm thanh lớn, âm vực cao, nhưng không phải một, mà là hàng ngàn. Sự cộng hưởng đồng đảo đó là làm cho âm thanh xé toang cả không gian, Là tiếng nổ của rừng vầu tre nứa bị cháy: với cấu tạo đặc biệt là rỗng ruột, khi cháy, vầu, tre, nứa sẽ có tiếng nổ lớn. Là tiếng xèo xèo của da trâu cháy. Và đặc biệt nhất, đó là bước chân chạy của những con trâu mộng đang hoảng sợ, giẫm đạp, phá tung, hoảng loạn. Ta có thể hình dung ra ngay khung cảnh hỗn loạn đó, với thân hình to lớn, đồ sộ, lại đồng đảo, cùng chạy khỏi rừng lửa, những bước chân trâu không chỉ làm nên âm thanh, nó còn làm chấn động, làm tròng chành, rung chuyển cả không gian trên bờ, dưới mặt. - Sông Đà trữ tình:

		+ Từ trên cao nhìn xuống, quả là điểm quan sát thật lý tưởng để có thể thu vào tầm mắt dòng chảy Sông Đà. Nguyễn Tuân đã đưa ra hai liên tưởng vô cùng mới mẻ, chưa từng thấy về hình dáng con sông. Có lẽ, từ điểm nhìn rất cao, hình ảnh Sông Đà đã hóa thành sợi dây thừng ngoằn ngoèo, và khi tàu bay hạ xuống, dòng sông đã hóa thành áng tóc trữ tình tuôn dài tuôn dài. Liên tưởng dòng sông như mái tóc óng ả để buông lơi, chảy dài đến bất tận. Hoa ban trắng, hoa gạo đỏ đôi bờ bung nở như nhánh xuân cài lên mái tóc, lại ẩn hiện mờ ảo trong sương khói Tây Bắc, đó là vẻ đẹp rất thơ, vẻ đẹp của người thiếu nữ bước ra từ cõi tiên, mà mái tóc nàng làm bừng hương sắc, xao động đất trời. + Xuyên qua màn mây, dòng sông còn hiện lên qua màu sắc biến ảo, Chính vẻ đẹp của mây trời đã tạo cho con sông Đà một vẻ đẹp riêng không trộn lẫn. Nguyễn Tuân phát hiện ra vẻ đẹp của sắc nước Sông Đà thay đổi theo mùa. Mùa xuân, nước sông Đà xanh ngọc bích “<i>chứ không xanh màu xanh canh hến của nước sông Gâm, Sông Lô</i>”. Xanh ngọc bích là xanh trong xanh sáng, xanh biếc - một sắc màu gọi cảm, trong lành. Đó là sắc màu của nước, của núi, của da trời. Mùa thu, nước sông Đà “lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội độ thu về. Câu văn sử dụng phép so sánh “<i>lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa</i>” khiến người đọc hình dung được vẻ đẹp đa dạng của sắc nước sông Đà. Cách miêu tả sắc đỏ màu thu Sông Đà của Nguyễn Tuân cũng thật độc đáo. Đỏ bầm, màu đỏ không gắt, không nhạt, mang trong mình chút hồng hào, pha vào đó sắc phù sa, lại không đục ngầu, màu sắc ấy còn mang dáng hình của kẻ say, hay là vì người đã quá say dòng sông, quá mê đắm cảnh sông nước Tây Bắc.
SO SÁNH 1 điểm	So sánh	- Tương đồng: Điểm gặp nhau giữa Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường: Đi tìm cái đẹp và thể hiện cái đẹp bằng ngòi bút tài hoa, độc đáo tạo được nét riêng, mới lạ qua hình ảnh dòng sông. Qua những đoạn văn, hai tác giả thể hiện nét tài hoa, độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mình, sự tỉ mỉ, khi công khi khắc họa hình tượng. - Khác biệt: + Nguyễn Tuân tài hoa, uyên bác: luôn nhìn sự vật, hiện tượng ở nhiều góc độ để khám phá, phát hiện; vận dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực, tổng hợp cảm nhận của các giác quan để khám phá đối tượng. Tất cả làm nên phong cách Nguyễn Tuân vừa độc đáo vừa phong phú. + An trong câu chữ biến hóa là vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng trí tuệ, tri thức và cả chất phong tình, tài hoa, lãng mạn từ tâm hồn Hoàng Phủ Ngọc Tường. Tất cả làm nên một Hoàng Phủ Ngọc Tường độc đáo, sâu sắc mà tràn đầy cảm xúc...
	Đánh giá bàn luận	- Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, sông Đà như một công bàn luận trình thẩm mỹ, một kì công nghệ thuật mà thiên nhiên ban tặng con người với hai đặc điểm: hung bạo, dữ dội và thơ mộng, trữ tình. - Trang viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường là khám phá của tác giả về vẻ đẹp vừa “<i>phóng khoáng và man dại</i>” vừa “<i>dịu dàng và say đắm</i>” của dòng sông, là kết quả của trí tưởng tượng đầy tài hoa. Cảnh sông ở đây được khắc họa với những hình ảnh đầy ấn tượng bằng năng lực quan sát tinh tế và sự phong phú về ngôn ngữ, phổ là lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa của sông Hương qua phép nhân hóa khi miêu tả dòng chảy và cách đặc tả màu nước phản quang hai bên bờ và thay đổi trong ngày. - Có thể nói, bằng sự tinh tế, bằng sự khám phá và cái Tôi đầy trách nhiệm với nghiệp cầm bút, hai nhà văn đã góp cho đất nước những cảnh đẹp không lặp lại, trở thành những tượng đài kỷ khó có thể phai mờ.

NHỮNG LỜI KHEN

I. ĐỌC - HIỂU (3

điểm) Đọc văn bản:

[..] Bạn ạ, bạn phải *coi chừng những lời khen*.

Đôi khi họ khen mình là nữ tính để họ dễ bề thôn tính cả không gian và âm thanh, khi bạn thu mình lại và ăn nói nhỏ nhẹ trước họ. Khen bạn dịu dàng là để bạn không bộc lộ trí thông minh hơn họ: Không cãi lại họ và họ dễ dàng áp đặt.

Họ khen bạn là phái đẹp để bạn đừng làm hơn những gì của một bông hoa.

Họ khen bạn là hoa để họ làm ông làm bướm, đậu rồi lại bay. Họ khen bạn là họa để bạn làm vai trò trang trí, để bạn không ở địa vị cao, không nhận nhiều lượng của họ. Và đôi khi, cao hứng lên, họ còn trịch thượng phản xét bạn là hữu sắc vô hương nếu bạn lỡ không hơn một vật trang trí.

Họ khen vợ họ là bà nội tướng giỏi để họ yên tâm một mình tung hoành nơi biên ngoại với trí thức, sự nghiệp, khoa bảng, quan trường, nhà trẻ con hát...

Thế đấy! Đừng sung sướng với những lời khen để biến mình thành người khác. Mỗi bạn gái đã là một kho tàng của chính mình. Mỗi người chỉ cần là một nốt nhạc cùng đủ làm cho giai điệu cuộc sống rực rỡ âm thanh. Có những lời khen chứa đựng một phần xấu xí. Hỡi một nửa nhân loại, hãy cảnh giác với lời khen!

(*Những lời khen chứa một phần xấu xí*, Đoàn Công Lê Huy, dẫn theo <https://homnayvangaymai.wordpress.com>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Chỉ ra phép liên kết phổ biến nhất được sử dụng trong đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn 200 chữ, luận về lời khen trong cuộc sống.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp trữ tình của những con sông được khắc họa trong hai tùy bút “*Người lái đò Sông Đà*” của Nguyễn Tuân và “*Ai đã đặt tên cho dòng sông*” của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2.

Phép liên kết phổ biến nhất trong văn bản là phép lặp.

Tác giả lặp lại cấu trúc “*Họ khen*” 5 lần và lặp lại từ “*khen*” 17 lần

Tác dụng: tạo dấu ấn, nhấn mạnh chủ đề của văn bản là bàn luận về những lời khen chứa đựng một phần xấu xí quanh những người phụ nữ trong cuộc sống.

Câu 3.

Tác giả khuyên bạn gái phải “coi chừng những lời khen” có phần hợp lí. Bởi lẽ, những lời khen ấy không có tác dụng làm người phụ nữ hạnh phúc hơn mà ngược lại, ràng buộc họ vào những sợi dây định kiến và áp đặt, không cho người phụ nữ cơ hội để thể hiện mình.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung: bàn luận về những lời khen ý nghĩa dành cho phụ nữ. Nhưng cần làm nổi bật được, khi những lời khen có giá trị như lời khuyến khích bạn gái tự tin là chính mình, hãy thể hiện mình, hãy thực sự bình đẳng trước đàn ông thì đó mới là những lời khen quý giá, đem lại hạnh phúc cho người phụ nữ trong xã hội hiện đại.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Những lời khen + Người ta thường khen nhau khi có được niềm vui hoặc thành tựu trong cuộc sống. Những lời khen có phải lúc nào cũng khiến ta hạnh phúc?
Luận bàn	Ý nghĩa của những lời khen	+ Lời khen khiến người nhận cảm thấy vui vẻ và nhìn nhận lại giá trị của bản thân, tự tin vào bản thân, lạc quan vào cuộc sống, hăng hái nỗ lực. + Lời khen cũng khiến tạo ra hòa khí và thể hiện sự ghi nhận của người khác về mình. Khen tặng là món quà quý giá của cuộc sống.
Phản biện	Có phải lúc nào lời khen cũng tốt?	Lời khen cũng có những mặt trái của nó: + Khiến người ta tự mãn, ảo tưởng không nhìn nhận đúng giá trị bản thân. + Lời khen không chân thành khiến người nhận không thoải mái, tạo ra áp lực hoặc người khen trở thành kẻ giả tạo, xu nịnh,...

Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Ai cũng thích những lời khen, nhưng khen - chê phải chân thành, đúng mực, hướng tới điều tốt đẹp, không dè xẻn, không lạm dụng. + Biết cách khen một cách khéo léo, nhã nhặn. + Đón nhận lời khen một cách tinh tế, thông minh.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Hiểu rằng, khen là cả một nghệ thuật và chân thành là chìa khóa của lời khen giá trị.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cải thiện.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông, Người lái đò Sông Đà</i> - Dạng bài: So sánh, phân tích, chứng minh có - Yêu cầu. Phân tích những vẻ đẹp từ thưng khắc họa trong hai tu từ bút, từ đó chỉ ra nét tương đồng và khác biệt trong việc khắc họa hình tượng.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG	Khái quát	- Nguyễn Tuân và <i>Người lái đò sông Đà</i> :

0,5 điểm	vài nét về tác giả - tác phẩm	+ Nguyễn Tuân là một trong chín tác gia lớn của văn học nước nhà. Chữ “ngông” chính là từ dùng khi người ta nhắc về phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân. Cái ngông trong nghệ thuật thể hiện ở sự tài hoa và uyên bác trong trang văn, trong cách sử dụng Tiếng Việt, mới, lạ, không giống ai trong hệ thống đề tài... Mỗi một nhà văn vẽ lại thế giới theo cách riêng của mình, Nguyễn Tuân là nhà văn tô điểm cho thế giới bằng cái đẹp. Đối với Nguyễn Tuân, văn phải đẹp, phải trau chuốt. Cả một đời người nghệ sĩ ấy say mê và truy tìm cái đẹp, cái thật, làm phát lộ nó dưới ngòi bút tài hoa của mình. + <i>Người lái đò sông Đà</i> là một tùy bút xuất sắc được in trong tập Sông Đà 1960, đó là thành quả của một chuyến đi gian khổ nhưng rất hứng thú của nhà văn vào những năm 1958 – 1960. Chuyến đi đã thỏa mãn niềm khát khao xê dịch, đi để tìm kiếm vẻ đẹp của thiên nhiên, miền đất Tây Bắc, tìm ra thứ “vàng mười” đã qua thử lửa trong vẻ đẹp của con người miền Tây Bắc. - Hoàng Phủ Ngọc Tường và Ai đã đặt tên cho dòng sông? + Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức về nước gắn bó sâu sắc với quê hương. Ông là nhà văn có sở trường về bút kí, tuH bút. Như nhà văn Nguyễn Tuân đã từng ca ngợi: Ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường có rất nhiều ánh lửa. + Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết năm 1981 bằng tình yêu, sự gắn bó hơn nửa cuộc đời với mảnh đất, cảnh vật, con người xứ Huế, Tác phẩm được in trong tập bút kí cùng tên năm 1986. Như vậy, có thể thấy được rằng, hai hình tượng chính đều được vẽ bằng những ngòi bút hết mực tài hoa và bằng cả niềm yêu mến dâng đầy.
	Giải thích	- Chất trữ tình trong thơ văn là những cảm xúc, rung động của nhà thơ, nhà văn trước cái đẹp. Bởi vậy, vẻ đẹp trữ tình phải là một vẻ đẹp nên thơ, lãng mạn. Một vẻ đẹp là xao xuyến lòng người, vẻ đẹp ấy khiến người chứng kiến ngân lên những rung động, xúc cảm diết da. Bằng tình yêu và niềm ngưỡng mộ, cả Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường đã làm bật lên được vẻ đẹp trữ tình của hai dòng sông, “hai kHu quan” tuyệt đẹp của đất nước. - Vẻ đẹp trữ tình – một trong những yếu tố làm nên dấu ấn của hình tượng sông Đà và sông Hương.

TRỌNG TÂM 3,5 điểm	Điểm tương đồng	Sông Đà và sông Hương đều được các tác giả miêu tả như một nhân đồng vật trữ tình có tính cách, đặc biệt hơn là nổi bật qua vẻ đẹp. Cả hai con sông đều được ví như những người con gái trẻ trung mang trong mình những vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi “<i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai</i>”. Với dòng sông Hương, ta cảm nhận thấy dòng sông mang trong mình nó nét đẹp dịu dàng, đầm thắm, như người con gái xứ Huế kín đáo, e lệ, tinh tế vô cùng. Cả hai nhà văn đều khắc họa hình tượng dòng sông với vẻ đẹp, dáng vẻ phong phú, đa dạng ở nhiều khoảng thời gian, không gian, với điểm nhìn khác nhau. + Dòng sông Đà được nhìn ngắm qua những góc nhìn rất độc đáo, góc nhìn từ trên cao, góc nhìn của một người thân quen lâu ngày không gặp... Về thời gian, sông Đà được nhà văn chiêm ngưỡng ở cả bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông - mỗi mùa lại đem đến cho tác giả những xúc cảm, ấn tượng riêng. Qua đó nhà văn muốn đưa đến cho người đọc một cái nhìn đa dạng, toàn diện về vẻ đẹp của con sông Nha yêu thương. + Với dòng sông Hương, Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng thể hiện thành công vẻ đẹp hoàn chỉnh về nhiều góc độ của nó. Nhà văn đã ghi lại được vẻ đẹp phong phú của sông Hương trong cuộc hành trình từ thượng nguồn đến xuôi về bề của nó. Và như vậy dường như vẫn chưa đủ, ông còn mang đến cho người đọc một
		cái nhìn đầy đủ hơn ra sông Hương qua vẻ đẹp trong lịch sử, cuộc đời và thi ca. Có thể nói, cả hai nhà văn đã tái hiện thật độc đáo và đa dạng vẻ đẹp của dòng sông gắn bó tha thiết với mình qua nhiều phương diện khác nhau. Để độc giả được chiêm ngưỡng những hình tượng độc đáo, những vẻ đẹp khó phai mờ đó, tất yếu đều phải nhờ đến ngòi bút tài năng lấy ra. Có thể nói rằng, những con sông đã được phôi “dáng ngọc” nhờ cái thần của hai cây bút. Hai dòng sông không chỉ thuần tả qua dáng hình, mà được tập trung làm nổi bật trên phương diện văn hóa, thẩm mỹ.

	Những nét đẹp, những dẫn chứng riêng	Vẻ đẹp của sông Đà: Sông Đà là nơi hội tụ hai nét tiêu biểu, đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, uy nghiêm, dữ dội lại vừa trữ tình, thơ mộng. Con Sông Đà hùng vĩ dài trên năm trăm cây số, ở nơi thượng nguồn nó mang một vẻ đẹp hào hùng và thách thức, vậy mà vượt qua đoạn thượng nguồn dòng sông hoàn toàn mang bộ và lo l ắ c tay mặt khác: thơ mộng, trữ tình, thanh bình, yên ả; nó giống như một cô thiếu nữ xinh đẹp trút bỏ cái vẻ “<i>đông đánh</i>” để trở về với vẻ đẹp dịu dàng lãng mạn của mình. Nguyễn Tuân đã gọi lên vẻ đẹp của sông Đà, bằng hai từ “<i>gợi cảm</i>”. Và quả thực, vẻ đẹp thơ mộng của dòng sông khiến cho người ngoạn cảnh gặp lại có cảm giác “<i>đắm đắm ám ám</i>”, gợi biết bao thi vị. Trong vẻ đẹp của Sông Đà, họ phát hiện ra nó đẹp như một bức tranh đường thi vẽ cảnh “<i>Yêu hoa tam nguyệt há Dương Châu</i>” của Lý Bạch. Vẻ đẹp như trang nghiêm trong mạch cổ Đường thi, vừa lắng đọng về một thời Lý, Trần, Lê vừa băng khuâng cảm giác về sự sống đâm chồi nảy lộc. - Vẻ đẹp của sông Hương: Còn Sông Hương là dòng sông của âm nhạc, dòng sông của thơ ca, của lịch sử gắn liền với những nét đặc sắc về văn hóa, với vẻ đẹp của người dân xứ Huế. Sông Hương chính Em hết là một khởi nguồn, một sự bắt đầu của một không gian văn hóa - văn hóa Huế. Dòng sông Hương, trước hết được hiện lên trong nét đẹp, trong sự gắn bó cùng lịch sử, như chứng nhân từ quá khứ cho đến tận bây giờ. Từ dòng sông biển thuHu trong sách địa dư của Nguyễn Trãi; nhẹ nhàng soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ, hoà mình với lịch sử bị trắng của các cuộc khởi nghĩa thế kỉ XIX hay là chứng nhân cho bão táp cách mạng tháng Tám, cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968. Thứ nhì, Sông Hương – con sông của thi ca và nhạc họa. Vẻ đẹp sông Hương ẩn trong chiều sâu linh hồn của sông Hương, nó chứa đựng bản sắc rất đặc trưng và thật nhà thi tri, Đồ phong phú của một nền văn hoá cổ đô, mà dòng chảy của nó khảm này thì hôm bao tinh hoa văn hóa dân tộc suốt từ ngàn đời. Sau cùng, sông Hương thể được nhìn nhận trong cuộc sống đời thường. Nhìn ở lăng kính này, sông Hương nhẹ nhàng như vẻ đẹp người con gái xứ Huế hay e lệ, dịu dàng và mộng mơ.
LÝ GIẢI 0,5 điểm	Lý giải sự khác biệt	Đặc điểm của hai con sông ngoài đời thực rất khác nhau: Sông Đà nước xiết bởi độ dốc cao, lại có một đoạn của ngược từ Đông Nam lên Tây Bắc nên gợi vẻ đẹp trữ tình nhưng vẫn hùng vĩ, có cái vẻ mạn mà, đầm thắm, diễn tả vẻ trù phú, yên ả ven sông. Sông Hương chảy qua kinh đô, xuôi một chiều và dòng chảy rất chậm nên có một vẻ đẹp e lệ, dịu dàng đài các và đặc biệt đậm chất văn chương, nghệ thuật. - Sự khác biệt của hai phong cách văn: Nguyễn Tuân ưa lối viết sáng tạo và tài hoa, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại thường đưa vào văn tri thức với lối viết hàm súc.

I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản:

ĐỀ THI THỬ THPT QG - NĂM 2018 – 2019

Tên môn: Ngữ Văn 12

Ý THỨC TỰ GIÁC

[..] Đường cao tốc chính là một ẩn dụ chính xác nhất cho Trung Quốc hiện nay, trên con đường chạy băng băng hướng đến thành công, mỗi một người chúng ta đều khoác lên mình một cái vỏ bọc đường hoàng đẹp đẽ. Trên con đường này, anh không nhường tôi, tôi không nhường anh, chỉ cần có kẻ hở thì cứ thế len vào, có thể kiểm soát được thì cứ kiểm. Chỉ cần bản thân có được lợi ích, thì mặc kệ người khác ra sao. Ai cũng đều chê trách bản thân mình chạy chậm, nhưng mà cuối cùng ai cũng đều không chạy được nhanh, ai cũng đều không thể chạy thoát.

Mỗi một người Trung Quốc đều đang theo đuổi cuộc sống thể diện hơn, đường hoàng hơn, nhưng chúng ta ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, lại tiện tay vứt rác, vứt đầu thuốc lá ở mọi nơi. Chúng ta nói với bố mẹ rằng: Con có tiền rồi, muốn được dẫn bố mẹ ra quán dùng một bữa ăn ngon, nhưng trong nhà ăn lại lớn tiếng quát mắng người phục vụ; nói với con mình rằng, bố đã đổi chiếc xe mới rồi, để bố dẫn con ra ngoài hóng mát cho vui, nhưng lại giành đường với người đi bộ ở ngã tư đường.

Lẽ nào đây là thể diện mà chúng ta mong muốn sao? Lẽ nào đây là thể diện mà chúng ta muốn thể hiện trước mặt con cái sao?

Có một lần, tôi đến Nhật Bản, ở một địa danh không quá nổi tiếng, tôi đi vào một phòng vệ sinh, thấy rất là sạch sẽ, dưới sàn ngay cả một giọt nước cũng không có.

[...]Về sau, hướng dẫn viên du lịch nói với tôi, các em nhỏ Nhật Bản từ nhỏ đã được dạy rằng tuyệt đối không được vẩy nước ra ngoài bồn rửa mặt. Một là, các em cần phải giữ vệ sinh môi trường công cộng sạch sẽ; hai là, người khác nếu chẳng may dẫm phải vùng nước trơn trượt, có thể sẽ bị té ngã. Họ chính là có thể ở ngay một nơi không thể diện nhất - nhà vệ sinh, mà dạy cho chúng ta biết thế nào là thể diện.

Tôi cảm thấy thể diện tuyệt không phải là cái vỏ xa hoa lộng lẫy bên ngoài, mà là trong tâm chúng ta vì người khác, vì môi trường, tự mình câu thúc hành vi của bản thân mình.

[...]Chúng ta đều mong đợi có thể được một khu nghỉ thể diện thật sự. Chúng ta không dám chiếm dụng làn đường khẩn cấp, cũng sẽ tự giác nhường đường cho xe cứu thương.

Một quốc gia, không kể là kinh tế, quân sự lớn mạnh thế nào, nếu như người dân trong nước không làm được những việc thể diện, thì chúng ta sẽ không có được sự tôn trọng đáng nên được có. Pháp luật hiện toàn, thì cần phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, ai ai cũng đều tự giác ước thúc bản thân mình, chúng ta có được “Thế”, thì đất nước mới có “Diện” được.

(Theo NTDTV, Thiện Sinh biên dịch, dẫn theo daikynghuyenvn.com)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Từ “thể diện” trong văn bản trên có thể được hiểu là gì? Nên hiểu thế nào về câu: “chúng ta có được “Thế”, thì đất nước mới có “Diện” được”?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, hãy bình luận về vai trò của ý thức tự giác trong cuộc sống.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của anh chị về vẻ đẹp của sông Hương trong lòng thành phố trong bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông* của Hoàng Phủ Ngọc Tường liên hệ với khổ thơ thứ hai trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử để thấy được sự tương đồng và khác biệt trong cách cảm nhận về cảnh và tình xứ Huế của hai tác giả.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Phong cách ngôn ngữ chính là chính luận.

Câu 2.

Thể diện hiểu theo tác giả bài viết là khi con người tự giác làm tròn bổn phận của bản thân, có ý thức, đạo đức xã hội thì sẽ được người khác tôn trọng. Quan niệm này chủ đích phản đối lại cách hiểu của phần đông người dân Trung Quốc: khi có tiền của, phong cách hào nhoáng, đó là có thể diện, “*Thể diện thuyết không phải là cái vỏ xa hoa lộng lẫy bên ngoài, mà là trong tâm chúng ta vì người khác, vì môi trường, tự mình cấu trúc hành vi của bản thân mình.*”

Theo tác giả, “*chúng ta có được “Thể”, thì đất nước mới có “Diện” được*” nghĩa là khi mỗi người dân có được ý thức tự giác thì đất nước đó mới được quốc tế tôn trọng.

Câu 3.

Tác giả bài viết muốn gửi tới người đọc thông điệp rằng: tiền bạc và sự giàu có không mang lại thể diện đúng nghĩa, không khiến người khác tôn trọng cá nhân hay cộng đồng đó. Từ đó, thức tỉnh mọi người về ý thức xã hội, mong muốn mỗi người đều biết tự giác tuân thủ pháp luật, chuẩn chỉ theo đạo đức xã hội.

Tác giả chọn vấn đề này bởi lẽ cô nhận thấy sự tha hóa nghiêm trọng của đạo đức xã hội, sự trượt dốc của ý thức tự giác và sự tàn phá những lễ nghi truyền thống của người dân Trung Quốc đương thời, nhận thấy cần có sự cảnh tỉnh mọi người.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nêu quan điểm cá nhân

+ Bàn luận làm sáng rõ quan điểm Sau đây là một gợi ý:

Một quốc gia muốn phát triển ý thức xã hội thì cần quan tâm song song giữa việc giáo dục đạo đức và kiện toàn pháp luật. Bởi lẽ, hai vấn đề này sẽ bổ sung hữu hiệu cho nhau trong quá trình xây dựng một chuẩn mực về ý thức xã hội, Pháp luật nghiêm minh sẽ là tiền đề cơ bản để mỗi người dân biết coi trọng nguyên tắc cộng đồng, hình thành thói quen tốt. Ngược lại, giáo dục đạo đức khiến mỗi người tự giác tuân theo pháp luật và chuẩn mực xã hội. Khi đó, xã hội sẽ hành pháp một cách nhẹ nhàng, êm đẹp, ý thức xã hội sẽ từ đó mà phát triển lên rất cao.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân - kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lô cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Ý thức tự giác trong cuộc sống. + Ý thức tự giác là khi chúng ta tự mình suy nghĩ hoặc thực hiện một hành động nào đó từ động lực trong chính bản thân mình chứ không vì một sự thúc ép bên ngoài.
Luận bàn	Vai trò của ý thức tự giác	+ Ý thức tự giác giúp con người thực hiện được kế hoạch của cá nhân, tự nâng cao giá trị bản thân, dễ đạt được thành công. + Ý thức tự giác giúp một cá nhân, tập thể được xã hội tôn trọng, đề cao; giúp xã hội tiến bộ và văn minh hơn. (Ví dụ về ý thức của người Nhật) + Ý thức tự giác không phải kĩ năng bẩm sinh, nó được rèn luyện theo năm tháng và môi trường (một đứa trẻ sẽ tự giác cất gọn đồ khi thấy bố mẹ ông bà luôn ngăn nắp).
Phản biện	Đôi khi tự giác mà ngược lại với đám đông?	+ Người có ý thức tự giác trong một xã hội ý thức tự giác chưa phát triển cao, có thể bị dè bủ. Vì vậy, cần sự vững vàng tự rèn luyện và can đảm đứng trước dư luận.
Giải pháp	Rèn luyện ý thức như thế nào?	+ Bản thân nỗ lực, chống lại thói lười biếng, ỷ lại, chần chừ, cần thực hiện đều đặn, tạo thói quen tốt ngay khi không có giám sát. + Giữ thái độ tôn trọng tập thể, “minh vì mọi người”.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Lập thời gian biểu, quản lý thời gian, lên kế hoạch cho mỗi công việc.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0,5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: Ai đã đặt tên cho dòng sông - Dạng bài: Phân tích, liên hệ - Yêu cầu: Làm rõ đối tượng trọng tâm, từ đó tìm ra được điểm tương đồng, và điểm riêng của đối tượng liên hệ		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- “Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong số rất ít nhà văn viết bút ký nổi tiếng ở nước ta vài chục năm nay. Bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường Tin nhà hấp dẫn người đọc ở tầm lòng nhân văn sâu sắc, trí tuệ tuyên bác và chất Huế thơ huyền hoặc, quyến rũ. Đó là những trang viết tài hoa, tài tử, tài tình...Thực ra, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là những áng thơ văn xuôi cuốn hút người đọc”. Đó là những lời nhận xét xác đáng mà cũng đầy trân trọng của nhà thơ Ngô Minh dành tặng Hoàng Trang Phủ Ngọc Tường. - Sự tài năng của ngòi bút Hoàng Phủ Ngọc Tường đã được thể hiện đặc sắc qua bút ký Ai đã đặt tên cho dòng sông. Bài bút ký viết trong mười ngày nhưng nhà văn đã dành nửa đời người để chiêm nghiệm. Đặc biệt khi khám phá vẻ đẹp sông Hương trong lòng thành phố mới thấy được khi hết cái Tội đầy tài hoa của nhà văn.
TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Vẻ đẹp sông Hương trong lòng thành phố	- Điều chảy của sông Hương trong lòng thành phố Huế rất chậm, dường như là không trôi, giống như mặt hồ tĩnh lặng. Ngoài nguyên nhân về Hương mặt địa hình, còn có hai lý do khiến cho sông Hương chảy rất chậm trong lòng trong lòng thành phố là bởi xuất hiện những chi lưu khiến cho lưu tốc thành phố càng giảm đi, và độ cản của hai hòn đảo nhỏ, khiến cho sông Hương đã trở thành dòng sông hiền hòa nhất trong mọi dòng sông. - Thế nhưng trong cảm quan nhà văn, đó là điệu chảy dành riêng cho thành phố Huế, một điệu slow nhẹ nhàng, tình cảm, rất lãng mạn, rất sâu lắng, chậm rãi và da diết. Cũng giống như người con gái chung tình, phải trải qua cả một hành trình thật gian nan, tìm đến người tình là cả một sự kHu công, vì vậy khi bên người tình, người con gái Hương giang ấy muốn ở thật lâu, trong vòng tay của người tình. - Trong lòng thành phố, sông Hương tỏa thành nhiều nhánh, những chi lưu ấy như những cánh tay mềm mại, ôm ấp lấy người tình thủy chung.

		- Trong niềm tự hào của một người con đã sống thủy chung cùng xứ Huế hơn bốn mươi năm, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã so sánh sông Hương với những dòng sông đẹp, nổi tiếng trên thế giới. Là dòng sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của Pu-đa-pét, sông Nê-va. Những dòng sông như biểu tượng của thành phố nơi nó chảy qua, và là cả niềm tự hào của đất nước với bạn bè thế giới. - Đặt sông Hương bên cạnh những dòng sông đẹp đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã kín đáo nâng dòng chảy Hương ngang hàng với những dòng chảy tuyệt mỹ. Thế nhưng còn hơn thế, trong con mắt mến yêu, nhà văn họ Phủ còn thấy sông Hương đặc biệt hơn, độc đáo hơn những dòng sông kia. Cùng chảy vào giữa lòng thành phố như sông Xen và Đa-nuýp, nhưng sông Hương chỉ chảy qua một thành phố duy nhất, Hay nói cách khác, sông Hương giống như người con gái chung tình. Và với sông Nê va, dòng sông đẹp với những khối băng như thủy tinh chảy về biển Ban-tích. Nhà văn lại cảm thấy dòng chảy ấy quá nhanh, như là sự hụt hẫng, chấp chới, bởi dòng chảy ấy nhanh quá, vụt trôi quá, chẳng kịp để lại nỗi niềm. Vì vậy, nhà văn lại nhớ đến dòng Hương giang, lại thấy quý điều chảy lặng lẽ, dùng dằng của nó. Nói cách khác, nếu như sông Hương thủy chung với người tình xứ Huế thì Hoàng Phủ Ngọc Tường chỉ thủy chung với dòng chảy Hương giang.
LIÊN HỆ 1 điểm	Bức tranh xứ Huế trong Đây là thôn Vĩ Dạ	- <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> thực chất là một cuộc hành trình tưởng tượng của thi sĩ họ Hàn. Khổ hai đã vẽ nên xứ Huế trong một đêm trăng thật đẹp. Trước hết là cảnh sông nước: Xuất hiện thật thi vị, có gió, mây, dòng nước lặng lẽ, hai bên bờ là hoa bắp. Gió nhẹ thổi, mây lững lờ bay Thông tin chung trong một đêm thanh vắng, tưởng chừng như cả gió và mây đều có khế khàng để không phá tan bầu yên tĩnh. Góp chung không khí đó là dòng sông Hương lững lờ, tưởng chừng như không hề trôi. Và hoa bắp khẽ là gì cho tiết lay động, tất cả về nên khung cảnh tĩnh tờ dọc bên bờ trù phú. - Cả bờ sông ngập tràn ánh trăng, trăng làm cảnh vật thêm lung linh, thêm đẹp. Ta thấy xuất hiện thuyền trăng (có thể hiểu con thuyền chở Bà đầy trăng, hoặc bay bổng hơn, trăng như một chiếc thuyền đang trôi trên dòng sông ánh sáng), sông trăng (con sông ngập tràn ánh trăng, di mua hoặc cũng có thể hiểu ánh trăng chảy chiếu như một dòng sông) và bến trăng. - Nhưng đằng sau bức tranh lung linh ấy, ta vẫn thấy một nỗi niềm, cái tình thì nhân ẩn chứa. “Gió theo lối gió, mây đường mây”: Ý thơ đã làm rõ sự chia ly, chia lìa.

	Bức tranh xứ Huế qua hai ngôi bút tài năng	- Cùng tái hiện được vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh sắc con người xứ Huế xứ Huế cả hai cây bút đều đã làm bật lên được những cảnh sắc rất riêng, rất thơ cả hai cây bút để qua hai mộng, chỉ tới Huế mới có. Có được điều đó chứng tỏ mảnh đất, con người bút tài người Huế đã chiếm chỗ sâu bền nhất trong lòng các tác giả. - Huế và dòng Hương giang đã được tô vẽ bằng những cây bút tài hoa, tinh tế, nhạy cảm trong văn chương, có tâm hồn hết sức lãng mạn, phong phú. Vì vậy mà cảnh sắc như tình hơn, màu nhiệm hơn qua lăng kính các tác giả. - Tuy nhiên, với thiên bút ký, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã có điều kiện để nhìn dòng sông Hương, xứ Huế qua rất nhiều lăng kính, đi sâu, khái quát các góc cạnh để cảnh sắc được hiện lên đa diện, đầy đủ. Đó cũng như là tấm lòng của một người đã gắn bó với xứ cố đô, đã dành trọn tình yêu thủy chung cho chốn này. - Với Hàn Mặc Tử, cảnh xứ Huế, dòng Hương giang và Vĩ Dạ đều được hiện lên qua dòng ký ức, qua nỗi nhớ, vì vậy, cảnh sắc khi thì sáng rõ, khi thì lung linh, lúc lại mờ ảo chập chờn. Với khổ 2, bằng ngôi bút tài năng, thi nhân đã vẽ
		nên bức tranh đêm trăng bên dòng sông tuyệt đẹp. Nhưng cũng phú nhuộm màu buồn, màu li biệt. Tâm trạng ấy vừa đến trong bức tranh tĩnh lặng của xứ Huế, vừa xuất phát từ niềm riêng, từ nỗi đau của thi nhân.

MỤC ĐÍCH LÀM GIÀU

I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm) Đọc văn bản:

Tỷ phú Dư Bình Niên vừa qua đời ở tuổi 93 (thượng thọ). Ông đã chuyển toàn bộ tài sản trị giá 9,3 tỷ NDT (2 tỷ USD) vào quỹ từ thiện của ông hoạt động trong nhiều năm nay. Dư là tỷ phú Trung Quốc đầu tiên thoát khỏi “*tình thương mù quáng Á châu*” khi cho đi toàn bộ tài sản của mình. Nếu các con tôi tài giỏi, chúng sẽ không cần tới số tiền này. Còn nếu chúng không đủ năng lực, thì gia sản này trước sau gì cũng mất”. Muốn con cái phồn vinh mãi mãi, thì việc đầu tiên là xác định “*tiền ai nấy làm nấy hưởng*”. “Bất cứ ai xài tiền của người khác, đều là người kém cỏi cả, trừ người khuyết tật và trẻ em dưới 18 tuổi chưa được phép lao động” – ông nói. Thương con thật sự là phải như vậy.

Ông khuyên mọi người không nên để lại tài sản cho con cháu vì như vậy sẽ hại con. Dù tài sản lớn như một cơ nghiệp hay chỉ là một miếng đất, một cái nhà nhỏ... đều không nên cho con cháu. Vì khi biết có tài sản thừa kế, thế hệ sau sẽ ỷ vào đó, mất đi động lực, ý chí phấn đấu, cái quan trọng nhất để thành công.

Ông Dư sinh năm 1922 ở Hồ Nam. Năm 1958, ông tới Hong Kong làm đủ nghề để kiếm sống, từ lao công cho tới công nhân xây dựng, khuân vác, giao hàng. Sau đó, ông mở công ty bất động sản, du lịch, khách sạn, y tế.

Ông Dư là Chủ tịch hãng bất động sản Foo Tak lung lầy, ông từng chia sẻ bí quyết thành công là làm tốt nhất nhiệm vụ mình được giao “Kể cả khi lau chùi toilet, tôi vẫn là người lau chùi sạch nhất”. Ông khuyên các bạn trẻ đừng nề hà việc gì, dù là lau chùi toilet để kiếm sống, rồi từ từ đi lên...

Vậy ông làm giàu để làm gì nếu không phải cho con cháu. Ông nói, “*chỉ là để thỏa mãn đam mê, bung hết khả năng cuộc đời mình*”. Còn con cháu, đó là những cá thể khác, chúng tự do sống khác.

Và người Trung Quốc đã tìm thấy người doanh nhân đầu tiên của mình.

(Doanh nhân đầu tiên của Trung Quốc, Tony Buổi Sáng, dẫn theo facebook Tony Buổi Sáng, ngày 8/ 5/ 2015)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Xác định vấn đề chính mà văn bản đề cập.

Câu 1 (2 điểm)

Khi được hỏi về mục đích của làm giàu, tỉ phú Bành Dư Niên nói “*chỉ là để thỏa mãn đam mê, bung hết khả năng cuộc đời mình*”. Bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ, nêu quan điểm của anh/ chị về mục đích chân chính của làm giàu trong xã hội hôm nay.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp khát vọng của hình tượng người vợ nhặt trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Kim Lân. Từ đó liên hệ với vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Liên trong *Hai đứa trẻ* để thấy được tấm lòng của mỗi nhà văn với nhân vật, cũng như thông điệp gửi gắm.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

(Tác giả giới thiệu với mọi người về tỉ phú Bành Dư Niên và bàn luận về quan niệm sống của nhân vật này)

Câu 2.

Văn bản tập trung bàn luận về vấn đề: có nên để lại tài sản cho con cháu không? Và khuyên mọi người nên quyết định và hành động như tỉ phú Bành Dư Niên trong văn bản.

Câu 3.

- Cụm từ “*tình thương mù quáng Á châu*” chỉ truyền thống của người châu Á vô cùng yêu chiều con cái,

để lại toàn bộ tài sản cho con cháu kế thừa và hưởng thụ mà không quan tâm chúng có thực sự quý trọng và có thể giữ gìn, phát triển tài sản đó hay không. Điều đó có thể tạo cho thế hệ sau sự chây lười và thái độ sống hưởng thụ, dẫn đến tình trạng gia sản suy vong.

- Dẫn chứng: chế độ “tập ấm” của các gia tộc giàu có, quan chức trong xã hội phong kiến, con cháu sẽ nối truyền nhau hưởng mộ chức quan và tài lộc của cha ông, không quan tâm đến tài đức của người được hưởng.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Giải thích: Tác giả coi Bán Dư Niên là doanh nhân đầu tiên của Trung Quốc có nghĩa là trong quan niệm của tác giả về một người doanh nhân không chỉ có tài năng và sự nghiệp kinh doanh thành đạt, đem lại lợi ích, giá trị cho bản thân và xã hội, mà theo đó, doanh nhân còn phải là người biết chia sẻ, làm từ thiện giúp đỡ cộng đồng, biết đặt lợi ích của doanh nghiệp lên trên lợi ích cá nhân của gia tộc, con cháu mình, vượt qua truyền thống “thừa kế” ngàn đời cổ hủ trong quan niệm châu Á. Như vậy, mới là một doanh nhân chân chính. Và cũng tạo cho thế hệ sau một động cơ lao động thực sự. + Đánh giá: Đó là quan niệm tiên bộ, đúng đắn, được nhiều doanh nhân thành đạt ngày nay ủng hộ và làm theo.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm).

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Mục đích làm giàu chân chính. + Đam mê là ước mơ, là lí tưởng mà một người khao khát, dám gắng hết sức lực để thực hiện nó. Nói làm giàu là thỏa mãn đam mê, là để bùng hết khả năng của cuộc đời có nghĩa là đối với vị tỷ phú đó, việc làm giàu chính là một ước mơ cháy bỏng, để khẳng định bản thân.
Luận bàn	Bàn luận về mục đích làm giàu chân chính	+ Mỗi người có một mục đích làm giàu khác nhau: tiền bạc, hưởng thụ, tôn trọng của xã hội, quyền lực,... => Mục đích khác nhau nhưng đều chân chính và lương thiện thì vẫn đáng trân trọng. + Việc làm giàu để thỏa mãn đam mê và khẳng định bản thân là một nhu cầu chính đáng và cao quý của vị tỷ phú kia. Nhu cầu này nằm ở bậc cao nhất trong tháp Maslov về thang nhu cầu của con người. (Ví dụ về Bill Gates)
Phản biện	Có người làm giàu vì những mục đích xấu xa.	+ Cần tránh để làm giàu trở thành một mục tiêu mà quá, không từ thủ đoạn để thực hiện.
Giải pháp	Rèn luyện ý thức như thế nào?	+ Cần xác định rõ ràng mục tiêu cho mình + Cần biết sẻ chia

Liên hệ	Bài học cho bản thân	Xây dựng động lực và mục tiêu cá nhân, nỗ lực để thực hiện mục tiêu đó.
---------	----------------------	---

Câu 2 (5 điểm).

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Vợ nhặt*
- Dạng bài: Phân tích, liên hệ
- Yêu cầu: Làm rõ hình tượng người vợ nhặt ở vẻ đẹp khát vọng Liên hệ với Liên đề để nmnet riêng và

tương đồng, từ đó rút ra được nhận xét về giá trị nhân đạo mà nhà văn gửi gắm.

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Kim Lân (01/08/1920 – 20/07/2007), tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ học hết tiểu học rồi vừa làm thợ sơn guốc, khắc tranh bình phong, vừa viết văn. Năm 1944, Kim Lân tham gia Hội Văn hóa cứu quốc, sau đó liên tục hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến và cách mạng (viết văn, làm báo, diễn kịch, đóng phim). Kim Lân là một trong những tác giả tiêu biểu của văn xuôi hiện đại, cây bút chuyên viết truyện ngắn, chuyên viết về nông thôn với những con người nông thôn hiền hậu, chân chất. - Tác phẩm nằm trong tập Con chó xấu xí (1962). Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết Xóm ngụ cư - được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng đang dở và thất lạc bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại (1954), ông dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này. Vị trí: một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Đề tài: Bức tranh hiện thực thể thảm của nhân dân ta thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, mà cụ thể là nạn đói năm 1945.

TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Vẻ đẹp khát vọng người vợ nhặt	- Thị là nhân vật không tên, cũng chẳng hề có quê quán, chẳng tài sản, không gia đình, cũng không có nghề nghiệp. Thị như người trôi dạt giữa con lũ của nạn đói. Thật tội nghiệp. - Cái đói không chỉ tàn hại dung nhan của thị mà còn tàn hại cả tính cách, nhân phẩm, điều đó được thể hiện từ lời nói đến hành động. Trước hết là trong lời nói, vì đói mà thị trở nên “<i>chao chát</i>”, “<i>chồng lớn</i>”, “<i>chua ngoa, đanh đá</i>”. Thị “<i>cong cón</i>”, “<i>sung sĩa</i>” khi giao tiếp, nói chuyện. Cái đói khiến thị quên cả việc phải giữ ý tứ, lòng tự trọng của người con gái. - Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa “<i>có muốn theo tớ về nhà thì ra khuôn đồ lên xe rồi ta cùng về</i>”. Thì người đàn bà kia lại im lặng sau câu đùa của Tràng. Nói đúng hơn là thị đồng ý, đồng ý mà không hề do dự, phân vân. Nhưng có lẽ bởi Thị cảm được cái chân thật, cái tốt bụng của anh Trang, Tràng có lẽ là duyên phận, xuất hiện như chiếc phao cứu sinh với đời Thị. Cho nên hành động theo Tràng của thị, một mặt xuất phát từ nhu cầu bám lấy sự sống, từ lòng khao khát được sống. Nhưng ta còn thấy trong đó, một mong muốn tựa nương, một bến bờ sau những trôi dạt của số phận. - Về đến nhà, thị e thẹn, dè dặt “ngồi mớm” vào mép giường. Thị ý tứ cung kính, lễ phép chào bà cụ Tứ (chào đến hai lần). Đây là hình ảnh đẹp của người con dâu rất mực thương trọng quan hệ với mẹ chồng. - Sáng hôm sau, thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Đến đây, người đọc dễ nhận thấy: bao nhiêu vẻ “chồng lớn”, “<i>sung sĩa</i>” của thị trước kia không còn nữa. Thay vào đó, chúng ta đã được cảm nhận vẻ đẹp rất nữ tính của thị. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đủ đầy sự thay đổi tuyệt vời ấy “<i>Tràng năm thì hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lòn như những lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh</i>”. Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với thị. - Người vợ nhặt có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng và của tác phẩm. Dù trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa, có cận kề với cái chết thì những
--	--	---

		vẻ đẹp tiềm ẩn của con người không bao giờ mất đi. Khát vọng sống, hạnh phúc vẫn luôn nguyên vẹn, tình thương yêu con người chiến thắng tất cả. Người vợ nhất có một khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc mạnh mẽ, vươn lên hoàn cảnh và chiến thắng số phận.
LIÊN HỆ 1 điểm	Liên nhân Liên hệ vật	- Liên là cô bé tám tuổi, như mầm cây trên mảnh đất khô cằn phố huyện. Trong tâm hồn cô bé cũng bị nhuốm nỗi buồn nơi đây, nơi thiếu sinh khí, sức sống, niềm vui, ngược lại chứa đầy những lo toan, điếm bóng tối u ám, và những kiếp người lay lắt đến tội nghiệp. - Niềm vui cũng, sự giải thoát của cô bé chính là chuyến tàu đêm nơi phố huyện. Bởi, đoàn tàu đến từ Hà Nội gọi lại những kỉ niệm đẹp. Liên lặng lẽ mơ tưởng đến Hà Nội xa xăm..., nơi hai chị em đã sống thời thơ ấu êm ả và sung sướng khi thấy chưa mất việc. Đó là cuộc sống ở một thời chưa xa, hoàn toàn khác với cuộc sống ở phố huyện buồn tẻ và nghèo nàn này. Đoàn tàu còn là hình ảnh của tương lai, nó khiến người ta hình dung ra một thế giới giàu sang, đông đúc, nhộn nhịp, đầy âm thanh và ánh sáng. Việc Liên và An đón đợi đoàn tàu xuất phát từ nhu cầu bức thiết về tinh thần muốn thoát khỏi cuộc sống buồn chán hiện tại và được sống trong một thế giới mới tươi đẹp hơn. - Đợi tàu, dù cho nó chỉ xuất hiện vào lúc khuya muộn, nhưng sự cố gắng đợi chờ đó cho ta thấy một khát vọng không bao giờ bị dập tắt, là hi vọng nhỏ nhoi, mong manh, nhưng cũng mãnh liệt vô cùng.
	Giá nhân nhà gửi tri đạo văn gắm	- Có thể thấy, qua hai nhân vật người vợ nhất và Liên ta đều thấy nhân đạo một sự trân trọng, cảm thương của nhà văn dành cho nhân vật của nhà văn gửi mình. Bên cạnh đó, còn là nâng niu những ước mơ, khát vọng của gãm họ, những con người bị đẩy đến những bước đường khó khăn, khổ sở của thân phận. Nhưng ta còn thấy sức mạnh niềm tin của hai nhân vật này, họ tuy yếu ớt, nhưng mang trong mình khát vọng không gì vùi dập được.. - Tuy nhiên, với <i>Hai đứa trẻ</i>, nhà văn Thạch Lam còn muốn rung lên hồi chuông cảnh tỉnh sâu sắc: Đừng tồn tại, hãy sống. - Còn với nhà văn Kim Lân, ông gửi bức thông điệp đầy nhân văn qua hình tượng nhân vật của mình: Dù trong tình huống bị thâm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng ở tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra người.

LÒNG TỰ TIN

I. ĐỌC - HIỂU (3
điểm) Đọc văn bản:

Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích “Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”. Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. “Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales?”. Uyên trả lời: “Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì sales không đồng ý cho tôi đi.”

Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiếu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phú Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiếu Húc lắc đầu “Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông để tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác.” Đây là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.

Có thể bạn sẽ nói: “Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin”. Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.

(Nếu biết trăm năm là hữu hạn - Phạm Lữ Ân, NXB Hội Nhà văn, 2012)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Đặt nhan đề cho văn bản.

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về câu: “Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình”.

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng cả Tràng (*Vợ nhặt* – Kim Lân) và Chí Phèo (*Chí Phèo* – Nam Cao) đều là hình tượng tiêu biểu cho thân phận, cho bản chất của người nông dân. Qua tình huống nhặt vợ của Tràng, tình huống gặp Thị Nở và khao khát lương thiện của Chí Phèo, hãy bình luận.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

(Tác giả nêu ra quan điểm của bản thân và làm rõ chúng bằng những dẫn chứng cụ thể. Ngôn ngữ được sử dụng mang tính chặt chẽ, rõ ràng, thuyết phục.)

Câu 2.

HS có thể lựa chọn nhan đề sao cho hợp lí, nên theo đề tài hoặc chủ đề đang bàn bạc. Ví dụ: *Lòng tự tin, Sức mạnh của tự tin,...*

Câu 3.

HS nêu quan điểm của bản thân và trình bày ngắn gọn làm rõ quan điểm:

- Đồng ý: vì sự tự tin mang lại cho họ phong thái chuyên nghiệp, khiến người khác có niềm tin và cho họ cơ hội làm việc, họ vượt qua các ứng viên khác chính nhờ sự tự tin.
- Không đồng ý: vì sự tự tin chỉ cho họ cơ hội, nhưng họ thành công và năng lực thực sự của họ thể hiện khi đảm nhiệm công việc,
- Vừa đồng ý, vừa không đồng ý: tự tin cần trong cuộc sống bởi nó cho ta cơ hội thể hiện mình, cho ta niềm tin rằng “mình sẽ làm được”, nhưng để thành công thì cần nỗ lực rất nhiều và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác.

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

- + Tự tin chính là nhận thức được giá trị của bản thân mình, không tự ti cũng không ảo tưởng sức mạnh.
- + Sự tự tin rất cần thiết trong cuộc sống, tạo ra thời cơ, nhất là cuộc sống hiện đại hôm nay.

II. LÀM VĂN:

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Lòng tự tin trong cuộc sống. + Tự tin là tin vào bản thân mình. Đó là tinh thần chủ động, độc lập, quyết đoán của cá nhân trong suy nghĩ và hành động.
Luận bàn	+ Nguồn gốc của sự tự tin + Biểu hiện của sự tự tin	+ Lòng tự tin rất quan trọng trong cuộc sống, hình thành từ nhiều yếu tố (đúng mạo, tài năng,...), trong đó, quan trọng hơn cả là sự hiểu rõ về bản thân mình và việc mình làm, tin tưởng vào thành công của bản thân. + Tin tưởng mình đảm nhận được công việc một cách tốt nhất, nỗ lực hết mình nếu được giao, giúp họ hoàn thành nhiệm vụ, đạt được thành công. + Tạo được cơ hội cho chính mình thể hiện năng lực của bản thân.
Phản biện	Có phải lúc nào tự tin cũng thành công?	+ Tự tin có thể vẫn thất bại, quan trọng là không chấp nhận sau thất bại, thất bại chỉ giúp ta hiểu rõ được điểm mạnh điểm yếu của mình. + Tự tin cần đi liền với thực lực, chứ không phải ngu ngốc, cố chấp, duy ý chí.

Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Sự tự tin hình thành từ việc chúng ta tìm ra giá trị thực sự của bản thân. + Rèn luyện lòng tự tin trong cuộc sống từ những việc nhỏ (thể mạnh của bản thân để chắc chắn mình có thể thành công), rồi dần đến những điều lớn hơn.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Tìm ra điểm mạnh của mình, rèn luyện lòng tự tin.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cải thiện.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Vợ nhặt*, *Chí Phèo*
- Dạng bài: So sánh, bàn luận về kiến
- Yêu cầu phân tích hai tình huống, chỉ ra được điểm riêng chung, từ đó bàn luận về ý kiến được nêu

trong yêu cầu.

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Từ những trang viết độc đáo về nông thôn, với những truyện ngắn được xếp vào hàng kinh điển trong văn xuôi Việt Nam thế kỷ XX như <i>Vợ nhặt</i>, <i>Làng</i> có người đã gọi Kim Lân là cây bút độc đáo của phẩm - làng quê Việt Nam. Nhà văn Nguyễn Hồng cũng từng nhận xét về người bạn đồng nghiệp của mình rằng: Kim Lân là nhà văn một lòng đi về với “đất” với “người” với “thuần hậu nguyên thủy” của cuộc sống nông thôn. Hay nói cách khác, Nhà văn Kim Lân là một trong những cây bút truyện ngắn xuất sắc nhất của nền văn học Việt Nam đương đại. - Tác phẩm nằm trong tập <i>Con chó xấu xí</i> (1962). Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i>- được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và thất lạc bản thảo, Là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, Kim Lân đã xây dựng câu chuyện nhặt vợ trên cái nền hiện thực thể thảm của Nhân dân ta thời kHu trước Cách mạng tháng Tám, mà cụ thể là nạn đói năm 1945. - Nam Cao là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của trào lưu hiện thực phê phán thời kHu 1940 - 1945, là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam thời kHu kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954. Các tác phẩm của ông vừa rất mực chân thành vừa có một ý vị triết lý, một ý nghĩa khái quát sâu xa. Ngòi bút hiện thực tinh táo, nghiêm ngặt vừa sắc lạnh, vừa gân guốc, lại vừa thấm thiết trữ tình. Nhà văn có sở trường trong miêu tả tâm lý con người, nhất là khi đi vào miêu tả diễn biến tâm lý tinh tế, phức tạp. - <i>Chí Phèo</i> (1941) là một truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Nam Cao viết về đề tài nông dân trước Cách mạng. Nó là một truyện ngắn có thể “làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời”, đã đưa Nam Cao lên vị trí hàng đầu trong lớp các nhà văn hiện thực phê phán. Tác giả đã xây dựng thành công một nhân vật điển hình, nhân vật Chí Phèo, phản ánh một tấn bi kịch có ý nghĩa sâu sắc vào loại tiêu biểu nhất của nền văn học Việt Nam.
	Giải thích	- Hình tượng tiêu biểu, điển hình: Nhân vật điển hình thường khái quát số phận và tính cách của một loại người, một tầng lớp hay một giai cấp. Xây dựng điển hình nhà văn phải phát hiện những chi tiết cá biệt, độc đáo, không lặp lại để làm nổi bật những nét, những tính cách quan trọng, những quan hệ tiêu biểu trong đời sống. - Chí Phèo và Tràng chính là những điển hình tiêu biểu cho người nông dân trong hai giai đoạn quan trọng, trước và khi có cách mạng. Phản ánh được bản chất, khát vọng của giai cấp đông đảo nhất trong xã hội.

TRỌNG TÂM 4,0 điểm	Nhân vật Tràng và tình huống nhật vợ	- Trang được khắc hoạ nổi bật trong bối cảnh ngày đói vô cùng thể thảm ở nông thôn Việt Nam do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây tình huống ra năm 1945. Cái đói huỷ diệt cuộc sống tới mức khủng khiếp. Trong Linhặt vợ. một bối cảnh như thế Kim Lân đặt vào đó một mối tình thật là táo bạo, dỏ khóc, dỏ cười giữa Trang và Thị, một mối duyên bắt nguồn từ bốn bát bánh đúc giữa ngày đói. - Kim Lân đã tạo nên một tình huống độc đáo: Tràng nhật được vợ để từ đó làm nổi bật khao khát hạnh phúc, tình yêu thương, cuu mang đùm bọc lẫn nhau của những con người đói. Ngay cái nhan đề Vợ nhật đã bao chứa một tình huống
--	---	---

		như thế: nhật tức là nhật nhanh, nhật vu vơ. Trong cảnh đói năm 1945, người dân lao động dường như khó ai thoát khỏi cái chết, giá trị một con người thật vô cùng rẻ rúng, người ta có thể có vợ theo, chỉ nhờ có mấy bát bánh đúc ngoài chợ. Như vậy thì cái thiêng liêng (vợ) đã trở thành rẻ rúng (nhật). Nhưng tình huống truyện còn có một mạch khác: chủ thể của cái hành động “nhật” kia là Tràng, một gã trai nghèo, xấu xí, dân ngụ cư, đang thời đói khát mà đột nhiên lấy được vợ, thậm chí được vợ theo thì quả là điều lạ. Lạ tới mức nó tạo nên hàng loạt những kinh ngạc cho hàng xóm, bà cụ Tứ – mẹ Tràng và chính bản thân Tràng nữa. Tình huống truyện trên đã khơi ra mạch chảy tâm lí cực kì tinh tế ở mỗi nhân vật, đặc biệt là Tràng. Anh cu Tràng cục mịch, khử khờ, bỗng nhiên trở thành người thực sự hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc lớn quá, đột ngột quá, khiến Tràng rất dỗi ngờ ngàng “<i>đến bây giờ hắn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hắn đã có vợ rồi đấy ư?</i>”. Rồi cái ngờ ngàng trước hạnh phúc kia cũng nhanh chóng đẩy thành niềm vui hữu hình cụ thể. Đó là niềm vui về hạnh phúc gia đình – một niềm vui giản dị nhưng lớn lao không gì sánh nổi. Chàng thanh niên nghèo khó “<i>Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Mặc dù người vợ được hắn nhật về, nhưng Tràng không hề rẻ nung, khinh miệt thị. Trái lại, Tràng vô cùng trân trọng, coi chuyện lấy Thị là một điều nghiêm túc. Khát vọng mái ấm gia đình đã khiến Tràng vượt qua lo lắng về cái đói. Buổi sáng hôm sau, Tràng thấy khoan khoái như người từ trong giấc mơ đi ra. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con để cải ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Đó là một điều thật bình dị nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong cuộc đời Tràng. Hắn thấy hắn nên người. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng</i>”. Một niềm vui thật cảm động, lẫn cả hiện thực lẫn giấc mơ.
--	--	---

	Chí Phèo và năm ngày bên Thị Nở	- Trong một lần say rượu, vô tình, Chí Phèo đã gặp Thị Nở – một và năng người đàn bà xấu xí và quá lứa lỡ thì. Lần say rượu đặc biệt ấy cùng với trận ốm thập tử nhất sinh đã khiến Chí Phèo có những biến đổi mạnh mẽ về cả tâm lí lẫn sinh lí. Thêm nữa, chút tình thương yêu mộc mạc, cử chỉ giản dị chân thành của Thị Nở đã đốt cháy lên ngọn lửa lương tri còn sót lại nơi đáy sâu tâm hồn Chí, đánh thức bản chất lương thiện vốn có bên trong con người lầm lạc. - Chính Thị Nở đã làm Chí tỉnh rượu, và khi đã tỉnh rượu, các giác quan trở lại, hắn mới cảm nhận cuộc sống đời thường với những cảnh sắc, âm thanh bình dị: tiếng cười nói của những người đi chợ, tiếng anh thuyền chài đuổi cá, tiếng chim hót... Khi tỉnh táo, Chí Phèo nhìn lại cuộc đời của mình cả trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Hắn nhớ lại những ngày rất xa xôi hắn mơ ước có một gia đình nho nhỏ. Tin ni Tork Chồng cuộc mưu cày thuê, Vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn để làm vốn liếng. Khá giả thì mua năm sào ruộng làm. Mơ ước của Hắn thật nhỏ bé và giản dị nhưng suốt ba năm qua nó vẫn chưa trở thành hiện thực. Thì ra, những ước mơ tốt đẹp của Chí Phèo không hề bị mất đi mà nó chỉ chìm sâu vào một góc tăm tối nào đó của tâm hồn Chí. Hiện tại của hắn thật đáng buồn. Buồn vì Chí Phèo thấy mình đã già đã sang cái dốc bên kia cuộc đời, có thể đã hư hỏng nhiều thế mà hắn vẫn đang cô độc. Tương lai của hắn lại đáng buồn hơn, bởi hắn có quá nhiều sự bất hạnh đói rét ốm đau và cô độc. Đối với Chí, cô độc còn đáng sợ hơn nhiều đói rét và ốm đau. - Bát cháo hành chính là liều thuốc giải độc góp phần thức tỉnh phần người trong con quỷ dữ. KHu diệu làm sao bát cháo hành Thị Nở, một liều thuốc tiên vừa giải cảm vừa giải độc. Cháo hành đã tẩy ố đi men rượu, gột rửa những tội lỗi con người.. - Niềm hi vọng: Ước mơ lương thiện trở về, Chí thấy thêm lương thiện và muốn làm hòa với mọi người... Chí đặt hi vọng lớn vào Thị Nở: <i>“Thị Nở sẽ mở</i>
--	--	---

		<i>đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được... Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện".</i> Chi hình dung về tương lai tươi đẹp khi chung sống cùng với Thị Nở.
	Đánh giá và bàn luận	- Có thể thấy cả hai hình tượng đều làm bật lên được những thân phận khốn cùng của người nông dân, đó là những kiếp người bị hoàn cảnh xã hội đẩy vào những bước đường cùng, làm cho bị biến đổi. Họ phải oằn mình đối diện trước cái đói và miếng ăn. - Họ đều là những con người dù có bao cơ cực, vẫn giữ cho mình sự lương thiện, thuần hậu, và những khát khao rất đời thường, đặc biệt, là khát khao mái ấm luôn cháy bỏng.. - Tuy nhiên, hình tượng Chí Phèo là bức chân dung cho người nông dân bị kịch không lối thoát trước cách mạng tháng Tám. - Còn Tràng là bức chân dung người nông dân trong thời đại mới, tươi sáng hơn.

TINH THẦN MẠO HIỂM

I. ĐỌC – HIỂU (3

điểm) Đọc văn bản:

“Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái gan mạo hiểm, ở đời không biết cái khó là cái gì.[...]”

Còn những kẻ ruru như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự, sống lâu giàu bền, còn việc nước việc đời thì không quan hệ gì đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có ngày vùng vẫy trong trường cạnh tranh này thế nào được nữa. Hãy trông những bạn thiếu niên con nhà kiêu dưỡng, cả đời không dám đi đâu xa nhà, không dám làm quen với một người khách lạ, đi thuyền thì sợ sóng, trèo cao thì sợ run chân, cứ áo buông chùng quần đóng gót, tưởng thế là nho nhã, tưởng thế là tự văn; mà thực ra không có lực lượng, không có khí phách; hễ ra khỏi tay bảo hộ của cha mẹ hay kẻ có thế lực nào thì không có thể tự lập được.

Vậy học trò ngày nay phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở. Phải biết rằng: hay ăn miếng ngon, hay mặc của tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhảy lên cái xe, hễ ngồi quá giờ thì kêu chóng mặt,... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mạo hiểm của mình đi”. Lý

(Mạo hiểm, Nguyễn Bá Học, Dẫn theo Sgk Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr.114)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản trên sử dụng thao tác lập luận chính là gì?

Câu 2. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau:

“Vậy học trò ngày nay phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở”?

Câu 3. Anh chị hiểu câu nói: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông” như thế nào?

Câu 4. Ngày nay, có rất nhiều người chọn cách sống “an nhàn vô sự”. Anh/ Chị nhận xét gì về cách sống ấy?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, hãy nêu ý kiến của anh chị về “tinh thần mạo hiểm”.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích hình tượng người dũng sĩ Tú, liên hệ với hình tượng Đăm Săn trong sử thi Đăm Săn để thấy được vẻ đẹp độc đáo của nhân vật anh hùng sử thi.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Thao tác lập luận chính: bình luận.

Câu 2.

- Biện pháp tu từ: liệt kê, đối và điệp ngữ (điệp từ, điệp cấu trúc)

+ Liệt kê: phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục, mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở.

+ Đối: phải tập xông pha - phải biết nhẫn nhục . Mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn - đói rét cũng không lấy làm khổ sở

+ Điệp ngữ: ...phải..., ...cũng không lấy làm...

- Tác dụng:

+ Về hình thức: Giúp lời văn nhịp nhàng, cân đối

+ Về nội dung: nhấn mạnh điều học trò ngày nay cần phải rèn luyện, tu dưỡng để trưởng thành.

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lô cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Tinh thần mạo hiểm. + Tinh thần mạo hiểm: là thái độ dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân, dùng cảm đương đầu với các thử thách, hiểm nguy, dù biết đó là nghiệt ngã, dù biết có khi phải trả giá rất đắt, kể cả sinh mạng => tinh thần mạo hiểm rất cần thiết trong cuộc sống.
Luận bàn	Bàn luận về tinh thần mạo hiểm + Vai trò + Biểu hiện	+ Người có tinh thần mạo hiểm luôn có nhiều ý tưởng mới mẻ, thân mạo hiểm sáng tạo, và là người dễ thành công, dễ tạo nên kỳ tích cuộc sống ý nghĩa và nhiều cảm hứng. + Người có tinh thần mạo hiểm sẽ chiến thắng tâm lý, tự tin đứng dậy và tiếp tục phấn đấu... + Người có tinh thần mạo hiểm thường mạnh mẽ, không biết sợ hãi, không lùi bước trước gian khó, họ dám đối mặt với tình hình nghiêm trọng, dám chấp nhận thất bại.
Phản biện	Mạo hiểm có thể dẫn đến những thất bại nặng nề?	+ Tinh thần mạo hiểm khác với liều lĩnh một cách vội vàng, nôn nóng. + Tinh thần mạo hiểm cần đi liền với thực lực, không bảo thủ, duy ý chí, đi liền với sự nỗ lực, quyết tâm thực sự.

Giải pháp	+ Nhận thức + Hành động	+ Phê phán những người yếu đuối, lười vận động, lười suy nghĩ tìm hiểu, không dám nghĩ dám làm, không dám phiêu lưu mạo hiểm... + Dám thử thách, vượt qua giới hạn bản thân từ những việc nhỏ.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Nhiều bạn học sinh THPT chấp nhận mạo hiểm thi vào những trường tốt nhất theo đúng đam mê, sau đó bằng nỗ lực để thi đỗ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Rừng xà nu</i> - Dạng bài: Phân tích liên hệ - Yêu cầu: Phân tích hình tượng người anh hùng Thú, liên hệ với Đăm Săn làm nổi bật được cách khắc họa nhân vật anh hùng sử thi		
TIỀN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	Nguyễn Trung Thành là nhà văn lớn lên và trưởng thành trong cả hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Ông đặc biệt thành công về đề và nội dung tài văn học viết về miền núi Tây Nguyên. Như PGS.TS. Lã Nhâm Thìn từng nhận xét: Nguyễn Ngọc là một trong những nhà văn Sớm mở cánh tác phẩm của văn học vào mảnh đất Tây Nguyên, trên mảnh đất ấy, nhà văn đã xây dựng được những lâu đài nghệ thuật nguy nga, tráng lệ. Những sáng tác của ông mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn, thường đề cập đến những vấn đề trọng đại, lớn lao của dân tộc. Truyện ngắn “ <i>Rừng xà nu</i> ”, tác phẩm là câu chuyện về dân làng Xô Man trong kháng chiến chống Mỹ. Trong số những con người hiên ngang bất khuất của làng Xô Man nổi bật lên là hình ảnh Tnú. Câu chuyện về cuộc đời anh đã được tái hiện cụ thể qua lời kể của già làng bên bếp lửa.
	Giải thích: Hình tượng sử thi, người anh hùng	Trong văn học Việt Nam giai đoạn chống Mỹ, khuynh hướng sử thi là Hình một khuynh hướng lớn. Tính sử thi được thể hiện trong đề tài, chủ đề tượng sử mang ý nghĩa thời đại, bàn đến những vấn đề lớn lao, những vấn đề thi: Người cộng đồng, cùng với đó là ngôn ngữ đầy trang trọng. Nhân vật trong anh hùng sử thi là nhân vật tiêu biểu cho cả cộng đồng, là người anh hùng, người dũng sĩ của thời đại mang sức mạnh, phẩm chất lý tưởng, thể hiện qua lời nói, hành động dũng cảm, với những chiến công hiển hách. Nhân vật anh hùng sử thi không thể tồn tại nếu không vượt qua được mọi khó khăn thử thách để giành chiến thắng. Tnú được xây dựng trên cảm hứng sử thi ấy.

TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Phân tích hình tượng Tnú	- Nhân vật tiêu biểu, mang tích cách điển hình cho đồng bào Tây Nguyên .. + Tnú mang trong mình những phẩm chất đáng quý: trung thực, gan góc, dũng cảm. Những phẩm chất ấy được biểu hiện từ khi Tnú còn nhỏ đến khi đã là một chiến sĩ cách mạng. Đó là khi Tnú học cái chữ, học thua Mai đã tự lấy đá ghé vào đầu mình. Là những lần vượt con thác dữ, mình như con cá kình, tìm những khúc xiết mà vượt khiến kẻ thù không ngờ. Là đôi bàn tay như mười ngón đước rực đỏ nhưng không một tiếng van xin, chỉ có ánh mắt căm hờn lửa cháy. Tnú là hiện thân của sự trung thành tuyệt đối với cách mạng, với Đảng, là hiện thân của sự khoẻ mạnh với bộ ngực rộng rãi, hai cánh tay khoẻ chắc như lim, là sự bất khuất kiên cường đã được thử thách qua tra tấn dã man và sự tù đầy của kẻ thù. Tnú cường tráng như một cây xà nu lớn. Thủ không hề biết sợ hãi, không hề biết khuất phục dù tàn bạo có hiện hình trong mũi súng hay lưỡi dao chém ngang dọc trên lưng. Trong một lần chuyển thư của anh Quyết gửi về huyện, Tnú bị giặc bắt. Họng súng chĩa vào tai lạnh ngắt, Tnú kịp nuốt luôn cái thư. Giặc giam cầm, tra khảo Tnú dã man, lưng Tnú dọc ngang vết dao chém nhưng anh quyết không khai một lời. + Tnú mang trong mình tình yêu thương và lòng căm thù cháy bỏng. Tình yêu thương được thể hiện rất rõ trong mối quan hệ giữa Tnú với buôn làng và với những người dân trong buôn. Làng Xô Man là cội nguồn, là nơi nuôi dưỡng Tnú. Nơi đây có những người thân thuộc, có gia đình bé nhỏ của anh. Những nơi thân thuộc, những người thân tể trong thương của anh đã bị giặc giày xéo. Anh chứa trong lòng niềm căm làn ha. thù: mối thù ấy được tích góp qua năm tháng, đó là những vết chém Thi và Hà ng dọc ngang lưng khi Tnú còn nhỏ, là đôi bàn tay chỉ còn hai đốt, nhưng Bà này là ng sâu sắc nhất, ám ảnh nhất là bọn giặc đã cướp đi gia đình nhỏ của anh, nữ t rong đi những con người thân thiết nhất của anh. - Nhân vật Tnú là điển hình cho con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên + Bi kịch của Tnú là một bi kịch điển hình. Khi anh dùng tay không để đấu tranh với toàn giặc, gia đình anh không cứu được, trái lại còn bị đốt cháy đôi bàn tay. Tnú chỉ được cứu khi dân làng Xô Man cầm vũ khí đứng lên tiêu diệt
--	--	---

		kẻ thù. + Nhưng Tnú không chìm đắm trong đau thương mất mát, anh biết vượt qua nỗi đau ấy, biến đau thương thành căm hờn và tôi luyện ý chí chiến đấu. Bị giặc bắt sau khi Mai chết, Tnú không nghĩ đến bản thân mà chỉ lo lắng đến việc ai sẽ tiếp tục lãnh đạo dân làng kháng chiến khi Đảng phát lệnh. Chỉ còn cách cầm vũ khí: <i>Chúng nó cầm súng mình phải cầm giáo</i>, dùng bạo lực cách mạng mới có thể tiêu diệt được cái oa nhanh và ác, cái bạo lực. - <i>Đôi bàn tay quả báo – sức mạnh của lòng căm thù và ý chí phi thường</i> + Khi xây dựng nhân vật Tnú, Nguyễn Trung Thành đặc biệt dụng công miêu tả đôi bàn tay của anh. Từ đôi bàn tay này, người đọc có thể thấy hiện lên không những cả cuộc đời mà cả những tính cách của nhân vật. Khi còn lành lặn, bàn tay Tnú là bàn tay nghĩa tình, thẳng thắn. Đây là bàn tay cầm phấn học chữ do cán bộ dạy, bàn tay cầm đá ghê vào đầu để trừng phạt cái tội không nhớ mặt chữ, bàn tay đặt lên bụng để chỉ cộng sản ở đây... Tuy vậy ấn tượng mạnh nhất về đôi bàn tay của Thủ chính là đoạn cao trào của truyện, cũng là đoạn đời bi tráng nhất của nhân vật. Giặc quân giẻ tẩm dầu xà nu vào mười đầu ngón tay và đốt. “Mười ngón tay anh đã trở thành mười ngọn đuốc”, thiêu cháy cả ruột gan Thủ, anh “nghe lửa chảy trong lồng ngực, cháy ở trong bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi”. Chứng kiến cảnh kẻ thù dã man đốt hai bàn tay của Thủ, dân làng Xô Man không thể kiềm chế được nữa đã bột phát vùng lên tiêu diệt lũ giặc, mở ra trang sử đấu tranh mới của dân làng. + Từ đây bàn tay của Tnú thành tật nguyên, mỗi ngón chỉ còn hai đốt và như một chứng tích về tội ác của kẻ thù mà Tnú mang theo suốt đời. Đến cuối tác phẩm, bàn tay tật nguyên vẫn tiếp tục cầm súng giết giặc, vẫn có thể giết chết tên chỉ huy đồn địch dù nó có thủ trong hầm. Như vậy, có thể nói bàn tay Tnú được miêu tả trải dài theo suốt cả câu chuyện. Đường như mọi nét tính cách cũng như số phận và chiến công của Tnú đều gắn liền với hình ảnh hai bàn tay ấy.
LIÊN HỆ 1 điểm	Liên hệ hình tượng người anh hùng Đăm Săn	- Hình tượng Đăm Săn là hình tượng người anh hùng vô cùng đẹp đã, mang sức mạnh phi thường, tầm vóc. Điều này được thể hiện qua người anh những chiến công vang danh khắp thiên hạ của chàng. Từ việc chiến thắng các tù trưởng hùng mạnh, chặt đổ cây thần, đi bắt nữ thần mặt trời về làm vợ... chàng đã hiện lên như một tù trưởng mạnh mẽ nhất, oai dũng nhất, mang chở niềm ước mơ của cộng đồng về cuộc sống phồn thịnh, mở mang. - Hình ảnh của người anh hùng này nổi bật lên trong chi tiết đó là cuộc chiến đấu để cứu Hợ Nhị, cuộc chiến với tù trưởng sắt Mtao Mxây, dù kẻ thù mưu mô, nhưng bằng sự dũng cảm, phẩm chất tuyệt vời, cộng với sự trợ giúp của cộng đồng, Đăm Săn đã chiến thắng vẻ vang.
	Vẻ đẹp của người anh hùng sử thi	- Ta đều thấy, những anh hùng sử thi với những phẩm chất phi thường, người anh hiện lên ngạo nghễ, dùng mắt nhìn những kẻ thù mà hiếm kẻ thường hùng sử nào làm được. Đó là những người anh hùng đại diện cho phần chất, thích cho sức mạnh, cho tính cách và trở thành niềm tự hào của cộng đồng. - Cả hai tác phẩm đều thể hiện được quá trình trưởng thành và phát triển của nhân vật anh hùng, đồng thời cho thấy niềm vinh quang, vẻ đẹp của người anh hùng không rời xa lợi ích, mối quan hệ với cộng đồng. Người anh hùng chỉ đẹp khi gắn với mối quan hệ cộng đồng.

KHỞI NGHIỆP

I. ĐỌC-HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MUÔN THỰC HIỆN GIÁC MƠ - VIỆC ĐẦU TIÊN LÀ TÍNH GIÁC!

Status trước của tôi được hơn 25 ngàn like, được hơn 2.000 share, và rất nhiều người gửi tin nhắn PM riêng hẹn cafe và chia sẻ các câu chuyện bản thân. Một khởi đầu rất thú vị cho những ngày đầu tiên khởi nghiệp - sau 15 năm làm thuê.

Tôi không phải là Giáo sư hay Bác học lỗi lạc - nhưng tôi tin rằng xã hội sẽ tốt đẹp hơn nếu như người đi trước thẳng thắn chia sẻ với người đi sau, người được 5 điểm dạy người được 2 điểm...

Xã hội tốt đẹp hơn khi ta giúp đỡ những người quanh ta từ việc nhỏ nhất!

Một câu hỏi mà nhiều người hỏi tôi nhất: rằng nên bắt đầu từ đâu? *Tôi nghĩ rằng bạn nên bắt đầu từ việc hãy Vận động và Tỉnh giấc.*

Hãy cafe với người mình thích, hãy đọc 1 cuốn sách và chia sẻ với người mình quý, hãy cafe với người mình tôn trọng, hãy tìm 1 ai đó tư vấn định hướng cho cuộc đời mình. ..

(Dẫn theo facebook Hiếu Chí Trần, ngày 28/04/2017)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Văn bản nói về nội dung gì?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Tác giả của văn bản trên đã xin thôi việc và bắt đầu khởi nghiệp ở lứa tuổi 40. Quá trình làm việc trước đó, tác giả tự gọi là “quá trình trải nghiệm”, kéo dài tới hơn 15 năm. Ngược lại, ngày nay, có rất nhiều bạn trẻ khát khao thành công và cho rằng cần bắt tay khởi nghiệp từ những ngày tháng trẻ tuổi đầy nhiệt huyết.

Bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ, anh chị hãy bàn luận về vấn đề trên.

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng, cả Trương Ba và Chí Phèo đều là những kiếp người bị quyền lực nhào nặn, đẩy đưa vào chốn đường cùng của số phận. Phân tích bi kịch tha hoá của Chí Phèo và Trương Ba để làm sáng tỏ.

----- HẾT -----

LỜI GIẢI

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Tác giả nêu quan điểm và đưa lí lẽ bàn luận về vấn đề khởi nghiệp theo ý kiến riêng của mình.

Câu 2.

Văn bản nói về ý định khởi nghiệp của tác giả và điều quan trọng đầu tiên khi khởi nghiệp, đó là có định hướng rõ ràng.

Câu 3.

- “*Bắt đầu*” có nghĩa là bắt đầu khởi nghiệp, bắt đầu thực hiện ước mơ lí tưởng và đam mê thực sự của cuộc đời mình, sống một cuộc đời đầy cảm hứng.

- Quan niệm cần bắt đầu từ sự *vận động* và *Tỉnh giác* là muốn nhắc nhở mỗi người cần sự chuẩn bị cả hai phương diện: vận động là chuẩn bị sẵn sàng về thể lực, vật chất, phải dám xông pha, sẵn sàng đối diện với những vất vả, gian nan, khó khăn. Tỉnh giác là sự chuẩn bị về tinh thần, ý thức, hiểu rõ mình thực sự muốn gì, quyết tâm thực hiện nó, sẵn sàng đón nhận những tư tưởng mới mẻ, độc đáo và thậm chí là phản biện lại những gì trước đây mình đã biết.

Từ đó, nhắc nhở những ai muốn xây dựng hoài bão lí tưởng phải biết trau dồi hành trang cho mình về mọi mặt: tư tưởng, tinh thần, thể lực, vật chất, người đồng hành,...

Câu 4.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nêu tên và giới thiệu sơ lược về tiểu sử của nhân vật hoặc nội dung chính của cuốn sách.

+ Nêu cảm nhận bản thân và lí do thích nhân vật cuốn sách đó: sự nghiệp nhân cách đáng trân trọng của nhân vật; giá trị nghệ thuật nhân đạo nhân văn giáo dục giải trí của cuốn sách,...

+ Thông điệp rút ra từ nhân vật cuốn sách: lòng quyết tâm, tinh thần nhiệt huyết, sự kiên trì,... (nên là một thông điệp nhân văn và mang tính giáo dục).

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Khởi nghiệp + Khởi nghiệp là một mốc bắt đầu cho tiến trình xây dựng ước mơ, hoài bão lí tưởng của một người hoặc một tập thể, nhằm thể hiện khả năng bản thân và đóng góp công sức của mình, giá trị của mình cho cộng đồng, xã hội. Tất nhiên, hoài bão cá nhân không được đi ngược lại với tư tưởng đạo lí, với những quy chuẩn chung của xã hội.

Luận bàn	Khởi nghiệp khi nào là hợp lí?	+ Khởi nghiệp vô cùng quan trọng trong xã hội, giúp - phát triển xã hội, khẳng định bản thân. + Thời điểm, hoàn cảnh, động lực và quyết định khởi nghiệp của mỗi người đều khác nhau. Bởi lẽ: ước mơ của mỗi người một khác nhau điều kiện của mỗi người đều khác biệt + Khởi nghiệp cần có quá trình chuẩn bị về nhiều mặt, chỉ có người trong cuộc mới có thể hiểu rõ khi nào là hợp lí để bắt đầu. + Khởi nghiệp là tiến trình của cá nhân nhưng không có ai khởi nghiệp đơn độc, ai cũng cần sự hỗ trợ, giúp đỡ, động viên và cần một cơ hội.
Phản biện	Khởi nghiệp có khi chỉ là ngẫu nhiên, không do mình quyết định.	Cơ hội đến ngẫu nhiên nhưng quyết định thực hiện hay không là do con người.
Giải pháp	Làm gì khi khởi nghiệp	+ Cần có ý chí khởi nghiệp + Cần mạnh dạn hành động, không ngại khó ngại khổ + Khởi nghiệp nên đi từ nhỏ đến lớn, biết lượng sức và biết hoà bão.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Xác định mục tiêu ngay từ hôm nay để chủ động tìm kiếm thời cơ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ

- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: *Hồn Thương Bã, da hàng thịt, Chí Phèo*
- Dạng bài: So sánh, bàn luận ý kiến
- Yêu cầu: làm rõ bi kịch tha hoá từng nhân vật, chỉ ra được điểm chung và riêng. Từ đó nhận xét về ý kiến được nêu trong đề bài

TIỀN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một tài năng nhiều mặt, một nhà văn xuất sắc của văn học nghệ thuật Việt Nam. Ông sáng tác nhiều thể loại và ở thể loại nào cũng gây được tiếng vang. Đặc biệt ở thể loại kịch, ông được đánh giá: Cây bút vàng của sân khấu kịch Việt Nam. Tài năng ấy đột ngột qua đời trong một vụ tai nạn giao thông thảm khốc khi tài năng đương ở độ chín. Quan niệm của Lưu Quang Vũ trong sáng tác đã được ông phát biểu như sau: Động lực xui giục tôi viết kịch ấy chính là động lực khiến tôi làm thơ. Đó là khát vọng được bày tỏ, được thể hiện tâm hồn mình vào thế giới xung quanh, để tham dự vào dòng chảy mãnh liệt của đời sống, được trao gửi và dâng hiến. <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> là một trong những vở kịch hay nhất của Lưu Quang Vũ. Từ một cốt truyện dân gian, Lưu Quang Vũ đã xây dựng thành công một vở kịch nói hiện đại, thể hiện tư tưởng triết lý, ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Vở kịch chia làm 7 cảnh, đoạn trích là cảnh cuối cùng. - Nếu như ví văn học dân tộc giống dãy núi non trùng điệp, thì Nam Cao chính là một đỉnh cao trên miền non tàn đó, Đoạn mệnh trong đời, những tên tuổi Nan Cao sẽ còn sống mãi cùng văn học nghệ thuật, đặc biệt là dấu ấn ông để lại trong trào lưu hiện thực phê phán giai đoạn 1930 - 1945. Các tác phẩm của ông vừa rất mực chân thành vừa có một ý vị triết lý, một ý nghĩa khái quát sâu xa. Ngòi bút hiện thực tỉnh táo, nghiêm ngặt vừa sắc lạnh, vừa gân guốc, lại vừa thâm thiết trữ tình, Nhà văn có sở trường trong miêu tả tâm lý con người, nhất là khi đi vào miêu tả diễn biến tâm lý tinh tế, phức tạp. - <i>Chí Phèo</i> không những là tác phẩm xuất sắc nhất trong văn nghiệp của nhà văn Nam Cao, nó còn xứng đáng là một kiệt tác của văn học giai đoạn đương thời. Một tác phẩm lớn về nhiều mặt dù chỉ chứa đựng trong dung lượng của một truyện ngắn.
	Giải thích	Những kiếp người bị quyền lực nhào nặn: Ở đây để nói về những tầng lớp thống trị, những bàn tay quyền lực chi phối đến đời sống nhân dân, đặc biệt là với những kẻ thấp cổ bé họng. Họ không có quyền lựa chọn cuộc sống, cách sống. Họ bị chi phối bởi những thế lực lớn mà không cưỡng lại được. Bi kịch tha hoá: Để nói về sự thay đổi mang ý nghĩa tiêu cực, đó là một quá trình biến đổi và đẩy nhân vật vào chón bị kịch, đặc biệt là sự xa lánh của mọi người, Muốn quay trở lại cũng không được.

TRỌNG TÂM 4,0 điểm	Bi kịch tha hóa của Trương Ba	- Trương Ba là một ông lão làm vườn hiền hậu, yêu thiên nhiên cây cỏ, một người cha, người chồng, người ông mẫu mực, một trí tuệ mẫn tiệp. Vì lỗi của Nam Tào, Bắc Đẩu mà bị chết oan. Để sửa sai, đấng nhà trời đã cho ông nhập xác hàng thịt. Hồn một đấng, xác một nẻo. - Trải qua thời gian, Trương Ba dần bị xác thịt làm cho mù mị, tha hoá, biến đổi đến mức ông ngỡ ngàng, không còn nhận ra chính mình. Màn độc thoại mở đầu đoạn trích giữa Trương Ba và xác hàng thịt đã bật lên sự tha hoá của Trương Ba. - Nếu như trước đây, Trương ba là một người thanh cao, một con người đứng đắn, thì nay hồn Trương Ba ít nhiều đã bị vấy bẩn, tha hóa bởi dục vọng thấp hèn của thân xác: <i>“Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cố nghẹn lại... Đêm In áo thu n hôm đó, suýt nữa thì...”</i>. Là người có tuổi, lại rất tự trọng, điều đó khiến Trương Ba đau đớn, và khó có thể tha thứ cho bản thân. - Chính hồn đã lằng lằng cảm xúc trước các món ăn dung tục <i>“tiết canh, cỗ hủ,</i>
---	--------------------------------------	--

		<i>khẩu đuôi</i>”. Những món ăn của phường đồ tể nay lại khiến một con người thanh đạm thích thú, đó là điều khó có thể chấp nhận. - Trương Ba từ một người cha mẫu mực, luôn khuyên dạy con những điều hay lẽ phải, thì giờ trở thành con người thô lỗ, phù phàng. Khi khuyên thẳng con đi vào con đường ngay thẳng không được, ông đã nổi giận <i>“tát thẳng con toẻ máu mồm, máu mũi”</i>, trong cái tát nẩy lửa đó, có sự góp sức của bàn tay đồ tể. Và cả tính cách đồ tể nữa. - Một chi tiết thêm để nói về sự tha hóa của Trương Ba trong cuộc đối thoại với đứa cháu gái. Cái Gái yêu quý ông nó bao nhiêu thì giờ đây nó không thể chấp nhận cái con người có <i>“bàn tay giết lợn”</i>, bàn chân <i>“to bè như cái xẻng”</i> đã làm <i>“gãy tiết cái chồi non”</i>, <i>“giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm”</i> trong mảnh vườn của ông nội nó. Nó hận ông vì ông chữa cái điều cho cu Tị mà làm gãy nát khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền. Với nó, <i>“Ông nội đời nào thô lỗ, phù phàng như vậy”</i>. Hay nói cách khác, ông Trương Ba làm vườn khéo léo nay còn đâu, chỉ còn con người thô vụng, đụng dẫu hồng đó. - Dần dần, Trương Ba bị xa lánh, bị người thân cự tuyệt. Ông đau khổ vì đánh mất chính mình. Tìm đến Đế Thích, ông chọn cái chết để được giải thoát.
	Bi kịch tha hóa của Chí Phèo	Chí Phèo vốn là anh nông dân chất phác và lương thiện. Chú giàu lòng ở lại hoá của B tự trọng, biết ghét những gì mà người ta cho là đáng khinh. Chí cũng như bao con người khác, anh cũng có ước mơ giản dị: <i>“có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”</i>. Thế nhưng, trước sự ghen tuông của Bá Kiến, Chí đã bị đẩy vào nhà tù thực dân. Nhà tù thực dân đã phát huy tác dụng. Ra tù, Chí Phèo mang bộ mặt góm ghềnh, biểu hiện của sự thay đổi về nhân hình (bước đầu tiên của quá trình tha hóa): <i>“Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng 4 hớn, cái mặt thì đen mà rất công công, hai mắt gườm gườm trông góm Hi chết! Hắn mặc quần nải đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét trạm trổ rồng phượng với một ống tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cùng thế. Trông góm chết!”</i>. Anh Chí - anh canh điền khỏe mạnh, lành như đất, mỗi lúc bóp chân cho bà Ba lại xấu hổ, đỏ mặt đã không còn một chút bóng dáng nào trong cái bộ dạng ấy. Chí Phèo về làng tức là được trả lại quyền công dân, được về với con người nhưng oái ăm thay Chí lại hoàn toàn lạc loài, hoàn toàn xa lạ. Hắn không chỉ thay đổi về nhân hình mà còn thay đổi cả nhân tính. Lần đầu sau khi ra tù, Chí đến Bá Kiến với ý định trả thù. Nhưng ý đồ ấy còn mơ hồ và nhanh chóng bị đánh gục trước sự xảo quyết của cụ Bá. Song, tội ác của Bá Kiến còn lớn hơn khi hắn đẩy con người này xuống hàng thú vật, biến Chí Phèo thành công cụ của mình. Đến nhà Bá Kiến lần thứ hai với bộ dạng liều lĩnh và gàn dở, Chí Phèo đã rơi vào sách lược <i>“dùng thẳng đầu bò trị thẳng đầu bò”</i> của Bá Kiến. Từ đây, Chí Phèo trượt dài trên dốc tha hóa và hắn bị đẩy hẳn ra khỏi xã hội loài người. Hắn quên cả cuộc đời của chính hắn, không còn ý thức về sự tồn tại trong không gian, thời gian. Cuối cùng con quỷ dữ đã chết trong sự ghẻ lạnh của mọi người, Chí đủ đã thức tỉnh và khao khát lương thiện, nhưng xã hội không chấp nhận hắn. Hắn bị đẩy đến chỗ cùng đường tuyệt lộ.

	Bàn luận đánh giá	Có thể nói, cả hai nhân vật đều là những nạn nhân khổ khổ, bị tầng lớp đánh giá thống trị thao túng, đưa đẩy, dẫn dắt cuộc đời. Và bằng ngoại cảnh mới, môi trường mới, tiếp xúc với những điều xấu xa, họ bị tha hoá, rồi đánh mất chính mình. Bản chất của hai nhân vật đều thiện lương, và phần người đó đã đánh thức họ,
--	------------------------------	--

		khiến cả hai quyết định không thể sống tiếp cuộc sống không phải chính mình đó. Không thể chấp nhận được con người hiện tại đó. Thế nhưng, với Chí Phèo, kết thúc của hắn thật đau đớn, bởi hắn không nhận được sự cảm thông, và sẻ chia. Hơn thế nữa, hắn chết, nhưng hiện tượng Chí Phèo còn tiếp diễn, nghĩa là một bi kịch vòng lặp lại tái diễn. Còn với Trương Ba, chấp nhận cái chết, thật ra đó là một cái kết có hậu, bởi vì Trương Ba chết để được là chính mình. Chỉ khi được là chính mình, mới có hạnh phúc. Và Trương Ba, ông Trương Ba hiền hậu còn sống mãi trong trái tim người thân, gia đình ông, như một tấm gương về đạo đức sống.
--	--	--

BIỆT CHO ĐI

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Giá trị bản thân khi biết cách cho đi

Ngôi sao Hồng Kông Lý Liên Kiệt, trong một lần trả lời phỏng vấn, đã kể câu chuyện của bản thân anh ấy.

Người dẫn chương trình hỏi: “Anh đóng phim, vừa có tiền bạc, lại có danh tiếng, đã quá bận rộn mà sao vẫn không ngừng vất vả bỏ công sức, tiền bạc làm từ thiện? Qua những việc ấy, anh có được niềm vui như thế nào?”

Lý Liên Kiệt nói: “*Thứ cho đi mới là của bạn!*”

Người dẫn chương trình nghi ngờ hỏi: “Chẳng phải thông thường chúng ta cho rằng, thứ mang về mới là của mình sao?”

Lý Liên Kiệt nói: “Có một câu chuyện như thế này. Tôi có một chiếc đồng hồ, là bạn tôi tặng sinh nhật, vô cùng quý giá. Thường thì những món quà chúng ta đã tặng đi rồi sẽ không còn nhớ tới nữa. Chiếc đồng hồ này tôi đã đeo mười năm rồi, mỗi lần đeo chiếc đồng hồ này tôi lại nhớ đến người bạn ấy. Đồng hồ đeo trên người tôi, nhưng kết quả vẫn là của anh ấy”.

Lý Liên Kiệt nói tiếp: “Cho đi mới là của bạn! Thứ giữ trên người bạn, chỉ là tạm thời bảo quản, cuối cùng khi bạn nằm xuống, cho dù bạn có muốn hay không thì đều phải bỏ lại chúng”.

Đúng như Lý Liên Kiệt đã nói, [...] nếu không biết tài sản kiếm được là để có thể cho đi nhiều hơn, thì cho dù chúng ta đeo vàng đầy người thì cũng như không có gì. Bởi vì chúng ta không làm chính mình, chỉ là đang làm *nô lệ cho công thức gen*. Cái tôi thật sự là cái tôi có thể cho đi. Cho dù thứ cho người khác là tiền bạc, hay nụ cười và sự quan tâm, cho dù chúng ta cho đi bao nhiêu, chỉ cần chúng ta có thể cho đi, đó chính là đang làm cái tôi thật sự.

Giá trị của chúng ta chính là ở bản thân chúng ta, niềm vui của chúng ta cũng vậy. Bản thân bạn chính là bạn lúc này, hãy thử nghĩ xem hiện tại, có thể đem cho người khác điều gì, bạn sẽ hiểu mình đang làm cái tôi thật sự hay là nô lệ của gen. Tìm lại cái tôi đã mất, còn phải phát hiện: Cái tôi có nghĩa là có thể cho đi.”

(*Tìm lại cái tôi đã mất* – Trình Chí Lương, dẫn theo <https://www.downloadsachmienphi.com>)

Câu 1. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. “*Nô lệ của công thức gen*” có thể hiểu như thế nào? Theo tác giả, khi nào ta là “*nô lệ cho công thức gen*”?

LÀM VĂN (7 điểm) Câu 1 (2 điểm)

Bàn luận về ý kiến: “*Giá trị của chúng ta chính là ở bản thân chúng ta*”.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích nghệ thuật lập luận trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. Từ đó liên hệ với *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi để thấy được sức mạnh lập luận, sự sắc bén của hai ngòi bút tài năng.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Câu Văn bản sử dụng phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2.

Nô lệ của công thức gen là khi bạn “không làm chính mình”, bạn bị chi phối bởi những điều được quy định sẵn trong gen.

Theo tác giả, ta sẽ chỉ là nô lệ cho công thức gen nếu như “không biết tài sản kiếm được là để có thể cho đi

nhiều hơn”, vì “cái tôi thực sự là cái tôi có thể cho đi”..

Câu 3.

- Về hình thức: 5 - 7 dòng, diễn đạt mạch lạc.

- Về nội dung:

+ Nêu quan điểm của bản thân: đồng tình, không đồng tình,...

+ Bàn luận ngắn gọn làm rõ cho ý kiến cá nhân. Sau

đây là một gợi ý:

“Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Người biết cho đi cũng là người giàu có hơn hết. Bởi lẽ, thứ cho đi mới là của bạn. Bạn cho đi được tức bạn đã thực sự quyết định được vận mệnh của vật đó. Và quan trọng hơn, tuyệt vời làm sao khi người nhận mang vật bạn cho bên mình mà không bao giờ quên người mang đến cho họ chính là bạn. Và có những thứ bạn cho đi, bạn không thấy mất gì cả, những người nhận thì được nhiều biết bao nhiêu. Đó là gì mà thần kì vậy? Không Không hề thần kì, mà là kì diệu. Là nụ cười. Là tình yêu. Là sự tử tế ở đời...

Câu 4.

+ Tự nêu theo quan điểm cá nhân về điều quý giá nhất có thể cho đi: trí tuệ, lòng trắc ẩn, tiền của,...

+ Đưa ra lí lẽ thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lỗi văn mạch lạc, lỗi cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Giá trị của bản thân con người là ở đâu? Theo Tinh Chi Lương, giá trị của chúng ta chính là ở bản thân chúng ta. + Tức là, chính mỗi người tạo nên giá trị, ý nghĩa cho cuộc đời họ.
Luận bàn	Giá trị con người là do chính mỗi người quyết định	+ Giá trị vật chất chỉ ý nghĩa khi đó là đồng tiền tự kiếm được. + Giá trị trí tuệ là khi con người biết trau dồi, bồi dưỡng tri thức qua quá trình học tập, lao động. + Giá trị tinh thần chỉ có khi con người biết sống tử tế, biết sẻ chia,...
Phản biện	Vậy những kẻ vô nhân tính vẫn đứng ở tầng trên của xã hội?	Giá trị có thể là giả trong một khoảnh khắc nào đó. + Một kẻ cướp giàu có, một kẻ ăn bám sung sướng đủ đầy + Một giáo sư ít học mua bằng + Một kẻ ác giả nhân giả nghĩa
Giải pháp	+ Cộng đồng + Cá nhân	+ Sẽ có lúc bị xã hội vạch mặt + Quan trọng hơn, những kẻ đó có thể che mắt mọi người, nhưng tự bản thân họ không thể nhìn nhận giá trị của họ, họ không thể tự lừa dối mình.

Liên hệ	Bài học cho bản thân	Bồi đắp cả Tâm - Trí để thực sự trở thành con người có giá trị thực
---------	----------------------	---

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: (0.5 điểm)

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.
- Điểm cộng cho bài viết sáng tạo.

Yêu cầu nội dung: (4.5 điểm)

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU Ề

- Đối tượng chính trọng tâm kiến thức: Tuyên ngôn Độc lập
- Đối tượng liên hệ: *Bình Ngô đại cáo*
- Yêu cầu: Học sinh làm sáng rõ về nghệ thuật lập luận, cách thức trình bày bố cục, sắp xếp triển khai trình bày luận điểm, luận cứ, các thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để bản Tuyên ngôn mang sức mạnh logic, khoa học, lại đanh thép và hùng hồn trong giọng điệu và sức thuyết phục lớn với người đọc, người nghe.

TIẾN TRÌNH BÀI LÀM

KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Hồ Chí minh – vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già kính yêu của dân tộc. Cuộc đời của Người là cuộc đời của một trí tuệ lớn, nhân cách lớn. - Hồ Chí Minh còn được biết đến là một nhà văn, một nhà thơ. Những sáng tác của Người để lại có thể xem là những di sản quý giá cho kho tàng văn học dân tộc. - Hồ Chí Minh xem văn học là vũ khí chiến đấu. Khi cầm bút, Người luôn xác định rất rõ ràng mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức tác phẩm. - Phong cách sáng tác trong văn chính luận: Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ lí lẽ đanh thép. Những áng văn chính luận tiêu biểu của Hồ Chí Minh cho thấy tác giả viết không chỉ bằng lí trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo... mà còn bằng cả tấm lòng yêu nước nồng nàn. - Bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> chính là văn kiện sáng giá, thể văn phong, nghệ thuật lập luận của một ngòi bút chính luận bậc thầy. - Trong hoàn cảnh đất nước đang ở trong tình thế vô cùng cấp bách: khi nền độc lập mới giành được bị đe dọa bởi các thế lực phản động quốc tế, đặc biệt là thực dân Pháp muốn quay lại hòng cướp nước ta một lần nữa, <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> đã ra đời trong tình thế ngặt nghèo như thế. Đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn là quốc dân đồng bào và toàn thế giới. Những lực lượng thù địch và cơ hội quốc tế đang mang dã tâm một lần nữa nô dịch đất nước ta, đặc biệt là bọn thực dân

TRỌNG TÂM 3.0 điểm	Nghệ thuật lập luận trong Tuyên ngôn Độc lập	- Lập luận kế thừa, sáng tạo trong cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn: + Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ. Hai lời trích dẫn nhấn mạnh vấn đề nhân quyền, vấn đề quyền cá nhân - đó là những chân lý lớn của nhân loại, không ai có thể bác bỏ được. Hơn nữa đây là lời tuyên ngôn của chính hai nước lớn cho nên lời trích có hiệu quả cao: chặn đứng âm mưu tái chiếm nước ta của đối phương bằng cách dùng “<i>gậy ông đập lưng ông</i>”, bọn Thực dân và Đế quốc không thể vi phạm, không thể phản bội lời thề của tổ tiên thuật lập họ, đồng thời củng cố khẳng định tư thế đầy tự hào của dân tộc khi đặt luận trong ba cuộc Cách mạng, ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau. + Từ việc trích tuyên ngôn của nước Mỹ, Bác đã dùng phương pháp Độc lập suy luận trực tiếp “suy rộng ra” để khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do, bình đẳng như tất cả mọi dân tộc khác. Sau lời khẳng định đó, Người trích dẫn thêm bản tuyên ngôn của Pháp để nhấn mạnh, khẳng định dân tộc Việt Nam có đủ tư cách hưởng độc lập, tự do, bình đẳng. Từ những luận cứ như thế sẽ dẫn đến kết luận tất yếu “<i>Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được</i>”. + Đoạn mở đầu lập luận chặt chẽ, thể hiện tính chất khéo léo, kiên quyết và đầy sáng tạo. - Lập luận chứng minh, bác bỏ trong cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn: + Đề bác bỏ luận điệu Pháp có công khai hóa nước Việt Nam, Bác dùng những dẫn chứng trên hai phương diện: chính trị và kinh tế: Pháp rêu rao “khai hóa tự do” cho Việt Nam nhưng “<i>lập ra nhà tù nhiều hơn trường học</i>”. Pháp rêu rao “khai hóa bình đẳng” cho Việt Nam nhưng “<i>lập ra ba chế độ khác nhau ở Bắc, Trung, Nam để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết</i>”. Pháp rêu rao “khai hóa bác ái” cho Việt Nam nhưng “<i>chúng thi hành những luật pháp dã man</i>”. + Đề bác bỏ luận điệu Pháp có công bảo hộ, Tuyên ngôn dùng sự thật lịch sử để thuyết phục: “<i>Năm 1940, Nhật đến Đông Dương, thực dân Pháp quH</i>
--	--	--

		đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật”. Năm 1945, Nhật hất cẳng Pháp “<i>Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng</i>”. Khẳng định “<i>Trong 5 năm Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật</i>”. + Đề bác bỏ luận điệu Pháp ủng hộ đồng minh, Bác đưa ra sự so sánh bằng sự thật lịch sử: Pháp hai lần bán nước ta cho Nhật. Việt Minh. kêu gọi Pháp liên minh chống Nhật thì Pháp lại “<i>thăng tay khủng bố Việt Minh</i>”. + Những lập luận chứng minh về lập trường chính nghĩa của nhân dân ta: Nhân dân ta đã đứng về phe Đồng Minh chống Phát xít. Nhân dân ta đã làm nên cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiên phong chống Nhật, giành lấy đất nước từ tay Nhật, để lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “<i>Pháp chạy. Nhật hàng. Vua Bảo Đại thoái vị</i>”. Quyền độc lập của dân tộc Việt Nam phù hợp với nguyên tắc dân chủ, bình đẳng của Đồng Minh ở hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn. - Đoạn này, với sự lập luận chặt chẽ, logic theo quan hệ nhân quả, dẫn chứng xác thực và đầy sức thuyết phục để làm nổi bật cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn. - Kế thừa từ các lập luận về cơ sở pháp lý và thực tế, Hồ Chí Minh đã đưa ra lời tuyên bố: + Khẳng định “<i>Nước Việt Nam có quyền</i>” và “<i>Sự thật đã trở thành một nước độc lập</i>”. Đây là lời khẳng định và là lời tuyên bố công khai. + Bày tỏ quyết tâm “<i>Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy</i>”, thể hiện quyết tâm, kêu gọi đồng bào cả nước chung sức giữ gìn độc lập, tự do vừa giành được - Văn phong của bản Tuyên ngôn đanh thép, sắc sảo mà vô cùng trong sáng, giản dị, súc tích, giàu nghệ thuật. - Từ ngữ sử dụng chính xác, giản dị, dễ hiểu, gần gũi. Lời văn trong sáng nhưng không làm mất đi tính hiện đại. Đó là trường hợp không ngại sử dụng những câu dài có cấu trúc phức tạp, các loại câu khẳng định liên tiếp (khẳng định, phủ định đối tượng bằng câu khẳng định, phủ định của phủ định), các câu liệt kê, câu song hành... phối hợp với sự liên kết cấu, đoạn chặt chẽ, mang giai điệu phù hợp, đầy hình ảnh và phép tu từ. Tất cả lại thật gãy gọn, khúc chiết.
LIÊN HỆ 0,75 điểm	So sánh Bình Ngô đại cáo	- Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi ra đời vào cuối năm 1427 đầu năm 1428 sau khi nghĩa quân Lam Sơn đã giành chiến thắng lẫy lừng đại cáo trước quân Minh. Đó là bản tổng kết đầy hào hùng về quá trình gian nan của nghĩa quân Lam Sơn từ buổi đầu đến ngày giành thắng lợi. - Điểm tương đồng giữa <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> và <i>Bình Ngô đại cáo</i> + Hai tác phẩm đều có chung ý nghĩa tuyên bố rộng rãi cho toàn thể nhân dân được biết về nền độc lập tự do của dân tộc. + Hai bản tuyên ngôn đều xuất phát từ tư tưởng nhân đạo của dân tộc, đó là tư tưởng an dân, là quyền tự do, bình đẳng, đều có nội dung tố cáo tội ác “<i>trời không dung đất không tha</i>” của giặc, lược thuật tóm tắt quá trình chiến đấu của nhân dân vì độc lập tự do. Và đồng thời, hai bản tuyên ngôn đều có lời tuyên bố hòa bình, và ý chí quyết tâm giữ gìn nền tự do độc lập đó. - Điểm riêng của <i>Bình Ngô đại cáo</i>: + Về đối tượng hướng tới: ngoài dân chúng, <i>Bình Ngô đại cáo</i> đã khẳng định quyền độc lập của nước Nam với đất nước phương Bắc. + Về cách mở đầu: <i>Bình Ngô đại cáo</i> mở đầu bằng một chân lý lịch sử. + Cơ sở pháp lý: <i>Bình Ngô đại cáo</i> dựa trên đạo lý nhân nghĩa: “<i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân</i>”. Quân Lam Sơn do Lê Lợi dấy nghĩa trước để yên dân, lấy đạo lý, lấy nhân nghĩa mà đứng lên trừ bạo tàn.

Đó là gốc cội để quân nghĩa quân dấy nghĩa mà trừ bạo tàn.

0,25 điểm	Đánh giá, nhận xét	- Có thể nói, cả hai tác phẩm đều thuộc thể văn chính luận có bố cục, chặt chẽ (3 phần) lập luận sắc sảo, lý lẽ hùng hồn, mang tính luận chiến cao; dẫn chứng rõ ràng cụ thể, chính xác, tình cảm thiết tha... - Không chỉ đơn giản là bản tổng kết quá trình đấu tranh, nêu cao chân lý, tuyên bố quyền độc lập, hai bản Tuyên ngôn còn gây được xúc động mạnh mẽ, chính bởi sức mạnh trong từng lời văn: đó là sức mạnh của cách dùng từ, cách triển khai luận điểm, luận cứ, cách sử dụng các lập luận khéo léo mà đanh thép, đồng dục mà thuyết phục. - Qua đó, ta càng khâm phục những ngòi bút đã làm nên những áng thiên cổ hùng văn, đó chính là những ngòi bút chính luận mẫu mực, bậc thầy.

TỰ BẰNG LÒNG

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản:

*Nhiều khi đã dạy ta mềm mỏng
Sự tàn nhẫn nhắc ta điều lành
Nỗi buồn đánh thức hy vọng*

*Giữa thế giới không nhiều may mắn
Ta học cách vừa lòng với mình
Chia sẻ sự bình tâm của cỏ*

(Hy vọng, Nguyễn Khoa Điềm, dẫn theo <https://www.thivien.net>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Tác giả đã đưa ra những khái niệm đối lập nào? Sự đối lập đó có ý nghĩa gì?

Câu 3. Anh Chị hiểu thế nào về “sự bình tâm” mà tác giả nhắc đến?

Câu 4. Từ văn bản, nếu thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/ chị.

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn 200 chữ, bàn luận về quan niệm “Ta học cách vừa lòng với mình”.

Câu 2 (5 điểm)

Có ý kiến cho rằng, cả Nguyễn Minh Châu và Trần Tế Xương đều đã xây dựng nên những hình tượng người phụ nữ giàu đức hi sinh, những viên ngọc trong cuộc đời lầm lụi. Qua việc phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài (*Chiếc thuyền ngoài xa*) và nhân vật người vợ (*Thương vợ*). Hãy làm sáng tỏ.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2.

- Tác giả nêu ra ba cặp khái niệm đối lập:

Cứng rắn (đá) – mềm mỏng

Sự tàn nhẫn – điều lành

Nỗi buồn – Hi vọng

- Ý nghĩa: Những khái niệm đối lập luôn tồn tại trong cuộc sống, chúng bổ sung cho nhau. Qua đó, người viết muốn nêu lên một cách nhìn nhận lạc quan, những khó khăn, tiêu cực lại nhắc nhở ta nghĩ tới những điều tích cực.

Câu 3.

Bình là bằng phẳng, an yên

Tâm là tâm lòng, là tinh thần, suy nghĩ

Bình tâm là giữ được tinh thần luôn bình yên, không bị những thăng trầm của cuộc sống làm cho xao động, bất định.

Có nhiều hương trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Vừa lòng với chính mình + Vừa lòng với chính mình là một thái độ, quan điểm sống biết đủ, biết điều chỉnh những ham muốn và yêu cầu về cuộc sống.
Luận bàn	Bàn luận về thái độ vừa lòng với mình Tích cực Hạn chế	+ Mặt tích cực: • Đó là biểu hiện của sự lựa chọn hạnh phúc: yêu những gì mình có. • Cuộc sống trở nên dễ chịu và đơn giản khi mỗi người biết yêu chính mình. • Tránh được thái độ so sánh, đố kỵ. • Nhìn nhận thất bại một cách lạc quan. + Mặt hạn chế: • Có thể dẫn đến thái độ ỷ lại, không cầu tiến. • Phân biệt tự bằng lòng với bỏ cuộc, nản lòng.
Phản biện	Tự vừa lòng có khiến ta không thể phát triển được bản thân?	Vậy làm sao có thể có những thành tựu lớn khi ta cứ tự bằng lòng với chính mình.
Giải pháp	Làm thế nào để biết tự vừa lòng một cách tích	+ Vừa lòng với chính mình phải dựa trên cảm giác hạnh phúc, dựa trên, mục đích mình đề ra, chứ

	cực.	không phải dờ chừng bỏ cuộc. + Hãy ngừng so sánh, đơn giản hóa cuộc sống. + Giữ thái độ lạc quan và tinh thần khoáng đạt, yêu bản thân mình.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Suy nghĩ tích cực hơn, đề ra mục tiêu vừa sức.

Câu 2 (5 điểm)

- Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> Thường vợ - Dạng bài: So sánh, bàn luận ý kiến - Yêu cầu: Làm rõ được vẻ đẹp của hai nhân vật (so sánh từ đó nhận xét về vẻ đẹp của hai nhân vật được khắc họa.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989) là gương mặt nhà văn tiêu biểu trong văn học giai đoạn chống Mỹ và sau giải phóng. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, sáng tác của Nguyễn Minh Châu chứng minh ông luôn đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. Ông là một trong số những nhà văn đầu tiên của thời kỳ đổi mới đã đi sâu khám phá sự thật đời sống ở bình diện đạo đức, thể sự. Trong thời kỳ nào Nguyễn tài xui khi thì Minh Châu đều sáng tác theo phương châm đi tìm “hạt ngọc” ẩn giấu trong tâm hồn mỗi con người. Ngòi bút ấy giàu trách nhiệm, giàu suy Vidici ionliQT ii (ki tự trần trở và khám phá. - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> được in lần đầu trong tập Bến quê, sau được tác giả lấy làm tên chung cho cả tập truyện ngắn từ truyện Bức tranh trở đi, in năm 1987. <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> là truyện ngắn rất tiêu biểu trong văn nghiệp của Nguyễn Minh Châu, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu cho hướng tiếp cận đời sống từ góc độ thể sự của nhà văn ở giai đoạn sáng tác thứ hai. - Tú Xương, một gương mặt đặc biệt trong số những nhà Nho cuối mùa, sống trong giai đoạn đầy tạo loạn của lịch sử. Ba bảy năm của cuộc đời Tú Xương (1870 - 1907) nằm trọn trong thời kỳ đất nước vô cùng rối ren. Tú Xương vẫn được hay nhắc đến bởi tài năng, bút lực dồi dào của một nhà trào phúng xuất sắc. - Tuy nhiên, Tú Xương còn được người đời ngợi ca bởi mảng thơ trữ tình, đặc biệt là những bài thơ viết về người vợ tảo tần của ông, niềm hạnh phúc mà có lẽ duy nhất ông có suốt cuộc đời đầy những thất bại và niềm phẫn uất. Thương vợ là một tác phẩm như thế.
	Giải thích	Hình tượng người phụ nữ - những viên ngọc giữa cuộc đời lấm láp: hình ảnh ẩn dụ viên ngọc để nói đến những phẩm chất tuyệt vời đã được hai tác giả khắc họa trong tác phẩm của mình. Dù cuộc đời có nhiều những cơ cực, họ vẫn toả sáng, vẫn hiện lên đầy đẹp đẽ.
TRỌNG	Hình tượng	- Cuộc đời lấm láp:

TÂM 4,0 điểm	người đàn bà hàng chài	+ Nỗi khổ, là nguyên nhân chính cho bao xung đột, khổ đau với người đàn bà hàng chài chính là nghèo đói. Cái nghèo đói khiến người chồng trở nên cục cằn thô lỗ. Cái nghèo khiến những đứa con phải chịu món ăn khủng khiếp rỗng rã, ngày này tháng nọ. Và tất cả những khó chịu ấy, nỗi đau ấy, người đàn bà phải hứng chịu gấp đôi so với những thành viên còn lại. Bởi, khi túng quẫn, người chồng đã trút sự bực tức vào lưng vợ. Và có người mẹ nào, nhìn thấy những đứa con đói khát lại cam tâm. + Nỗi khổ thứ hai bám riết gia đình người đàn bà hàng chài là đồng con, với những gia đình ngư dân, nhà nào cũng một sắp con trên dưới 10 đứa. Ta có thể tưởng tượng cảnh trên con thuyền lưới vò chật chội, bầy con nheo nhóc, công việc thì cực nhọc, lại thêm bụng mang dạ chửa. + Nỗi khổ thứ ba với người đàn bà hàng chài chính là nỗi khổ từ nạn bạo hành. Người đàn bà bị đánh đập từ chính người mình yêu thương và hết mực mang ơn. Cho nên, không chỉ gây nên nỗi đau đớn về mặt thể xác, nỗi đau về mặt tinh thần lại càng thêm nặng nề. - Về đẹp toả sáng: + Lòng bao dung, nhân ái, vị tha: Chị nhận hết phần thua thiệt về mình, nhận hết trách nhiệm về mình. Chị nhận mình là kẻ không nhan sắc: <i>“từ nhỏ tôi đã là một đứa con gái xấu xí”</i>. Nhận mình khổ là do đẻ nhiều: <i>“Cùng tại đàn bà ở thuyền chúng tôi đẻ nhiều quá”</i>. Với chồng, trong suốt câu chuyện dài dằng dặc của đời mình người Tin k, hay và là đàn bà không tỏ ra oán giận người chồng. + Sự thấu hiểu lẽ đời: Với người đàn bà hàng chài, ẩn đằng sau lớp vỏ thất học, lam lũ kia, chị lại là người phụ nữ rất thấu hiểu lẽ đời. + Đức hi sinh – lòng thương con vô bờ bến: Người phụ nữ truyền thống ấy luôn quan niệm: lấy chồng thì phải theo chồng rồi nuôi cho con khôn lớn. Chị chấp nhận tất cả vì con: <i>“Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được!”</i>. Tình thương con ở người mẹ ấy sâu sắc đáng ngưỡng mộ. Vì thương con mà chị quặn lòng gửi thằng Phác lên rừng ở với ông ngoại nó. Vì thương con và để tránh sự tổn thương cho những tâm hồn con trẻ nên chị đã bảo lão chồng <i>“có đánh thì đưa tôi lên bờ mà đánh”</i>. Tình thương con ấy không chỉ gắn liền với cảm xúc, tình cảm mà còn gắn liền với lý trí và trách nhiệm của một người mẹ. Chị luôn nhìn về các con, lấy các con làm điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần để Tin thô thiếu nỗ lực sống.
--	--------------------------------------	---

	Hình tượng bà Tú	- Cuộc đời lầm lụi: + Bà Tú đã hiện lên trong không gian chông chênh “<i>mom sông</i>”, thời gian “<i>quanh năm</i>” với công việc buôn bán đầy những mưu toan, nhọc nhằn. Người phụ nữ ấy đang phải gánh vác trách nhiệm công l à nơi thu tiền là việc mà người đàn ông phải làm: trụ cột gia đình khi phải “<i>Nuôi đủ năm con với một chồng</i>”. Để có thể mưu sinh, bà phải “<i>Lặn lội khi quãng vắng/Eo seo mặt nước buổi đò đông</i>”. Học tập ca dao, ông Tú đã thấy bóng dáng bà Tú qua hình ảnh con cò. Nhớ đến con cò, bao Bài giảng Tia C6 khúc dân ca, ca dao hiện về trong tâm trí người Việt: “<i>Con cò lặn lội chồng tiền bờ sông Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non</i>”, “<i>Con cò mày đi ăn đêm /Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao...</i>”. Con cò trong tâm trí H tại cá c tà dân tộc đó là hình ảnh gầy guộc, chăm chỉ và cần mẫn, mong manh và thật đáng thương sao. - Vẻ đẹp toả sáng: + “<i>Nuôi đủ năm con với một chồng</i>”. Từ “<i>đi</i>” ấy cho thấy cả một bàn tay chu đáo, tảo tần, và vất vả. Vì gia đình ấy đâu có ít miệng ăn, không chỉ nuôi con, còn phải chăm chồng. Không chỉ là nợ, mà còn đủ. Đủ cả vật chất lẫn tinh thần, thế mới thấy người phụ nữ ấy tài ba l ất nềall the ti vi vô cùng đáng khâm phục vô cùng. + Trước duyên phận, với bao mưa nắng, phản ứng của người phụ nữ ấy là: “<i>âu</i>
--	-------------------------	--

		<i>đàn phận</i>” và nào “<i>dám quản công</i>”. Đó là sự hi sinh, là đức hi sinh vô bờ bến. Việc làm vợ, làm mẹ đã khó, đây bà còn là cả Little là đi thai trong trách của người chồng. Nhưng không một lời than. Có lẽ, với bà Tú, việc hi sinh, việc chăm lo và gánh vác gia đình là bổn phận, trước hết bà chấp nhận điều đó như một lẽ đương nhiên. Nhưng có rất nhiều giai thoại kể về việc, bà không chỉ giỏi buôn bán, còn giỏi văn thơ, còn sửa thơ ông Tú, thế mới thấy, người phụ nữ ấy không chỉ tài năng, còn thật thấu hiểu, và cao cả, là thành công lớn nhất trong cuộc đời toàn chỉ thất bại của ông Tú. Là hạnh phúc viên mãn nhất cuộc đời chỉ toàn nổi bật bình của ông Tú.
	Bàn luận đánh giá	- Có thể nói, cả người đàn bà hàng chài, bà Tú đều là những hình ảnh Khi người đánh giá rất đẹp, rất tiêu biểu cho hình ảnh người phụ nữ Việt, dù cho bao sóng gió dập vui, cũng chẳng thể nào làm mất đi vẻ đẹp phẩm cách của họ. - Tuy xây dựng hai hình tượng ở hai giai đoạn rất khác nhau của lịch sử, hoàn cảnh sống khác, những cơ cực khác nhau, nhưng ta đều thấy sự hi sinh, lòng vị tha và tình mẫu tử rất đẹp của họ. Ở họ, gia đình vốn là lẽ sống, là niềm vui, là động lực để họ có thể vượt qua được bao cơ cực ở đời.

KHÁT VỌNG - THÀNH CÔNG

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm) Đọc văn bản:

*Xin trút một đời vào sức nặng bàn chân
Góp với đô thành, đô thành nổi dậy
Nếu trái đất là trái tim vĩ đại
Tim sẽ đập vì bước chân Việt Nam*

*Bạn thấy không cả nước đã lên đường
Tôi yêu quá những ngã đường gấp gờ
Những đội ngũ. Những đường lên cửa mở
Những giá trị định hình trong sức gió ta đi.*

(Trích *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm, NXB Giải Phóng, 1974)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Nêu ý nghĩa của anh chị về câu thơ: “*Nếu trái đất là trái tim vĩ đại Tim sẽ đập vì bước chân Việt Nam*”.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ: “*Xin trút một đời vào sức nặng bàn chân*”.

Câu 4. Nêu cảm nhận của anh/ chị về khí thế lên đường chiến đấu được truyền tải trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn 200 chữ bàn luận về quan hệ giữa khát vọng và thành công.

Câu 2 (5 điểm)

Hình tượng người phụ nữ xưa và nay được nhiều nhà văn thể hiện thông qua số phận và vẻ đẹp tâm hồn, đặc biệt là khát vọng. Phân tích hình ảnh nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân, liên hệ với các hình tượng nhân vật nữ trong tác phẩm văn học trung đại để làm sáng tỏ ý kiến.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của văn bản là biểu cảm.

(Nhà thơ thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc)

Câu thơ “*Nếu trái đất là trái tim vĩ đại/ Tim sẽ đập vì bước chân Việt Nam*” nói lên sức mạnh kinh trời của dân tộc.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lời cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Khát vọng và thành công + Khát vọng là đam mê cháy bỏng, quyết tâm thực hiện Thành công là đạt được mục đích đề ra, là kết quả hoàn hảo mà mình mong muốn.
Luận bàn	Mối quan hệ giữa khát vọng và thành công	+ Người có khát vọng sẽ nỗ lực hết mình để đạt được thành công (dẫn chứng nhà khoa học Nobel) + Người không có khát vọng dễ dàng bỏ cuộc khi gặp khó khăn.
Phản biện	Có phải ai có vọng cũng thành khát công?	Ai có khát vọng cũng thành công? Không phải, vì ngoài khát vọng, còn có nhiều yếu tố khác mới đảm bảo cho thành công. Nhưng nếu không có khát vọng thì không thể đạt được điều gì lớn lao.
Giải pháp	Cân bằng giữa khát vọng và thành công như thế nào?	+ Hãy biết khát vọng! + Nhưng cần dựa trên khả năng thực hiện, nếu không khát vọng sẽ thành ảo tưởng. + Đề ra mục đích và nỗ lực thực hiện.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Khát vọng cần nhất cho tuổi trẻ.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản, Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm .

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: nhân vật Mị trong Vợ chồng A Phủ - Dạng bài: Phân tích, liên hệ đến cao Giang Hà - Yêu cầu: dạng đề nâng cao, làm rõ hình tượng nhân vật Mị, liên hệ phổ rộng đến các nhân vật trong văn học trung đại, cần có sự chọn lọc để phù hợp với đối tượng liên hệ.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết sâu sắc về phong tục tập quán của nhiều vùng văn hoá khác nhau trên đất nước ta. - Thành công nhất của Tô Hoài là những tác phẩm viết về hiện thực phẩm cuộc sống, con người vùng Tây Bắc. Tiêu biểu là truyện ngắn <i>Vợ chồng A Phủ</i>. Tác phẩm vừa là một bức tranh chân thực về số phận bi thảm của người dân nghèo miền núi dưới ách áp bức phong kiến và thực dân, vừa là một bài ca về sức sống và khát vọng tự do, hạnh phúc của con người.
	Giải thích.	Hình tượng người phụ nữ xưa và nay được nhiều nhà văn thể hiện thông qua số phận và vẻ đẹp tâm hồn, đặc biệt là khát vọng: Ý kiến này đã nêu lên một vấn đề trong cách xây dựng nhân vật của nhà văn. Nhà văn sáng tác tác phẩm, xây dựng nhân vật ở hai điểm chính: số phận éo le, có nhiều ngang trái, biến cố, từ đó đi sâu vào nội tâm để làm bật lên vẻ đẹp, phẩm chất hình tượng, mà tiêu biểu là các nhân vật nữ.

TRỌNG TÂM 4,0 điểm	Nhân vật Mị trong văn học	- Từ số phận đau thương: + Mị sinh ra đã mang gánh nặng trên vai, cuộc đời Mị là cuộc đời của thân phận con nhà nghèo, cho nên, Mị tiếp tục được “<i>thừa hưởng</i>”. gánh nợ của cha mẹ, trở thành kiếp con dâu gạt nợ nhà thống lý. Lấy Mị về, A Sử đã biến Mị thành công cụ lao động biết nói. Mị phải làm việc không kể ngày đêm, làm việc quần quật từ sáng đến tối. Dù là tư cách người vợ, nhưng Mị bị hành hạ dã man, không khác gì con vật nuôi trong nhà thống lý. Và người con gái ấy, không dưới một lần đã nghĩ đến cái chết để giải thoát, nhưng lại không thể chết vì còn thương cha. + Khi chìm trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan ấy, Mị phải cay đắng chấp nhận, chấp nhận sự thật nghiệt ngã về thân phận của mình. Và rồi cô gái xinh đẹp, yêu đời đã trở thành chai sạn, trơ lý, vô cảm. Trở B án nhà thành công cụ, thành con vật trong nhà thống lý. - Sự thức tỉnh trong đêm mùa xuân: + Từ sự tác động của ngoại cảnh, đặc biệt là tiếng sáo, men rượu, khiến Mị hồi sinh, Mị nhận ra Mị còn trẻ (sự ý thức được về bản thân, về ngoại hình, nhan sắc), Mị muốn đi chơi (Sự ý thức được nhu cầu đòi hỏi về mặt tinh thần). + Mị so sánh mình với bao người phụ nữ khác: Bao nhiêu người có - chồng vẫn đi chơi ngày tết. Và cô gái ấy trở lại cái đau đớn khi nhận ra cuộc hôn nhân phi lý của mình. Nhắc lại điều đó, ý muốn tự tử của Mị lại trở lại. Hay nói cách khác, nghĩ đến nắm lá ngón, đến cái chết lại là dấu hiệu cô Mị đã hồi sinh, nhận ra mình muốn chết là ý thức được về những nỗi thống khổ, là sự phản ứng lại trước số phận nghiệt ngã, là khao khát muốn được tự do. + Và Mị, đã có những hành động, không phải vô tri, thói quen, mà là hành động của thức tỉnh. Trước tiên, Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, k xắn một miếng bỏ vào đĩa cho đèn thêm sáng. Sau đó, Mị quấn lại - tóc, lấy cái váy hoa chuẩn bị đi chơi, Mị đã bước đi theo tiếng gọi của tiếng sáo, của nhu cầu bản thân, Mị đang vượt qua những ràng buộc, để sống thật với con người mình, khao khát của mình. + Nhưng A Sử về, A Sử ở đó như đại diện cho cường quyền, thần quyền, chặn đứng khát khao, nhu cầu của Mị, A Sử trói đứng Mị vào cột, thế nhưng A Sử không thể trói được tâm hồn Mị, Mị bị trói nhưng Mị vẫn vùng bước đi. Cái vùng bước đi ấy, đó là cả một sức sống tiềm tàng trỗi dậy mãnh liệt, dù lúc này nó chưa đủ sức phá tan tin sinh ra dây trói, nhưng cái vùng bước đi ấy là một sự phản kháng, chống lại.
	Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại	- Trong sáng tác của Nguyễn Du, ta nhớ đến nàng Tiểu Thanh trong Tin người phụ <i>Độc Tiểu Thanh ký</i> với số phận thật bị thảm. Một nàng Kiều trong <i>Đoạn trường tân thanh</i> mà dân gian hay quen gọi là <i>Truyện Kiều</i>, với 15 năm lưu lạc đoạn trường, và rất giống với Mị, Kiều cũng hi sinh đi chữ tình vì chữ hiếu. - Ta gặp một người phụ nữ thân phận làm lẽ trong <i>Tự tình II</i>, giữa đêm khuya vắng cùng bao khát khao hạnh phúc bùng cháy. Người phụ nữ ấy cũng như Mị, đòi hỏi được hạnh phúc, nhưng lại bị trói buộc trong những quyền lực hà khắc.

	Bàn luận đánh giá - Có thể nói, người phụ nữ xưa và nay, xuất hiện trong các tác phẩm đánh giá văn học đều mang những vẻ đẹp, nhưng cũng chịu những ngang trái, éo le của Số phận. Đồng thời, từ nghịch cảnh, họ đều toát lên những vẻ đẹp tâm hồn, những khao khát chính đáng. - Thế nhưng trong tác phẩm văn học hiện đại, đặc biệt là những sáng tác sau cách mạng tháng Tám, như <i>Vợ chồng A Phủ</i>, ta thấy cánh cửa tự do, giải phóng cho nhân vật. Không dừng lại ở sự thương cảm, rồi chìm trong tuyệt vọng, bế tắc như trong văn học trung đại. Văn học hiện đại đã gỡ sợi dây trói buộc, để
--	---

		nhân vật vùng lên đấu tranh và tự giải phóng cho mình.
--	--	--

HỢP TÁC

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“...(1) Nhưng tôi muốn các bạn ghi nhớ điều này. Chiến dịch của chúng tôi không bao giờ chỉ xoay quanh một người hay một cuộc bầu cử. Chúng tôi hướng về đất nước chúng ta yêu thương và xây dựng một nước Mỹ đầy hy vọng, rộng mở với mọi người và hào hiệp. Chúng tôi đã thấy đất nước bị chia rẽ sâu sắc hơn chúng tôi nghĩ, Nhưng tôi vẫn tin vào nước Mỹ, và tôi sẽ luôn như vậy.

(2) Và nếu các bạn cũng thế, thì chúng ta phải chấp nhận kết quả này và hướng về tương lai. Donald Trump sẽ trở thành tổng thống của chúng ta. Chúng ta nên mở lòng và cho ông ấy cơ hội lãnh đạo. *Nền dân chủ của chúng ta coi trọng việc chuyển giao quyền lực hòa bình.*

(3) Chúng ta không chỉ tôn trọng mà còn trân trọng điều đó. Việc này làm nổi bật sự tôn trọng pháp trị; nguyên tắc mọi người đều bình đẳng về quyền lợi và vị thế; tự do sùng bái và bày tỏ ý kiến. Chúng ta tôn trọng và trân trọng những giá trị này và chúng ta phải bảo vệ chúng.

(4) Tôi muốn nói thêm rằng nền dân chủ của chúng ta đòi hỏi sự tham gia của các bạn, không chỉ mỗi 4 năm, mà là toàn bộ thời gian. Vì vậy, hãy làm tất cả những gì có thể để thúc đẩy những mục tiêu và giá trị mà tất cả chúng ta trân trọng, đồng thời bảo vệ đất nước và hành tinh. Hãy khiến nền kinh tế có lợi cho tất cả mọi người, không chỉ những người ở tầng lớp thượng lưu...”

(Trích “Toàn văn phát biểu sau bại trận của Hillary Clinton”, dẫn theo vnexpress.net)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng của đoạn trích trên. Tìm chủ đề của đoạn trích?

Câu 2. Nêu phép liên kết được sử dụng nổi các câu trong phần (2) của đoạn trích?

Câu 3. Theo anh/ chị, vì sao tác giả lại nói: “Nền dân chủ của chúng ta coi trọng việc chuyển giao quyền lực hòa bình”?

Câu 4. Anh/ Chị có nhận xét gì về thái độ của người nói khi phát biểu những lời trên. Thông điệp chính bà muốn gửi đến mọi người là gì?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng đoạn văn 200 chữ, bàn luận về tinh thần hợp tác.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp của những đoạn văn dưới đây, trích TuHu bút Người lái đò Sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân.

...Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu, Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nờ hút xuống, thuyền trông ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới, Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dùng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà - từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh và một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem...

(...) Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên, Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà

chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuồng rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả chân trời đá.

Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng âm âm mà quanh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bên nhô cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm).

Câu 1.

Phong cách ngôn ngữ chính luận.
Văn bản làm nổi bật chủ đề: nền dân chủ Mỹ coi trọng việc chuyển giao quyền lực hòa bình và mỗi người dân cần làm tất cả những gì có thể để thúc đẩy những mục tiêu và giá trị mà tất cả chúng ta trân trọng,

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lối văn mạch lạc, lô cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ Tinh thần hợp tác + Hợp tác là thái độ và khả năng kết hợp tích cực với người khác hoặc tập thể để cùng đạt một mục tiêu.
Luận bàn	+ Biểu hiện hợp tác + Sức mạnh của tinh thần hợp tác	+ Bà Hilary thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng pháp quyền và tính dân chủ của cuộc bầu cử, mong muốn được hợp tác trong việc lãnh đạo đất nước. + Sẵn sàng hỗ trợ người khác. + Cho người khác, cơ hội cùng làm việc. + Vai trò của tinh thần hợp tác: Tạo môi trường làm việc tích cực Hợp tác giúp chuyên môn hóa, hiệu suất lao động cao Hợp tác cho ta sức bền, tạo ra sức mạnh.
Phản biện	Có những việc không cần sự hợp tác	Có những việc không có những công việc đặc thù không cần sự hỗ trợ, cần sự hợp tác chỉ nên làm một mình (sáng tác nghệ thuật: hội họa), nhưng vẫn cần sự hợp tác (như hỗ trợ cung cấp màu vẽ, giấy vẽ,...)

Giải pháp	Làm sao để hợp tác?	+ Rèn luyện qua các hoạt động tập thể: chơi bóng,...tạo dựng quan hệ tốt đẹp. + Suy nghĩ, quyết định dựa trên lợi ích tập thể. + Tin tưởng bạn đồng hành.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Biết hợp tác là thái độ và cung cách làm việc hiện đại, cần rèn luyện.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: <i>Người lái đò Sông Đà</i> - Dạng bài: Phân tích, cảm nhận - Yêu cầu: làm rõ đặc sắc về nội dung, nghệ thuật đồng thời bàn luận và đánh giá về đoạn trích, tài năng của nhà văn		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Nguyễn Tuân là cây bút tiêu biểu nhất của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Nguyễn Tuân “là một cái định nghĩa về người nghệ sĩ”. Về đẹp văn chương, dấu ấn về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân tác được thể hiện trên những kiệt tác văn chương như <i>Vang bóng một thời</i> (1940), <i>Sông</i>
		<i>(1960), Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi</i> (1972) ... Văn Nguyễn Tuân rất uyên bác, đọc đáo. Các kiến thức về văn hoá, địa lí, lịch sử, phong tục, những miền quê, những vùng đất... được ông kể rất đậm đà, duyên dáng. Ông là bậc thầy về ngôn ngữ văn chương giàu có, sáng tạo. - Người lái đò Sông Đà là bài tuHư bút được in trong tập Sông Đà (1960) của Nguyễn Tuân. Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi, không chỉ để thoả mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ cho thoả niềm khát khao “xê dịch”, mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên cùng “thử vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng đó. - Những đoạn trích dưới đây là những áng văn hay nhất trong bài tuHư bút, miêu tả lại đoạn Tà Mường Vát và khúc thác đá Sông Đà, đã làm bật lên hình ảnh con Sông Đà hung bạo, kẻ thù số một của loài người.

TRỌNG TÂM 4,0 điểm	Hình ảnh Sông Đà đoạn Tà Mường Vát	- Nguyễn Tuân không tả như cách người ta vẫn tả, dẫn cảm xúc như cách người ta vẫn dẫn. Đoạn văn nói về cảnh Tà Mường Vát là một thước phim vô cùng độc đáo, hấp dẫn. Nó đến từ cách nhà văn khám Mường Vát phá những cái hút nước trên mặt sông đầy tài hoa, tỉ mỉ: - Trong điểm nhìn từ bên ngoài: Nhà văn Nguyễn Tuân đã đem đến hàng loạt những so sánh về cả hình ảnh, âm thanh để phác họa những cái hút nước trên sông đoạn Tà Mường Vát: + Trước hết là về hình ảnh, ông đã liên tưởng ngay đến những cái) giếng bê tông. Hình dung trong độc giả sẽ hiện lên ngay cái miệng giếng rộng, đáy sâu, vô cùng vững chắc do được cấu tạo từ gạch, Sỏi, cát và xi măng trộn lên mà thành. Hút nước trên sông Đà cũng vậy, nó chính là những cái giếng bê tông được xây trên mặt sông Đà, và đặc biệt hơn, tuy chất liệu của nó là nước, nhưng với trạng thái xoáy tít, độ vững chãi và sức phá hủy của nó cũng không thua kém bê tông. + Sức mạnh của những cái hút nước: Qua sự tái hiện hình ảnh một chiếc bè gỗ (chiếc bè lớn, cấu tạo chắc chắn, chở gỗ nặng, lại ngâm nước, do vậy mà vững như bàn thạch) khi vô tình lọt vào hút nước Sông Đà, ngay lập tức, cái hút ấy lôi tuột chiếc bè xuống, để nói sự mau lẹ, cái khoảnh khắc xoáy nước đã vô lấy đối tượng vô tình đi qua nó. Và sau mười phút “ngầu ngiên” chiến lợi phẩm, cái bè đã tan xác ở khuỷnh sông dưới. - Góc nhìn bên trong: Chưa dừng lại ở đó, nhà văn còn dụng công trong việc hình dung ra hình ảnh của những chiếc xoáy nước với giá tưởng đặt vào lòng nó một chiếc máy quay phim từ một anh quay phim liều lĩnh. Có thể nói đó là cảnh tượng xưa nay chưa từng có: + Hình ảnh bên trong xoáy nước là về độ cao từ đáy đến mặt sông: cao đến vài sải. Từ dưới đáy nhìn lên thấy một màu xanh ve của nước sông, cảm tưởng như đó là một khối thủy tinh được tạo bởi nước, vẻ đẹp bên trong khiến người ta xuýt xoa, bởi chẳng ai dám lại gần, chứ đừng nói mạo hiểm khám phá cả bên trong .
	Hình ảnh Sông Đà đoạn thác đá	1. Thác đá qua cảm nhận thính giác: - Thác đá khi ở xa: được cảm nhận qua bốn tính từ, van xin, khiêu khích, gằn, chế nhạo. Có thể nói, không như cách miêu tả âm thanh thông thường, với những từ chỉ âm thanh để miêu tả tiếng nước thác như ầm ầm, rào rào... mà nhà văn còn sử dụng những từ chỉ trạng thái, thái độ của con người để gán lên âm thanh tiếng nước thác. Với cách dịch chuyển này, nhà văn đã đem lại cho người đọc cảm giác, ở xa kia, không còn là thác nước nữa, chờ đón con thuyền

	chính là con quái vật hung hăng, đầy hiểm ác. - Thác đá khi lại gần: nó đã biến thành một tổ hợp trường đoạn âm thanh khủng khiếp, chưa từng thấy. Nó đem đến sự giật thột, cái bàng hoàng trước luồng âm thanh va đập, phồng thẳng vào màng nhĩ. Đi bóc tách các luồng âm thanh này, ta sẽ thấy lần lượt hiện lên: + Là tiếng rống của hàng ngàn con trâu mộng đang hoảng sợ, tiếng nổ của rừng vầu tre nửa bị cháy: với cấu tạo đặc biệt là rỗng ruột, khi cháy, vầu, tre, nửa sẽ có tiếng nổ lớn. Là tiếng xèo xèo của da 1 trâu cháy. Và đặc biệt nhất, đó là bước chân chạy của những con trâu mộng đang hoảng sợ, giẫm đạp, phá tuột, hoảng loạn. Ta có thể hình dung ra ngay khung cảnh hỗn loạn đó, với thân hình to lớn, hồn tôi hat đồ sộ, lại đông đảo, cùng chạy khỏi rừng lửa, những bước chân trâu không chỉ làm nên âm thanh, nó còn làm chấn động, làm trong chanh, rung chuyển cả không gian trên bờ, dưới mặt. + Qua mô tả âm thanh, có thể nói, chưa cần phải nhìn, ta đã cảm nhận được sự kHu vĩ của thác đá Sông Đà. Và bằng nghệ thuật miêu tả độc đáo: Lấy lửa tả nước, lấy rừng tả sông, Nguyễn Tuân đã cho ta thấy sức mạnh của ngòi bút tài hoa, của trí tưởng tượng tuyệt vời, của một bản lĩnh hiếm ai có. 2. Thác đá qua cảm nhận thị giác: - Cái nhìn khái quát; Chỉ bằng câu văn: “<i>Sóng bọt đã trắng xóa cả chân trời đá</i>”. Câu văn đã giúp ta cảm nhận được cả độ cao của thác và tính chất lòng sông. Để Sóng bọt tung trắng xóa cả không gian, trước hết thác phải rất cao, thứ hai lòng sông phải toàn đá, cở như vậy độ va đập khi nước chạm lòng sông mới làm văng lên những bọt nước, mới trắng xóa, che lấp cả tầm nhìn gần. Nhưng ấn tượng hơn là cụm từ “chân trời đá”. Cụm từ này nói lên hình ảnh thật kHu vĩ, bằng góc nhìn ra xa, lên cao, đến tận cuối chân trời, không nhìn thấy chân mây, hay mặt đất quen thuộc, mà chỉ thấy lổm ngổm, ngổn ngang toàn đá là đá, đá vươn dài, bỏ đến tận chân trời. - Cái nhìn cận cảnh: + Đá ở đây ngàn năm mai phục, lũ đá Sông Đà chính là những binh tướng lão luyện, dạn dày qua hàng trăm trận đánh, qua hàng nghìn năm tích lũy kinh nghiệm, do đó mà vô cùng dũng mãnh. Sở trường của chúng là ẩn nấp, mai phục.. + Thế đòn hiểm của đá là biết chồm cả dãy để vồ lấy thuyền, vô cùng bất ngờ, đẩy đổi phương vào thế bị động. Cách miêu tả của nhà văn thật kHu thú, trong hình dung của ông, sự dập dềnh của sóng nước phủ lấy đá, làm đá lúc ẩn, lúc chòi như sự mai phục, như thế đá biết nhào, về những con thuyền. Đặc biệt hơn, khi chiếu vào từng hòn đá, mới thấy từng hòn biểu lộ sắc thái, vẻ mặt riêng, không hòn nào giống hòn nào, nhưng đều có điểm chung là hung hăng, hiếu chiến. . + Đá ở đây không chỉ dạn dày trận mạc, cái ác hiểm nhất của chúng là cách sắp xếp thành trung vi thạch trận với ba vòng đầy hiểm ác. Vị tổng tư lệnh Sông Đà đã bày binh bố trận thành trận đồ bát quái đầy học hiểm, khó lòng mà vượt thoát. + Và trong con mắt nhà văn, khúc sông này, tựa như một khu căn cứ kiên cố, được cài đặt trong đó những boong ke chìm, pháo đài đá nổi, nhà văn gọi những con thuyền chèo qua đây là những con thuyền du kích, để nói khu căn cứ quân sự chết chóc ấy, đến dấu ấn của vị tổng tư lệnh Sông Đà - kẻ thù số 1 của con người nơi đây.
--	---

	Đánh giá bình luận	- <i>Người lái đò Sông Đà</i> chính là cuộc đồ bộ ngôn từ mà Nguyễn Tuân đã chỉ huy cực tài ba. Hai hình tượng Sông Đà và ông lái đò đã đáp gọi được nhiệt hứng, nguồn mạch của cây bút ham thích cái dị biệt. - Nguyễn Tuân đã huy động cả nghệ thuật văn chương - lẫn các hình thức nghệ
--	-------------------------------	---

		thuật khác như hội họa, điêu khắc, âm nhạc, sân khấu, vũ đạo, điện ảnh... Ông thường sử dụng nghệ thuật điện ảnh khiến cho những trang văn như pháp phòng, tạo sức gọi. - Chất tài hoa của Nguyễn Tuân còn ở cách sử dụng và huy động vốn Tiếng Việt thật tài tình. Tổ Hữu đã gọi Nguyễn Tuân là bậc “chuyên viên cao cấp của Tiếng Việt” quả không hổ danh.
--	--	--

ĐẤT LÀ MẸ

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

... “(1) Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho. Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thường thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ.

(2) Như vậy, chúng tôi mới cân nhắc những ý muốn mua mảnh đất này của Ngài. Nếu có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện - đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em.

(3) Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng tro trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

(4) Ngài phải dạy cho con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những năm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai, Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ Sóng đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình...”

(Trích “*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*” – Xi-at-ton, theo tài liệu *Quản lý môi trường phục vụ phát triển bền vững, dẫn theo Ngữ văn 6, tập 2*)

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chức năng nào? Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Nêu đề tài và mục đích của đoạn trích?

Câu 3. Nêu các phép liên kết được sử dụng trong phần (1) của đoạn trích?

Câu 4. Đoạn trích khơi gợi ở anh chị tình cảm gì? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Bằng hiểu biết của mình và qua ý kiến của người viết trong đoạn trích, hãy bàn luận về quan niệm: “Đất là Mẹ” và thái độ của con người ngày nay đối với đất đai (trong một đoạn văn khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích sức mạnh vùng lên giải phóng của nhân vật Mị trong đêm mùa đông giải cứu A phủ trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài. Liên hệ với hai câu thơ trong *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương:

“*Xiên ngang mặt đất rêu từng đám*
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn”.

Để nhận xét về sức mạnh tiềm tàng của các hình tượng nhân vật nữ trong văn học.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1.

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt chính luận. Vì văn bản này là bức thư trao đổi giữa vị thủ lĩnh với Tổng thống Mỹ Franklin, nêu quan điểm về vấn đề bán đất và bảo vệ môi trường sống của người

Đoạn trích khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tôn trọng tự nhiên và ý thức bảo vệ gìn giữ môi trường. Bởi vì:

- + Thiên nhiên là bà mẹ của cuộc sống trên Trái Đất này, mà con người chỉ là một phần của sự sống đó.
- + Tác giả nhắc đến thiên nhiên với thái độ trân trọng, quý giá.

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu chung về hình thức và kết cấu đoạn văn:

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Nêu được quan điểm cá nhân và bàn luận một cách thuyết phục, hợp lí.
- Đảm bảo bố cục: mở – thân – kết, độ dài 200 chữ.
- Lời văn mạch lạc, lô cuốn, đảm bảo chính tả và quy tắc ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Có nhiều hướng trình bày ý kiến, sau đây chỉ là một gợi ý:

Câu	Nội dung	Đoạn văn
Nêu vấn đề	+ Vấn đề + Giải thích	+ “Đất là Mẹ”: + Đất nghĩa hẹp là đất đai, nghĩa rộng là Trái Đất, tức mọi thứ của tự nhiên. + Mẹ ban cho mỗi người sự sống, chăm sóc và nuôi dưỡng cả thân thể và tâm hồn. Đất cũng vậy. Đất sinh ra con người, cho con
		người nơi ở, nước uống, thức ăn, đồ mặc,... Đất nuôi dưỡng tâm hồn con người bằng những đồi hoa, bằng những vườn trái chín, bằng con sông uốn lượn,... Quan niệm đúng đắn, cách ví von giản dị mà giàu sức gợi tả, dù hàng trăm năm vẫn ý nghĩa và thiết thực
Luận bàn	+Lí giải	+ Vì sao tác giả coi “Đất là Mẹ”? Vì đó là quan niệm từ cổ xưa: Đất mẹ, thần đất mẹ Gaia, Demete,... Vì Đất là khởi nguyên và liên quan trực tiếp đến sự sống con người. Cách so sánh gợi được vai trò của Đất với nhân loại. + Ngày nay, ta chưa hiểu được tầm quan trọng của đất, ta đang tàn phá đất đai, đó là tự hủy hoại mình.
Phản biện	Không thể không khai thác đất đai.	Khai thác đất đai là cần thiết cho cuộc sống, nhưng không vì thế mà tàn phá tài nguyên đất.

Giải pháp	Làm sao để bảo vệ đất?	+ Ý thức: bảo vệ đất đai là bảo vệ cuộc sống. + Cần phục hồi những miền đất bị con người biến thành khô cằn, sỏi đá. + Biện pháp khai thác bền vững.
Liên hệ	Bài học cho bản thân	Quý trọng đất đai, nhất là một đất nước có lịch sử văn hóa thân nông nghiệp.

Câu 2 (5 điểm)

Yêu cầu chung: 0.5 điểm

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, đầy đủ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ.
- Diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung: 4.5 điểm

ĐỌC HIỂU YÊU CẦU ĐỀ		
- Đối tượng chính, trọng tâm kiến thức: nhân vật Mị trong <i>Vợ chồng A Phủ</i> - Dạng bài: Phân tích, liên hệ - Yêu cầu: Làm nổi bật hình tượng Mị trong đêm mùa đông, liên hệ với Hồ Xuân Hương cùng khát vọng muốn bung toa, để thấy được những vẻ đẹp tiềm ẩn trong hình tượng người phụ nữ.		
TIẾN TRÌNH BÀI LÀM		
KIẾN THỨC	HỆ THỐNG Ý	PHÂN TÍCH CHI TIẾT
CHUNG 0,5 điểm	Khái quát vài nét về tác giả - tác phẩm	- Tô Hoài - nhà văn xuất sắc trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Nguyên Sen là tên khai sinh của ông, là người con của mảnh đất Hà Thành văn hiến nhưng ông lại được sinh ra và có tuổi thơ gắn với 11 thờ gia tác làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông chính là quê ngoại của Tô Hoài. Là nhà văn giỏi về phân tích diễn biến tâm lý nhân vật, về miêu tả thiên nhiên, các phong tục tập
		quán, tác phẩm của Tô Hoài luôn hấp dẫn người đọc bởi lối kể chuyện hóm hỉnh, sinh động, bởi vốn từ vựng giàu có. - <i>Vợ chồng A Phủ</i> là truyện ngắn thành công nhất trong ba truyện ngắn viết về đề tài Tây Bắc của ông. Tác phẩm có một giá trị hiện thực và nhân đạo đáng kể. <i>Vợ chồng A Phủ</i> in trong tập truyện <i>Tây Bắc</i> (1954). Tập truyện được tặng giải nhất - giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Tác phẩm ra đời là kết quả của chuyến đi thực tế của nhà văn cùng với bộ đội giải phóng Tây Bắc năm 1952. Tác phẩm thể hiện chân thực, xúc động về cuộc sống cơ cực, tủi nhục của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến cũng quá trình giác ngộ cách mạng, tự vùng lên giải phóng cuộc đời.

TRỌNG TÂM 4,0 điểm		Trong thân phận người con dâu trừ nợ, thời gian ban đầu về làm dâu nhà thống Lý, đã có lúc Mị tìm đến cái chết để giải thoát, bởi người con gái ấy cảm nhận được cái đau khổ, cái tuyệt vọng. Chết như một cách chống lại thực tại dồn ép, đè nén, để giải thoát khỏi những đau khổ, dù có là tiêu cực. Đêm mùa xuân, khi Mị lắng nghe tiếng sáo gọi bạn: tiếng sáo ấy như gõ vào trong ký ức của Mị, làm ký ức sống lại. Làm trỗi dậy niềm khát khao lâu nay nguội lạnh. Mị muốn đi chơi. A Sử trở về và trói Mị, Mị không biết mình bị trói, cô gái ấy đang chìm trong quá khứ tươi đẹp. A Sử có thể trói được thân thể ấy, nhưng không thể trói được tâm hồn, trói được khao khát tự do đang bùng lên. Mị và A Phủ “gặp nhau” tại nhà thống lý. Người thì là con dâu gạt nợ. Người vì tội đánh con quan mà trở thành người “vay nợ, ở nợ”, Cả hai đều là con trâu, con ngựa của nhà thống lý. Chính cảnh ngộ, tình thương và lòng căm thù đã thức tỉnh ý thức Mị, tâm hồn Mị. Ban đầu, Mị còn chẳng cảm nhận thấy nỗi đau của mình, vì thế mà người con dâu trừ nợ thấy đứng đưng khi A Phủ bị trói. Có lẽ, sống lâu trong cái khổ đã khiến Mị chai sạn đi. Thế nhưng, khi Mị “<i>lẻ mắt trông sang</i>”, Mị xúc động nhìn thấy “<i>một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm mắt đã xám đen lại</i>” của A Phủ. Mị nhớ lại đêm năm trước, A Sử cũng trói đứng Mị như thế Mị khẽ thốt lên lời than: “<i>Trời ơi!...</i>” Mị nguyên rủa cha con thống lý: “<i>chúng nó thật độc ác</i>”. Bao cảnh thương tâm đồng hiện trong tâm hồn Mị: bắt trói đúng người ta đến chết, nó bắt mình chết cùng thôi, nó bắt trói chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Giọt nước mắt A Phủ làm thức tỉnh Mị, thức tỉnh cái khổ đau mà lâu nay tưởng chai lì. Mị tự thương cảnh ngộ mình; thương A Phủ trên bờ vực thẳm, khi tử thần đã gõ cửa: “<i>Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết sức chỉ đau, chết đói, chết rét, phải chết</i>”. Mị nghĩ về thân phận mình, tưởng Loa ngh e B như là cam chịu: “<i>Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi...</i>”. Mị ý thức được A Phủ không thể chết, “<i>việc gì mà phải chết thế</i>”. Con đường thức tỉnh của con người thức tỉnh là con đường vòng, có lúc ngập ngừng do dự, có lúc quyết liệt. Mị cũng thế, Mị tưởng tượng A Phủ trốn thoát, Mị sẽ bị trói trên cái cọc oan nghiệt ấy! Hình Trang chủ Trang Bán như bóng tối cho Mị sức mạnh, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ. Thương người cùng khổ, cùng cảnh ngộ. Mị đã đi đến hành động rất nhanh: cắt dây trói cứu A Phủ rồi cùng A Phủ bỏ trốn. Hành động ấy là hành động đồng thời phản ánh quá trình thức tỉnh và đấu tranh của Mị. Đấu tranh vì Mị đã dám chống lại cả cường quyền và thần quyền. Đấu tranh để tìm đến tự do, thoát khỏi địa ngục đọa đày.
	Liên hệ với	<i>“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám</i>

	Tự tình II	<i>Đâm toạc chân mây đá mấy hòn”</i> - Qua lời tự tình trào dâng bao xúc cảm, Hồ Xuân Hương đã nêu lên thân phận của kiếp làm lẽ với những tủi hờn, uất ức, với bao khát trong lực là khao hạnh phúc nhưng dường như luôn quá tâm với. Đặc biệt là khát thứ n nhất tình) vọng mạnh mẽ trong hai câu luận. - Rêu, đá cũng là ẩn dụ cho sức sống, cho nỗi niềm phần uất của của nhân vật trữ tình. Nếu như “mặt đất”, “chân mây” là ẩn dụ cho lẽ thói, cho những định kiến đã trở thành cố hữu thì nhà thơ muốn “xiên ngang”, “đâm toạc” những định kiến đã thít chặt quanh những người phụ nữ ấy. Đó là niềm phần uất cho thân phận, số kiếp. - Hồ Xuân Hương dù thông minh tài sắc, dù đầy cá tính vẫn chẳng thể đi ra ngoài kiếp bạc mệnh ấy. Nhưng khác với những người phụ nữ khác, ôm niềm riêng trong hờn tủi, rồi xuôi theo số phận, cam chịu cho cuộc đời đã an bài. Với nữ sĩ, bà cương quyết chống lại, bà căm hờn phản kháng. Chỉ là người phụ nữ “chân yếu tay mềm” nhưng nữ sĩ muốn đổi trời cả hệ thống lễ giáo phong kiến, muốn dỡ bỏ nó, muốn phá tung đi những định kiến đã trói buộc cuộc đời người phụ nữ.
	Bàn luận đánh giá	- Có thể thấy, dù là xưa hay nay, người phụ nữ luôn ẩn chứa sức sống đánh giá mãnh mẽ, sức mạnh tiềm ẩn. Qua nhân vật Mị, người vợ lẽ trong <i>Tục tình II</i>, các tác giả đã làm hiện lên vẻ đẹp của một sức sống tiềm tàng mãnh liệt của người phụ nữ người phụ nữ Việt Nam. Sức sống tiềm tàng ấy giúp nhà văn khẳng định được sức mạnh của tâm hồn con người Việt Nam và chân lí muôn đời: Ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh. - Tuy nhiên, điểm khác nhau giữa hai hình tượng, cũng là sự khác biệt của lăng kính thời đại. Với thế kỷ XVIII, khi xã hội phong kiến tuy đã suy nhưng vẫn còn vững chắc với những định kiến hà khắc, thì người phụ nữ cá tính như Hồ Xuân Hương dù vùng lên lại bị nhấn chìm trong hố sâu của tuyệt vọng, ngao ngán. Trái lại, với Vợ chồng A Phủ, đó là người phụ nữ của thời đại mới, một thời đại mà cường quyền, thần quyền phải bị dỡ bỏ. Và Mị chính là bàn tay đại diện, để cắt đứt những sợi dây trói đó.

Chú giải:

1. Con nhà kiêu dưỡng: con nhà giàu sang, được cha mẹ chiều chuộng.
2. Tac vắn: vắn nhẽ, có văn hóa.
3. Nhấn nhục: ở đây ý nói là chịu đựng gian khổ.